VŨ NGỌC PHAN

TỤC NGỮ CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TỤC NGỮ CA DAO
DÂN CA VIỆT NAM

VŨ NGỌC PHAN

TỤC NGỮ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

LỜI NÓI ĐẦU

Văn học dân gian Việt Nam gồm hai phần lớn: phần truyện (thần thoại, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười) và phần tục ngữ, ca dao, dân ca. Phần tục ngữ, ca dao và dân ca là phần đặc biệt phong phú. Chỉ kể dân ca, mỗi địa phương cũng đã có những loại dân ca riêng của mình, như Hà- Bắc có quan họ Bắc- ninh, Vĩnh Phú có hát xoan, hát ghẹo, Phú-thọ, Nam- Hà có hát giặm, Hà - nam và Nghệ - an, Hà - tĩnh cũng đều có hát giặm (mà hát giặm Hà - nam không giống hát giặm Nghệ- Tĩnh chút nào); ngoài ra còn có hát về các nghề (như hát phường vải, phường cấy, hát dân chài...), hát đúm, hát ví, hát trống quân, hát xẩm rải rác ở nhiều nơi. Có thể nói mỗi vùng gồm nhiều tỉnh lân cận đều có một vài loại dân ca riêng biệt, thêm vào đó nhiều thể loại khác đã phổ biến khắp trong nước. Còn tục ngữ, thành ngữ, ca dao, câu đố cũng phong phú vô cùng, từ vùng này sang vùng nọ đã có những câu khác nhau, nhiều câu cùng một nội dung, nhưng lời hoàn toàn khác, một số chi tiết cũng khác do điều kiện địa lý và phong tục, tập quán.

Về truyện cổ dân gian, từ thế kỷ XIV, Lý Tế Xuyên đã sưu tập, biên soạn *Việt điện u linh*, Vũ Quỳnh và Kiều Phú (thế kỷ XV) đã chỉnh lý và bổ sung *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp, tập Thánh tông di thảo cũng biên soạn từ thế kỷ XV, Nguyễn Dữ cũng biên soạn *Truyện kỳ mạn lục* từ thế kỷ XVI. Tiếp sau đó, còn nhiều công trình sưu tập, biên soạn về truyện dân gian hầu hết bằng chữ Hán như trên cho mãi đến cuối thế kỷ XIX. Trong một thời gian khá

dài, tức từ cuối thế kỷ XIII (thời mà Hàn Thuyên bắt đầu làm thơ nôm) cho đến hết thế kỷ XIX, trong 600 năm, ngoài những tập truyện dân gian biên soạn bằng chữ Hán trên đây, chúng ta đã không có tập truyện nào bằng văn xuôi được ghi chép bằng chữ nôm.

Còn phần văn vần trong văn học dân gian thì công việc sưu tập biên soạn mới thấy có từ ngót hai trăm năm trở lại đây. Vào nửa cuối thế kỷ XVIII, Trần Danh Án (hiệu Liễu Am) sưu tầm và biên soạn *Quốc phong giải trào,* rồi vào đầu thế kỷ XIX, Ngô Đình Thái (hiệu Tùng Hiên) tiếp tục sưu tập và biên soạn *Nam phong giải trào* và *Nam phong nữ ngạn thi.* Các soạn giả trên đây đã ghi chép tục ngữ ca dao bằng chữ nôm, rồi dịch ra chữ Hán và chú thích, có ý đem ca dao Việt Nam so sánh với thơ "quốc phong" trong Kinh Thi của Trung- quốc. Vào cuối thế kỷ XIX và sang đầu thế kỷ XX, người ta thấy những sách chữ nôm sau đây về tục ngữ ca dao: *Thanh- hoá quan phong sử* của Vương Duy Trinh (hiệu Đạm Trai); An-nam phong thổ thoại của Trần Tất Văn (hiệu Thiên Bản cư sĩ); *Quốc phong thi hợp thái* của Nguyễn Đăng Tuyển (hiệu Tiên Phong và Mộng- liên- đình); *Việt Nam phong sử* của Nguyễn Văn Mại (tự Tiểu Cao); *Đại Nam quốc tuý* của Ngô Giáp Đậu (hiệu Tam Thanh); *Nam quốc phương ngôn tục ngữ bị lục* (vô danh); và những sách quốc ngữ sau đây về tục ngữ ca dao: *Nam ngạn trích cẩm* của Phạm Quang Sán (hiệu Ngạc Đình); *Gương phong tục* (đăng trong *Đông-dương tạp chí)* của Đoàn Duy Bình; Tục ngữ phong dao của Nguyễn Văn Ngọc.[1]

Về những sách trên này, Nguyễn Văn Ngọc viết: "Những sách này làm, hoặc không theo trật tự nào, hoặc đối nhau hai câu một, hoặc chia ra từng mục: trời đất, năm tháng, tiền của, văn học; từng

(1) *Tục ngữ phong dao* (hai tập) của Nguyễn Văn Ngọc- Vĩnh Hưng Long thư quán xuất bản lần đầu năm 1928 tại Hà-nội. Nhà xuất bản Bốn phương in lần thứ hai, năm 1952 ở Sài- gòn. Nhà xuất bản Minh Đức in lần thứ ba năm 1957 ở Hà- nội.

thiên: *Sơn- tây, Lạng- sơn, Tuyên- quang, Thừa- thiên; từng chương: Tống - sơn, Nga - sơn, Hoằng - mỹ, Hậu - lộc,* hoặc lại xếp theo từng thời đại các triều vua... Những câu chép trong sách thường không có chú thích, phê bình. Tựu trung một đôi quyển cũng gọi là có cắt nghĩa qua từng câu hoặc kê cứu lai lịch của cả các câu mà ghép cho câu nào cũng như có can thiệp đến lịch sử nước nhà. Kể như thế, những sách tục ngữ phong dao không phải là hiếm. Nhưng đáng tiếc rằng hiện có nhiều quyển chỉ mới là sách viết, bỏ quên trong một thư viện nhà nào, chứ chưa từng đem ra công bố, ấn hành... Còn một hai quyển đã xuất bản cứ như chúng tôi xem, thì góp nhặt chưa có phần dồi dào, chắc chắn, mà xếp đặt cũng chưa lấy gì làm tinh tế hoàn hảo"[1]

Biên soạn quyển *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* này (chúng tôi thêm hai chữ ca dao vào sách cho được đầy đủ hơn), chúng tôi đã tự sưu tập một phần ở địa phương, còn phần khác đã được nhiều anh chị em văn nghệ hoặc đọc cho nghe, hoặc gửi cho tài liệu, mà những tài liệu ấy thật phong phú: nó có phần của miền Nam Trung- bộ, miền Bắc Trung - bộ, nó có phần của Nam- bộ, của Bắc- bộ và cả một ít tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi nữa; đồng thời, chúng tôi lại lựa chọn một số tục ngữ, ca dao và dân ca đã in trong các sách báo xuất bản ở miền Bắc và miền Nam[2]. Quyển sách này được in ra lần đầu năm 1956; sau đó, mỗi lần tái bản đều được bổ sung ít nhiều.

---

(1) *Tục ngữ phong dao* (tập trên) của Nguyễn Văn Ngọc (in lần thứ hai) trang X và XI. Nhà xuất bản Bốn phương - 1952, Sài- gòn.

(2) *Tục ngữ phong dao* (2 tập) của Nguyễn Văn Ngọc. *Ngạn ngữ phong dao* của Nguyễn Can Mộng (do hội A-léc-dăng-đơ Rốt xuất bản năm 1941). *Hương hoa đất nước* của Trọng Toàn (Nhà xuất bản Dân chủ, Sài- gòn, 1949). Hát giặm Nghệ Tĩnh của Nguyễn Đổng Chi (Tân Việt xuất bản năm 1944 tại Hà- nội). *Littérature annamite* của Cordier (1925). Báo Cứu quốc (những số trong năm 1952 ở Việt- bắc). *Tạp chí Phổ thông* xuất bản ở Sài- gòn (1952- 1953). *Những bài hát quan họ*

Những tục ngữ, ca dao, dân ca sưu tập trong quyển này đều xuất hiện từ thời kháng chiến chống Pháp trở về trước. Những tục ngữ, ca dao- nhất là ca dao- xuất hiện từ ngày hoà bình được lập lại (1954) đến nay có nhiều biến đổi về cả nội dung lẫn hình thức, chúng tôi muốn dành cho một quyển nghiên cứu khác.

Về quyển *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam,* với những tài liệu như vậy, nếu có thể phân tích được thật sâu từng câu, từng bài, tìm cho thấy được khía cạnh chính của nó mà sắp xếp, và nếu lại có thể tìm thời kỳ xuất hiện của nó và hoàn cảnh nó nảy sinh thì chúng tôi thấy là chu đáo vô cùng.

Chúng tôi nhận thấy rằng muốn làm được như thế, những điều kiện về thời gian, về tổ chức thư mục, về chỉnh lý tại chỗ (tức ở địa phương) cần phải đặt ra, mà hiện nay chúng tôi chưa thể làm được. Muốn phục vụ trong một chừng mực nhất định cho những người làm công tác nghiên cứu văn học có một số tục ngữ, ca dao và dân ca để tham khảo, chúng tôi sưu tập biên soạn cuốn *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* nhỏ này.

Chúng tôi nhận thấy vấn đề lựa chọn, sắp xếp không chỉ đơn thuần là vấn đề phân loại theo một kỹ thuật nào mà là sắp xếp theo

---

do Nguyễn Đình Phúc sưu tầm (Ban nghiên cứu nhạc vũ). *Ca dao, ngạn ngữ* của J. Trần Công Hoan (Editions Hương Phong- 1939, Hải phòng). *Những tài liệu về dân ca* (tài liệu in rô-nê-ô của Nhà xuất bản Quân đội nhân dân). *Dân ca quan họ* của Ban nghiên cứu âm nhạc dân gian (Vụ nghệ thuật - 1959, tài liệu in rô- nê-ô). *Dân ca quan họ Bắc Ninh* của Nguyễn Văn Phú- Lưu Hữu Phước- Nguyễn Viêm-Tú Ngọc (Nhà xuất bản Văn hoá- 1962), *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi (Nhà xuất bản Văn Sử Địa - 1956). Ca dao sưu tầm ở Thanh - hoá của Nhóm Lam- sơn (Nhà xuất bản Văn học - 1963). *Ca dao kháng chiến* (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân - 1961). *Dân ca miền Nam Trung- bộ,* 2 tập, của Trần Việt Ngữ- Trương Đình Quang (Nhà xuất bản Văn học - 1963). *Hợp tuyển thơ văn yêu nước* (1858- 1900) (Nhà xuất bản Văn học - 1970). *Ca dao ngạn ngữ Hà - nội* (Hội Văn nghệ Hà- nội xuất bản- 1971). *Dân ca Bình Trị Thiên* (Nhà xuất bản Văn học - 1967).

nội dung của tác phẩm văn học cho đúng.Vì lẽ đó, sau khi đã có những mục nhận định thế nào là tục ngữ, ca dao và dân ca, chúng tôi sắp xếp *tục ngữ, ca dao* theo nội dung, còn *dân ca* thì đặt riêng hẳn một chương, lý do là trong dân ca, có cả tục ngữ và ca dao. Sắp xếp theo nội dung đòi hỏi người biên soạn phải có một quan điểm khoa học và một lập trường chính trị tương đối vững. Trên nhận thức thì như vậy, nhưng khi bắt tay vào việc, trước những tài liệu bề bộn, phức tạp, lại một số chưa đầy đủ, chưa thật chính xác, chúng tôi nhận thấy mình cũng chỉ mới đạt tới một trình độ thấp trong việc sắp xếp theo nội dung, vì phần nhiều mỗi câu tục ngữ, mỗi bài ca dao, dân ca đều nói lên nhiều khía cạnh, cần phải cân nhắc thật kỹ mới có thể đặt đúng chỗ của nó, tức nhận định được đúng nội dung chính của nó để sắp xếp.

Trong quyển *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* in lần thứ bảy này, mục *Dân ca Nam - bộ* và phần *Tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi,* chúng tôi vẫn để nguyên như cũ, chưa bổ sung được, vì có bổ sung thì phải bổ sung nhiều. Khuôn khổ quyển sách chưa cho phép chúng tôi làm hơn.

Để tiện việc tra cứu, chúng tôi chia quyển *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* này làm sáu phần:

Phần thứ nhất: *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam,* nói về nội dung và hình thức nghệ thuật của tục ngữ, ca dao, dân ca và mối liên quan giữa những loại hình văn học dân gian này với văn học thành văn.

Ở phần hai: "Quan hệ thiên nhiên", chúng tôi cố gắng sắp xếp tục ngữ, ca dao trên quan điểm lao động, từ chỗ con người ta mới đầu còn tin nhiều ở sức trời, cho đến chỗ dần dần càng tin ở sức mình, vì đã có kinh nghiệm trong quá trình đấu tranh sản xuất, rồi cuối cùng là quyết tâm vượt khó, cùng nhau đoàn kết đấu tranh thì lao động tập thể cải tạo được thiên nhiên, đem lại đời sống tươi vui cho xã hội, trong đó có phần của bản thân và gia đình mình.

Ở phần ba: "Quan hệ xã hội", chúng tôi chia ra những mục theo nội dung các câu tục ngữ, các bài ca dao, như các mục: Tình yêu nam nữ, Hôn nhân và Gia đình, Tư tưởng của nhân dân đối với giai cấp phong kiến, đối với thực dân đế quốc xâm lược, và sau đó đến mục "Ca dao kháng chiến chống Pháp".

Phần bốn gồm một chương về "Dân ca"; phần năm là chương về "Tục ngữ, ca dao của đồng bào miền núi" và phần sáu là phần "Kết luận".

Mục đích của quyển sách này là phục vụ văn học, nên hầu hết những bài dân ca trích tuyển, chúng tôi đều tước hết những tiếng đệm lót, đệm nghĩa, tiếng đưa hơi và tiếng láy cùng điệp khúc, nên nhìn chung về ngôn ngữ và hình thức thì ca dao, dân ca không khác gì nhau.

Trong điều kiện tài liệu chưa kiểm tra được thật khoa học, trong điều kiện eo hẹp về diện sưu tập, về thời gian nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy quyển *Tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam* này còn nhiều thiếu sót, mong các bạn góp cho chúng tôi nhiều ý kiến xây dựng, để quyển sách được tốt hơn trong lần in sau.

Hà - nội, ngày 15 tháng tư năm 1971

Vũ Ngọc Phan

I
TỤC NGỮ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM

A. CÓ THỂ TÌM XEM TỤC NGỮ CA DAO CỦA TA XUẤT HIỆN VÀO NHỮNG THỜI KỲ NHẤT ĐỊNH NÀO KHÔNG?

So với thần thoại và truyền thuyết thì ca dao có một hình thức văn nghệ tưởng như mới hơn và cao hơn. Nhưng tục ngữ ca dao, theo ý chúng tôi, cũng xuất hiện cùng thời với thần thoại và truyền thuyết. Theo nhận định của Lỗ Tấn, khi đẩy một vật gì nặng, một người hò lên mấy tiếng "Rô ta" nhịp nhàng, thì đó cũng là sáng tác, và nếu tất cả mọi người khác cũng hò: "Rô ta" thì đó là một cách "xuất bản". Như vậy, ca hát có rất sớm, nó xuất hiện trong lao động từ thời cổ sơ và hình thức thô sơ của nó đã được sửa đổi qua các thế hệ của loài người.

Văn học phản ánh kinh tế và chính trị của một thời đại. Như vậy, văn học nào cũng thế, dù là văn học dân gian, đều có nói lên trong một chừng mực nhất định, những tình cảm, tư tưởng của tác giả trong hoàn cảnh xã hội mà tác giả đã sống.

Vậy đối với cái rừng tục ngữ ca dao của ta, chúng ta làm thế nào biết được những câu và những bài xuất hiện vào một thời cổ nhất?

Nghiên cứu về sử liệu Việt Nam trong ngôn ngữ, có người đã kể câu: *"Năm cha ba mẹ"* và viết: "... Ta có thể ngờ rằng đó là nhắc lại cái tình trạng tạp giao hay cái tình trạng chồng chung vợ chạ. Đến như: *Sinh con rồi mới sinh cha, sinh cháu giữ nhà rồi mới sinh ông.* Câu này thì rõ ràng lắm, nó tóm tắt cái quá trình tạp giao từ mẫu hệ, rồi đến phụ hệ. Thời kỳ tạp giao chỉ biết có mẹ đẻ ra con mà thôi,

hoàn toàn không biết cha là ai, vả lại bấy giờ cũng hoàn toàn không có cái danh từ cha nữa"[1]. Chúng ta thấy rằng nếu cái từ cha chưa có, thì những câu trên này, chỉ có thể xuất hiện vào một thời sau nào đó.

Nhưng thời sau đó là thời nào? Vì tính chất truyền khẩu của những câu chuyện thời xưa, những câu ca dao nói lên những câu chuyện ấy không cứ phải xuất hiện vào một thời gần sát với thời có câu chuyện. Bởi vậy, chỉ riêng nội dung câu hát không đủ chứng tỏ câu ấy xuất hiện vào một thời cổ nào, mà cần phải xét đến cả lời nữa, vì về văn học, sự tương quan mật thiết giữa nội dung tư tưởng và hình thức câu văn rất là quan trọng. Theo ý chúng tôi, những tục ngữ ca dao mang một nội dung rất cổ, lại dùng những tiếng cổ nhất, mộc mạc nhất, có thể là những câu, những bài cổ nhất.

Từ lâu tiếng Việt Nam ta đã là một thứ tiếng độc lập. Sử cũ Trung - quốc có chép: "Về đời vua Thành vương nhà Chu (1109 trước công lịch), có nước Việt- thường ở phía nam Giao- chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống. Phải phiên dịch ba lần mới thông hiểu được tiếng nhau".

Theo các nhà ngôn ngữ học, thứ tiếng nói tối cổ của dân tộc ta, do sự tiếp xúc giữa các dân tộc, đã chịu ảnh hưởng các tiếng Ấn-độ, Mã-lai, Thái, Trung-quốc; còn cụ thể ra, tiếng nói tối cổ ấy như thế nào, nó có giống tiếng Việt Nam ta nói bây giờ không thì vẫn chưa rõ.

Mãi cuối thế kỷ thứ VIII, sau khi Phùng Hưng chết, nhân dân lập đền thờ ông và suy tôn là " Bố Cái đại vương"[2], người ta mới căn cứ vào hai chữ bố cái mà nói: tiếng Việt Nam ta vào thời Phùng Hưng tuy chưa phát triển mấy, nhưng cũng đã giống thứ tiếng chúng

---

(1) Bài *"Thử tìm sử liệu Việt Nam trong ngữ ngôn"*- Tập san nghiên cứu Văn Sử Địa, *số 3, trang 40- năm 1954.*

(2) Sách Việt sử thông giám cương mục tiền biên *giải thích: tục xưa gọi cha là bố gọi mẹ là* cái.

ta nói ngày nay. Chữ bố hiện nay vẫn còn thông dụng, chỉ có chữ cái bây giờ chỉ vào loài vật nhiều hơn là chỉ vào người.

Ta vẫn còn câu tục ngữ:

Con dại, cái mang.

Câu này có thể là rất cổ, nói đến thời mẫu hệ: những hành động của con, người mẹ chịu hoàn toàn trách nhiệm. Nó không giống câu: "Con hư tại mẹ" chỉ để chỉ vào những đứa con nhỏ được mẹ nuông chiều. Nhưng con câu trên này xuất hiện vào thời nào thì chúng ta cũng không ức đoán được, mà chỉ biết nó là một câu cổ về cả nội dung lẫn hình thức.

Lại có câu: *"Con mống, sống mang"* chỉ vào thời phụ hệ. Câu này cũng là một câu cổ, còn nó xuất hiện vào thời nào, chúng ta cũng chưa biết được. Chữ mống đây có nghĩa là nổi lên, làm một việc chống đối gì. Còn *sống* chỉ vào cha (*sống, mái* tức đực, cái). Câu trên này có nghĩa là: con làm việc gì thì cha phải chịu trách nhiệm. Gia trưởng có quyền hành trong gia đình, nên khi trong gia đình xảy ra việc gì thì bọn thống trị tróc vào đầu gia trưởng.

Vấn đề nhận định những chữ nào là cổ trong lời ca cũng chỉ là một vấn đề chúng ta có thể giải quyết trong một phạm vi rất hẹp. Nhưng xét cho cùng, nội dung bài ca vẫn là phần quan trọng. Vì chỉ nội dung mới nói lên cho ta biết tư tưởng và tình cảm của người lao động. Những bài ca dao: *Lạy ông nắng lên..., Lạy trời mưa xuống... Tay cầm con dao, làm sao cho sắc*...v...v.. đều là những bài mà nội dung của nó rất cổ. Về hình thức thì những câu hai chữ một, phần nhiều cũng có thể coi là những câu cổ. Thí dụ: *Cơm no, bò cười: Cơm tẻ, mẹ ruột; Bán vợ, đợ con; Cơm đồ, nhà gác: Nước vác, lợn thui; Ngày lui, tháng tới*... và những câu bốn chữ một, như chúng tôi vừa dẫn trên đây.

B. NHỮNG "CA DAO LỊCH SỬ" THỰC CHẤT NÓ NHƯ THẾ NÀO?

Trong ca dao của ta, có một số ca dao người ta quen gọi là "ca dao lịch sử". Sự thật thì văn học nói chung, như chúng tôi đã nói trên, đều phản ánh chính trị và kinh tế một thời đại, cho nên ca dao của ta, một bộ phận lớn trong văn học dân gian truyền miệng, cũng có tác dụng phản ánh như những văn học thành văn.

Theo báo cáo của nhà thơ Xuân Diệu, sang thăm Hung-ga-ri trở về, trong một buổi họp với các văn nghệ sĩ Việt Nam năm 1956, thì ở nước bạn chúng ta, các nhà nghiên cứu văn học dân gian đã sưu tập được tám vạn bài dân ca, và trong số này, sáu vạn bài đã có đủ lý lịch, nghĩa là người ta đã biết nó xuất hiện vào thời nào, do những nhân dân nào ca hát vào trường hợp nào, ở vùng nào, v.v.. Lẽ tự nhiên là những dân ca của ta cũng xuất hiện vào những thời kỳ nhất định trong lịch sử, nhưng hiện nay chúng ta chưa làm được như nước bạn, vì những lý do sau đây:

1. Tục ngữ, ca dao của ta ít nói đến tên người, tên đất; ít nói đến những biến chuyển lớn trong xã hội;

2. Tục ngữ, ca dao của ta nói nhiều đến thiên nhiên, đến tình duyên, đến gia đình, đến lao động và sản xuất, mà những cái này thì suốt trong thời kỳ phong kiến dài dằng dặc hàng nghìn năm, tuy có thay đổi nhưng thay đổi rất chậm, nên đã không thể hiện được rõ ở nội dung bài ca. Thí dụ nói về hạn, về lụt, về mưa, bão, về tát nước, cấy cày, về yêu thương, nhớ nhung, về công cha nghĩa mẹ, về sự áp bức của giai cấp thống trị, thì trong suốt thời kỳ phong kiến đều có,

nên rất khó mà đặt được một bài ca dao thuộc các loại ấy vào một thời gian nhất định và chính xác.

3. Tục ngữ, ca dao của ta, có nhiều câu, nhiều bài, qua nhiều thế hệ, và tuỳ theo từng địa phương, đã bị sửa chữa cả về hình thức và nội dung, không còn nguyên vẹn nữa.

Trở lại những ca dao người ta thường gọi là "ca dao lịch sử", xem tính chất sử của nó như thế nào? Phần nhiều những ca dao này đều nói đến cá nhân những nhân vật thuộc giai cấp thống trị và nói rất ít đến những sự kiện lịch sử, những biến đổi trong xã hội. Xét về hình thức câu văn, nó có thể như *Đại Nam quốc sử diễn ca*, nghĩa là nó mới sáng tác vào những giai đoạn lịch sử không xa ta lắm.

Thí dụ, trong những thần thoại của ta, thần thoại *Lạc Long quân và Âu Cơ* là một thần thoại nói về dòng giống quang vinh của tổ tiên ta. Căn cứ vào thần thoại ấy, đời sau mới có câu ca dao:

Chàng về thiếp một theo mây,
Con thơ để lại chốn này ai nuôi?

Âu Cơ là dòng dõi tiên, có thể đi mây về gió, nàng muốn theo mây để được gặp rồng (Lạc Long quân), nhưng lại vướng đàn con nhỏ ở núi. Xét về hình thức câu văn thì hai câu trên này có cái giọng văn như ở *Đại Nam quốc sử diễn ca*, nên chúng tôi ngờ tác giả của nó là người thuộc tầng lớp nho sĩ và nó cũng mới được sáng tác vào một thời không xa chúng ta mấy. Lại có những câu thành ngữ như: *rồng mây gặp hội, bèo hợp mây tan, rồng ngược mây xuôi, v.v...* căn cứ vừa vào thần thoại trên này vừa vào điển tích lấy ở sử sách Trung quốc. Rồi những đôi tình nhân, những cặp vợ chồng lâu ngày xa cách, được gặp nhau trong chốc lát, cũng dùng những điển tích ấy để tả những nỗi ly biệt, nhớ thương:

Mấy khi rồng gặp mây đây,
Để rồng than thở với mây vài lời.
Nữa mai rồng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời rồng mây!

Thời cổ, có lẽ tổ tiên chúng ta đã lấy làm tự cao về dòng giống của mình, khinh thường những thị tộc khác, coi là kém mình. Về sau, trong thời phong kiến, vấn đề dòng giống vẫn là vấn đề được giai cấp thống trị chú ý và đề cao, nên đã có câu:

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu điu lại nở ra dòng liu điu[1].

Đã có những ca dao dựa vào thần thoại thì cũng có những ca dao dựa vào truyện cổ tích lịch sử. Trong ca dao của ta, mây thường chỉ vào thần, tiên hay rồng. Có hai câu ca dao sau này tả cảnh thiên nhiên rất đẹp:

Tạnh trời, mây cuốn về non,
Hẹn cùng cây cỏ chớ còn mong mưa.

Mây và cây cỏ cũng có tình với nhau, thể hiện ở những hạt mưa sa, tắm mát cho cỏ cây, nhưng sự sung sướng chỉ có hạn, và đây là giờ phút mây phải bay về núi... Nhưng do "nghĩa hoang đường" của tiếng mây, người ta đã gán ghép hai câu này vào Thánh Gióng: dẹp giặc xong viên tướng tiêu biểu sức kháng chiến anh hùng của dân tộc ta, bay về trời, hẹn với nhân gian đừng trông đợi gì nữa, nhiệm vụ của ông như thế là xong. Nhưng dù chỉ vào Thánh Gióng đi nữa và không phải tả đơn thuần thiên nhiên, xét về hình thức câu văn, hai câu ca dao trên đây cũng không phải hai câu cổ.

Hằng năm, ở miền Bắc nước ta, cứ vào cuối hè sang thu, sông Hồng lại có nước lớn. Xưa kia, không mấy năm đồng bằng Bắc- bộ tránh được nước lụt. Cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống lụt đã diễn ra trong nhiều thế kỷ và đã được thể hiện ở truyện Sơn tinh, Thuỷ tinh rất phổ biến trong cả nước và từ đó đã có câu ca dao:

---

(1) Liu điu là một giống rắn thần lằn có bốn chân, tuy hơi giống rồng (rồng cũng bốn chân theo truyền thuyết và các bức hoạ cổ) nhưng liu điu lại là một giống rắn bé tý và nhát gan đệ nhất, hơi có tiếng động là chạy. Lê Quý Đôn đã có câu thơ: "Chẳng phải liu điu cũng giống nhà..."- Thơ Rắn đầu.

Núi cao, sông hãy còn dài
Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen.

*

Trong tục ngữ ca dao của ta, có nhiều câu nói lên tình hình sinh hoạt của người bình dân ở trình độ rất thấp. Phân tích ra, chúng ta thấy trạng thái sinh hoạt ấy có thể cũng rất xa chúng ta hiện nay. Thí dụ những câu ca dao sau này:

Thấy anh, em cũng muốn theo,
Em sợ anh nghèo, anh bán em đi!
Lấy anh em biết ăn gì?
Lộc sắn thì chát, lộc si thì già.
Lấy anh không cửa, không nhà,
Không cha, không mẹ, biết là cậy ai!

Thật là một tình cảnh rất khổ cực của người dân lao động nước ta thuở xưa. Vậy nội dung bài ca trên này nói cho ta biết đó là một tình trạng vào thời nào trong lịch sử nước ta? Con người nói đến trong lời ca rất là cùng cực; ở vào một hoàn cảnh xã hội nào đó, người ấy có thể công khai bán vợ, vì nỗi "không cửa, không nhà, không cha, không mẹ" và vì sự sống hằng ngày của người ấy chỉ còn trông vào những thứ bòn nhặt được ở trong rừng như lộc sắn, lộc si. Mức sống của con người gần như của hươu nai. Cái thời mà người lao động cùng cực đến như thế, chúng ta không thể biết được là thời nào, vì tình trạng ấy của nhân dân lao động nước ta có thể là thường xuyên trong chế độ phong kiến. Vậy xét về nội dung, không rõ bài ca đã xuất hiện vào thời nào. Còn xét về hình thức, thì nếu nó ra đời vào một thời rất xa chúng ta và còn truyền đến ngày nay, lời văn cũng đã bị sửa chữa nhiều rồi. Lời ca ở đây vừa ông chuốt, vừa tha thiết về yêu đương và khổ cực đôi đường. Tình thì nặng, nhưng còn sống với nhau thì tính sao? Một tiếng thở than, một tâm sự trút ra,

từ đầu đến cuối chỉ một hơi *(nhất khí quán hạ)*, nội dung và hình thức văn học ở đây kết chặt với nhau, vươn tới đỉnh cao nghệ thuật diễn tả, cho nên mấy câu trên này, theo nhận định của chúng tôi, không thể xuất hiện vào thời cổ, thời mà văn học còn phôi thai.

Trong ca dao Việt Nam, có những bài làm theo hình thức ngụ ngôn, dùng loài vật để chỉ vào người. Thí dụ mấy câu ca dao sau này:

Cái kiến mày đậu cành đào,
Leo phải cành cộc, leo vào leo ra.
Cái kiến mày đậu cành đa,
Leo phải cành cộc, leo ra leo vào.

Cành đào thường có sâu, kiến có lương ăn, còn cành đa thì không. Nhưng dù no, dù đói cũng là một cuộc đời tù túng, quẩn quanh một chỗ. Phải chăng đây là cái cảnh người nông dân nước ta vào thời phong kiến cát cứ, phân quyền; người dân lao động Việt Nam không có phương tiện và cũng không có quyền tự do đi lại, may ra ở nơi đất tốt thì tạm đủ ăn, chẳng may ra ở nơi đất xấu thì đành bấm bụng. Sống dưới chế độ phân quyền, địa phương nào chỉ biết địa phương ấy, chỉ khi nào kinh tế hàng hoá bắt đầu nảy nở, đường giao thông được mở mang, người dân lao động Việt Nam mới thoát dần khỏi cảnh tù túng. Xét nội dung bài ca dao, chúng tôi thấy có thể là một hoàn cảnh lịch sử như vậy, nhưng vì tính chất truyền khẩu và sự đổi thay về hình thức của nó qua các thời đại, nên thời kỳ xuất hiện của nó cũng khó mà biết được.

Vào thế kỷ thứ II, thứ III, đạo Phật bắt đầu truyền vào đất Giao-châu. Trong mấy thế kỷ sau, đạo Phật ở nước ta càng thịnh hơn trước; nhất là từ khi giai cấp thống trị cho các nhà sư phạm gia việc triều chính, thì đạo Phật dựa vào chính quyền, càng thấm sâu vào các thôn xã. Chùa chiền được xây dựng ở mỗi làng và một số công điền (vốn là *đất vua*) đã do bọn kỳ hào cung cấp cho nhà chùa để

hương khói và nhà chùa đảm bảo lấy việc cày cấy. Thành ra từ ngôi chùa được xây dựng cho đến mọi việc chi phí trong chùa đều lấy ở hoa lợi của số ruộng công do làng cấp, cho nên tuy gọi là *chùa làng*, nhưng cũng bắt nguồn từ đất vua:

Đất vua, chùa làng.

Đến thời phong kiến toàn thịnh thì việc điền địa lại quy định chặt chẽ hơn trong hệ thống bóc lột:

Đất vua, chùa làng, phong cảnh bụt.

Thí dụ vào thời Trần, Trần Thánh tông (1258 - 1278) đã nói: "Thiên hạ là của ông cha để lại, nên để cho anh em cùng hưởng phú quý chung". Đây là lời nói tiêu biểu của giai cấp phong kiến thống trị, lời nói đã đi đôi với việc làm của họ. Về sau, bọn vua chúa đã chiếm đoạt rất nhiều ruộng đất để làm trang trại. Còn nhân dân vẫn liên tục đấu tranh dưới nhiều hình thức để giành quyền lợi cho mình

Ở trên, chúng tôi đã kể một số ca dao tuy nội dung nói đến những thời kỳ lịch sử xa xăm, nhưng hiện nay, nếu xét về hình thức câu văn, không có tài liệu gì khác chứng dẫn, chúng ta không thể biết nó xuất hiện vào thời nào nhất định.

*

Sau đây là một số ca dao nữa, mà theo nhận xét của chúng tôi, những người trong tầng lớp nho sĩ nước ta thời phong kiến đã gán ghép vào các sự việc lịch sử, chứ thực chất nó không phải những ca dao lịch sử. Thí dụ, hai câu sau này:

Trống chùa ai đánh thì thùng
Của chung ai khéo vẫy vùng thành riêng.

Người ta cho là nó chỉ vào thời sau khi Ngô Quyền chết, mười hai sứ quân nổi lên và mỗi người cát cứ một phương. Nhưng thật ra hai câu trên này rất có thể là lời nói của nhân dân ám chỉ vào những việc chiếm đoạt ruộng đất do bọn cường hào cùng nhau quyết định

ở chốn đình trung trong thời phong kiến.

Hai câu:

Con cóc nằm góc bờ ao,
Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

Theo ý chúng tôi chỉ là lời chế giễu những người đang ở một cương vị nhỏ mà muốn làm việc lớn (lời chế giễu có tính chất lạc hậu, an phận thủ thường), nhưng người ta lại cho là hai câu trên này đã ám chỉ vào Đỗ Thích, một tên lại tham tàn, đêm nằm mê thấy sao rơi vào miệng tưởng là điềm mình sắp làm vua, nên đã thừa lúc hai cha con Đinh Bộ Lĩnh ngủ lẻn vào đâm chết, rồi sau chính Đỗ Thích cũng bị bắt và bị giết:

Hai câu:

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

chẳng qua cũng chỉ là hai câu ca dao chỉ vào những người tay trắng làm nên, nhưng người ta cũng đã gán ghép vào cho Lê Hoàn: do sự nâng đỡ của Dương thái hậu là người rất say mê Hoàn, nên Hoàn đã từ chức Thập đạo tướng quân mà trèo lên ngai vàng, thay thế Đinh Tuệ còn nhỏ tuổi.

Hai câu:

Dù ai sang cả mặc ai,
Thân này nước chảy hoa trôi sá gì!

rất có thể là lời nói của một phụ nữ trách chồng ở bạc, hàn vi thì có nhau, đến khi phú quý thì lìa nhau. Trái lại, người ta cũng cho nó một nội dung lịch sử, bảo nó đã phản ánh việc Lý Thái tông (1044) sau khi đã giết Xạ Đẩu, thắng Chiêm- thành , tiến vào thành Phật-thệ, bắt vương phi là Mị Ê cùng các cung nữ đem về, đến sông Lý - nhân, Lý Thái tông sai gọi Mị Ê sang thuyền mình, và Mị Ê liền quấn chăn vào mình, nhảy xuống sông tự tử.

Có nhiều câu ca dao chỉ có ý nghĩa về những việc thông thường ở đời, người ta đã đi gán ghép ý nghĩa lịch sử vào. Về mặt khác,

chúng ta cũng có thể đặt câu hỏi: nhân dân Việt Nam có thuộc lịch sử như thế không? Theo ý chúng tôi, có một số câu hỏi phải do những người trong tầng lớp nho sĩ sáng tác, vì những câu ấy không những dựa vào điển tích rút ở văn học cổ điển, ở lịch sử, mà còn thể hiện những ý thức tư tưởng phong kiến rõ rệt ở những nhận xét về nhân vật cũng như về sự kiện lịch sử.

Về điển tích, như rút ở sử sách cũ, thì tiêu biểu nhất là hai câu này:

Ta trong hột khế ta ra,
Mình còn cạnh khế, chi ta hỡi mình!

Hai câu này đã theo câu: "Thực ngũ liêm quả, nhi đắc lý hạch" trong *Đại Việt sử ký*, nói về Lê Ngoạ triều ăn khế, thấy có một hột mận trong quả khế, liền giết hết họ Lý, nhưng lại bỏ sót Lý Công Uẩn. Những câu như thế, chúng ta có thể ức đoán là không phải do nhân dân sáng tác.

Còn một số câu ca dao khác nữa, người ta cũng ghép vào "ca dao lịch sử", thí dụ hai câu:

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vần than rơm!

Người ta bảo đó là nói về việc vua nhà Trần khi thấy vua Chiêm-thành chết, liền sai Trần Khắc Chung vào đón công chúa Huyền Trân về; trong khi đi đường Khắc Chung và Huyền Trân lại cùng nhau dan díu.

Hay việc Trần Cảnh lấy Lý Chiêu hoàng, phong làm Chiêu Thánh hoàng hậu, rồi ít lâu lại giáng làm công chúa và gả cho Lê Phụ Trần; người ta bảo việc ấy đã được nói lên ở hai câu ca dao sau này:

Trách người quân tử bạc tình,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!

Theo ý chúng tôi, những câu ca dao giản dị trên đây chỉ là những câu do nhân dân sáng tác để tả những cuộc tình duyên trắc

trở chung cho nhiều người, rồi đã có những người tri thức thời xưa đem những sự việc lịch sử gán ghép vào và giải thích theo ý kiến riêng mình.

Tuy vậy, cũng đã có những câu ca dao nói lên những sự việc lịch sử hẳn hoi, thí dụ bài sau này nói lên sự phấn khởi, hăng hái, lòng yêu nước của nhân dân trong khi bà Triệu khởi binh chống quân Ngô xâm lược:

Ru con, con ngủ cho lành
Cho mẹ gánh nước, rửa bành con voi.
Muốn coi lên núi mà coi,
Coi bà Triệu tướng cưỡi voi đánh cồng.
Túi gấm cho lẫn túi hồng,
Têm trầu cành kiếm[1] *cho chồng đi quân.*

Lại những câu nói lên lòng hăng hái thi đua giết giặc của binh sĩ ta ở trận Bạch - đằng thời xưa (không rõ là trận Bạch - đằng thời Ngô Quyền hay thời Trần):

Đánh giặc thì đánh giữa sông,
Chớ đánh trong cạn, phải chông mà chìm

Rồi vào thời quân phong kiến nhà Minh xâm chiếm nước ta, kéo vào đóng ở Đông- đô, sau khi chúng đã chiêu tập nhân dân phiêu tán hồi cư, có nhiều người trai tráng bị quân giặc đem hoạn[2]. Trong thời gian chúng chiếm đóng, chúng lại vơ vét hết của cải và súc vật chăn nuôi của nhân dân. Mãi sau khi đất nước ta được giải phóng (thời Lê Thái tổ, Lê Thái tông) nhiều người mới lại sinh con đẻ cái và chăn nuôi được nhiều súc vật. Bởi vậy đã có những câu ca dao sau này nói về thời ấy.

Đời vua Thái tổ, Thái tông,
Con bế, con dắt, con bồng, con mang.

---

(1) Có bản chép là: *Cánh quế.*
(2) Theo *Đại Việt sử ký toàn thư,* quyển 8, tờ 54.

Bò đen húc lẫn bò vàng,
Hai con húc chắc, đâm quàng xuống sông.
Thằng bé chạy về bảo ông:
"Bò đen ta ngã xuống sông mất rồi!"

Đến thời Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc để tiêu diệt quân xâm lược nhà Thanh, thì nhân dân đều vùng dậy theo chúa Tây-sơn:

Thùng thùng trống đánh quân sang
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng.
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,
Qua quán Đông- thổ vào làng Đinh- hương.
Anh đi theo chúa Tây- sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

Sau khi Nguyễn Huệ chết, nhà Tây- sơn mỗi ngày một đi sâu vào những vết cũ của phong kiến, cho đến gần cuối đời Tây- sơn thì những việc bán quan mua tước rất mạnh, cho nên vào thời đó, đã có những câu sau này:

Đô đốc, tam thiên đô đốc;
Chỉ huy, bát vạn chỉ huy;
Trung uý, vệ uý chẳng kể làm chi:
Cai đội, phó đội, lấy tàu mà chở.
Mười quan thì đặng tước hầu,
Năm quan tước bá, ai hầu kém ai!

Vào thời Nguyễn Gia Long và thời sau, có những việc cưỡng ép di dân, những việc phản bội của vua nhà Nguyễn đưa Tây (thực dân Pháp) vào nước đánh Tây- sơn, gây mầm mống cho việc mất nước sau này, nên ca dao ta đã có những câu:

Phá đền rồi lại làm đền,
Nào ai cướp nước tranh quyền chi ai?
Rồng chầu ngoài Huế, ngựa tế Đồng- nai,
Nước sông trong sao lại chảy hoài!
Thương người xa xứ, lạc loài tới đây..

và những câu:

Gáo vàng dem múc giếng Tây,
Khôn ngoan cho lắm, tớ thầy người ta!

Về những câu "ca dao lịch sử" trên đây, chúng tôi thấy nó có nói lên được một vài khía cạnh của những việc xảy ra vào những thời gian nhất định trong lịch sử, nhưng nó xuất hiện vào thời nào, chúng ta vẫn không thể biết được, vì rất có thể các tác giả thời sau, trong nhân dân hay thuộc tầng lớp nho sĩ, vẫn có thể diễn tả một sự việc lịch sử một cách linh hoạt, như vẽ ra trước mắt, mà dùng những câu như: "Ru con, con ngủ cho lành, cho mẹ gánh nước..." và "Bò đen húc lẫn bò vàng...". v.v...

Như vậy, việc đặt tục ngữ, ca dao của ta vào từng thời kỳ lịch sử là một việc chúng ta chưa làm được. Theo ý kiến chúng tôi, ngay những "ca dao lịch sử" thực sự cũng chưa rõ nó xuất hiện vào thời nào.

Hiện thời chúng ta có thể sắp xếp những câu tục ngữ, ca dao đã ra đời trước thời Pháp thống trị (tức cổ đại), những câu đã ra đời trong thời Pháp Nhật thuộc (tức cận đại), những câu xuất hiện từ Cách mạng tháng Tám trở lại đây (tức hiện đại và đương đại). Phân định những thời gian dài như vậy, chúng tôi nhận thấy chúng ta có thể làm được trong một chừng mực nhất định; và đó có lẽ cũng là việc phân kỳ trong công trình biên soạn lịch sử văn học dân gian Việt Nam sau này.

C. THẾ NÀO LÀ TỤC NGỮ, CA DAO VÀ DÂN CA?

KHÁI NIỆM VỀ TỤC NGỮ, THÀNH NGỮ, CA DAO VÀ DÂN CA

1. Tục ngữ và thành ngữ.

Cho đến nay, những sách sưu tập tục ngữ, ca dao đều xếp lẫn lộn *tục ngữ* với *thành ngữ*.

Trong quyển *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, tục ngữ và thành ngữ được định nghĩ như sau: "Một câu tục ngữ tự nó phải có một ý nghĩa đầy đủ, hoặc khuyên răn, hoặc chỉ bảo điều gì; còn thành ngữ chỉ là những lời nói có sẵn để ta tiện dùng mà diễn một ý gì hoặc tả một trạng thái gì cho có màu mè"(1)

Định nghĩa như vậy không được rõ, vì nếu thế, tác dụng của thành ngữ cũng không khác gì tác dụng của tục ngữ. Muốn diễn một ý gì hay tả một trạng thái gì cho có màu mè, người ta cũng thường dùng tục ngữ, vì tục ngữ là những câu đúc kết kinh nghiệm của nhiều người, nó có ý nghĩa vững chắc. Cần phải căn cứ vào nội dung, mới có thể phân biệt câu nào là *tục ngữ* và câu nào là *thành ngữ*.

Tục ngữ là một câu tự nó diễn trọn vẹn một ý, một nhận xét, một kinh nghiệm, một luân lý, một công lý, có khi là một sự phê phán. còn *thành ngữ* là một phần câu sẵn có, nó là một bộ phận của câu mà nhiều người đã quen dùng, nhưng tự riêng nó không diễn được

(1) *Việt Nam văn học sử yếu* (in lần thứ hai tại Hà- nội, năm 1951), trang 15.

một ý trọn vẹn. Thí dụ "Áo rách, quần manh". "Ăn trắng, mặc trơn", "Ăn trên, ngồi trốc", "Dốt đặc cán mai". "Cá bể, chim ngàn", "Bụng đói, cật rét", đều là thành ngữ. Còn "Chó cắn áo rách", "Bệnh quỷ, thuốc tiên", "Người chửa, cửa mả" đều là tục ngữ. Thành ngữ có ý nghĩa không những về một chiều, về một mặt, nói lên một tình trạng nhưng lại không kết thúc. Như câu thành ngữ: "Áo rách, quần manh" chỉ nói lên hai hình tượng đều biểu hiện cái nghèo, nhưng ai nghèo, nghèo làm sao, thì không được rõ. Câu "Bụng đói, cật rét" cũng vậy. Còn những câu tục ngữ: "Chó cắn áo rách" thì có nghĩa trọn vẹn, nó phản ánh một hiện thực là con chó hễ thấy người ăn mặc rách rưới thì thường sủa hay xông ra cắn, mặt khác câu tục ngữ còn miêu tả cái cảnh đã nghèo lại thường hay gặp nhiều cái không may. Câu tục ngữ: "Người chửa, cửa mả" cũng diễn một ý rất trọn vẹn, nó nói lên một nhận xét, một kinh nghiệm: người có mang nếu không giữ gìn cẩn thận thì dễ gặp nguy hiểm, có thể thiệt mạng như chơi (dẫn tới cửa mả).

Hầu hết những câu thành ngữ, tục ngữ đều do nhân dân sáng tác, nhưng cũng có một số ít câu rút ở những thi phẩm đã được phổ biến sâu rộng trong dân gian và cũng có những câu rút ở ca dao, dân ca ra. Có người gọi tục ngữ là *ngạn ngữ*, nghĩa là lời nói đã lưu hành từ xưa (chữ *ngạn* có nghĩa là lời nói của người xưa) Như vậy, tục ngữ đã được cấu tạo trên cơ sở những kinh nghiệm về sinh hoạt, về sản xuất trong lâu đời, nó là những câu đúc kết những nhận xét đã được nhiều người thừa nhận, để hướng dẫn con người ta trong sự nhìn nhận mọi khía cạnh của cuộc đời. Tóm lại, tục ngữ là những câu thông tục, thiên về diễn ý, đúc kết một số ý kiến dựa theo kinh nghiệm, dựa theo luân lý và công lý để nhận xét về con người và xã hội, hay dựa theo tri thức để nhận xét về con người và vũ trụ. Trong tục ngữ có cả thành ngữ. Thí dụ: *Chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi*, thì "xỏ chân lỗ mũi" là thành ngữ.

2. Ca dao và dân ca.

Giữa ca dao và dân ca, ranh giới không rõ. Theo định nghĩa về hình thức của ca dao thì câu thành khúc điệu gọi là *ca*, không thành khúc điệu gọi là *dao*. Như vậy, ở ca dao có bài đã thành khúc điệu và có bài chưa thành khúc điệu. (Người ta còn gọi ca dao là *phong dao*, vì có những bài ca dao phản ánh phong tục của mỗi thời). Còn dân ca là câu hát đã thành khúc điệu. Dân ca là những bài hát có nhạc điệu nhất định, nó ngả về nhạc nhiều ở mặt hình thức, nên ca hát người ta cũng gọi là *thanh nhạc*, nó là nhạc do ở tiếng của con người đưa ra từ cổ họng, cũng như những tiếng thoát ra từ các nhạc cụ gọi là *khí nhạc*, nhờ ở miệng thổi hay tay nhấn của con người. Nếu xét về nguồn gốc phát sinh thì dân ca khác với ca dao là ở chỗ nó được hát lên trong những hoàn cảnh nhất định, trong những nghề nhất định, hay ở những địa phương nhất định. Thí dụ hát giao duyên, hát ru em, hát giã gạo, hát đò đưa, hát phường vải, hát giặm Nghệ-Tĩnh, hát quan họ Bắc- ninh, hát trống quân,v.v... Tuy vậy, xét về bản chất, ca dao và dân ca không khác nhau mấy tý. Thực tế, chúng ta đã thấy có một số ca dao được hát lên theo những điệu hát nhất định như hát ví, ngâm, kể vè,.v.v... toàn bài vẫn giữ nguyên số câu, số chữ, không thêm bớt. Nhiều bài ca dao vẫn giữ nguyên nội dung, khi xây dựng thành dân ca người ta chỉ thêm vào những tiếng đệm (đệm lót và đệm nghĩa), tiếng đưa hơi, tiếng láy và điệp khúc; có như vậy, mới phổ được vào nhạc.

Thí dụ mấy câu ca dao sau này khích lệ chí làm trai:

Làm trai quyết chí tu thân,
Công danh chớ vội, nợ nần chớ lo.
Khi nên, trời giúp công cho,
Làm trai năm liệu bảy lo mới hào.

Khi xây dựng bài ca dao trên này thành dân ca, người ta thêm vào những tiếng đệm, tiếng láy theo yêu cầu của điệu hát. Thí dụ

"hát cách" thì bài trên hát như sau:

Quyết chí mà tu thân **ơ**,
Công danh **là danh** *chớ vội* **chứ đã** *nợ nần...*
mà *không lo.*

Ở mấy câu trên này, *mà, ớ, chứ* đã là những tiếng đệm; *là danh* là tiếng láy

Hay những ca dao sau này:

Trống cơm khéo vỗ nên vông,
Một bầy con sít lội sông đi tìm.
Thương ai con mắt lim dim,
Một bầy con nhện đi tìm giăng tơ.
Thương ai duyên nợ tang bồng...

Muốn cho bài ca dao trên này thành khúc điệu của hát quan họ Bắc Ninh, phải thêm vào như sau:

(Tình bằng) có cái *trống cơm*, khen ai *khéo vỗ* (ấy mấy)
vông *nên vông* (ấy mấy) vông nên vông,
Một bầy (tang tình) *con sít* lội lội *lội sông* (ấy mấy) *đi tìm.*
Em nhớ *thương ai* đôi *con mắt* (ấy mấy) *lim dim...*
Một bày (tang tình) *con nhện* (i ới a, ấy mấy)
giăng tơ, *giăng tơ* (ấy mấy) *đi tìm.*
Em nhớ *thương ai, duyên nợ* khách *tang bồng...*

Ở những câu trên này, *tình bằng, tang tình, ấy mấy* là những tiếng "đệm lót"; *có cái, khen ai, đôi* (*đôi* con mắt) *em nhớ, khách* là những tiếng "đệm nghĩa"; những tiếng *vông nên vông*, lội lội là "tiếng láy"; còn *i ới a* là "tiếng đưa hơi".

Áp dụng những thủ đoạn nghệ thuật vào những câu ca dao chưa thành khúc điệu là theo yêu cầu của từng loại dân ca. Đó là một lối thiết kế nhạc không thuộc phạm vi văn học, nên ở phần các loại dân ca, chúng tôi chỉ trích tuyển nguyên câu ca và tước bỏ những tiếng đệm, tiếng láy, tiếng đưa hơi và điệp khúc.

*

Cũng như tục ngữ, ca dao và dân ca là những bài văn vần do nhân dân sáng tác tập thể, được lưu truyền bằng miệng và được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Nói sáng tác tập thể có nghĩa là có câu, có bài do một người xướng lên, sáng tác lần đầu, hoặc được anh chị em sửa chữa, thêm bớt ngay tại chỗ, hoặc được truyền miệng ngay, rồi những người khác sửa chữa, thêm bớt sau, có khi từ địa phương này sang địa phương khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, câu tục ngữ, câu ca vẫn được sửa chữa cho đến khi hoàn chỉnh về cả lời lẫn ý.

Trong " lời nói đầu" quyển *Sáng tác thơ ca dân gian Nga,* Bô-ga- tư - ri-ép, nhà nghiên cứu văn học Liên - xô, đã nhận định như sau: "Các tác phẩm văn học dân gian thường tồn tại rất lâu, được truyền tụng từ miệng người này sang miệng người khác, thường xuyên được nhiều thế hệ xây dựng, bồi đắp... Trong khi tác phẩm văn học thành văn về căn bản không có gì biến đổi sau khi tách khỏi ngòi bút của nhà văn, thì các tác phẩm thơ ca dân gian được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, thường xuyên được sửa chữa để phản ánh những sự đổi thay đang diễn ra trong tư tưởng của quần chúng nhân dân và theo những quy tắc thẩm mỹ của họ...".

Trong số những tính chất chung của văn học dân gian (trong có tục ngữ, ca dao và dân ca) như tính nhân dân, tính hiện thực, tính lãng mạn, tính phổ biến rộng rãi, tính khuyết danh, tính truyền miệng, tính tập thể,v.v... thì *tính tập thể* là tính chất cơ bản nhất làm cho văn học dân gian khác với những văn học có tác gia. Chỉ riêng có văn học dân gian là từ khi xã hội chưa có giai cấp cho đến ngày nay, đều là những sáng tác tập thể, đều là những sáng tác được sửa chữa từ vùng này sang vùng khác trong một xứ, từ nước này sang nước khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác, cho đến khi thật hoàn chỉnh.

Tính truyền miệng cũng là một đặc tính quan trọng, nhưng quần

chúng nhân dân ngày một có học, trình độ văn hoá của họ ngày một cao, nên trong số những sáng tác tập thể của nhân dân cũng có phần được ghi chép rồi mới truyền đi, không còn như khi toàn dân mù chữ, tính truyền miệng của sáng tác dân gian được coi như một hình thức truyền bá duy nhất.

Trong quyển *Những vấn đề lý luận và lịch sử về sáng tác dân gian*[1], V. Chi-chê-rốp, một nhà lý luận văn học Liên- xô, đã viết: "Trong thời đại chúng ta, thơ ca dân gian tồn tại dưới hình thức truyền miệng và cả dưới hình thức thành văn. Điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật; nó phản ánh quá trình hoàn mỹ của nền văn học nghệ thuật của quần chúng nhân dân".

(1) Nhà xuất bản Nhà văn xô-viết, Mạc- tư-khoa- 1957

D. NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CỦA TỤC NGỮ VÀ CA DAO

1. Nội dung của tục ngữ.

Quá trình lao động là quá trình phát triển khoa học và văn nghệ. Trong lao động, lý trí của con người phát triển, cảm quan thẩm mỹ được tôi luyện; những sáng tác dân gian truyền miệng sản sinh trên cơ sở của lao động sản xuất. Lao động nhằm biến thiên nhiên phục vụ cho mình, nên con người phải có những hiểu biết tối thiểu về quy luật của thiên nhiên. Thời xưa, tuy chưa có khoa học, nhưng bằng kinh nghiệm, tổ tiên chúng ta cũng nắm được trong một chừng mực nhất định quy luật của thiên nhiên. Những kinh nghiệm ấy thông qua tập thể, được đúc kết bằng những câu xuôi tai hoặc vần vè và được phổ biến trong dân gian. Đó là những câu tục ngữ về thời tiết, về cày cấy, về trồng trọt, về chăn nuôi. Trong quan hệ xã hội, giữa người với người, xuất hiện những câu tục ngữ rút ở sinh hoạt, có tính chất nhận xét, giải thích, khuyên răn, theo một luân lý và một thế giới quan nhất định.

Trong những việc đối nhân xử thế, người trí thức thời xưa thường viện những lời lẽ thánh hiền để bênh vực ý kiến của mình; trong trường hợp ấy, người nông dân không viện sách vở, họ chỉ kể ra một câu tục ngữ xen vào câu chuyện là người nghe đồng ý, vì tục ngữ là ý kiến tập thể chung đúc lại. Tục ngữ được cấu tạo trên cơ sở thực tế, do lý trí nhiều hơn là do cảm xúc, tư tưởng biểu hiện trong tục ngữ là tư tưởng đanh thép, sắc bén, rút ở cuộc đời. Ở tục ngữ, tính chất phản phong là tính chất mạnh hơn cả. *Tục ngữ* còn là

những câu theo thói quen mà nói; nó là những câu thông tục. Tóm lại, về nội dung thì tục ngữ là những sự nhận định sau kinh nghiệm của con người ta về lao động về sản xuất, về cuộc sống trong gia đình, cuộc sống trong xã hội. Nội dung ấy vừa phong phú, vừa vững chắc, vì nó đã được đúc kết qua nhiều thế hệ của con người.

Như về thời tiết (sau dùng theo nghĩa bóng, rộng hơn ra) có những câu:

- *Quá mù ra mưa.*
- *Sương sa, hoa nở.*
- *Đông sao thì nắng, vắng sao thì mưa,.v.v...*

Về việc đời có những câu:

- *Vỏ quýt dày, móng tay nhọn.*
- *Cái sảy nảy cái ung.*
- *Cõng rắn cắn gà nhà, v.v...*

Về lao động và sản xuất, có những câu:

- *Một lượt tát, một bát cơm.*
- *Lúa dé là mẹ lúa chiêm.*
- *Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa,v.v...*

Những nhận xét, những kinh nghiệm trên này cũng không thể một ngày mà có, mà phải sau một thời gian nào đó mới ổn định thành một thứ phương châm. Có những câu tục ngữ chỉ có ý nghĩa ở một địa phương, nhưng lại có những câu được truyền rộng với đường giao thông phát triển, nên nó được có sự sửa chữa của nhiều người, trở nên những câu giáo huấn, chỉ đạo cho người đời. Đó là đặc điểm của tục ngữ; nội dung của nó khác với ca dao và dân ca, hầu hết đều là những bài do cảm xúc mà có.

2. Hình thức của tục ngữ.

Tục ngữ là những câu đã được nhiều người sửa chữa, truyền đi nhiều địa phương và chọn lọc qua nhiều thế hệ, nên mới đầu nó có thể chỉ là những câu xuôi tai, hợp lý, sau mới trở nên những câu gọn gàng, cân đối hay vần vè. Trong số những câu tục ngữ, vẫn còn những câu xuôi tai, thí dụ:

- Làm phúc phải tội.

- Đói thì đầu gối phải bò.

- Gà què ăn quẩn cối xay.

Hay câu:

- Có ở trong chăn, mới biết chăn có rận.v.v...

Lại có những câu vừa vần vè, vừa cân đối, như câu:

- Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm.

Tục ngữ không nhất thiết vần vè; có một số câu không vần và cũng không cân đối như:

- Ba bè, bảy bối.

- Cả vốn, lớn lãi.

- Có tiếng không có miếng.v.v...

Lại có những câu tuy không vần vè, nhưng hai vế ở mỗi câu rất đối nhau, như:

- No nên bụt, đói ra ma.

Nhưng ở tục ngữ, những câu không vần vè là số ít; hầu hết tục ngữ đều có vần, và vần rất phong phú. Ở những câu tục ngữ ngắn, vần thường là *vần lưng* nghĩa là vần ở giữa câu. Như những câu bốn chữ:

- Bút sa, gà chết.

- Có tật, giật mình.

Những câu năm chữ:

- Cơm treo, mèo nhịn đói.

- Việc bé, xé ra to.

Những câu sáu chữ:

- Ăn lấy đặc, mặc lấy bền.

- Một câu nhịn, chín câu lành.

Đó là những câu vần lưng và vần sát, nghĩa là vần kề liền nhau, như: *sa, gà; tật, giật; treo, mèo; đặc, mặc, v.v...* Còn có những câu *vần lưng*, nhưng là *vần cách*: cách một chữ, như: *May tay, hơn hay thuốc; khỏi lỗ thì vỗ vế; Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con; v.v...*

Cách hai chữ, như: *Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão; Gà cựa dài thịt rắn, gà cựa ngắn thịt mềm; v.v...*

Cách ba chữ, như:

"Càng thắm thì lại mau *phai*,
"Thoang thoảng hoa *nhài* càng được thơm lâu".

và câu:

"Có cây mới có dây *leo*,
"Có cột, có *kèo*, mới có đòn tay".

Những câu lục bát trên đây, người ta thường gọi là "lục bát biến thể"

Đến lối gieo vần cách năm chữ thì tiến đến thể lục bát thông thường. Thí dụ câu sau đây:

"Cá tươi thì xem lấy *mang*,
"Người khôn xem lấy đôi *hàng* tóc mai".

Có nhiều câu ca dao thể lục bát cũng gieo vần như trên. Căn cứ vào cách gieo vần của tục ngữ, ca dao, từ vần sát, đến vần cách một, cách hai, cách ba, cách năm chữ, chúng ta thấy xuất hiện thể lục bát, nên có thể nói: *thể lục bát đã xuất hiện trước nhất ở văn học dân gian, cụ thể là ở tục ngữ và ca dao*, vì ở văn học thành văn hay văn học bác học của ta, văn vần đã dựa quá nhiều vào các thể loại Trung-Quốc theo đường lối thi cử do các triều vua quy định và đã không có những lối gieo vần từ sát đến cách như chúng tôi trình bày ở trên.

Khi phân đoạn thành những câu riêng rẽ, người ta thấy vần ở tục ngữ rất phong phú, có khi vần ở chữ đầu câu dưới, vần ở chữ thứ hai câu dưới, ở chữ thứ ba câu dưới,v.v.. Nhưng thật ra cũng chỉ là những vần sát, vần cách như chúng tôi đã kể trên.

Vần ở chữ đầu câu, như:

Khôn cho người ta dái,
Dại cho người ta thương;
Dở dở ương ương,
Chỉ tổ cho người ta ghét.

Vần ở chữ thứ hai câu, như:

Cơn đằng đông,
Vừa trông vừa chạy;
Cơn đằng tây,
Vừa cày vừa ăn.

Lối gieo vần ở tục ngữ đã làm khuôn mẫu cho nhiều thể thơ. Như trong truyện *Phật bà Quan Âm*, có những câu vần gieo ở chữ thứ tư câu dưới (lục bát biến thể, như đã nói ở trên):

Này truyện con vua Thuỷ thần
Thái tử đi tuần, đội lốt lý ngư.

Cả những lối đối chữ, đối nghĩa, tục ngữ cũng cung cấp cho các nhà thơ những hình thức phong phú có thể làm cho nội dung câu thơ nổi hơn lên.

*

Xét về cả hai mặt nội dung và hình thức, tục ngữ là một loại văn học dân gian đã phát triển trước ca dao. Vì những lý do sau này: tục ngữ là những câu ngắn, có câu chỉ là một lời nói xuôi tai, không vần vè, nhiều câu có thể xuất hiện vào thời tiếng nói của ta chưa phát triển mấy. Còn ca dao, ngay ở những bài được coi là cổ, như bài: "Tay cầm con dao, làm sao cho sắc...", nhạc điệu cũng đã rất phong phú và lời cũng rất chắc, biểu hiện những hình ảnh diễn biến, tiến lên từng cung bậc một, theo cử chỉ, hành động của người hái củi, đủ tả hết tình ý của anh ta trong lúc "một mình thui thủi" ở rừng sâu. Về mặt khác, ca dao thiên về tình cảm, biểu lộ tính tình của con người về muôn mặt, nên chỉ có thể phát triển vào thời mà đời sống xã hội đã phức tạp.

Tóm lại, khi nói: "tục ngữ ca dao có thể xuất hiện cùng với thần thoại và truyền thuyết" là nói những tục ngữ ca dao còn thô sơ, cũng như người ta nói: "Tiếng hát xuất hiện trong lao động sau khi loài người có tiếng nói" thì tiếng hát ấy cũng không phải như tiếng hát của chúng ta ngày nay.

3. Nội dung của ca dao.

Có thể nói muốn hiểu biết tình cảm của nhân dân Việt Nam xem dồi dào, thắm thiết, sâu sắc đến mức độ nào, rung động nhiều hơn cả về những khía cạnh nào của cuộc đời thì không thể nào không nghiên cứu ca dao Việt Nam mà hiểu biết được. Ca dao Việt Nam là những bài tình tứ, là khuôn thước cho lối thơ trữ tình của ta. Tình yêu của người lao động Việt Nam biểu hiện trong ca dao về nhiều mặt: tình yêu giữa đôi bên trai gái, yêu gia đình, yêu xóm làng, yêu đồng rộng, yêu đất nước, yêu lao động, yêu giai cấp, yêu thiên nhiên, yêu hoà bình .Không những thế, ca dao còn biểu hiện tư tưởng đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong cuộc sống xã hội, trong những khi tiếp cận với thiên nhiên và sự trưởng thành của tư tưởng ấy qua các thời kỳ lịch sử.

Như vậy, ngoài sự biểu hiện đời sống tình cảm, đời sống vật chất của con người, ca dao còn phản ánh ý thức lao động, sản xuất của nhân dân Việt Nam và tình hình xã hội thời xưa về các mặt kinh tế và chính trị.

Do ở cảm xúc mà cấu tạo nên lời ca, nêu tính tư tưởng của nhân dân Việt Nam biểu lộ ở ca dao không những làm cho người ta thông cảm tình yêu thắm thiết, mặn nồng của họ, mà còn cho người ta thấy phẩm chất của họ trong các cuộc đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội. Họ đã vất vả như thế nào trong công cuộc cải tạo thiên nhiên, hào hứng như thế nào trong khi thu được thắng lợi, họ đã căm hờn những kẻ áp bức bóc lột mình và đã bền bỉ đấu tranh chống những kẻ ấy như thế nào, họ đã chống những sự ngang trái ở đời như thế nào, đã vươn lên không ngừng như thế nào để giành lấy hạnh phúc. Tìm hiểu được những điều đó, chúng ta sẽ thấy được những tính chiến đấu, tính phản phong, tính nhân đạo chủ nghĩa của ca dao.

a. Tình yêu của nhân dân Việt Nam trong ca dao.

Giai cấp phong kiến thống trị Việt Nam dùng triết lý Khổng Mạnh, lấy luân lý Khổng Mạnh làm những sợi dây tinh thần để trói

con người ta về tình cảm. Đối với thanh niên, luân lý Khổng Mạnh lại càng nghiệt ngã. Tuổi thanh niên là tuổi tha thiết yêu đương, nhưng đối với tình yêu nam nữ, kỷ cương phong kiến rất độc đoán. Việc hôn nhân, việc lập gia đình của thanh niên nam nữ thời xưa đều hoàn toàn do cha mẹ định đoạt. Dưới chế độ phong kiến, quyền của người cha, quyền của người chồng làm cho phụ nữ rất khổ cực. Người phụ nữ không còn biết gì là tự do, họ bị khuôn vào "tứ đức, tam tòng"; số phận của họ chẳng khác nào số phận hạt mưa sa. Vì số phận do người khác định đoạt, không phải tự ý mình lựa chọn, nên thời xưa đã có trường hợp người con gái không biết mặt người mình lấy; do đó có câu ca dao tuy là trào lộng nhưng cũng rất chua xót như sau:

Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,
Đêm nằm tơ tưởng, nghĩ ông láng giềng.

Trong giai cấp phong kiến, luân lý Khổng Mạnh rất có lợi cho những kẻ làm cha, làm chồng, làm anh; nhưng đối với nhân dân, quyền lực ác hại của luân lý ấy đã bị đời sống lao động thu hẹp lại rất nhiều. Nông dân phải lao động sản xuất để sống, và trong lao động, nam nữ thanh niên đã có nhiều dịp tiếp xúc với nhau:

Hôm qua sáng trăng tờ mờ,
Em đi gánh nước, tình cờ gặp anh.

Cũng không phải cứ "tình cờ" như thế mãi, họ có những "mùa gặp nhau" và họ mong ước chóng đến những mùa sung sướng ấy:

Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái làm cỏ, con trai be bờ.

Kết quả là tình yêu của nam nữ thanh niên ở nông thôn vượt qua được bức tường thành của lễ giáo phong kiến. Giữa vòng vây của thứ lễ giáo nghiệt ngã, người ta thấy vang lên từ sau luỹ tre xanh, hoặc giữa cánh đồng bát ngát, những giọng ca trữ tình trong trắng và tươi đẹp như ánh trăng, như dòng suối, như chẹn lúa đòng đòng. Tình yêu trong ca dao là thứ tình yêu lành mạnh, thắm thiết, hồn nhiên

vượt ra ngoài lễ giáo phong kiến, thứ xiềng xích muốn kìm hãm đời đời cho "nam nữ thụ thụ bất thân".

Có thể nói ca dao đã ghi lại tất cả các chặng đường của tình yêu, các khía cạnh của tình yêu, các trạng thái tình cảm của nam nữ thanh niên với những trắc trở, khó khăn, do đời sống và chế độ phong kiến gây nên. Ca dao trữ tình là một thiên tình ca muôn điệu.

Tình yêu của nam nữ thanh niên ở nông thông là thứ tình yêu liên quan đến đồng ruộng, đến xóm làng. Như nhớ người yêu thì nhớ cả quê hương, nhớ cả thức ăn, thức uống ngon lành, nhớ cả những công việc vất vả hằng ngày.

Anh đi anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao!

Trong cảnh lầm than, tình yêu của nhân dân lao động Việt Nam vẫn thắm thiết, có khi còn thêm gắn bó bằng lời keo sơn, cho nên trong sinh hoạt khó khăn và gian khổ, họ vẫn hăng hái và bền bỉ. Những câu biểu hiện ý chí sắt đá của những người bạn tình có rất nhiều trong ca dao Việt Nam.

Trong tình yêu thắm thiết, thường nảy ra những hờn ghen và giận tủi. Những lời dặn dò của họ gần giống như lời thề thốt, đôi bạn tình thường nhắc nhở nhau những cảnh khổ mà họ đã từng qua. Tình yêu ở đây gắn liền với thứ tình cảm xót xa của những người cùng chung cảnh khổ.

Trong ca dao Việt Nam, những bài về tình yêu nam nữ là những bài nhiều hơn cả; những nỗi nhớ nhung khi xa cách, những lúc phải tâm sự với thiên nhiên, những nỗi lo lắng trong khi muốn bảo vệ mối tình chung thuỷ, những đau thương khi xảy ra những cản trở làm cho ước nguyện không thành, rồi đến khi có chồng cũng xảy ra biết bao buồn tủi chỉ vì những kỷ cương phong kiến...; tất cả những tình cảm vui buồn ấy, nhân dân Việt Nam đã thổ lộ trong ca dao, làm cho ca

dao có tính chất trữ tình sâu sắc.

Nhân dân Việt Nam rất yêu gia đình, chủ yếu là tiểu gia đình, cái khôi nhỏ cùng nhau chung sống, cho nên đối với xóm làng, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi sinh trưởng, họ rất mến yêu. Sự mến yêu này rất là nồng nhiệt, nó lan đến người làng người nước, đến cảnh ruộng đồng, đến công việc trong xóm, ngoài làng.

Lòng yêu đất nước của nhân dân Việt Nam không thể hiện một cách bóng gió khắp toàn bài ca dao như những thơ văn "thời thế" của những người nho sĩ. Lòng yêu đất nước của nhân dân Việt Nam hoà với lòng yêu những cảnh thiên nhiên trên đất nước, hoà với cả lòng yêu đồng ruộng, cảnh chợ, con đò; trong tình yêu ấy, nhân dân nói lên những cái đặc biệt, những cái phong phú của từng miền, những cái lớn lao của sông núi, của thác, của rừng, những cái hiểm trở nó làm cho quân xâm lăng khiếp sợ. Như ca ngợi cảnh núi rừng hùng vĩ của Điện- biên, ca dao ta có câu:

Đường lên Mường- lễ bao xa?
Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh!

Hay nói về một vài cảnh miền Bắc Việt Nam:

Nước sông Thao biết bao giờ cạn!
Núi Ba- vì biết vạn nào cây!

Có yêu cảnh thiên nhiên của đất nước với lòng yêu thắm thiết, nhân dân Việt Nam mới thấy một con sông tuy không lớn mà nước chảy tràn trề, dãy núi tuy không cao mà rừng cây thật là rậm rạp. Trên đây là mạn ngược, sau đây là Đường trong:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh[1],
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ...

---

(1) Có nơi hát là *xứ Huế*. Không nên tìm xem Nghệ hay Huế là đúng, vì văn học dân gian là thứ văn học do tập thể xây dựng tuỳ theo từng miền và qua nhiều thế hệ - *V.N.P.*

và về đèo Hải- vân:

Hải Vân bát ngát ngàn trùng,
Hòn Hồng ở đấy là trong vịnh Hàn.

Rồi trở về đất Thăng- long, thủ đô Hà- nội ngày nay, với cảnh đẹp của Hồ Tây:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn- vũ, canh gà Thọ- xương:
Tuyệt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên- thái, mặt gương Tây-hồ,

Tình yêu của nhân dân Việt Nam biểu hiện muôn màu muôn vẻ, đối với người cũng như đối với cảnh , đối với đất nước. Tình yêu lao động, yêu hoà bình của nhân dân Việt Nam gắn liền với cuộc sống trong xã hội, nên trong nhiều câu ca dao, họ vừa nói lên ý thức lao động, kinh nghiệm sản xuất và nói cả ít nhiều về tình hình kinh tế và chính trị đương thời nữa.

b. Ý thức lao động và sản xuất của nhân dân Việt Nam trong ca dao và dân ca.

Ca dao và dân ca do nhân dân sáng tác ra không phải chỉ để thoả mãn những yêu cầu của tình cảm mà còn để thoả mãn cả nhu cầu lao động. Trong lao động, những câu ca tiếng hát có tác dụng điều chỉnh tiết tấu của động tác, gây phấn khởi, làm cho người ta quên mệt nhọc, làm cho lao động hoá nhẹ nhàng và có nhiều hiệu xuất. Thời xưa, ở Hy-lạp có những bài hát thợ dệt, bài hát thợ xay; có những nữ công nhân vừa hát vừa thêu thùa, câu hát chỉ rõ cả số đường kim mũi chỉ. Ta cũng có những bài hát chèo đò, hát giã gạo, chỉ rõ nhịp hai, nhịp ba của động tác. Hò mái nhì, hò mái đẩy là những điệu hò rất du dương, nhưng cũng rất ăn nhịp với động tác của người chèo thuyền.

Theo lịch sử thơ và nhạc, chúng ta có thể ức đoán ca dao và dân ca là những hình thức đầu tiên của những bài hát thành khúc với

những âm thanh tiết tấu nhất định. Câu thơ và câu hát đều có một yếu tố chung là nhịp điệu, mà nhịp điệu đầu tiên chính là nhịp điệu xuất phát từ động tác lao động, từ cảm hứng trong lao động.

Ca dao, như trên đã nói, là những câu đã thành khúc điệu và chưa thành khúc điệu, tức là vừa để hát và vừa để đọc, mà chủ yếu là để hát. Vì thế, ca dao biến thành dân ca tuỳ từng trường hợp của lao động hay của sinh hoạt; do đó có một số ca dao được sáng tác theo nhu cầu của đời sống lao động, nhằm làm giảm nhẹ lao động và tăng năng suất lao động. Trước khi lao động, trong khi lao động và sau khi lao động, ca dao và dân ca đều được sử dụng với mục đích đó. Ca dao và dân ca của ta thuộc loại này xuất hiện rất sớm và hiện nay còn truyền lại rất nhiều. Đó là những bài nói về những khó khăn trong sản xuất, những hào hứng trong sản xuất, những chương trình, kế hoạch sản xuất.v.v...

Ý thức lao động của người nông dân Việt Nam thể hiện trong ca dao và dân ca không phải chỉ ở mặt tinh thần thực tiễn như trên, không phải chỉ ở chỗ dùng ca dao để phổ biến kinh nghiệm sản xuất, mà ý thức lao động còn biểu hiện trong những ca dao trữ tình, những bài ca ngợi lao động, khích lệ lao động, làm cho con người yêu mến hơn nghề nghiệp của mình, yêu mến ruộng đồng, núi rừng và không ngại những cảnh xuống ghềnh, lên thác.

Tuy công việc nhà nông vất vả, nhưng người nông dân Việt Nam vốn cần cù, nên không những họ không ngại những việc chân lấm tay bùn, mà còn phấn khởi trong những việc ấy. Đã yêu quý lao động, yêu quý nghề nông; nên đối với công cụ sản xuất, đối với con trâu, người nông dân cũng biểu lộ tất cả sự chăm sóc, trìu mến của họ. Con trâu là một công cụ lao động rất quan trọng của người nông dân, nó đóng vai trò quyết định trong công việc đồng áng. Cho nên trâu cũng trở thành "nhân vật" quan trọng trong sinh hoạt ở nông

thôn. Tình cảm của người nông dân Việt Nam đối với con trâu thật là thắm thiết.

Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.
Cấy cày vốn nghiệp nông gia,
Ta đây trâu đấy, ai mà quản công...

Lòng yêu quý công cụ, yêu thương loài vật thể hiện trong một chữ "ai", bình đẳng và thông cảm. Chẳng những đối với con trâu, mà đối với tất cả cái gì có quan hệ hay gắn liền với đời sống lao động của người nông dân, người nông dân đều yêu mến đặc biệt.

Giã ơn cái cối cái chày,
Nửa đêm gà gáy, có mày, có tao.
Giã ơn cái cọc cầu ao,
Nửa đêm gà gáy, có tao, có mày.

Tình cảm đã biến cái cối, cái chày, cái cọc cầu ao thành người, hơn nữa thành người thân, người cùng cảnh ngộ. Ca dao đã biểu hiện được một cách trung thành đời sống sản xuất của người lao động, ở nông thông và tư tưởng, tình cảm của họ đối với đời sống ấy.

c. Tính chất nhân đạo chủ nghĩa của ca dao và dân ca.

Trong tình hình xã hội phong kiến thối nát đã có những nhà thơ thuộc giai cấp phong kiến chán ghét cuộc đời; họ cho là con người ta được nhàn hạ, thoát ra khỏi được cuộc đời tục tĩu là cao khiết, và như vậy là giữ được phẩm cách con người đạo đức và được hưởng hạnh phúc hoàn toàn. Những nhà thơ ấy có chỗ tiến bộ là họ đã nhìn thấy một phần nào những cái thối nát của bọn thống trị, tức những kẻ trong giai cấp họ; họ cũng nói lên được ít nhiều điều xấu xa của những kẻ kia trong tác phẩm của họ, họ đã có chí hướng tìm lối thoát khỏi vòng danh lợi phong kiến. Nhưng vì trong khi họ không lao động mà lại thực hiện sự nhàn hạ và hành lạc để hưởng hạnh phúc, nên giữa lý tưởng nhân đạo chủ nghĩa của người nho sĩ thời phong kiến với tình hình thực tế của quần chúng nhân dân đương thời, đã

có những mâu thuẫn sâu sắc. Người nho sĩ thuộc giai cấp phong kiến cho "tiêu dao ngày tháng" không bận đến việc đời là thanh cao, nhưng đối với người nông dân làm lụng vất vả, thì hạng "người thanh cao" ấy chỉ là những người sống trên lưng những người lao động.

Trái lại, khác hẳn với một số tác phẩm văn học có giá trị nhân đạo chủ nghĩa của một số nho sĩ, ở văn học dân gian Việt Nam nói chung và ở ca dao dân ca nói riêng, có nhiều bài hoặc có tính chất đấu tranh thiên nhiên, hoặc có tính chất đấu tranh xã hội, đều đã toát ra những tư tưởng đấu tranh bảo vệ hạnh phúc cho quần chúng nhân dân, cho tất cả những người bị áp bức, không riêng cho một thiểu số người nào. Do đó, chủ nghĩa nhân đạo thể hiện trong ca dao và dân ca đã gần gụi được một phần nào với chủ nghĩa nhân đạo của người vô sản, một chủ nghĩa nhằm giải phóng hàng trăm triệu người lao động khỏi chính quyền vô lý của một thiểu số.

Trong thời phong kiến, quyền sống của con người luôn luôn bị chà đạp, phụ nữ Việt Nam thời xưa là những người khổ cực nhất, cho nên trong ca dao và dân ca, những tiếng oán ghét, chống đối, hầu hết là tiếng của phụ nữ.

4. Hình thức nghệ thuật của ca dao.

Ca dao là những bài hát thường thường ngắn, hoặc hai, bốn, sáu hay tám câu, âm điệu lưu loát và phong phú. Dưới hình thức truyền miệng, ca dao đã được qua nhiều người, nhiều thế hệ sửa chữa, nhưng nó vẫn giữ được chủ đề tư tưởng và tính chất mộc mạc, không bao giờ cầu kỳ. Ca dao có nhiều thể, mà nhiều hơn cả là thể lục bát; thể bốn chữ, thể ngụ ngôn và song thất lục bát cũng có, nhưng không nhiều. Đặc điểm của ca dao về phần hình thức là vần vừa sát lại vừa thanh thoát, không gò ép, lại giản dị và rất tươi tắn. Nó có vẻ như lời nói thường mà lại nhẹ nhàng, gọn gàng, chải chuốt, miêu tả được những tình cảm sâu sắc. Thơ lục bát dễ sa xuống chỗ tầm thường,

sáo; trái lại, ca dao Việt Nam đã lợi dụng rất đúng chỗ những âm thanh, nhạc điệu của tiếng Việt Nam ở những tiếng đơn, tiếng kép, tiếng ghép, nên khi tả người, tả việc, tả hình dung, tả tiếng kêu, tả cảnh rất tài tình. Như tả một cảnh buồn thì:

Sóng sầm sịch lưng chừng ngoài biển bắc,
Hạt mưa tình rỉ rắc chốn hàng hiên...

Mưa đây là mưa ngoài trời và cũng mưa cả trong lòng những người đang nặng về yêu đương. Những tiếng "sầm sịch", "rỉ rắc" dùng rất đắt trong lời ca và những tiếng bằng trắc làm nổi lên như một cung đàn.

Khi tả một đôi vợ chồng làm nghề chài lưới yêu nhau, nhỏ to cùng nhau những lời gắn bó, những chuyện làm ăn, thì nhịp điệu của câu ca không những ăn khớp với giọng thở than, với tư tưởng đồng lòng hợp sức trong sự vật lộn với thiên nhiên, mà còn đi sát cả với cảnh gió thổi, nước triều lên xuống. Cho nên về mặt tả cảnh, tả tình thì không một hình thức văn chương nào khác ăn đứt được hình thức diễn tả của ca dao. Hãy nghe bài ca dao rất giàu nhạc điệu sau này:

Chiếc buồm nho nhỏ,
Ngọn gió hiu hiu...
Nay nước thuỷ triều,
Mai lại nước rươi...
Sông sâu, sóng cả, em ơi!
Chớ cho sóng lặng,
Buồm xuôi, ta xuôi cùng.
Trót đa mang vào kiếp bềnh bồng,
Xuống ghềnh, lên thác,
Một lòng ta thương nhau...

Về lối dùng chữ, đưa lên những nghĩa bóng, láy đi láy lại từng tiếng một, làm cho nười nghe hát phải thấm thía về chủ đề, làm nổi lên trong tâm của bài ca thì ca dao Việt Nam cũng rất tài tình. Như

bài ca dao sau này nói về cảnh đèo bòng:

Đầu năm ăn quả thanh yêu,
Cuối năm ăn bưởi, cho nên đèo bòng.
Vì cam cho quýt đèo bòng,
Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương.

Đến lời đẹp mà giản dị, "toàn bích" không pha phách một chữ Hán nào, không gò ép một tiếng Việt nào, có cái đẹp nồng hậu như cái đẹp của người gái quê, thì ở thể lục bát, một thể văn chương đặc biệt Việt Nam, ca dao cũng có những câu tuyệt diệu mà chỉ văn chương Truyện Kiều mới sánh kịp. Thí dụ những câu sau này nói lên mối tình bịn rịn của một thiếu nữ đối với người bạn tình:

Gió vàng hiu hắt đêm thanh,
Đường xa, dặm vắng, xin anh đừng về.
Mảnh trăng đã trót lời thề,
Làm chi để gánh nặng nề riêng ai!

Ca dao của ta dùng rất nhiều hình ảnh để nói lên cái đẹp và những đức tốt, hay cũng có khi nói về những cái xấu, nhưng không muốn nói thẳng. Nhờ phương pháp hình tượng hoá, nên lời của ca dao Việt Nam tuy sáng sủa, giản dị mà rất hàm súc. Thí dụ như người con gái không được chủ động trong việc hôn nhân, tự ví mình với hạt mưa:

Thân em như hạt mưa rào,
Hạt rơi xuống giếng, hạt vào vườn hoa.

Hình ảnh "hạt mưa" vừa nói lên được bản chất ngây thơ, trong trắng của người con gái, đồng thời lại nói lên được mối lo lắng của cô ta dưới một chế độ mà quyền hành đều ở cha, anh, một chế độ không có luyến ái tự do.

Cũng có khi ca dao đưa ra một hình ảnh coi như tột độ về so sánh, rồi lại bác đi và đưa cảnh tình lên một mức độ cao hơn. Thí dụ mấy câu sau này:

...Gái không chồng như phản gỗ long đanh.
Phản long đanh, anh còn chữa được;
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi.
Không chồng, khốn lắm, chị em ơi!

"Phản long đanh" đã là quá lắm, nhưng vẫn chưa được. Đến gái không chồng mới thật long đong, chỉ có cách lấy chồng là khỏi, nhưng tác giả nhân dân lại kín đáo, không nói ra. Đó là một nghệ thuật diễn tả tâm trạng bằng hình ảnh tuyệt đẹp.

Miêu tả một cô gái, trong chế độ tảo hôn, chưa vấn tóc gọn đã về nhà chồng, anh chồng dửng dưng coi vợ như một đứa trẻ. Nhưng khi cô ta vừa đến tuổi, thì tình hình khác hẳn : một thay đổi lớn xảy ra trong hai người, cả những vật xung quanh cũng bị xáo động:

Lấy chồng từ thuở mười lăm,
Chồng chê tôi bé chẳng nằm cùng tôi.
Đến năm mười tám, đôi mươi,
Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường
Một rằng thương, hai rằng thương,
Có bốn chân giường, gãy một, còn ba!...

Muốn tả thứ tình yêu của đôi trai gái đều đằm thắm ngang nhau, nhưng tính chất yêu đương của mỗi bên có khác, ca dao ta cũng có những câu rất đẹp.

Tình anh như nước dâng cao,
Tình em như giải lụa đào tẩm hương.

Muốn tả một thứ tình yêu khác nữa, một thứ tình yêu trong trắng mới chớm nở ở cõi lòng đôi lứa thanh niên, chưa rõ được tính riêng biệt ở mỗi người, ca dao ta cũng có câu:

Đôi ta như lửa mới nhen,
Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

Tả cái cảnh sung sướng mà giản dị, không rực rỡ, xa hoa, nhưng rất thân yêu của đôi vợ chồng trẻ ở nông thôn, thì những hình tượng trong mấy câu ca dao sau này cũng rất tươi giòn và hiện thực:

Đôi ta lấm tấm hoa nhài,
Chồng đây, vợ đấy kém ai trên đời.
Muốn cho gần chợ ta chơi,
Gần sông lắm mát, gần nơi đi về.

Đến như tả hạng người đần ngu, ca dao ta cũng đưa ra những hình ảnh táo bạo:

Mặt nạc đóm dày,
Mo nang trôi sấp biết ngày nào khôn!

Câu trên này cũng là lối nói một hơi, dồn một tiếng rất đặc biệt, gần như một lời mắng vậy. (Về thơ chữ Hán ngày xưa, lối này người ta gọi là: *nhất khí quán hạ*).

Trong ca dao, ngoài nghệ thuật cụ thể hoá như trên, còn có nghệ thuật nhân cách hoá, được áp dụng rất nhiều. Từ vật vô tri vô giác đến chim muông, khi ca dao ta nói đến là đều gán cho nó những tâm tình, ý nghĩ như người.

Khi muốn tránh sự sỗ sàng, trâng tráo, nhân dân Việt Nam thường gửi gắm tâm sự của mình vào những vật xung quanh và không nói hẳn cái "tôi" của mình ra. Như muốn biểu lộ sự nhớ nhung tha thiết người yêu, người ta dùng những hình tượng nồng nàn như sau:

Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt lên vai..[1]

Nghệ thuật nhân cách hoá ở đây đã tiến lên từng cung bậc một. Trước là cái khăn, một vật hoàn toàn tĩnh, đến ngọn đèn tuy cũng là vô tri vô giác, nhưng ngọn lửa cũng có thể động khi có gió, đến *con mắt* của mình, rồi đến hẳn bản thân mình. Cũng như bản thân người

(1) Xem toàn bài ở sau: mục *Tình yêu nam nữ*.

con gái, tất cả những vật kia đều có linh hồn; chúng đều rung động một nhịp như trái tim thổn thức của người đang sầu cảm.

Những con vật thường được nhân cách hoá trong ca dao Việt Nam là con cò, con bống, con kiến.

Cái kiến mày kiện củ khoai,
Mày chê tao khó, lấy ai cho giàu.

Những bài về con mèo, con chuột, con vạc, con nông, con chim chích chèo, con hổ, đều mang ít nhiều tính chất ngụ ngôn, nó biểu hiện trên một vài khía cạnh tâm tình những người thuộc các tầng lớp trong xã hội Việt Nam thời phong kiến. Đặc biệt nhất là con cò và con bống được ca dao ta miêu tả rất kỹ; nhân dân Việt Nam đã gửi gắm nhiều tâm tình của mình vào hai con vật ấy.(1)

Những loại cây được nói nhiều nhất trong ca dao là những thứ cây thuộc loại *tre*, như *trúc, mai, dang*, rồi mới đến- *đào, liễu*. Cây trúc, cây đào, cây liễu thường được dùng làm hình tượng để chỉ những người con gái xinh đẹp.

Tóm lại, trong ca dao Việt Nam, hình tượng và ngôn ngữ rất chọn lọc ; không những thế, nó còn mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc, nên những nhà thơ lớn của ta đều là những người đã học tập ở nhân dân rất nhiều.

5. Mấy thể cổ điển của ca dao.

Theo cách kết cấu cho thành một bài ca, người ta nhận thấy ca dao có ba thể chính: thể *phú*, thể *tỉ* và thể *hứng*.

a) Thể phú: - Phú có nghĩa là trình bày, diễn tả. Như nói về người, về việc hay về vật gì, thì trình bày, diễn tả cho người ta hình dung được người, việc hay vật ấy.

Thí dụ về cảnh đẹp:

---

(1) Xem ở những trang sau, mục nói riêng về con cò và con bống

Đường lên xứ Lạng bao xa,
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông,
Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam- cờ.
Em chớ thấy anh lắm bạn mà ngờ,
Bụng anh vẫn thẳng như tờ giấy phong...

Ở bài trên, sau khi đã tả cảnh đẹp, người thanh niên mới ngỏ tâm sự của mình.

Hay chống đối thói dâm ô, dã man của giai cấp phong kiến thống trị mà nạn nhân là một thiếu nữ, thì tả ngay người thiếu nữ ấy, trình bày cho người ta thấy thiếu nữ ấy đang làm gì mà cơ sự ra như thế:

Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông nghè.
Ông nghè sai lính ra ve...
"Trăm lạy ông nghè, tôi đã có con!"
- Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho giòn mà lấy chồng quan.

Thể phú là một thể người ta thấy xen vào nhiều loại thể văn học, vì những lối trình bày, diễn tả rất cần thiết cho nhà văn, nhà thơ khi viết về người hay về việc. Theo tôi, đó là một phương pháp nghệ thuật thông thường.

b) Thể tỉ. - Tỉ là so sánh. Ở thể này, câu ca không nói thẳng ngay như ở thể *phú* mà lại mượn một cái khác để so sánh, để ngụ một ý gì hay gửi gắm một tâm sự gì. So sánh là một phương pháp nghệ thuật độc đáo của tục ngữ, ca dao và dân ca. Ở những loại thể này trong văn học dân gian, so sánh là một phương pháp chủ yếu trong sự diễn đạt tư tưởng và tình cảm. So sánh cũng là một lối cụ thể hoá những cái trừu tượng; nó còn làm cho lời thêm ý nhị, tình tứ và thiết tha. Giữa hai vật so sánh, bao giờ cũng có một mối liên hệ nội tại, một liên tưởng về ý niệm bên trong.

Ở ca dao, nhân dân rất hay dùng lối so sánh để biểu hiện tình cảm cho được kín đáo. So sánh có thể trực tiếp hay gián tiếp. Trực tiếp, như mấy câu sau này:

Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây,
Như con chèo bẻo xa cây măng vòi.

Nếu chỉ là rồng với mây, người ta có thể bảo là những ý nghĩ viển vông của một chị nào đó, nhưng đến hình tượng "con chèo bẻo xa cây măng vòi" thì ai cũng phải nhận là một chị ở nông thôn.

Hay diễn tả sự gắn bó với nhau dù khi gặp những gian nan, trắc trở:

- Đôi ta như rắn liu diu,
Nước chảy mặc nước ta dìu lấy nhau.
- Đôi ta như thể con tằm,
Cùng ăn một lá, cùng nằm một nong.

Hay diễn tả sự sung sướng không bờ bến khi hai người được gần gũi nhau, cũng bằng lối so sánh trực tiếp:

Gối mền, gối chiếu không êm,
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.

So sánh sự thương yêu vừa bằng lối trực tiếp vừa cụ thể hoá, trong sự so sánh lại đo cả mức độ tình thương của hai bên:

Gái thương chồng , đương đông buổi chợ;
Trai thương vợ, nắng quái chiều hôm.

Một bên thì hết sức sôi nổi, còn một bên thì nguội dần. Cũng bằng phương so sánh trực tiếp và cụ thể hoá, làm cho thật sinh động, cái vô hình trở thành hữu hình, ở tục ngữ ca dao, có rất nhiều câu. Thí dụ mấy câu tục ngữ sau này:

- Đủng đỉnh như chĩnh trôi sông.
- Lừ dừ như ông từ vào đền.
- Lật đật như ra vật ống vải.
- Lò dò như cò ăn đêm. v.v...

Còn một lối so sánh cũng trực tiếp, nhưng kín đáo hơn, như

miêu tả thói lười biếng mà không gọi tên thói xấu ấy ra. Thí dụ câu ca dao sau này:

Ăn như thuyền chở mã,
Làm như ả chơi trăng.

Và câu:

Ăn no rồi lại nằm khoèo,
Thấy giục trống chèo, bế bụng đi xem.

Hay miêu tả sự lúng túng của một phụ nữ một cách hài hước mà không có chút đả kích nào, thì ca dao có câu:

Đang khi lửa cháy cơm sôi,
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.

Sáng tác được những câu như trên, thì thật quả ít người nghĩ tới. Mới đọc tưởng như thể phú, nhưng sự thật là một thể tỉ kín đáo.

So sánh trực tiếp, nhưng lại so sánh từ xa đến gần, cũng là một phương pháp nghệ thuật mà ca dao Việt Nam rất hay dùng:

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,
Liễu xa đào, liễu ngả, đào nghiêng.
Anh xa em, như bến xa thuyền,
Như Thuý Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!

Trên đây, chúng ta thấy những cái vô hình và trừu tượng đều được cụ thể hoá bằng cách chọn những cái thật điển hình và đặt vào hoàn cảnh điển hình để so sánh. Như chọn cái chĩnh không, thì không so sánh được; đặt cái chĩnh ở đầu hè, thì cũng không nói lên được cái gì, nhưng đặt nó vào hoàn cảnh chĩnh bị trôi sông thì quả thật người ta thấy được sự đủng đỉnh của nó. Ông từ cũng vậy, phải đặt ông ấy vào hoàn cảnh điển hình nhất thì mới thấy hết được sự lừ đừ của ông ta. Ông từ là người mà công việc rỗi rãi hơn ai hết, vì ông ta chỉ có việc giữ đền và ăn oản; ông ta không bao giờ vội vàng, nên phải đặt ông ta thật đúng chỗ, thì ông ta mới biểu lộ hết cái lừ đừ ra, chứ nếu miêu tả ông ta đi chợ hay quét đền, đều không được

cả. Đi vào đền, mới thật lừ đừ, vì chẳng có việc gì cấp bách đợi ông ta cả.

Trong những lối *so sánh trực tiếp,* nhân dân chọn người, chọn vật, chọn cảnh rất chính xác, vì họ luôn luôn sát với thực tế. Thí dụ miêu tả thói lười biếng, bao giờ họ cũng chọn người ăn nhiều, tức người có sức khoẻ mà lại lười. Cũng có người ăn ít mà lại lười, nhưng nếu chọn người ăn ít để miêu tả sự lười biếng thì người ta có thể thắc mắc là người ấy có thể vì sức yếu không làm được nhiều chăng. Nên khoẻ mà không chịu làm mới rõ; khỏe lại chỉ khỏe ở ăn, chứ không khỏe ở làm thì quả thật là lười, không còn chối cãi được.

Ăn như thuyền chở mã,
Làm như ả chơi trăng.

Thuyền chở mã trông thì cồng kềnh, nhưng nhẹ như không, đi đánh vèo một cái là qua sông, cũng như anh chàng ăn khoẻ, ăn đánh vèo một cái là hết nồi ba cơm. Còn "làm như ả chơi trăng" thì rõ ra cái cảnh nhởn nhơ; nhởn nhơ đây không có nghĩa là đĩ thõa, tác giả nhân dân nói rất có chừng mực.

Còn lối *tỉ* khác nữa, *lối so sánh gián tiếp,* tức nghệ thuật ẩn dụ, là một phương pháp nghệ thuật tế nhị hơn. Phương pháp này được sử dụng ở ca dao nhiều hơn ở tục ngữ. Thí dụ biểu lộ mối tình chung thuỷ với người yêu thì không lời thơ nào đẹp, gợi cảm và thiết tha bằng câu ca dao quen thuộc sau này:

Thuyền ơi! có nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Hay miêu tả cảnh lỡ làng của người lỗi hẹn thì mấy câu sau này cũng rất đặc biệt:

Trăm năm đành lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.

Hay cũng là những câu ca dao biểu hiện tình yêu, nhưng nên vợ nên chồng thì chưa được, còn phải có thời gian, vì còn bên cao, bên thấp, thì lối so sánh gián tiếp ở đây cũng rất kín đáo:

Nước trong còn ở nguồn xanh,
Trà thơm có đợi chén sành hay không?

Người con gái Việt Nam thời xưa, thường thì rất rụt rè, e lệ; nhưng khi đã gặp người vừa ý thì do tình yêu kích thích, họ trở nên rất mạnh dạn, họ có thể tỏ tình trước với người con trai một cách vừa hồn nhiên, vừa kín đáo. Vùng Hoàng Mai, Bạch Mai, Tương Mai (xưa kia là ngoại thành Hà Nội), thường nấu một thứ rượu ngon có tiếng; thời xưa, những tay nhà nho phóng đãng ở Thăng Long rất thích rượu Hoàng Mai (tức Kẻ- mơ). Rượu ấy lại được các cô gái xinh đẹp quẩy đi bán, nên những tay nhà nho ấy đã có câu:

Còn trời, còn nước, còn non,
Còn cô bán rượu anh còn say sưa.

Say là say cả về người, say cả về rượu. Sau đây là những câu ca dao, lời cô hàng rượu, vận dụng lối so sánh gián tiếp, với đề tài "rượu đem đi bán", nhưng rượu cũng là cô ta và cô ta cũng là rượu:

Em là con gái Kẻ- mơ,
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh.
Rượu ngon chẳng quản be sành,
Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may.
Rượu lại uống lắm cũng say,
Áo rách có mụn, vá ngay lại lành.

Không một tiếng "yêu đương" nào thổ lộ ra trong lời cô hàng rượu, nhưng qua những lời cô giới thiệu rượu ngon (kỳ thật là tự giới thiệu mình), người ta nhận thấy ở cô ta đã nảy nở mối tình thắm thiết đối với chàng thanh niên.

Một lối so sánh gián tiếp nữa cũng rất kín đáo: muốn ngỏ ý lấy nhau, bên trai hỏi đã "bóng gió", bên gái ưng thuận và đáp lại một cách còn "bóng gió" hơn:

Đêm trăng thanh, anh mới hỏi nàng:
- Tre non đủ lá, đan sàng nên chăng?

- Đan sàng, thiếp cũng xin vâng.
Tre vừa đủ lá, non chăng hỡi chàng?

Không dùng "đêm khuya" mà dùng "đêm trăng thanh" để chỉ lúc công việc rỗi rãi, thanh niên nam nữ ở nông thôn thường dễ tình tự với nhau; nếu dùng "đêm khuya" thì sẽ thành ra vợ chồng mất, những câu sau sẽ hoá ra vô nghĩa. Câu "non chăng hỡi chàng?" thật là câu bẻ lại rất dí dỏm: anh bảo đã đủ lá mà lại nói là non, thì anh còn hỏi em làm gì! Lối so sánh gián tiếp trên đây cho ta thấy tâm tình của nhân dân lao động biểu lộ trong ca dao hết sức sâu sắc, nên ca dao Việt Nam thật đáng làm mẫu mực cho thơ trữ tình của ta.

c)Thể hứng. - Ca dao còn một phương pháp nghệ thuật độc đáo nữa là cách biểu lộ cảm xúc đối với ngoại cảnh, mở đầu cho sự biểu hiện tâm tình. Lối này người ta gọi là hứng. Hứng là do cảm xúc mà nảy nở tình cảm, có thể là vui, cũng có thể là buồn, thấy ngoại cảnh mà có hứng, muốn nói lên nỗi lòng mình, nói lên cảnh tình riêng của mình đối với ngoại vật. Thí dụ:

Cơm trắng ăn với chả chim,
Chồng đẹp vợ đẹp, những nhìn mà no...

Hay:

Trên trời có đám mây vàng,
Bên sông nước chảy, có nàng quay tơ.
Nàng buồn nàng bỏ quay tơ,
Chàng buồn chàng bỏ thi thơ học hành...

Thể *hứng* ở những câu trên này cho ta thấy ngoại cảnh phù hợp với nội tâm, nhiều khi nó gần giống thể tỉ, vì cảnh buồn thì người buồn, cảnh vui thì người vui, không phải vì cảnh mà do ở người đã sẵn có cái chứa chất, gặp cảnh thích hợp thì trút ra. Nhưng cũng có những câu hứng trong ca dao không gắn bó cho lắm với nội dung những câu sau, thí dụ:

Quả cau nho nhỏ,
Cái vỏ vân vân,
Nay anh học gần,
Mai anh học xa...

Lại có những câu hứng ý nghĩa sinh động, chỉ có tác dụng khích lệ, thúc giục nhiều hơn là gắn bó với những tâm tình biểu hiện ở những câu sau, như:

Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam, bên nữ, ta cùng hát lên...

hay:

Một đàn cò trắng bay quanh,
Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta...

hay những câu sau này:

Gió đánh đò đưa, gió đập đò đưa,
Sao cô mình lơ lửng mà chưa có chồng?...

Trên đây là tôi tách ra từng câu, từng bài, để dễ thấy từng thể cổ điển; thực tế thì mấy thể này thường xen kẽ với nhau, có khi chúng ta thấy hai thể ở chung một câu, một bài; có khi ở một bài, có cả ba thể. Thí dụ, hai câu này, vừa hứng vừa *tỉ*, vì thời gian lấy chồng già và thời gian nước chảy qua sân cũng đều ngắn ngủi:

Trời mưa nước chảy qua sân,
Em lấy ông lão móm qua lần thì thôi...

Thí dụ vừa thể phú vừa thể hứng:

Qua đình ngả nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, em thương mình bấy nhiêu...

Tả mái đình (thể phú) đồng thời cảnh mái đình làm cho người thiếu nữ xúc động (thể hứng) mà tỏ lòng thương yêu, nhớ nhung bạn tình.

Ba thể ở chung một bài, như bài sau này:

Áo xông hương của chàng vắt mắc,
Đêm em nằm em đắp lấy hơi.

Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,
Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa.
Vì mây cho núi lên xa,
Mây cao mù mịt, núi nhoà xanh xanh...

Hai câu trên tả cảnh một người xa người yêu và đang cùng với vật kỷ niệm ở bên mình (thể phú); câu ba và bốn nói lên dự định của mình, đồng thời những vật ấy cũng tượng trưng cho lòng gắn bó (thể tỉ), và hai câu cuối vừa là tỉ, vừa là hứng: đối cảnh sinh tình.

Nghệ thuật của ca dao rất tinh vi, tế nhị, liên hệ mật thiết với nội dung phong phú. Cách dùng chữ, những lối biến thể, những lối hình tượng hoá, cụ tượng hoá, nhân cách hoá, sát với thực tế biểu hiện ở nội dung, làm cho ca dao trở nên những câu hát rất thấm thía về mặt trữ tình, cũng như về mặt phản ánh cuộc đời của nhân dân lao động. Những thể *phú, tỉ, hứng* của ca dao là những thể mà ca dao Việt Nam và *Kinh Thi* của Trung Quốc đều có. Rất có thể là những thơ ca dân gian của nhiều nước khác cũng có những thể ấy, vì nó là những phương pháp nghệ thuật cơ bản, cần thiết cho việc cấu tứ cho thơ ca trữ tình.

Đ. MỘT ĐẶC ĐIỂM TRONG NHẬN THỨC CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM VỀ CUỘC ĐỜI, ĐỜI NGƯỜI VỚI ĐỜI CON CÒ VÀ CON BỐNG.

Trong dân ca Việt Nam, có rất nhiều bài nói đến con cò. Những câu ca dao hay nhất của ta, và có lẽ cũng cổ nhất của ta, hầu hết mở đầu bằng "con cò...": *con cò bay lả bay la, con cò bay bổng bay cao, con cò lặn lội, con cò trắng bạch như vôi, con cò vàng, con cò kỳ, con cò quăm, v.v...* Tại sao trong khi hát, nhân dân lao động Việt Nam lại hay nói nhiều đến loài chim ấy mà không nói đến loài chim khác?

Trong các loài chim kiếm ăn ở đồng ruộng, chỉ có con cò thường gần người nông dân hơn cả. Những lúc cày cuốc, cấy hái, người nông dân Việt Nam thường thấy con cò ở bên họ: con cò lội theo luống cày, con cò bay trên đồng lúa bát ngát, con cò đứng trên bờ ruộng rỉa lông rỉa cánh, ngắm nghía người nông dân làm lụng...

Bạn thân nhất của người nông dân trong lao động và sản xuất là con trâu. Nhưng trâu phải cái nặng chình chịch, vững thì vững thật, nhưng chậm chạp, sống một cuộc đời gò bó, vất vả, không mấy lúc thảnh thơi, cho nên chỉ những lúc nghĩ đến cuộc đời nhọc nhằn cực khổ của mình, người nông dân mới liên hệ đến con trâu, con vật tiêu biểu nhất cho sức sản xuất nơi đồng ruộng.

Còn những lúc người dân lao động Việt Nam xúc cảm, tâm trí muốn vươn lên, muốn ca hát cho thoải mái trong khi làm lụng, thì chỉ có con cò gợi hứng cho họ được nhiều. Con cò trắng bạch kia

tuy ngày đêm lặn lội, nhưng nhiều lúc lại bay bổng lên mây xanh. Nó cũng vất vả, nhưng nó có vẻ trong trắng, thanh cao, có những lúc vẫy vùng thoải mái, mà người dân lao động nước ta thời xưa hằng mong ước.

Cày cấy những lúc nắng nôi hay rét mướt, tát nước trong đêm khuya, gặt hái trên cánh đồng bát ngát, tiếng hát của người nông dân không những làm cho bản thân người sáng tác bài ca phấn khởi, mà còn động viên hết thảy những người lao động ở cánh đồng bên:

Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam, bên nữ, ta cùng hát lên!...

Cùng làm lụng, cùng vất vả như nhau, nên những nam nữ thanh niên ở nông thôn đối với nhau có những mối tình thắm thiết. Khi vắng mặt người yêu, thấy đàn cò trắng cùng nhau sum họp và bay lượn trên cánh đồng, họ hát lên những lời nhớ nhung nồng nàn:

Một đàn cò trắng bay quanh,
Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta.
Mình nhớ ta như cà nhớ muối,
Ta nhớ mình như Cuội nhớ Trăng.

Tình yêu của những người lao động không những trong trắng như sự đoàn tụ của đàn cò, mà nó còn chất phác, liên hệ ngay với đời sống. Tuy câu hát trên đây cho ta thấy những tưởng tượng khá dồi dào, có tính chất huyền ảo, tạo nên những cảnh tình thật đẹp:

Cho loan nhớ phượng, cho mình nhớ ta.

và

Ta nhớ mình như Cuội nhớ Trăng...

Nhưng bao giờ trí óc người nông dân cũng trở lại với thực tế:

Mình nhớ ta như cà nhớ muối...

Họ không mấy khi xa lìa thực tế, ngay trong những khi họ có một tâm trạng khác thường với những mơ ước, nhớ nhung.

Dưới con mắt người lao động ở nông thôn, con cò và những chim đồng loại với nó, như con vạc, con bồ nông, đều thương yêu

nhau, vì chúng cũng vất vả như nhau. Nhìn bầy chim ấy đứng túm tụm với nhau trên cánh đồng, người nông dân Việt Nam đã cảm thấy tình hữu ái giai cấp của mình thể hiện ở mối tình giữa những loài chim ấy. Họ có cảm giác như bầy chim đang tâm sự với nhau về những nỗi xót xa trong cuộc sống:

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Cùng ăn một đồng, nói chuyện giăng ca
Muối kia đổ ruột con gà,
Mẹ mình chẳng xót bằng ta xót mình.

Con gà bị giết, bị xát muối vào lòng. Trong cuộc sống của người nông dân dưới chế độ phong kiến, cũng có biết bao người nông dân chết một cách xót xa đau đớn về tay bọn địa chủ cường hào, mà chính những người cùng máu mủ tuy có thương xót, nhưng cũng có thể không thương xót bằng người đồng bạn đã cùng chung một cảnh khổ với nạn nhân. Chính những lúc nghỉ tay ngoài đồng, người nông dân thường kể cho nhau nghe những nỗi khổ của họ, những hành động tàn ác, dã man của địa chủ, và họ cùng nhau thông cảm, xót xa...

Hãy nghe họ tả cái cảnh ngồi không, biếng nhác và ăn bám của địa chủ, còn họ là người sản xuất thì lại phải "lặn lội thân cò":

Cái cò lặn lội bờ ao...
Hỡi cô yếm đào ! Lấy chú tôi chăng?
Chú tôi hay tửu hay tăm,
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa,
Ngày thì ước những ngày mưa,
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh...

Chúng ta đã biết cái chế độ con nuôi thời phong kiến. Con nuôi chẳng qua chỉ là người ở, mà lại là người ở không công. Bọn địa chủ cho họ gọi chúng là *thầy*, là *bác*, là *chú*, để chúng càng dễ bóc lột họ. Lặn lội ở bờ ao như cái cò và thấy người thôn nữ xinh đẹp đi qua,

anh nông dân đã cất tiếng bỡn cợt đầy giọng dí dỏm, châm biếm, nhằm chính vào kẻ mà họ oán ghét. Anh đưa ra hình ảnh một gã rượu chè be bét, nghiện trà đặc, thích ngủ trưa, anh ướm hỏi chị thôn nữ và trong thâm tâm anh, trong sự xét nhận tế nhị của anh, anh đã biết thừa là "cô yếm đào" chẳng ưa nào. Mà chẳng ưa lấy một kẻ như thế, thì "cô yếm đào" lấy ai? Có lẽ cô nên lấy cái anh "lặn lội thân cò" tuy phải vất vả, lam lũ, nhưng hay lam hay làm, trong trắng như "con cò lặn lội bờ ao", và nhiều lúc lại bay cao, bay bổng. Tình duyên ấy mới là xứng đáng.

Những câu ca dao trên này rất kín đáo. Tác giả không đả động gì đến mình là người lao động và cũng không hề nói đến giá trị của lao động mà người nông dân đã biết rõ; nhưng chúng ta đều thấy anh nông dân ướm hỏi "cô yếm đào", chủ yếu là vì mình mà ướm hỏi.

Người nông dân thấy hình ảnh của mình ở như cái cò là xứng hợp hơn cả, nên trong cuộc sống họ phải vật lộn như thế nào, thì họ cũng tả cái cò phải vật lộn như thế ấy. Hãy nghe họ tả một cảnh mưa bão, trong đó có con cò:

Trời mưa quả dưa vẹo vọ,
Con ốc nằm co,
Con tôm đánh đáo,
Con cò kiếm ăn...

Chúng ta thấy gió thổi, mưa rơi đều làm cho mọi vật xao xuyến, hết thảy đều bị động, con ốc thì sợ sệt nằm co, con tôm gặp nước thì nhảy bật lên như đánh đáo, đến quả dưa trước ngọn gió, dưới hạt mưa, cũng hình như bị méo mó cả hình thù, nhưng chỉ riêng có con cò là vẫn chủ động trong công việc của mình: mưa hay nắng, cò ta vẫn tiếp tục kiếm ăn... Con cò là hình ảnh người nông dân Việt Nam cần cù, chịu đựng gian khổ, gặp giông tố không sờn, bền bỉ và tích cực đấu tranh, để nâng cao đời sống của mình.

Trong xã hội phong kiến Việt Nam, ngoài nghề nông là nghề căn bản, còn có những nghề buôn, nghề thủ công. Đối với những người bình dân làm các nghề ấy, giai cấp thống trị không trừ một hạng người nào là chúng không bóc lột. Hãy nghe nhân dân lột mặt tham lam tàn ác của chúng:

Cái cò cái vạc, cái nông,
Ba cái cùng béo, vặt lông cái nào!
Vặt lông cái vạc, cho tao!
Hành, răm, nước mắm bỏ vào mà thuôn.

Cái cò, cái vạc, cái nông, tiêu biểu cho nhân dân lao động ở nông thôn, đối với giai cấp phong kiến thống trị đều là "béo" cả, đều có thể bóc lột cho đến xương tuỷ được cả. Trong hệ thống bóc lột của giai cấp phong kiến thống trị, thì lần này vạc bị giết, nhưng rồi lần khác cò, nông, cũng sẽ bị nó giết; mà họ bị chúng ăn thịt như thế, không cần một lý do gì chính đáng, chỉ cần một vài lời vu cáo vẩn vơ, là bọn địa chủ có thể bắt bừa người lao động ở nông thôn để hành hạ:

- Cái cò cái vạc, cái nông,
Sao mày giẫm lúa nhà ông, hỡi cò!
- Không, không tôi đứng trên bờ,
Mẹ con nhà nó đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin thì ông đi đôi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi ở kia.

Nhân dân thường lấy cái cò để nói về mình trong ca dao, nhưng không phải bao giờ họ cũng nói tốt cho họ. Họ cũng có những người xấu: hay ăn quà như "con cò kỳ", hay đánh vợ như "con cò quăm", và họ cũng đã mạnh dạn nói ra, phê bình một cách thân ái và đúng mức.

Chúng ta hãy đọc mấy câu hát về "con cò quăm":

Cái cò là cái cò giăm,
Mày hay đánh vợ, mày nằm với ai?
Có đánh thì đánh sớm mai,
Chớ đánh chập tối, chẳng ai cho nằm!

Cái dí dỏm, hồn nhiên nhất ở mấy câu ca dao này là lời khuyên chú cò "đánh vợ sớm mai". Đối với một anh chàng nóng tính, giận vợ lúc nào là đánh luôn lúc ấy, mà lại đưa ra câu "đánh sớm mai" thì chỉ là một lối giễu cợt. Nhưng nó có ý vị ở chỗ mâu thuẫn là tuy anh chàng cục súc nóng nảy, hay đánh vợ luôn tay, tức anh làm cho vợ anh xa anh, nhưng anh lại vẫn tòm tem muốn gần vợ. Mâu thuẫn ấy đã nổi bật lên ở thái độ và hành động đáng ghét của một anh nông dân bị ý thức tư tưởng phong kiến chi phối, nên đã coi thường phụ nữ.

Nói tóm lại, trong ca dao, người dân lao động Việt Nam đã mượn đời sống của con cò để biểu hiện đời sống của mình và dùng hình ảnh con cò để gợi hứng, để tả sự mong muốn của mình, nói lên những đức tính của mình, nông nỗi khổ cực của mình và cả những thói xấu của mình nữa.

Dân ca của ta cũng nói nhiều đến con cá bống; nhưng con bống không giống con cò. Đối với nhân dân lao động Việt Nam thời phong kiến, con cò có thể là hình ảnh cả trai lẫn gái, còn con bống đối với nhân dân lao động chỉ có thể là hình ảnh người thiếu nữ hay người thiếu phụ.

Cá bống vốn là thứ đồ ăn ngon của nhân dân lao động nước ta, một thứ đồ ăn ngon mà họ thường được ăn, có thể cầu được ước thấy, không phải một thứ chỉ có trong mơ ước của họ. Cá bống cũng lại là một thứ mà người phụ nữ nông thôn thường thường kiếm ra và do tay họ nấu nướng; không những nó thơm ngon và lành, nó còn xinh xẻo. Vì những lý do ấy, nên nhân dân lao động Việt Nam đã mượn

hình ảnh con cá bống để nói về người thiếu nữ hay người thiếu phụ Việt Nam. "Cái Bống đi chợ...", "cái Bống cõng chồng...", "cái Bống thổi cơm, nấu nước...", "cái Bống lấy chồng Kẻ chợ..."

Chỉ ở vào một vài trường hợp rất đặc biệt là người ta thấy cái Bống cũng có vẻ "ta đây kẻ giờ", muốn "giương vây" tý chút, như đã có những câu:

Chị em ta ra chơi ngoài ngòi,
Thấy con cá Bống nó đòi giương vây.
Chị em ơi, mang rập lại đây,
Xem con cá Bống nó giương vây thế nào!

Nhưng nói chung thì đối với người nông dân, con Bống có vẻ xinh xẻo, hiền lành, cho nên mỗi khi nói đến cái Bống là người nông dân nước ta nói một giọng nâng niu. Ở truyện Tấm Cám, Tấm cũng rất nâng niu con bống Tấm nuôi, mỗi lần cho cá ăn, Tấm gọi:

Bống bống, bang bang,
Mày ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta,
Chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người...

Trong khi nâng nui con trẻ, ru cho nó ngủ, người mẹ, người chị cũng thường nhắc nhở đến con bống xinh xẻo, hiền lành, tiêu biểu cho người thiếu nữ hay người thiếu phụ Việt Nam ở nông thôn.

*

Nội dung những ca dao nói về con cò và con bống rất phong phú; nó biểu hiện nhiều khía cạnh của cuộc đời người lao động trong xã hội phong kiến nước ta. Hình thức câu văn và nhạc điệu của những bài ấy cũng rất phong phú; nó khêu gợi vô cùng, cho nên trong hát ru em, trong lý giao duyên, cũng như trong bát trống quân, nam nữ cất giọng hát, khi chưa đưa ra được những lời tình tứ mặn

nồng, thì thường giáo đầu bằng những câu về hình ảnh con cò hay con bống để gợi hồn thơ. Như hát trống quân thì bắt đầu bằng:

Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam bên nữ ta cùng hát lên...

Và khi người mẹ chưa tìm được câu hát ru con, thì cũng bắt đầu bằng: "Bống bống, bang bang..."

Như vậy, chúng ta có thể nói: người dân lao động Việt Nam đem hình ảnh con cò và con bống vào ca dao là đưa một nhận thức đặc biệt về một khía cạnh của cuộc đời vào văn nghệ, lấy cuộc đời của những con vật trên này để tượng trưng vài nét trong đời sống của mình, đồng thời cũng dùng những hình ảnh ấy để khêu gợi hồn thơ.

E. VỀ VŨ TRỤ, CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI.

Qua thực tế đấu tranh khó khăn và gian khổ trên một đất nước có nhiều thiên tai, địch hoạ, nhân dân Việt Nam đã rút được nhiều kinh nghiệm quí báu ở những cuộc chống thiên nhiên, chống xâm lăng, chống áp bức bóc lột trong xã hội và có những nhận xét khá sâu sắc về cuộc đời. Óc nhận xét và phê bình ấy của nhân dân Việt Nam đã biểu hiện bằng lời ca, truyền từ đời nọ qua đời kia và từ địa phương này sang địa phương khác trên dải đất Việt Nam. Nhiều câu đã thành những câu châm ngôn cho toàn thể dân tộc.

Cái điều độc đáo của trí óc nhân dân lao động Việt Nam là ở những trường hợp rất khó khăn và gian khổ, nhân dân Việt Nam tuy đôi khi cũng có những phút bực bội, chán nản, nhưng nói chung, không bao giờ tuyệt vọng, phần nhiều là vui, phấn khởi, có tinh thần xây dựng, bền bỉ trong chiến đấu. Chứng cớ là trong tục ngữ ca dao của ta, đã biểu hiện nhiều nhận xét dí dỏm, tinh vi, pha giọng trào lộng, châm biếm. Bằng chứng nữa là những bài vè, những truyện tiếu lâm của nhân dân Việt Nam cũng biểu lộ óc nhận xét, phê bình sắc cạnh và chua chát. Hễ xảy ra một việc chướng tai gai mắt, một việc đồi phong bại tục, một việc phạm đến quyền lợi chung của nhân dân trong làng xóm hay trong phố phường là có ngay những câu chuyện có nhiều tình tiết phổ biến khắp nơi, có ngay những bài vè truyền đi, trẻ già đều thuộc. Nhiều câu rút ở các bài vè và trở thành những tục ngữ ca dao, có tính chất phổ biến kinh nghiệm hay răn đời.

Luôn luôn gần gũi thiên nhiên, nhân dân lao động Việt Nam có những nhận xét tế nhị đối với các hiện tượng thiên nhiên, cũng như đối với cảnh vật thiên nhiên, như những câu:

- Gió chiều nào, che chiều ấy.

- Có cứng mới đứng đầu gió.

- Nước khe đè nước suối,v.v...

Những câu trên này không những đúng với thiên nhiên, mà với ý nghĩa bóng gió, nó còn đúng cả với nhiều việc trong xã hội.

Điều đặc biệt mà chúng ta nhận thấy trong rất nhiều ca dao là óc thực tế của người nông dân. Người dân lao động Việt Nam rất biết thưởng thức cái đẹp, nhưng nếu chỉ là cái đẹp bề ngoài mà nội dung không ra gì thì họ rất ghết. Ca dao đã có câu:

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.

Lẽ tự nhiên "đẹp người" đây là chỉ riêng có bề ngoài, chỉ riêng có sắc, không có đức, chứ đẹp cả người lẫn nết thì ai cũng hoan nghênh.

Đối với trời mưa, hay trong khi mong mưa, người thành thị thời xưa muốn được mát mẻ, đỡ bụi sau những ngày hè oi ả, nhưng từ lâu, người nông dân mong mưa vì những mục đích thiết thực hơn nhiều:

Lạy trời mưa xuống,
Lấy nước tôi uống,
Lấy ruộng tôi cày,
Lấy bát cơm đầy,
Lấy khúc cá to.

Nắng lâu, giếng cạn, nước đục, ruộng nẻ, đất rắn mùa mất, cơm không có mà ăn, cá cũng khó đánh: chỉ mưa cho vài trận là người nông dân giải quyết được khó khăn và được ấm no. Tính chất thực tế của bài ca dao là ở chỗ ấy.

Nhờ đã trải qua đấu tranh, đã từng lăn lộn trong cuộc đời, nên

về con người ta, nhân dân lao động nhận xét có nhiều chỗ đúng. Như về người anh hùng:

Gừng già, gừng rụi, gừng cay,
Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân.

Về việc đối xử ở đời, như về thói hay giễu cợt:

Ai ơi chớ vội cười nhau,
Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

Về thói tệ bạc ở một xã hội mà tư tưởng con người đã phức tạp:

Trách người một, trách ta mười:
Bởi ta bạc trước, cho người tệ sau.

hay thói thị của của những kẻ giàu có, vào lúc thế lực đồng tiền đã thay đen đổi trắng trong lòng người:

Chị kia có quan tiền dài,
Có bị gạo nặng, coi ai ra gì!

Nhờ kinh nghiệm rút được trong đấu tranh, người lao động có nhiều nhận xét đúng đắn, nhưng dưới chế độ phong kiến, họ cũng bị ý thức tư tưởng phong kiến chi phối một phần nào, nên đối với phụ nữ, họ đã có những nhận xét không đúng:

Khôn ngoan cũng thể đàn bà,
Dẫu rằng vụng dại cũng là đàn ông.

Sự mê tín, sự tin ở tướng số cũng có lúc làm cho nhân dân quá thiên về "coi mặt mà bắt hình dung". Như mấy câu sau này:

Đàn ông rộng miệng thì tài,
Đàn bà rộng miệng điếc tai láng giềng.
Người khôn, con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa chì nửa thau.
.....

Nhưng phần nhiều những nhận xét của quần chúng nhân dân là đúng, như quan niệm về cái đẹp của phụ nữ, họ đã có những câu:

Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu, sẽ đánh bên thành cũng kêu.

Và:

Những người con mắt lá răm,
Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền.

Và họ còn quan niệm cái đẹp của phụ nữ không những chỉ đóng khung ở sự thoả con mắt người ta, mà còn gây được ảnh hưởng tốt trong gia đình:

Những người thắt đáy lưng ong,
Vừa khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con...

Ở tục ngữ ca dao, chúng ta thấy thể hiện rất rõ bản chất người dân lao động nước ta, như những đức tính cần cù, chịu đựng gian khổ, bền bỉ đấu tranh, vượt khó, có tinh thần hy sinh. Thí dụ những câu:

- Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo,
- Chớ thấy sóng cả mà lo,
Sóng cả mặc sóng, chen cho có chừng.
- Làm người phải đắn phải đo,
Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu,
- Chết trong, còn hơn sống đục.
- Người đời hữu tử hữu sanh,
Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

Như trên chúng tôi đã nói, không phải lúc nào nhân dân Việt Nam cũng nhìn cuộc đời bằng con mắt nghiêm nghị, mà nhìn cuộc đời với nụ cười, có lúc rất hồn nhiên, có lúc rất chua chát. Bởi vậy, từ chỗ là tác giả những câu như:

Cái sáo mặc áo em tao,
Làm tổ cây cà, làm nhà cây chanh,
Đọc canh bờ giếng.v.v...

đến chỗ là tác giả những câu:

- Ra đồng gió mát thảnh thơi,
Thương người nằm võng nắng nôi ở nhà.
- Ai ơi, trẻ mãi ru mà,

Càng đo đắn lắm càng già mất duyên.

Họ đã từ chỗ rất ngây thơ, đến chỗ rất chua chát, rất căm phẫn đối với việc đời éo le, đối với những kẻ ngồi mát ăn bát vàng.

Về vũ trụ, con người và xã hội.

- Gió thổi là chổi trời.
- Phá lá cây thì dễ, phá chồi chẳng dễ đâu.
- Một cây đắp chẳng nên non,
  Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- Rộng đồng mặc sức chim bay,
  Biển hồ lai láng, mặc bầy cá đua
- Tạnh trời mây kéo về non,
  Hẹn cùng cây cỏ chớ còn mong mưa.
- Đố ai lặn xuống vực sâu,
  Mà đo miệng cá, uốn câu cho vừa.
- Đố ai lượm đá quăng trời,
  Đan gầu tát biển, ghẹo người trong trăng.
- Đố ai tát bể Đông- khê,
  Tát sông Bồ- đề, nhổ mạ cấy chiêm.
- Đố ai biết đá mấy hòn,
  Tua rua mấy chiếc, trăng tròn mấy đêm.
- Có trăng tình phụ lòng đèn,
  Ba mươi mồng một đi tìm lấy trăng.
- Lên non đón gió lấy trầm,
  Xui ong lấy mật, giục tằm nhả tơ.
- Nước mưa là cưa trời.
- Nước khe đề nước suối.
- Chim ngói mùa thu, chim cu mùa hè.
- Đố ai biết lúa mấy cây,
  Biết sông mấy khúc, biết mây mấy tầng.
- Đất chẳng chịu trời, trời phải chịu đất.

- Đời người có một gang tay,
  Ai hay ngủ ngày, còn có nửa gang.
- Người đời khác nữa là hoa,
  Sớm còn tối mất, nở ra lại tàn.
- Người đời như cánh phù du,
  Sớm còn tối mất, công phu nhẹ nhàng.
- Trăng mờ còn tỏ hơn sao,
  Dẫu rằng núi lở, còn cao hơn đồi.
- Mồng bốn cá đi ăn thề.
  Mồng tám cá về cá vượt vũ môn[1]
- Ngày năm thê bảy thiếp,
  Đêm trọn kiếp nằm không

*

- Đố ai bắt trạch đằng đuôi,
Bắt chim đầu cành, bắt người trong trăng.
- Lòng vả cũng như lòng sung,
  Một trăm lòng vả lòng sung một lòng.

*

Ngồi rồi may túi đựng trời,
Đan phên chắn gió, giết voi xem giò.
Ngồi rồi vác thước đi đo,
Đo từ núi Sở đo lên chùa Thày...

*

Non cao ai đắp mà cao,
Sông sâu ai bới, ai đào mà sâu?
Nước non là nước non trời,
Ai phân được nước, ai dời được non.

---

(1) Nhân dân kinh nghiệm những ngày ấy vào tháng bảy, trời hay mưa; thời xưa người ta cho là cá chép đi thi để hoá rồng.

*

Tấm gương vằng vặc chẳng mòn,
Bao nhiêu tinh đẩu là con cái nhà.

*

Trăng khoe trăng tỏ hơn đèn,
Sao trăng lại phải chịu luồn đám mây?
Đèn khoe đèn tỏ hơn trăng,
Đèn ra trước gió được chăng hỡi đèn?

*

Bắc thang lên hỏi ông trăng,
Hỏi rằng chị Nguyệt đã từng mấy con?

*

Vì sương nên núi bạc đầu,
Biển lay bởi gió, hoa sầu vì mưa.

*

Vì mây nên núi liền trời,
Vì cơn gió thổi, hoa cười với trăng.

*

- Ao sâu tốt cá,
- Đầu đi đuôi lọt.
- Bồi ở, lở đi.
- Cả gió, tắt đuốc.
- Đến chậm, gậm xương.
- Xanh vỏ, đỏ lòng.
- Đong đầy, bán vơi.
- Nuôi ong tay áo.
- Liệu cơm gắp mắm
- Khác máu, tanh lòng.

- Quỉ tha, ma bắt,
- Rán sành ra mỡ.
- Ở hiền gặp lành.
- Nhất vợ, nhì trời.
- Qua đò, khỉnh sóng
- Vạch lá, tìm sâu.
- Bới lông, tìm vết.
- Bới bèo ra bọ.
- Đứt tay, hay thuốc.
- Đất sỏi có chạch vàng.
- Cõng rắn cắn gà nhà.
- Chỉ đường cho hươu chạy.
- Bắng nhắng như nhặng vào chuồng tiêu.
- Đóng cửa đi ăn mày.
- Đông tay hơn hay làm.
- Trâu buộc ghét trâu ăn.
- Thương gậm xương chẳng được.
- Sống lâu lên lão làng.
- Rế rách đỡ nóng tay.
- Xấu gỗ tốt nước sơn.
- Xấu đều hơn tốt lõi.
- Có tiếng không có miếng.
- Cơm treo, mèo nhịn đói.
- Chơi chó, chó liếm mặt.
- Đồng tiền liền khúc ruột.
- Người ta là hoa đất.
- Tốt danh hơn lành áo.
- Theo voi ăn bã mía.
- Đất có lề, quê có thói.
- Đẹp vàng son, ngon mật mỡ.
- Chửi cha không bằng pha tiếng.

- Đắt ra quế, ế ra củi.
- Đói cho sạch, rách cho thơm.
- Gái tham tài, trai tham sắc,
- Không ưa thì dưa có giòi.
- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.
- Sai con toán, bán con trâu.
- Yêu nên tốt, ghét nên xấu.
- Nói có sách, mách có chứng.
- Sống quê cha, ma quê chồng.
- Quen mui, thấy mùi ăn mãi.
- Một câu nhịn, chín câu lành.
- Ăn không rau như đau không thuốc.
- Ăn lúc đói, nói lúc say.
- Ăn một miếng, tiếng một đời.
- Của một đồng, công một nén.
- Bắn bụi tre, dè bụi hóp.
- Trăm năm thì ngắn, một ngày dài ghê.
- Có thực mới vực được đạo.
- Buộc cổ mèo, treo cổ chó.
- Có cứng mới đứng đầu gió.
- Chết trong còn hơn sống đục.
- Vợ đàn bà, nhà hướng nam.
- Bói ra ma, quét nhà ra rác.
- Trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết.
- Râu ông nọ, cắm cằm bà kia.
- Vợ dại không hại bằng đũa vênh.
- Tham thì thâm, đa dâm thì chết.
- Nhà không chủ như tủ không khoá.
- Lửa đã đỏ, lại bỏ thêm rơm.
- Giàu làm chị, khó luỵ làm em.
- Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.

- Có hoa sói, tình phụ hoa ngâu.
- Anh em khinh trước, làng nước khinh sau.
- Chân tốt về hài, tai tốt về hoãn.
- Chẳng ốm chẳng đau, làm giàu mấy chốc.
- Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.
- Ăn cỗ đi trước, lội nước đi sau.
- Chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng.
- Bảy mươi chưa què, chớ khoe rằng tốt.
- Chưa vỡ bọng cứt, đã đòi bay bổng.
- Giấy trắng mực đen, làm quen thiên hạ.
- Làm ruộng không trâu, làm giàu không thóc.
- Đường đi hay lối, nói dối hay cùng.
- Dao thử trầu héo, kéo thử lụa sô.
- Nhà sạch thì mát, bát sạch thì ngon.
- Miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ đời.
- Làm phúc quá tay, ăn mày không kịp
- Nói gần, nói xa, chẳng qua nói thật.
- Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.
- Sơn ăn từng mặt, ma bắt từng người.
- Nhịn đói nằm co hơn ăn no vác nặng.
- Nhịn miệng qua ngày, ăn vay mắc nợ.
- Việc người thì sáng, việc mình thì quáng.
- Thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng lợn.
- Thả con săn sắt, bắt con cá rô.
- Ghen vợ, ghen chồng không nồng bằng ghen ăn.
- Bắc cầu mà noi, ai bắc cầu mà lội.
- Vén tay áo sô, đốt nhà táng giấy.
- Trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã hay.
- Một miếng khi đói bằng một gói khi no.
- Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng.
- Tiền vào nhà khó, như gió vào nhà trống.

- Chết sông, chết suối, không ai chết đuối đọi đèn.
- Áo năng may năng mới, người năng tới năng thường.
- Buôn tàu buôn bè không bằng ăn dè hà tiện.
- Hương năng thắp năng khói, người năng nói năng lỗi.
- Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi.
- Nhiều thầy thối ma, nhiều cha con khó lấy chồng.

*

Cau phơi tái,
Gái đoạn tang,
Chim ra ràng,
Gà mái ghẹ.

*

Thâm đông thì mưa,
Thâm dưa thì khú,
Thâm vú thì nghén.

*

Sớm rửa cưa,
Trưa mài đục,
Tối giục cơm.

*

- Ở chọn nơi, chơi chọn bạn.
- Học thày chả tầy học bạn.
- Thua trời một vạn
Không bằng thua bạn một ly.

*

Cha đời cái áo rách này,
Mất chúng, mất bạn vì mày, áo ơi!

*

- Bạn bè là nghĩa tương tri,
Sao cho sau trước một bề mới nên.

*

- Bạn vàng lại gặp bạn vàng,
Long, lân, qui, phượng, một đoàn tứ linh.

*

Yêu trẻ, trẻ hay đến nhà;
Kính già, già để tuổi cho.

*

Lịnh làng nào, làng ấy đánh;
Thánh làng nào, làng ấy thờ.

*

Người trên ở chẳng kỷ cương
Khiến cho kẻ dưới lập trường mây mưa.

*

Người trồng cây hạnh người chơi,
Ta trồng cây đức để đời về sau

*

Ở hiền thì lại gặp lành,
Những người nhân đức trời dành phúc cho.

*

Đi với bụt, mặc áo cà sa,
Đi với ma, mặc áo giấy.

*

Làm thầy nuôi vợ, làm thợ nuôi miệng.

*

Của rề rề, không bằng nghề trong tay.

*

Cha mẹ nói oan,
Quan nói hiếp,
Chồng có nghiệp nói thừa.

*

Giàu chủ kho,
No đầu bếp,
Chóng chết quản voi.

*

Ai ơi, trẻ mãi ru mà,
Càng đo đắn mãi càng già mất duyên.

*

Gái không chồng như nhà không nóc,
Trai không vợ như cọc long chân.

*

Gái được hơi trai, như thài lài gặp cứt chó,
Trai phải hơi gái, như bè vó trôi sông.

*

Ớt nào là ớt chẳng cay,
Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng.
Vôi nào là vôi chả nồng,
Gái nào là gái có chồng chả ghen.

*

Thành đồ đã có chúa xây,
Cầu chi gái goá lo ngày lo đêm.

*

Rượu ngon bất luận be sành,

Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may.

*

Rượu lạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm, dẫu hay cũng nhàm.

*

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn,
Xấu người đẹp nết, còn hơn đẹp người.

*

Thế gian chuộng của, chuộng công,
Nào ai có chuộng người không bao giờ.

*

Thế gian lắm kẻ mơ màng,
Thấy hòn son thắm ngỡ vàng trời cho.

*

Trâu bò được ngày phá đỗ,
Con cháu được ngày giỗ ông.

*

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Nào ai vun xới cho mày, mày ăn?

*

Ra đồng gió mát thảnh thơi,
Thương người ngồi võng nắng nôi ở nhà.

*

Ăn quả, nên nhớ kẻ trồng cây;
Uống nước sông, nên nhớ mạch suối.

*

Ai ơi, chớ vội cười nhau,
Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

*

Ai ơi, chớ vội cười nhau,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

*

Tằm vương tơ, nhện cũng vương tơ,
Mấy đời tơ nhện được như tơ tằm!

*

Cười người, chớ khá cười lâu,
Cười người hôm trước, hôm sau người cười.

*

Mai mưa, trưa nắng, chiều nồm,
Trời còn luân chuyển, huống mồm thế gian.

*

Nói chín thì làm nên mười,
Nói mười làm chín, kẻ cười người chê.

*

Thế gian chẳng ít thì nhiều.
Không dưng ai dễ đặt điều cho ai.

*

Thế gian còn dại chưa khôn,
Sống mặc áo rách, chết chôn áo lành.

*

Biết thì thưa thốt,
Không biết thì dựa cột mà nghe.

*

Gà què ăn quẩn cối xay,
Hát đi hát lại tối ngày một câu.

*

Ngựa ô chẳng cưỡi, cưỡi bò,
Đường ngay không chạy, chạy dò đường quanh.

*

Kiến leo cột sắt sao mòn,
Tò vò xây tổ, sao tròn mà xây?

*

Chớ thấy hùm ngủ vuốt râu,
Đến khi hùm dậy, đầu lâu chẳng còn.

*

Con cóc nằm ngóc bờ ao,
Lăm le lại muốn đớp sao trên trời.

*

Em ơi, chị bảo em này,
Trứng trọi với đá có ngày vỡ tan

*

Chẳng thiêng ai gọi là thần,
Lối ngang đường tắt chẳng gần ai đi.

*

Thuyền đua bè sậy cũng đua,
Thấy rau muống vượt, rau dừa vượt theo.

*

Chuột chù chê khỉ rằng hôi,
Khỉ mới trả lời: cả họ mày thơm!

Tranh quyền cướp nước gì đây
Coi nhau như bát nước đầy là hơn

*

Lúc khó thì chẳng ai nhìn,
Đến khi đỗ trạng, chín nghìn anh em

*

Đã từng ăn bát cơm đầy,
Đã từng nhịn đói bảy ngày không ăn.

*

Bực mình chẳng muốn nói ra,
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.

*

Ngày ngày cắp nón ra đi,
Buôn gì chẳng có, bán gì thì không.

*

Chớ khinh chùa Tích không thờ,
Mà đem xôi oản cúng nhờ gốc cây.

*

Thuyền câu lơ lửng đã xong,
Thuyền chài lơ lửng, uổng công thuyền chài.

*

Gần sông quen với cá,
Gần rừng không lạ với chim.

*

Khó khăn ở quán ở lều,
Bà cô ông cậu chẳng điều hỏi sao.
Giàu sang ở bên nước Lào,
Hùm tha rắn cắn, tìm vào cho mau.

*

Chớ thấy áo rách mà cười,
Những giống gà nòi, lông nó lơ thơ.
Áo dài chớ tưởng là sang,
Bởi không áo ngắn phải mang áo dài.

*

Ra đường bà nọ bà kia,
Về nhà không khỏi cái nia cái sàng.
Ra đường võng giá nghênh ngang,
Về nhà hỏi vợ: "Cám rang đâu mày?"
Cám rang tôi để cối xay.
- Hễ chó ăn hết thì mày với ông!

*

Ông cả ngồi trên sập vàng,
Cả ăn, cả mặc, lại càng cả lo.
Ông bếp ngồi trong xó tro,
Ít ăn, ít mặc, ít lo, ít làm.

*

Yên thân làm sãi giữ chùa,
Tụng kinh niệm phật, oản thừa sãi xơi.
Bụt lành đừng hạ xuống chơi,
Chùa không có bụt sãi thời cũng đi.

*

Tò vò mày nuôi con nhện,
Đến khi nó lớn nó quện nhau đi,
Tò vò ngồi khóc tỉ ti,
Nhện ơi, nhện hỡi! Mày đi đằng nào?

*

Chuông khánh còn chẳng ăn ai,
Nữa là mảnh chĩnh bỏ ngoài bờ tre,

Chuông khánh còn chẳng ăn chè,
Nữa là mảnh chĩnh rò rè ăn xôi.

*

Vua Ngô ba mươi sáu tàn vàng,
Thác xuống âm phủ, chẳng mang được gì.
Chúa Chổm[1] uống rượu tì tì,
Thác xuống âm phủ kém gì vua Ngô.

*

Ơ đâu mà chẳng biết ta?
Ta con ông Sấm, cháu bà Thiên- lôi.
Xưa kia ta ở trên trời,
Đứt dây rơi xuống làm người trần gian.

*

Trăm năm bia đá thì mòn,
Ngàn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.

*

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây,
Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng.

*

Đánh giặc mà đánh tay không,
Thà về xó bếp giương cung bắn mèo.

*

Làm lành muốn chúng biết danh.
Ấy là làm tiếng, phải lành ở mô!

*

(1) Tức Lê Trang-tôn (1533- 1548)

Màn treo, chiếu rách cũng treo.
Hương xông nghi ngút, củi rều cũng xông.

*

Sông sâu còn có kẻ dò,
Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng.[1]

*

Đàn ông nông nổi giếng khơi,
Đàn bàn sâu sắc như cơi đựng trầu.

*

Đàn bà không biết nuôi heo là đàn bà nhác,
Đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hư.

*

Người đồn giếng đá thì trong,
Nghiêng gầu sẽ múc, đo lòng cạn sâu.

*

Nước trong còn ở nguồn sanh,
Trà thơm có đợi chén sành hay không?

*

Tiếc cây cội lớn không tàn,
Tiếc vườn cúc rậm cả ngàn không bông[2]

*

Tiếc công vun quén cây tùng,
Săm soi trên ngọn, gốc sùng không hay.

---

(1) Có bản chép:
Lòng sông lòng biển dễ dò,
Ai từng bẻ thước mà đo lòng người.
(2) Tiếc vườn cúc rậm có hàng không bông.

*

Ở đời có bốn chuyện ngu:
Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu.

*

Đời xưa quả báo còn chầy,
Đời nay quả báo thấy ngay nhãn tiền.

*

Thức lâu mới biết đêm dài,
Ở lâu mới biết là người có nhân.

*

Xin đừng thấy quế phụ hương,
Quế già quế rụi, hương trường thơm xa,

*

Chó đâu có sủa chỗ không,
Chẳng thằng ăn trộm cũng ông ăn mày.

*

Khi vui thì vỗ tay vào,
Đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai[1]

*

Than rằng: khát đứng bờ ao,
Đói ăn bánh vẽ, chiêm bao thấy vàng

*

Có vất vả mới thanh nhàn,
Không dưng ai dễ cầm tàn che cho.

*

(1) Có bản chép: "Đến khi tẻ ngắt thì nào thấy ai".

Chiều chiều ra đứng bờ sông,
Kẻ kéo cho chết, người không động mình.

*

Ăn trái nhớ kẻ trồng cây,
Ăn gạo nhớ kẻ đâm xay giần sàng.

*

Thương thì củ ấu cũng tròn,
Không thương thì quả bồ hòn cũng vuông.

*

Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi,
Người khôn ai nói nặng lời làm chi.

*

Tưởng là đá nát thì thôi,
Hay đâu đá nát nung vôi lại nồng.

*

Kim vàng ai nỡ uốn câu,
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

*

Người khôn không nỡ roi đòn,
Một lời nhẹ nhẹ hãy còn đắng cay.

*

Lọ là thét mắng mới nên,
Một lời xiết cạnh bằng nghìn roi song.
Roi song đánh đoạn thì thôi,
Một lời xiết cạnh, muôn đời chẳng quên.

*

Chim khôn thì khôn cả lông,
Khôn cả cái lồng, người xách cũng khôn.

*

Kình nghê vui thú kình nghê,
Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.

*

Ở cho phải phải phân phân,
Cây đa cậy thần, thần cậy cây đa.
Thương người, người lại thương ta,
Ghét người, người lại hoá ra ghét mình.

*

Trời sinh hùm chẳng có vây,
Hùm mà có cánh, hùm bay lên trời.

*

Tưởng giếng sâu, nối sợi dây dài,
Hay đâu giếng cạn tiếc hoài sợi dây.

*

Ôm bầu mang tiếng thị phi,
Bầu không có rượu, uống gì mà say!

*

Miếng ăn là miếng tồi tàn,
Mất ăn một miếng, lộn gan lên đầu.

*

Rượu nào rượu lại say người,
Bớ người say rượu, chớ cười rượu say!

*

Khôn ngoan thì bảo rằng ngoa,
Vụng dại thì bảo người ta rằng dần.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Đẹp duyên thì lấy, tơ hồng nào xe!

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Yêu ai thì bế thì bồng trên tay.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Mà duyên chưa lợt, má hồng chưa phai.

*

Đau bụng lấy bụng mà chườm,
Ví bằng không khỏi, hắc hương với gừng.

*

Hoài hơi mà đấm bị bông,
Đấm được bên nọ, nó phồng bên kia.

*

Khen ai khéo đúc chuông chì,
Dáng thì có dáng, đánh thì không kêu.

*

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vần than rơm.

*

Khi vui, non nước cũng vui,
Khi buồn, sáo thổi kèn đôi cũng buồn.

*

Hồng nhan ai kém ai đâu,
Kẻ xe chỉ thắm, người xâu hạt vàng.

*

Gái đâu có gái lạ đời,
Chỉ còn thiếu một ông trời không chim.

*

Không chồng mà chửa mới ngoan,
Có chồng mà chửa, thế gian sự thường.

*

Cá lên khỏi nước cá khô,
Làm thân con gái loã lồ ai khen.

*

Xưa nay thế thái nhân tình,
Vợ người thì đẹp, văn mình thì hay.

*

Tằm sao tằm chẳng ăn dâu?
Tằm đòi ăn ruộng, ăn trâu, ăn nhà.

*

Một con tằm cũng phải hái dâu,
Một con trâu cũng phải đứng đồng.

*

Năng mưa, năng tốt lúa đường
Hễ năng đi lại, coi thường nhau đi.

*

Thế gian còn mặt mũi nào,
Đã nhổ lại liếm, làm sao cho đành!

*

Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa,
Tiếng lành tiếng dữ, đồn ba ngày đường.

*

Một lời nói, quan tiền thúng thóc;
Một lời nói, dùi đục cẳng tay.

*

Nói thì đâm năm chém mười,
Đến bữa tối trời, chẳng dám ra sân.

*

Làm trai cho đáng sức trai,
Khom lưng chống gối, gánh hai hạt vừng.

*

Lo gì mà lo, lo bò trắng răng,
Mua ba đồng thuốc nhuộm răng cho bò.

*

Mặc đời cua máy cáy đào,
Gai kia ai vót, quả nào ai vo.

*

Lươn ngắn lại chê chạch dài,
Thờn bơn méo miệng, chê trai lệch mồm.

*

Mèo khen mèo dài đuôi,
Chuột khen chuột nhỏ dễ chui dễ trèo.

*

Một lần là tởn[1] đến già,
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.

*

(1) Tởn là sợ.

Có đỏ mà chẳng có thơm,
Như hoa dâm bụt, nên cơm cháo gì!

*

Hơi đâu mà giận người dưng,
Bắt sao được cái chim rừng nó bay.

*

Giương cung rắp bắn phượng hoàng,
Chẳng may lại gặp một đàn chim ri.

*

Sa chân bước xuống ruộng dưa,
Dẫu ngay có chết, cũng ngờ rằng gian.

*

Kẻ có tình thì rình trong bụi,
Kẻ vô tình lủi thủi mà đi.

*

Ai ơi, giữ chí cho bền,
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

*

Dù ai nói đông nói tây,
Thì ta cũng vững như cây giữa rừng.
Dù ai nói ngả nói nghiêng,
Thì ta cũng vững như kiềng ba chân.

*

Nên ra tay kiếm tay cờ,
Chẳng nên thì chớ, chẳng nhờ tay ai.

*

Đây ta như cây giữa rừng,

Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.
Vàng tâm xuống nước vẫn tươi,
Anh hùng lâm nạn cứ cười, cứ vui.

*

Chim quyên xuống đất ăn giun,
Anh hùng lỡ vận lên nguồn đốt than.

*

Làm trai cho đáng nên trai.
Xuống Đông, Đông tĩnh, lên Đoài, Đoài tan.

*

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại, nên hòn núi cao.

*

Một hòn đắp chẳng nên non,
Ba hòn chụm lại, nên cồn Thái- sơn.

*

Ai ơi! đã quyết thì hành,
Đã đẵn thì vác cả cành lẫn cây.

*

Ai ơi! đã quyết thì hành,
Đã đan thì lận tròn vành mới thôi.

*

Đã sinh ra kiếp đàn ông,
Đèo cao núi thẳm sông cùng quản chi.

*

Lên non mới biết non cao,
Lội sông mới biết lạch nào cạn sâu.

*

Thi ra mới biết béo gầy,
Đến khi cả gió, biết cây cứng mềm.

*

Ai về ai ở mặc ai.
Ta như dầu đượm thắp hoài năm canh.

*

Chớ thấy sóng cả mà ngã tay chèo.

*

Chớ thấy sóng cả mà lo,
Sóng cả mặc sóng, chèo cho có chừng.

*

Có khó mới có miếng ăn,
Không dưng ai dễ mang phần đến cho.

*

Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không mà nổi cơ đồ mới ngoan.

*

Làm người suy chín xét xa,
Cho tường gốc ngọn, cho ra vấn dài.

*

Làm người phải đấn phải đo,
Phải cân nặng nhẹ, phải dò nông sâu.

*

Làm người ăn tối lo mai,
Việc mình hồ dễ để ai lo lường.

*

Năm canh thì ngủ lấy ba,
Hai canh lo lắng việc nhà làm ăn.

*

Người ta hữu tử hữu sanh,
Sống lo xứng phận, thác dành tiếng thơm.

*

Gừng già, gừng rụi, gừng cay,
Anh hùng càng cực, càng dày nghĩa nhân.

*

Có gió lung,
Mới biết tùng bá cứng,
Có ngọn lửa lừng, mới rõ thức vàng cao.
Trăng rằng trăng chẳng nguyệt hoa,
Sao trăng chứa Cuội trong nhà hở trăng?

*

Gươm linh sút cán còn tranh,
Bình hương dẫu bể, miếng sành còn thơm.

*

Đem chuông đi đánh nước người,
Chẳng kêu, cũng đấm một hồi lấy danh.

*

Đấng trượng phu, đừng thù mới đáng,
Đấng anh hùng, đừng oán mới hay.

*

Lòng ta, ta đã chắc rồi,
Nào ai giục đứng giục ngồi mà nao.

*

Ngựa mạnh chẳng quản đường dài,
Nước kiệu mới biết tài trai anh hùng.

*

Làm trai mà chẳng biết suy,
Đến khi nghĩ lại, còn gì là thân.

*

Nhiễu điều phủ lấy giá gương.
Người trong một nước thì thương nhau cùng.

*

Tà về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục ao nhà là hơn.

*

Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

*

Trâu ta ăn cỏ đồng ta,
Tuy rằng cỏ cụt nhưng mà cỏ thơm.

*

Hoài sơn mà gắn răng bừa,
Hoài gương tư mã cho bò nó soi.

*

Bầu ơi! thương lấy bí cùng,
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

*

Làm trai cho đáng nên trai,
Phú- xuân đã trải, Đồng- nai cũng từng.

*

Đêm đêm tưởng dạng Ngân- hà,
Bóng sao tinh đẩu đã ba năm tròn.
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn,
Tào- khê nước chảy vẫn còn trơ trơ...

*

Đắc thời đắc thế thì khôn,
Sa cơ rồng cũng như giun khác nào.
Sa cơ mới phải luỵ Tào,
Nhưng so tài đức thì tao kém gì.

*

Ai mà nói dối với ai,
Thì trời giáng hoạ cây khoai giữa đồng.
Ai mà nói đối với chồng,
Thì trời giáng hoạ cây hồng bờ ao

*

Trông mặt mà bắt hình dong,
Con lợn có béo thì lòng mới ngon.

*

Cá tươi thì xem lấy mang,
Người khôn, xem lấy đôi hàng tóc mai.

*

Người thanh tiếng nói cũng thanh,
Chuông kêu, sẽ đánh bên thành cũng kêu.

*

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người không nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

*

Người xấu duyên lặn vào trong.
Bao nhiêu người đẹp duyên bong ra ngoài.

*

Những người thắt đáy lưng ong,
Đã khéo chiều chồng, lại khéo nuôi con.
Những người béo trục béo tròn,
Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày.
Những người mặt nạc đóm dày,
Mo nang trôi sấp, biết ngày nào khôn!

*

Những người con mắt lá răm,
Lông mày lá liễu, đáng trăm quan tiền,

*

Người khôn đón trước rào sau,
Để cho người dại biết đâu mà dò,

*

Trai ba mươi tuổi đang xoan,
Gái ba mươi tuổi đã toan phận già[1]

*

Đàn ông rộng miệng thì sang,
Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

*

Đàn ông rộng miệng thì tài,
Đàn bà rộng miệng điếc tai láng giềng.

---

(1) Ở Trung- bộ có câu:
Trai ba mươi tuổi đang xinh,
Gái ba mươi tuổi như hình mắm nêm.

*

Người khôn con mắt đen sì,
Người dại con mắt nửa chì nửa thau.
Những người ti hí mắt lươn.
Trai thì trộm cướp, gái buôn chồng người.

*

Những người phinh phính mặt mo,
Chân đi chữ bát thì cho chẳng màng.

*

Làm người có miệng, có môi,
Khi buồn thì khóc, khi vui thì cười.

*

Kìa ai lào lạo ngoài da,
Mà trong rỗng tuếch như hoa muống rừng.

*

Ở sao cho vừa lòng người,
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê.

*

Cao chê ngỏng, thấp chê lùn;
Béo, chê béo trục béo tròn;
Gầy, chê xương sống, xương sườn bày ra.

*

Cô gái Sơn- tây, yếm thủng tày dần
Răng đen hạt nhót, chân đi cù lèo,
Tóc rễ tre chải lược bờ cào,
Xù xì da cóc, hắc lào tứ tung.
Trên đầu chấy rận như sung,
Rốn lồi quả quít, má hồng trôn niêu.

Cô tưởng mình cô ái ố mỹ miều,
Chồng con chả lấy, để liều thân ru?
Hai nách cô thơm như ổ chuột chù,
Mắt thì gián nhấm, lại gù lưng tôm.
Trứng rận bằng quả nhãn lồng,
Miệng cười tủm tỉm như sông Ngân- hà.
Con rận bằng con ba ba.
Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.
Hàng xóm vác gậy đi rình,
Hoá ra rận đực nóng mình bò ra.
Bánh đúc, cô nếm nồi ba,
Mía re tráng miệng, hết và trăm cây.
Giã gạo vú chấm đầu chày,
Xay thóc cả ngày, được một đấu ba.
Đêm nằm nghĩ hết gần xa.
Giở mình một cái, gãy mười ba thang giường.

* *
*

Khôn như tiên, không tiền cũng dại.

*

Có tiền, mua tiên cũng được,
Không tiền, mua lược cũng không.

*

Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau.

*

Chị kia có quan tiền dài,
Có bị gạo nặng, coi ai ra gì!

*

Chị em thì thật là hiền,
Chỉ vì đồng tiền mà mất lòng nhau.

*

Có tiền, vợ vợ chồng chồng,
Không tiền, chồng Đông, vợ Đoài.

*

Đồng tiền không phấn, không hồ,
Sao mà khéo điểm, khéo tô mặt người.

*

Vai mang túi bạc kè kè,
Nói quấy nói quá, người nghe ầm ầm.

*

Trong lưng chẳng có một đồng,
Lời nói như rồng cũng chẳng ai nghe.

*

Tiền của là chúa muôn đời,
Người ta là khách vãng lai một thì.

*

Tham vàng bỏ đống gạch đầy,
Vàng thì ăn hết, gạch xây nên thành.

*

Lời nói chẳng mất tiền mua,
Liệu lời mà nói cho vừa lòng nhau.

*

Cậy tài, cậy khéo, khoe khôn,
Đừng cậy có của đa ngôn quá nhời,
Của thì mặc của, em ơi!
Đừng cậy có của, coi người mà khinh.

*

Cờ bạc là bác thằng bần,
Cửa nhà bán hết, tra chân vào cùm.

*

Tin nhau buôn bán cùng nhau,
Thiệt hơn, hơn thiệt, trước sau như lời.
Hay gì lừa đảo kiếm lời,
Một nhà ăn uống tội trời riêng mang.
Theo chi những thói gian tham,
Pha phôi thực giả, tìm đường đối nhau.
Của phi nghĩa có giàu đâu,
Ở cho ngay thật, giàu sau mới bền.

*

Một quan tiền tốt mang đi,
Nàng mua những gì mà tính chẳng ra?
- Thoạt tiên mua ba tiền gà,
Tiền rưỡi gạo nếp với ba đồng trầu,
Trở lại mua sáu đồng cau,
Tiền rưỡi miếng thịt, giá, rau mười đồng.
Có gì mà tính chẳng thông!
Tiền rưỡi gạo tẻ, sáu đồng chè tươi.
Ba mươi đồng rượu, chàng ơi!
Ba mươi đồng mật, hai mươi đồng vàng,
Hai chén nước mắm rõ ràng,
Hai bảy mười bốn, kẻo chàng hồ nghi.
Hai mươi mốt đồng bột nấu chè,
Mười đồng nải chuối, chẵn thì một quan.

*

Gái này là gái chả vừa,
Gái bán vải tấm, gái lừa vải con.

Gái này là gái chả non,
Gái lường chợ Quán, gái buôn chợ Cầu.

*

- Hoa kia tươi tốt rườm rà,
Tuy rằng tươi tốt, khi mà ong châm.
- Anh ở trong ấy mà ra?
Cớ sao anh biết vườn hoa chị tàn?
Hoa tàn nhưng nhị chưa tàn,
Muốn xem chị vén bức màn cho xem.

*

Gái một con trông mòn con mắt,
Gái hai con, con mắt liếc ngang.
Ba con cổ ngẳng răng vàng,
Bốn con quần áo đi ngang khét mù.
Năm con tóc rối tổ cu,
Sáu con yếm trụt, váy dù vặn ngang.

*

Vào chùa thắp một tuần hương,
Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này.
Chùa này có một ông thầy,
Có hòn đá tảng, có cây ngô đồng
Cây ngô đồng không trồng mà mọc,
Rễ ngô đồng rễ dọc, rễ ngang...
Quả dưa gang trong vàng ngoài trắng,
Quả mướp đắng trong trắng ngoài xanh
Gương tàu soi cả mặt anh, mặt nàng.

*

Trên đời gì rẻ bằng bèo,
Chờ khi nước lụt, bèo trèo lên sen.

Trên đời gì tốt bằng sen,
Quan yêu, dân chuộng, rã bèn [1]cũng hư?

*

Trăm hoa đua nở tháng giêng,
Có bông hoa cải nở riêng tháng mười.
Trăm cánh hoa cười,
Trăm nụ hoa nở mùa xuân sang.
Đàn con yến trắng, dập dìu đàn ong...
Con chim kia sao khéo não nùng!
Cuốc kêu gióng giả như nung dạ sầu.
Gió nam hây hẩy ban chiều,
Một đàn bướm trắng dập dìu trên non.
Đêm đông trường, nghe vượn ru con,
Vượn hát ru con, cá khe lẩn bóng, chim luồn cỗi cây.
Con ve kêu ỏng ảnh tiếng chày,
Kìa quân tử trúc, dạ này bâng khuâng...
Em như hoa thơm mà mọc góc rừng,
Thơm tho ai biết, ngát lừng ai hay!

*

Trăm hoa đua nở mùa xuân,
Cớ sao cúc lại muộn tuần tiết thu?
- Vì hoa tham lấy sắc vàng,
Cho nên hoa phải muộn màng tiết thu.
Đố ai mà được như sen,
Chung quanh cánh đỏ giữa chen nhị vàng.

---

(1) Rã bèn, cánh bèn rụng, rã rời.

Nhị vàng, bông thắm, lá xanh[1],
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

*

Tối trăng còn hơn sáng sao,
Phơn phớt lòng đào hơn thắm màu vang.
Tối trăng còn hơn sáng sao,
Dẫu rằng núi lở còn cao hơn đồi.

*

Trăng bao nhiêu tuổi trăng già?
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non?
Trăng bao nhiêu tuổi trăng tròn?
Núi bao nhiêu tuổi núi còn trơ trơ?

*

Ông Trăng mà bảo ông Trời:
Những người hạ giới là người như tiên
Ông Trời mới bảo ông Trăng:
Những người hạ giới mặt nhăn như tường...

*

Thầy bói nói dựa.

*

Tiền buộc dải yếm bo bo,
Trao cho thầy bói, đâm lo vào mình.

*

Hòn đất mà biết nói năng,
Thì thầy địa lý hàm răng không còn.

---

(1) Ba câu đầu có bản chép:

Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng.
Nhị vàng bông trắng, lá xanh...

*

Thầy khoe thầy cứu được người,
Đến khi thầy ốm chẳng ai cứu thầy.

*

Số cô chẳng giàu thì nghèo,
Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà.
Số có có mẹ có cha,
Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.
Số cô có vợ có chồng,
Sinh con đầu lòng, chẳng gái thì trai.

*

Chập chập thôi lại cheng cheng,
Con gà sống lớn để riêng cho thầy.
Đơm xôi thì đơm cho đầy,
Đơm mà vơi đĩa thì thầy không ưa.

*

Thầy dốt mà đọc canh khôn,
Đến khi đọc dồn: ý ả ỳ a...

*

Thầy thiếp là thầy thiếp ơi,
Nay chuông mai trống cho tôi động lòng.
Bốn con, tôi bỏ cho chồng,
Tôi theo thầy thiếp, cực lòng tôi thay.

*

Nhất hào
Nhì hào, tam hào...
Chó chạy bờ ao,
Chuột chạy bờ rào...
Quẻ này có động!
Nhà này có quái trong nhà,

Có con chó đực cắn ra đằng mồm.
Nhà bà có con chó đen,
Người lạ nó cắn, người quen nó mừng.
Nhà bà có cái cối xay,
Bốn chân xuống đất, ngõng quay lên trời...

*

Ăn mặn nói ngay,
Còn hơn ăn chay nói dối.

*

Có tội thì lội xuống sông,
Đánh ba tiếng cồng thì nổi tội lên.

*

Na mô một bồ lấy bốn,
Người ta đã khốn lại còn na mô.

*

Lạy trời, lạy phật, lạy vua,
Để tôi sức khoẻ, tôi xua con ruồi.

*

Hôm nay mười bốn, mai rằm,
Ai muốn ăn oản thì nằm với sư.

*

Đi tu, phật bắt ăn chay,
Thịt chó ăn được, thịt cầy thì không.

*

Ăn trộm ăn cướp, thành phật, thành tiên,
Đi chùa đi chiền, bán thân bất toại.

*

Na mô bồ tát,
Chẻ lạt đứt tay,

Đi cày trâu húc,
Đi xúc phải cọc,
Đi học thầy đánh,
Đi gánh đau vai,
Nằm dài nhịn đói.

*

Na mô một bồ dao găm,
Một trăm giáo mác,
Một vác dao bầu,
Một xâu thịt chó...

*

Na mô một bồ dao găm,
Một trăm con chó, một lọ mắm tôm,
Một ôm rau húng, một thúng rau răm...

*

Trên chùa có tiểu mười ba,
Sư ông mười bốn, vãi già mười lăm,
Muốn cho một tháng đôi rằm,
Trước là lễ phật, sau thăm vãi già.

*

Thịt chó tiểu đánh tì tì,
Bao nhiêu chỗ lội tiểu thì cắm chông.
Na mô xứ Bắc, xứ Đông,
Con gái chưa chồng thì lấy tiểu tôi!

*

Ai lên Hương- tích chùa Tiên,
Gặp cô sư bác, anh khuyên đôi lời:

Đem thân làm cái kiếp người,
Tu sao cho trọn nước đời mà tu!

*

Sư đi, chùa mốc, sân rêu,
Mõ khuya ai gõ, chuông chiều ai khua?
Vinh hoa là cái trò đùa,
Đã tu không trót, lại mua trận cười.

*

Con chim ăn quả bồ nu,
Ai làm nên nỗi, thầy tu đeo xiềng?
- Thầy tu ăn nói cà riềng,
Em thưa quan cả đóng xiềng thầy tu.

*

Người ta đi giáo tiền, giáo gạo.
Tiểu tôi đi giáo áo, giáo nồi.
Nhà nào công đức thì thôi,
Nhà nào đi vắng, tiểu tôi giáo bò...

*

Sư tu đâu, tiểu tôi tu đấy.
Oản với chuối ta cùng ăn chung.
Rục tùng xoè, ta rung não bạt,
Dốc một lòng, thế phát đi tu.

*

Vợ sư sắm sửa cho sư,
Áo đen tràng hạt, mũ lư tày giành.
Để sư sướng kiếp bành bành...

*

Ngồi buồn đốt một đống rơm,

Khói lên nghi ngút chẳng thơm chút nào.
Khói lên đến tận thiên tào,
Ngọc hoàng phán hỏi: thằng nào đốt rơm?

*

Sư đang tụng niệm na mô,
Thấy cô cắp giỏ mò cua bên chùa...
Lòng sư luống những mơ hồ,
Bỏ kinh bỏ kệ, tìm cô hỏi chào,
Ai ngờ cô đi đàng nào,
Tay lần tràng hạt ra vào băn khoăn...

*

Ba cô đội gạo lên chùa,
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư.
Sư về, sư ốm tương tư,
Ốm lăn ốm lóc, cho sư trọc đầu.
Ai làm cho dạ sư sầu,
Cho ruột sư héo như bầu đức dây.

*

Em là con gái phủ Từ[1]
Lộn chồng trả của, theo sư chùa Viềng.
Đói ăn thịt chó nấu riềng,
Bán rau mảnh bát, lấy tiền nộp cheo
Dù còn thiếu thốn bao nhiêu,
Xin làng đừng có cấm nêu ruộng chùa.

*

(1) Phủ Từ sơn (Bắc- ninh).

Vào chùa xem tượng mới tô,
Xem chuông mới đúc, xem cô lộn chồng.
Cô lộn chồng cô tu đã vậy,
Cha mẹ già trông cậy vào đâu?

*

Na mô bồ tát bồ hòn,
Ông sư bà vãi cuộn tròn lấy nhau!

*

Na mô đức phật Quan- âm,
Bao nhiêu vãi mầm thì lấy tiểu tôi!

*

Ba mươi súc miệng ăn chay,
Sáng ngày mồng một dựng cây trúc đài,
Lâm râm khấn vái phật trời,
Biết đâu có nắng mà phơi quần hồng!
Ai ơi, hãy hoãn lấy chồng,
Để cho trai gái dốc lòng đi tu.
Chùa này chẳng có bụt ru?
Mà đem chuông khánh treo chùa Hồ sen[1]
Thấy cô yếm đỏ răng đen,
Na mô Di- phật lại quên mất chùa!
Ai mua tiu cảnh thì mua,
Thanh la não bạt, thầy chùa bán cho.
Hộ pháp thì một quan ba,
Long- thần chín rưỡi, Thích- ca ba tiền.
Còn hai Mụ Thiện hai bên

---

(1) Tức ngôi chùa nhỏ ở trên một đám đất nổi giữa đầm sen thuộc khu Bảy mẫu (nay đã lấy đi) bên tay trái con đường từ Ga Hàng Cỏ xuống bệnh viện Bạch- mai (Hà Nội)

Ai mua bán nốt lấy tiền nộp cheo.
Lệ làng thiếu thốn bao nhiêu,
Đẫn cây tre cộc cằm nêu sân chùa.

*

Sáng trăng vằng vặc,
Vác cặc đi chơi.
Gặp đàn vịt trời,
Giương cung anh bắn.
Gặp cô yếm thắm,
Đội gạo lên chùa,
Thò tay bóp vú...
"Khoan khoan tay chú!
Đổ thúng gạo tôi..."
Hôm nay ba mươi,
Mai là mồng một,
Đội gạo lên chùa cúng Bụt,
Bụt ngoảnh mặt đi...
Ông Thích- ca mỉm miệng cười khì:
"Của tam bảo, để làm gì chẳng bóp!"

G. NHỮNG CÁI GIÀU ĐẸP CỦA ĐẤT NƯỚC NHỮNG CÁI ĐẶC BIỆT CỦA TỪNG MIỀN.

Những câu tình tứ giữa hai bên nam nữ thường nói lên một phần nào giang sơn đất nước tươi đẹp của chúng ta. Nhưng còn nhiều câu ca dao nói về những cái đặc biệt của từng miền, chứng tỏ nước Việt Nam ta vừa giàu cả về người lẫn về của.

Người thì:

- Trai Cầu Vồng, Yên - thế, gái Nội - duệ, Cầu Lim.

- Nồi đồng lại úp vung đồng,

Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng-nai...

đều là những nơi có nhiều trai tài, gái sắc, xứng đáng kết duyên cùng nhau.

Còn cảnh đẹp thì "Hà Nội ba mươi sáu phố phường", lại có hồ Tây được tả như sau:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn- vũ, canh gà Thọ- xương.
Tuyệt mù khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên- thái, mặt gương Tây- hồ.

Ai đã từng vào Nghệ- Tĩnh, đều đã thấy những cảnh đẹp như vẽ của đất nước ta, nên đã có câu:

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ.

Và trong Trung bộ, đèo Hải Vân cũng được tả như sau:

Hải - vân bát ngát ngàn trùng,
Hòn Hồng ở đấy là trong vịnh Hàn.

Xưa nay qua đấy còn truyền,
Lối đi lô giản thẳng miền ra khơi...

Đất nước Việt Nam ta tươi đẹp. Với lòng yêu nước thiết tha, tác giả những câu ca trên này lại càng làm cho giang sơn gấm vóc của chúng ta tươi đẹp hơn lên, rực rỡ hơn lên, hiểm trở hơn lên. Bởi vậy, nhìn ngọn Tản- viên, nhìn cửa Tuần-vương, nhân dân Việt Nam đã cho nó là cao nhất, là sâu nhất nên đã có những câu:

Nhất cao là núi Tản- viên,
Nhất sâu là vũng Thuỷ- tiên cửa Vường.

Có những lúc nhân dân Việt Nam yêu nước hết sức thắm thiết, lòng ái quốc ấy có tính chất lãng mạn tích cực, họ muốn đem cả bàn tay lao động của mình, cùng hoá công xây dựng cho cảnh trí được thêm hùng tráng. Chúng ta hãy nghe câu hát:

Ta về, ta dựng mây lên,
Trời xe mây lại một bên hòn lèn...

Đất nước ta tươi đẹp không phải chỉ ở mây, ở rừng núi, ở hồ sông, biển cả, cái tươi đẹp ấy đã có một giá trị thực tế ở như đồng ruộng bao la, ở như sông bể lắm cá, ở nông, lâm, khoáng sản của đất nước ta, và đã được bàn tay lao động của nhân dân ta khai thác:

Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông...
Thân em như chẹn lúa đòng đòng,
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng buổi mai.

Đây không những là nguồn sống chính của đất nước chúng ta, những cánh đồng lúa phì nhiêu, mênh mông bát ngát, mà bài ca còn nói lên cả nhựa sống đang lên của người thiếu nữ xinh tươi, tiêu biểu cho nhân dân lao động Việt Nam.

Về nghề đánh cá ta hãy đọc những câu ca dao sau này thuộc về miền Bắc:

Nguyệt Viên lắm thóc nhiều tiền,
Có sông tắm mát, có miền nghỉ ngơi.
Chiều chiều, ba dãy cá tươi...

Về những thứ chè ngon, như chè Vân - thái, những giống gà to như gà Hồ, gà Tò, gà Văn - cú, những nơi nhuộm thâm có tiếng như làng Huê - cầu (tức Xuân - cầu), những lụa tốt như lụa Cổ - đô,v.v... nhân dân đều nói lên trong ca dao:

Lụa này thật lụa Cổ - đô,
Chính tông lụa cống, các cô ưa dùng.

Những cái thổ ngơi, mỗi địa phương đều có những câu vần vè để ghi nhớ. Nhờ ở sức lao động và sự cần cù mà có, nên người nông dân rất yêu những thứ mình đã làm ra; dù nó không tốt, không ngon bằng địa phương khác, họ cũng ca ngợi. Thí dụ ở huyện Phù - cừ (thuộc tỉnh Hưng - yên) có câu:

Đầu huyện thì chuối với na,
Giữa huyện ba ba với ấu,
Cuối huyện dưa hấu khoai lang.

Tuy dưa hấu Phù - cừ không bằng dưa hấu Đồ - sơn, chuối Phù - cừ không bằng chuối ngự Nam - định,v.v....

Cho đến cả những thứ rau đậu mà các miền ngoại ô Hà - nội cung cấp cho nhân dân thủ đô, người dân lao động cũng ca hát bằng một giọng tự hào:

Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng, vốn nhà trồng rau.
Rau thơm, rau húng, rau mùi,
Thìa là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.
Mồng tơi, mướp đắng, ớt, cà,
Bí dưa, đậu ván, vốn nhà trồng nên.
Anh giúp em đôi quang tám để cho bền,
Mượn người lịch sự gánh lên Kinh kỳ...

Dân ca của ta nói lên khá nhiều những cảnh đẹp, những cái phong phú của đất nước, những cái đặc biệt của từng miền, đặc biệt về người, về của, cũng như về cảnh vật. Ở mục này, chúng tôi mới chỉ nhặt được một số ít câu, một số ít bài, và nhận thấy rằng chỉ khi nào có điều kiện đi đến từng miền mới sưu tầm đầy đủ được.

Những cái giàu đẹp của đất nước.
Những cái đặc biệt của từng miền.

Rủ nhau ra tắm hồ sen,
Nước trong bóng mát, hương chen cạnh mình.
Cứ chi vườn ngọc, ao quỳnh
Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay.

*

- Ăn Bắc, mặc Kinh
- Chè Vân - thái, gái Tiên - lữ[1]
- Gái Giang - hà, nhà gỗ lim.
- Bưởi Đại - trà, cam Đồng - dụ, gà Văn - cú, vú Đồ - sơn.
- Cổng làng Tò[2], trâu bò làng Hệ.
- Cối làng Tông, chuông đồng làm Đống.
- Bạc tỉnh Tuyên, ai có duyên thì được,
- Bánh giầy nếp cái, con gái họ Ngô.
- Có tiền buôn Đông[3], không tiền buôn Thái[4]
- Trai Cầu Vồng, Yên - thế[5], gái Nội - duệ, Cầu Lim[6]

*

- Vợ xứ Đông, chồng xứ Bắc[7]
- Đốt Đông- ngàn[8] bằng người ngoan thiên hạ.
- Thứ nhất Kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến[9]
- Một trăm cửa bể cũng nể cửa Tuần- vường.

---

(1) Một huyện thuộc Hưng yên.
(2) Một làng ở Thái Bình
(3) Tức Hải dương.
(4) Thái nguyên
(5) (6) Huyện Yên thế và các làng Nội duệ, Cầu Lim xưa đều thuộc Kinh Bắc (nay đều thuộc Hà Bắc).
(7) Vợ Hải dương, chồng Bắc ninh.
(8) Thuộc Bắc ninh
(9) Tức Hưng Yên bây giờ

*

Bao giờ lấp ngã ba Chanh,
Để ta gánh đá xây thành Cổ Loa.

*

Bao giờ cạn lạch Đồng - nai,
Trạm - chay có chợ, Ngọc - đình có vua.

*

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,
Chẳng trong cũng thể hồ Tây xứ Đoài.
Rửa chân đi hán đi hài,
Rửa chân đi đất chẳng hoài rửa chân.

*

Mồng bảy hội Khám, mồng tám hội Dâu,
Mồng chín, đâu đâu trở về hội Gióng.

*

Ai lên Biên - thượng, Lam - sơn,
Nhớ Lê Thái tổ chặn đường quân Minh.

*

Thùng thùng trống đánh quân sang,
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàn.
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,
Qua quán Đông - thổ vào làng Đinh - hương.
Anh đi theo chúa Tây - sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già.

*

Ấy ngày mồng sáu tháng ba,
Ăn cơm với cà đi hội chùa Tây.[1]

---

(1) Chùa Tây phương ở Thạch thất (Sơn - tây).

*

Nhớ ngày mồng bảy tháng ba,
Trở về hội Láng, trở ra hội Thầy.

*

Hội chùa Thầy có hang Các - cớ,
Trai chưa vợ, nhớ hội chùa Thầy.

*

Dù ai buôn đâu bán đâu.
Mồng mười tháng tám, chọi trâu thì về[1]

*

Bơi Đăm[2], rước Giá[3] hội Thầy,
Vui thì vui vậy, chẳng tầy rã La[4].

*

Cầm như bác mẹ chẳng sinh,
Thì em ra ở Vạn - ninh cho rồi!
Phải là con mẹ con cha,
Thì sinh ở đất Duyên - hà, Thần - khê[5]

*

Chàng đi Vạn - hoạch, chàng ơi!
Con chàng bỏ lại, ai nuôi cho chàng?

*

(1) Hội chọi trâu ở Đồ sơn.
(2), (3), (4) Đăm, tức là làng Tây - tựu; Giá, tức là làng Yên - sở; La tức làng La - khê, La cả (đều thuộc tỉnh Hà đông)
(5) Thuộc tỉnh Thái bình, nơi có tiếng là giàu (đặc biệt là gà sống thiến béo và gạo ngon).

Chẳng thanh cũng thể hoa mai,
Chẳng lịch cũng thể con người Thượng - kinh[1]

*

Chẳng vui cũng thể hội Thầy,
Chẳng trong cũng thể Hồ Tây xứ Đoài[2]

*

Làng Quang dưa, vải khắp đồng,
Ngô khoai khắp ruộng, nhãn lồng xóm Văn[3]
Dù anh buôn đâu bán đâu,
Cũng không tránh khỏi Tiền - châu, Vân - sàng[4]

*

Dù ai xấu xí như ma,
Tắm nước Đồng - lầm cũng ra con người.

*

Dưa La, húng Láng, nem Bảng[5], tương Bần.
Nước mắm Vạn Vân[6], cá rô Đầm Sét[7]

*

Đi đâu mà chẳng biết ta,
Ta ở kẻ Láng, vốn nhà trồng rau.

---

(1) Còn câu: *Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,*
Chẳng lịch cũng thể là người Tràng An.

(2) Thời xưa bờ phía tây- bắc, phía đông và phía nam Hồ Tây thuộc huyện vĩnh thuận, phủ Phụng- thiên (nay là Hoài - đức) trong kinh thành Thăng - long; còn bờ phía tây thuộc huyện Từ liêm ở trong tỉnh Sơn - tây cũ, nên gọi là xứ Đoài.

(3) Làng Quang tức làng Thanh - liệt, Xóm Văn là một xóm thuộc làng Quang, xưa là làng Voi, quê của Chu Văn An.

(4) Gần Dục - thuỷ (Ninh bình).

(5) Bảng tức làng Đình bảng (Bắc ninh)

(6) Vạn- vân tức vạn Vân - đồn.

(7) Đầm Sét, tức cái đầm thuộc làng Thịnh - liệt (Hà - đông).

Rau thơm, rau húng, rau mùi,
Thìa là, cải cúc, đủ mùi hành hoa.
Mồng tơi, mướp đắng, ớt, cà,
Bí đao, đậu ván, vốn nhà trồng nên.
Anh giúp em đôi quang tám dẻ cho bền,
Mượn người lịch sự gánh lên Kinh kỳ...
Gánh lên chợ mới một khi,
Mong cho đến chợ, em thì nghỉ ngơi...

*

Giàu thì dãi vải tháng ba,
Khó khăn mua vải hồ La tháng mười.

*

Gái chê chồng, đến Bông[1] trở lại,
Trai chê vợ, đến Bái[2] trở về.

*

Khôn ngoan, qua cửa sông La[3],
Dễ ai có cánh bay qua luỹ Thầy,

*

Làm trai lấy vợ Sơn - đông[4],
Thịt xôi chẳng có tiền chồng như non.

*

May ra thì hoá tứ linh,
Chẳng may thì lại nằm đình Cổ - lương.

*

(1) Bông tức làng Lai- hạ- trung (Hưng yên)
(2) Bái tức làng Bối khê (Hưng yên)
(3) Tức La - hà (sông Gianh)
(4) Tức làng Gốm thuộc Vĩnh - yên, đặc biệt về đồ gốm

Mặt vàng đổi lấy mặt xanh,
Hai tay hai gậy, lạy anh sông Bờ!

*

Những người lử khử lừ khừ,
Chẳng ở Đại - từ, thì ở Vũ - nhai.

*

Sông Thao nước đục, người đen,
Ai lên phố Ẻn cũng quên đường về.

*

Muốn ăn cơm trắng canh cần,
Thì về Đồng - lãng đan giần với anh.

*

Kẻ Dầu có quán Đình - thanh,
Kẻ Hạc ta có Ba - đình, Ba - voi.

*

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh,
Non xanh nước biếc như tranh hoạ đồ,
Ai vô xứ Nghệ thì vô..

*

Đường đi quanh quất ruột dê,
Chim kêu vượn hót dựa kề bên non.

*

Đường lên Mường Lễ[1] bao xa?
Trăm bảy mươi thác, trăm ba mươi ghềnh.

---

(1) Mường - lễ ở Lai - châu.

*

Bắc - cạn có suối đãi vàng,
Có hồ Ba - bể, có nàng áo xanh.

*

Đường về Kiếp - bạc bao xa?
Đường về Kiếp - bạc có cây đa Bồ - đề.
Có yêu anh cắp nón ra về,
Giàu ăn, khó chịu, chớ hề hở hang.

*

Em là con gái xứ Nam,
Chăm nghề đi cấy, sang làm xứ Đông.
Đồn rằng xứ Bắc cao công,
Trốn cha trốn mẹ trốn chồng mà đi.

*

Gắng công kén hộ cốm Vòng[1],
Kén hồng Bạch - h ạc cho lòng ai vui[2]

*

Muôn nghìn chớ lấy kẻ La,
Cái tương thì thối, cái cà thì thâm.

*

Nhất cao là núi Tản - viên,
Nhất sâu là vũng Thuỷ - tiên cửa Vường.

*

(1) Tức xã Dịch - vọng, huyện Từ - liêm (ngoại thành Hà - nội) trong đó có thôn Dịch - vọng hậu chuyên nghề làm cốm.
(2) Bạch - hạc thuộc Việt - trì (Phú - thọ) có giống hồng không hạt.

Nhất cao là núi Ba - vì,
Thứ ba Tam - đảo, thứ nhì Độc - tôn,

*

Nhất trong là giếng nước Hồi,
Nhất béo nhất bùi là cá rô câu.

*

Ra vời mới biết cạn sâu,
Ở trong lạch hói biết đâu mà dò.

*

Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Trai quên vợ, gái quên chồng thì lèn.

*

Ta về ta dựng mây lên.
Trời xe mây lại một bên hòn lèn.

*

Thành - phao, Phả - lại, Lục - đầu,
Em về, em để mối sầu cho ai!

*

Lênh đênh qua cửa Thần - phù,
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.

*

Yêu nhau cho thịt cho xôi,
Ghét nhau đưa đến Kim - bôi, Hạ - bì[1]

*

(1) Thuộc Hoà - bình, xưa kia người ta coi Kim - bôi, Hạ - bì là những nơi ma thiêng, nước độc.

Ví dù đấy có lòng yêu,
Bảo ta gánh đá Đông triều cũng đi.

*

Xứ Nam nhất chợ Bằng - gồi,
Xứ Bắc Vân - khám, xứ Đoài Hương - canh.

*

Cầu Mông bước tới Cầu Châu,
Bước sang Cầu Sĩ, gặp nhau Cầu Dừa...
Em ơi, đã có chồng chưa?
Sông còn có lạch lọ là người ru!

*

Núi Đọi ai đắp nên cao,
Ngã ba sông Gối ai đào nên sâu?
Dù ai buôn đâu, bán đâu,
Làm sao cho khỏi cầu Châu thì làm.

*

Nồi đồng lại úp vung đồng,
Con gái xứ Bắc lấy chồng Đồng - nai.
Giậm chân xuống đất kêu trời:
Chồng tôi vô Quảng biết đời nào ra!

*

Mình về đường ấy thì xa,
Có về tổng Mễ với ta thì về.
Tổng Mễ có ao rửa chân,
Có sông tắm mát, có đình nghỉ ngơi.
Tháng tám thì đi xem bơi,
Tháng hai xem rước, mình ơi hỡi mình!

*

Người đẹp như tiên,
Tắm nước Đồng - triền cũng xấu như ma,
Người xấu như ma,
Tắm nước Đồng - trà, cũng đẹp như tiên.

*

Hải - vân bát ngát nghìn trùng,
Hòn Hồng ở đấy là trong vịnh Hàn.
Xưa nay qua đấy còn truyền.
Lối đi lô giản[1] thẳng miền ra khơi.

*

Hỡi cô thắt lưng bao xanh,
Có về An - Phú với anh thì về.
An - phú có ruộng tứ bề,
Có ao tắm mát có nghề kẹo nha.

*

Hải - dương tiết nghĩa có hai:
Một mắt bà lão với hai con bò.
Trên trời có ông sao tua,
Ở làng Minh - giám có vua Ba - vành.
Phương Đông quật lũ hung tinh.
Làm cho bảy viện tan tành ra tro.

*

Ai lên Đồng - tỉnh, Huê - cầu[2]
Đồng - tỉnh bán thuốc, Huê - cầu nhuộm thâm.
Nào ai đi chợ Thanh - lâm[3]
Mua anh một áo vải thâm hạt dền.

---

(1) Giản là một khe nước giữa hai dãy núi. Còn *lô giản* chưa rõ nghĩa.
(2) Đồng - tỉnh bán thuốc lào; Còn Huê - cầu tức Xuân - cầu, Cả hai nơi này trước kia thuộc Bắc - ninh, nay thuộc Hưng - yên.
(3) Thuộc Hải dương

*

Chiều chiều ra đứng bờ sông,
Hỏi thăm chú lái: nào chồng em đâu?
- Chồng em lên ngọn sông Ngâu,
Buôn chè mạn hảo, năm sau mới về.

*

Ai lên nhắn chị hàng bông,
Có muốn lấy chồng thì xuống Nguyệt - viên.
Nguyệt - viên lắm thóc nhiều tiền,
Có sông tắm mát, có miền nghỉ ngơi,
Chiều chiều ba dãy cá tươi.
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.

*

Anh là con trai Nam - sang,
Nước lớn ngang đàng vác đấu đi đong.
Anh đong tỉnh Bắc, tỉnh Đông
Trở về anh lại sang đong tỉnh Đoài.
Tỉnh Bắc giá thóc mười hai,
Tỉnh Đông mười tám, tỉnh Đoài hai mươi.

*

Gặp nhau tứ bến Phú - nhi,
Chẳng đi thì nhớ, đi thì uổng công.
Gặp nhau từ bến Đại - đồng.
Quên nhau hay đã có chồng mà quên?

*

Bồng em mà bỏ vô nôi,
Cho mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu.
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu,
Mua cau Bát - nhị mua trầu Hội - an.

*

Rủ nhau đánh cá Đồng - lâm,
Cá kia chẳng được âm thầm lòng anh.
Cây vàng, lá rụng chung quanh..[1]

*

Rủ nhau đánh cá Đồng - nai,
Cá kia chẳng được một ngày đến trưa.
Sầu em nước mắt như mưa...

*

Em ơi, chị bảo em này,
Nhất mặn là muối, nhất cay là gừng.
Nhất cao là núi Tam - từng,
Chị còn đạp đổ nữa rừng cỏ may.
Nhất đẹp là núi Sơn - tây,
Chị còn chẳng tiếc nữa dây bìm bìm!

*

Em nay buôn chỉ bán tơ,
Buôn ngọn sông Bờ, bán ngọn sông Thao.
Nước sông Thao biết bao giờ cạn?
Núi Ba Vì biết vạn nào cây!
Hỏi nhà anh tú đâu đây?

*

(1) còn có những câu:

Rủ nhau đánh cá Đồng - lầm,
Cá kia chẳng được âm thầm lòng em.
Rủ nhau đánh cá Đồng Trèm,
Cá kia chẳng được lòng em âm thầm.

(Đồng Trèm thuộc làng Thụy - phương, huyện Từ - liêm, nay thuộc ngoại thành Hà Nội)

Đồng Đăng có phố Kỳ - lừa,
Có nàng Tô - thị, có chùa Tam - thanh.
Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em.
Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mải vui quên hết lời em dặn dò.
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương...

*

Vải Quang, húng Láng, ngổ Đầm,
Cá rô Đầm Sét, sâm cầm Hồ Tây[1]

*

Mình về đường ấy thì xa,
Để anh bắc cầu sông Cái về qua Ninh - bình,
Đất Ninh - bình có chùa Non - nước,
Núi Phi - diên[2], Hồi - hạc chung quanh.
Em về, em chớ quên anh.

*

Ở nhà thì sợ bạn trông,
Ra đi thì nhớ dốc Ông, dốc Dài.
Ở nhà thì nhớ bạn hoài,
Ra đi thì nhớ dốc Dài, dốc Ông.

*

Đi bộ thì khiếp Hải - vân,
Đi thuyền thì khiếp sóng Thần, hang Giơi.

---

(1) Các thứ của ngon vật lạ của Hà - nội, sâm cầm là giống chim thịt rất ngon.
(2) Núi Cánh - diều.

*

Ai về chợ Vạn thì về,
Chợ Vạn có nghề cất rượu nuôi heo.

*

Bắp non mà nướng nửa lò,
Đố ai ve được con đò Thủ - thiêm?

*

Chẳng đi nhớ cháo làng Ghề[1]
Nhớ cơm Phố Mía, nhớ chè Đông - viên.

*

Lụa này thật lụa Cổ - đô,
Chính tông lụa cống các cô ưa dùng.

*

Đố anh con rết mấy chân?
Núi Đầu - mâu mấy thước, chợ Hôm mấy người?

*

Đông - ba, Gia - hội, hai cầu,
Có chùa Diện - đế bốn lầu hai chuông.

*

Đưa em cho tới Đông - hồ,
Anh mua trái mít, anh bổ trái thơm.

*

Lòng thương con gái xóm Chùa,
Khéo may đẫy gấm khéo thùa bông dâu.

---

(1) Làng Ghề là làng Yên - kỹ (Sơn - tây)

Muốn ăn bánh ếch[1] lá gai,
Lấy chồng Bình - định, sợ dài đường đi.

*

Thứ nhất sông Nến chảy ra,
Thứ hai ngòi Mỡ, thứ ba ngòi Dầu.

*

Rủ nhau chơi khắp Long - thành,
Ba mươi sáu phố rành rành chẳng sai:
Hàng Bồ, hàng Bạc, hàng Gai,
Hàng Buồm, hàng Thiếc, hàng Hài, hàng Khay.
Mã vĩ, hàng Điếu, hàng Giày,
Hàng Lờ, hàng Cót, hàng Mây, hàng Đàn.
Phố Mới, Phúc - kiến, hàng Than,
Hàng Mã, hàng Mắm, hàng Ngang, hàng Đồng.
Hàng Muối, hàng Nón, cầu Đông.
Hàng Hòm, hàng Đậu, hàng Bông, hàng Bè.
Hàng Thùng, hàng Bát, hàng Tre.
Hàng Vôi, hàng Giấy, hàng The[2], hàng Gà.
Quanh đi đến phố hàng Da,
Trải xem phường phố, thật là cũng xinh.
Phồn hoa thứ nhất Long - thành,
Phố giăng mắc cửi, đường quanh bàn cờ.
Người về nhớ cảnh ngẩn ngơ,
Bút hoa xin chép nên thơ lưu truyền.

*

Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Trấn - vũ, canh gà Thọ - xương.

---

(1) Bánh ếch tức là bánh ít
(2) Tức hàng Đào xưa kia bán toàn the, lụa và tơ (thuộc phường Đồng -lạc).

Tuyệt mù khói toả ngàn sương.
Nhịp chày Yên - thái, mặt gương Tây - hồ.

*

Ai về Hà - nội, ngược nước Hồng - hà,
Buồm giong ba ngọn, vui đà nên vui!...
Đường về xứ Lạng mù xa,
Có về Hà - nội với ta thì về.
Đường thuỷ thì tiện thuyền bè,
Đường bộ cứ bến Bồ - đề mà sang.

*

Sông Tô nước chảy trong ngần,
Có thuyền buồm trắng chạy gần chạy xa.
Thon thon hai mũi chèo hoa,
Lướt đi lướt lại như là bướm gieo.

*

Làng tôi có luỹ tre xanh,
Có sông Tô - lịch uốn quanh xóm làng.
Bên bờ vải, nhãn, hai hàng,
Dưới sông cá lội từng đàn tung tăng.

*

Giao - tự[1] lắm bãi nhiều soi,
Lắm con gái đẹp nhiều nơi phải lòng.
Giao - tự gần giếng, gần sông.
Đàn bà thì ít, đàn ông thì nhiều.

*

(1) Giao tự là một thôn thuộc xã Kim - sơn bên bờ sông Đuống, thuộc Gia - lâm (xưa thuộc Bắc - ninh nay thuộc ngoại thành Hà nội).

Ai về đến huyện Đông - anh,
Ghé xem phong cảnh Loa - thành Thục Vương
Cổ - loa hình ốc khác thường,
Trải bao năm tháng, nẻo đường còn đây.

*

Rủ nhau xem cảnh Kiếm - hồ,
Xem cầu Thê - húc[1], xem chùa Ngọc - sơn.
Đài Nghiên, Tháp Bút[2] chưa mòn,
Hỏi ai xây dựng nên non nước này?

*

Hỡi cô mà thất bao xanh,
Cô về Kim - lũ[3] với anh thì về.
Kim - lũ có hai cây đề,
Cây cao bóng mát gần kề đôi ta.
Tình sâu không quản đường xa,
Nhà anh cao rộng cũng là nhà em.
Nhà anh có con sông êm.
Cho em tắm mát những đêm mùa hè.

*

Lụa làng Trúc[4] vừa thanh vừa bóng,
May áo chàng cùng sóng áo em.
Chữ tình cùng với chữ duyên,
Xin đừng thay áo mà quên lời nguyền.

---

(1) Thê- húc có nghĩa là ánh mặt trời ban mai đậu lại
(2) Đài Nghiên và Tháp Bút đều do nhà văn Nguyễn Siêu xây dựng vào khoảng giữa thế kỷ XIX
(3) Kim lũ là một thôn thuộc xã Đại kim, huyện Thanh trì
(4) Một làng bên bờ hồ Trúc bạch (Hà nội)

H. ẢNH HƯỞNG QUA LẠI GIỮA TỤC NGỮ, CA DAO VÀ VĂN HỌC THÀNH VĂN.

Văn học dân gian biểu hiện ý nghĩa, tâm tình của nhân dân, những nhận xét của nhân dân về cuộc sống và chỉ cái gì thật sự Việt Nam nhân dân mới đưa vào sáng tác của mình. Những tác phẩm văn học thành văn có nhiều tính nhân dân và tính dân tộc hơn cả đều là những tác phẩm đã vận dụng được ngôn ngữ, phương pháp nghệ thuật ưu tú của văn học dân gian, đồng thời cũng có nội dung tư tưởng, tình cảm phù hợp một phần nào với thế giới quan của nhân dân lao động,

Các tác giả *Việt điện u linh tập, Thánh tông di thảo, Thiên Nam ngữ lục, Lĩnh Nam chích quái, Truyền kỳ mạn lục, Tang thương ngẫu lục, Lan trì kiến văn lục, Thoái thực ký văn* đã ghi chép lại truyện dân gian và trên cơ sở đó, họ đã hư cấu hoặc ít hoặc nhiều. Những nhà thơ thiên tài như: Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, những nhà thơ nổi tiếng như: Nguyễn Khuyến, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Trần Tế Xương, và ngày nay, Tố Hữu, nhà thơ lớn của ta, đã vận dụng một cách sáng tạo ngôn ngữ và nghệ thuật ưu tú của văn học dân gian vào sáng tác của mình.

Trong một thời kỳ khá dài của lịch sử nước ta, chữ Hán đã được coi là thứ chữ "chính thức" và việc đó đã ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ nền văn học dân tộc, trong đó có văn học dân gian truyền miệng. Ý thức hệ phong kiến đã ảnh hưởng đến cả những sáng tác của nhân dân. Các nhà thơ lớn của ta thời xưa đều tin ở thuyết định mệnh, và

trong nhân dân, nhiều người cũng tin ở thuyết định mệnh. Chúng ta thấy có những câu thơ của Nguyễn Trãi và những câu ca dao tuy lời có khác nhau mà đều diễn một ý như nhau. Câu chữ Hán: "Phú quí do thiên" thì cũng có câu ca dao;

Số giàu đưa đến dửng dưng,
Lọ là con mắt tráo trưng mới giàu,

Trong Quốc âm thi tập, Nguyễn Trãi cũng có những câu:

Sang cùng khó bởi chưng trời,
Lăn lóc làm chi cho nhọc hơi[1]

và

Được thua phú quí dầu thiên mệnh,
Chen chóc làm chi cho nhọc nhằn[2]

Trong Truyện Kiều của Nguyễn Du cũng có câu:

Ngẫm hay muôn sự tại trời,
Trời kia đã bắt làm người có thân...

Chữ Hán có câu:

Bần cư trung thị vô nhân vấn,
Phú lại sơn lâm hữu khách tầm.

thì ca dao ta cũng có những câu:

Khó khăn ở chợ leo teo,
Ông cô, bà cậu chẳng điều hỏi sao.
Giàu sang ở bên nước Lào,
Hùm tha, rắn cắn, tìm vào cho mau.

và trong Quốc âm thi tập, Nguyễn Trãi cũng có câu tương tự:

Quả nhiều, sơn dã, đem nhau đến,
Khó ở Kinh thành, ít kẻ han[3]

---

(1) Quốc âm thi tập của Nguyễn Trãi (trang 32) Nhà xuất bản Văn Sử Địa- 1956.
(2) Quốc âm thi tập- trang 45
(3) quốc âm thi tập- trang 120

Như vậy là đã có một thời, tục ngữ ca dao và thơ của các tác gia đã bắt nguồn từ một số câu chữ Hán có ý nghĩa về con người và việc đời. Đến thời văn học chữ nôm thịnh thì tục ngữ ca dao đã ảnh hưởng rất nhiều đến thơ ca.

Ca dao có câu:

Còn duyên như tượng tô vàng,
Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.

Thì thơ của Nguyễn Trãi có câu:

La ỷ[1] *dập đìu, hàng chợ họp,*
Cửa nhà bịn rịn, tổ ong tàn[2]

Ca dao có câu:

Thật vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.

thì thơ của Nguyễn Trãi có câu:

Ngọc lành, nào có tơ vết[3]
Vàng thật, âu chi[4] *lửa thiêu*[5]

Nguyễn Trãi dùng rất nhiều tục ngữ trong thơ, thí dụ bài sau đây[6]

Ở bầu thì dáng ắt nên tròn,
Xấu tốt, đều thì lắp khuôn.
Lân cận nhà giàu no bữa cốm,
Bạn bè kẻ trộm phải đau đòn.
Chơi cùng đứa dại nên bầy dại,
Kết với người khôn học nết khôn.
Ở đẳng thấp, thì nên đẳng thấp[7]*,*
Đen gần mực, đỏ gần son.

---

(1) La ỷ: lượt là
(2) Quốc âm thi tập- bài 55- tr. 66
(3) Tơ vết: vết nhỏ như sợi tơ
(4) Âu chi: ngại chi
(5) Quốc âm thi tập- bài 116- tr, 108
(6) Quốc âm thi tập- bài 148- trang 127
(7) Ở đẳng thấp: Ở bậc thấp

Chúng ta thấy Nguyễn Trãi đã vận dụng một cách sáng tạo những câu tục ngữ.

- Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

- Ở gần nhà giàu, đau răng ăn cốm,

- Ở gần kẻ trộm, ốm lưng chịu đòn.

- Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Ngược lại, cũng rất có thể nhân dân đã mượn ý thơ của Nguyễn Trãi để sáng tác một số câu tục ngữ, ca dao; nhưng theo ý chúng tôi, sự vay mượn này của nhân dân đối với thơ của Nguyễn Trãi không nhiều, vì thơ của Nguyễn Trãi không phải loại thơ đã được phổ biến rộng rãi, nhất là sau khi ông bị nạn chu di.

Trong số những nhà thơ lớn trong văn học cổ điển, chúng ta thấy Nguyễn Du và Hồ Xuân Hương đã sử dụng rất sáng tạo ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật dân gian, và ngược lại nhân dân cũng mượn nhiều câu trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và trong thơ của Hồ Xuân Hương, hoặc để nguyên hoặc sửa đi ít nhiều, để đối đáp nhau, gửi gắm tâm sự mình

Thương nhớ người xa vắng, ca dao có câu:

...Ai đi muôn dặm non sông,

Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy

thì Nguyễn Du đã miêu tả những nỗi nhớ nhung, sầu não của Kim Trọng như sau:

Sầu đong càng lắc càng đầy,

Ba thu dọn lại một ngày dài ghê!...

Ca dao ta có câu:

Đã thành gia thất thì thôi,

Đèo bòng chi lắm, tội trời ai mang?

và những câu:

Đầu năm ăn quả thanh yên,

Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bòng.

Vì cam cho quít đèo bòng,
Vì em nhan sắc, nên lòng nhớ thương.

Muốn miêu tả tâm trạng Kiều khi nàng đã biết duyên phận mình. Nguyễn Du đã để Kiều khuyên nhủ Thúc Sinh:

Đôi ta chút nghĩa đèo bòng
Đến nhà, trước liệu nói sòng cho minh...

Ca dao có câu:

Củi than nhem nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá, xin mình chớ quên.

thì trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du cũng hay dùng những chữ "đá vàng":

- Một lời vâng tạc đá vàng thuỷ chung;
- Đá biết tuổi vàng:
- Đá vàng đã quyết, phong ba cũng liều; vv...

Những chữ "mảnh trăng", "tay bồng tay mang", "đào liễu",v.v... mà nhân dân hay dùng làm hình tượng trong sáng tác của mình thì Nguyễn Du cũng hay sử dụng.

Truyện Kiều rất phổ biến trong quảng đại quần chúng, nên nhân dân thường dùng ngôn ngữ trong *Truyện Kiều*, nhân vật trong *Truyện Kiều*, sự tích trong *Truyện Kiều*, nhiều khi nguyên cả câu *Kiều* để xây dựng lời ca, biểu hiện cảm nghĩ của mình và còn đem cả từng đoạn trong Kiều để đố nhau nữa.

Về tâm sự kẻ ở người đi, về nỗi chia ly làm người ta day dứt, *Truyện Kiều* có câu:

Vầng trăng ai sẻ làm đôi?
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường

thì ca dao cũng có câu:

Vầng trăng ai sẻ làm đôi,
Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng?

Ở đây khó mà biết ai mượn của ai? Nhân dân vay mượn của Kiều hay Nguyễn Du sử dụng vốn của nhân dân?

Nhưng có những câu thì rõ ràng nhân dân đã mượn chữ nghĩa của Kiều, vì đây thật là những chữ nghĩa có tính chất bác học, có điển cố mà chỉ những tay túc nho mới diễn nôm được một cách trơn tru. *Truyện Kiều* có câu:

Chén hà sánh giọng quỳnh tương,
Giải là hương lộn, bình gương bóng lồng.

thì mấy chị hát phường vải đã đổi đi một vài chữ cho dễ hiểu hơn và thêm một câu khác cho hợp với lối "hát mời";

Chén ngà sánh giọng quỳnh tương,
Mời chàng nho sĩ văn chương bước vào.

và Truyện Kiều có câu:

Xắn tay mở khoá động đào,
Rẽ mây trông tỏ lối vào thiên thai.

thì nhân dân cũng đã dùng chữ nghĩa Truyện Kiều và đơn giản đi một phần cho hợp với cung cách của hát phường vải:

Ra tay mở khoá động đào,
Thực tiên thì được bước vào chơi tiên.

Trong khắp nước ta, không mấy người là không thuộc những nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Du: Thuý Kiều, Thuý Vân, Kim Trọng, Từ Hải, Thúc Sinh, Hoạn Thư, Tú Bà, Sở Khanh... Người ta thuộc những nhân vật này đến mức coi họ như những người có da, có thịt, cảm nghĩ, hành động ngay trong xã hội của mình. Xa cách người yêu, nhân dân đã miêu tả tâm trạng mình bằng những câu ca dao theo lối so sánh:

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn;
Liễu xa đào, liễu ngả, đào nghiêng.
Anh xa em như bến xa thuyền,
Như Thuý Kiều xa Kim Trọng, biết mấy niên cho tái hồi!

Nhiều khi nói thẳng tên người yêu, nghe nó sỗ sàng làm sao ấy, nói ngay vào mình thì cũng ngượng ngùng, nên người ta cũng đi mượn chàng Kim, nàng Kiều, nàng Vân thay bạn, thay mình:

Bóng ai thấp thoáng vườn hoa,
Hình như Kim Trọng đến nhà Kiều, Vân!

Trong dân ca Việt Nam, những câu hát đố và hát đối về Kiều rất phong phú. Trong những ngày hội hè, đình đám thời xưa, có thể suốt đêm, nam nữ túm năm tụm ba lại để hát đố và hát đáp toàn về "chữ nghĩa", toàn về "sự tích" và "nhân vật" trong Kiều. Có nhiều câu đố, đáp vừa tài tình, duyên dáng, vừa dí dỏm, châm chọc. Bên nữ lên tiếng đố:

- Nghe tin anh học có tài,
Đào tiên một cõi thiên thai ai trồng?

Bên nam liền đáp:

- Thiên thai là của nàng Kiều,
Riêng chàng Kim Trọng sớm chiều vào ra...

Ảnh hưởng qua lại giữa văn học dân gian và tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Du rất sâu sắc và phong phú. Nguyễn Du, nhà thơ thiên tài của ta, trong bài thơ chữ Hán *Thanh minh ngẫu hứng*, đã có câu:

Thôn ca sơ học tang ma ngữ,
Đã khốc thời văn chiến phạt thanh.

(Tiếng hát nơi thôn xóm giúp ta học những câu tả về trồng dâu, trồng gai, tiếng khóc nơi đồng nội như nhắc lại thời chiến tranh)[1]

Hồ Xuân Hương, một nhà thơ lớn nữa của ta, cũng học tập truyền thống nghệ thuật và ngôn ngữ ở tục ngữ ca dao không kém Nguyễn Du. Bà vận dụng rất tài tình lối dùng thành ngữ, tục ngữ, lối dùng lộng ngữ và lối chơi chữ của tục ngữ ca dao.

Ca dao có câu:

Quả cau nho nhỏ
Cái vỏ vân vân

---

(1) Thơ chữ Hán *Nguyễn Du*- Bùi Kỷ, Phan Võ, Nguyễn Khắc Hanh dịch- Nhà xuất bản Văn hoá, 1959 (trang 63 và 64).

thì thơ của Hồ Xuân Hương có câu:

Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi...

Ca dao có câu:

Không chồng mà chửa mới ngoan
Có chồng mà chửa, thế gian chi thường.

thì cũng một ý ấy, thơ Hồ Xuân Hương kín đáo hơn:

Những kẻ không mà có mới ngoan...

Những câu thành ngữ: *Nòng nọc đứt đuôi, lăn lóc như cóc bôi vôi* và những câu tục ngữ; *cố đấm ăn xôi, làm mướn không công* đều về ý hoặc về lời, được sử dụng một cách đắc địa và sáng tạo trong thơ Hồ Xuân Hương:

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hỏng,
Cầm bằng làm mướn, mướn không công.

và

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé,
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi.

Hồ Xuân Hương đã chọn lọc ở tục ngữ ca dao rất nhiều câu chua cay, mai mỉa cuộc đời. Bà còn vận dụng cả nghệ thuật của những câu đố để diễn đạt nội dung trữ tình làm cho thơ bà bỡn cợt mà duyên dáng, lẳng lơ mà kín đáo.

Đọc những bài về *Cái quạt, Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương, chúng ta thấy nó có phong cách dân gian đặc biệt, giống như câu đố, mà lại rất trữ tình. Sau đây là bài thơ *Bánh trôi:*

Thân em thì trắng, phận em tròn,
Bảy nổi ba chìm với nước non.
Rắn nát, mặc dầu tay kẻ nặn,
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

Do ngôn ngữ của ta rất bóng bảy và hàm súc, nên hầu hết những câu thơ của Hồ Xuân Hương đều có hai nghĩa. Có thể nói: bà là nhà thơ sử dụng ngôn ngữ dân gian tuyệt giỏi.

Xưa nay, những nhà thơ lớn của ta thường sử dụng nhiều ngôn

ngữ và hình tượng nghệ thuật giản dị, trong sáng và thanh thoát của nhân dân, nên nhiều lúc cũng khó thấy được ranh giới giữa thơ và ca dao. Về điểm này, tôi rất đồng ý với nhận định của Chế Lan Viên: "Nghĩ cho cùng, ca dao cũng chỉ là thơ- một lối thơ riêng biệt..."[1]

Trong nhiều bài thơ, Tố Hữu rất hay dùng ngôn ngữ dân gian và hình tượng nghệ thuật dân gian, nên quảng đại quần chúng rất ưa thích thơ Tố Hữu. Người ta ngâm những thơ của Tố Hữu như ngâm, hát ca dao, dân ca vậy.

Ở một xã thuộc huyện Hiệp - hoà (Hà - bắc) có một chị thuộc rất nhiều thơ của Tố Hữu, cứ ban đêm, khi bện gióng ngoài sân thì chị lại ngâm rất hay bài "Phá đường". Tôi hỏi chị có biết tác giả bài ấy là ai không thì chị cười và đáp: "Em chả biết!". Rõ ràng là nội dung tư tưởng tình cảm những bài thơ như vậy rất thích ứng với thế giới quan của nhân dân lao động và hình thức nghệ thuật của nó cũng rất dân gian, rất hợp với khẩu vị của nhân dân. Trong ca dao truyền thống, những cách "xưng hô" và "kêu gọi" rất đặc biệt. Trong bài Việt- Bắc, Tố Hữu cũng dùng lối dân gian đặc biệt ấy:

- Mình về mình có nhớ ta...
- Mình đi có nhớ những ngày...
- Ta với mình, mình với ta,
- Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh...

Những câu ca dao hay của ta quả là khuôn vàng thước ngọc cho lối thơ trữ tình.

---

(1) *Phê bình văn học* của Chế Lan Viên- trang 194 (Nhà xuất bản Văn học 1962).

I. NHỮNG HẠN CHẾ VỀ MẶT TƯ TƯỞNG CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN BIỂU HIỆN TRONG TỤC NGỮ CA DAO

Theo Goóc-ki, văn học dân gian là những sáng tác truyền miệng của nhân dân lao động; văn học dân gian là một loại văn học biểu hiện thế giới quan của các tầng lớp lao động, chủ yếu là nông dân và công nhân. Như vậy, đã phản ánh sinh hoạt, đã nói lên những ước mơ, những nguyện vọng của nhân dân lao động thì văn học dân gian (trong đó có tục ngữ, ca dao và dân ca) không thể nào lại biểu hiện tư tưởng của giai cấp bóc lột được.

Tuy vậy, trong văn học thành văn cũng như trong văn học truyền miệng (tức văn học dân gian) điều chủ yếu không phải là thành phần xuất thân của tác giả, thuộc giai cấp này hay giai cấp khác, mà là xu hướng, ý thức, tư tưởng của tác phẩm. Những tục ngữ, ca dao hay dân ca do một số người không xuất thân ở quần chúng nhân dân sáng tác mà có tư tưởng tiến bộ, phù hợp với thế giới quan của quần chúng lao động và được xây dựng dưới hình thức dân gian, vẫn có thể đứng trong hàng ngũ của văn học dân gian. Thực tế đã cho chúng ta thấy ở nước ta, trong thời phong kiến, thời thuộc địa và hiện nay, có những người trí thức không phải xuất thân từ các giai cấp nông dân và công nhân đã sáng tác nhiều ca dao và dân ca được quần chúng lao động ưa thích và được phổ biến rộng rãi.

Nhưng trong kho tàng tục ngữ, ca dao và dân ca của ta còn lại ngày nay, chúng ta thấy có một số câu, một số bài không những lạc

hậu mà còn phản động nữa. Những câu, những bài phản động đề cao giai cấp phong kiến thống trị như:

Một đêm quân tử nằm kề,
Còn hơn thằng nhắng vỗ về quanh năm

hoặc những câu:

Chim khôn đậu nóc nhà quan,
Trai khôn tìm vợ gái ngoan tìm chồng.
Xưa nay những bạn má hồng,
Thà hầu quân tử hơn chồng dần ngu.

Ở đây quân tử là những kẻ trong giai cấp thống trị, còn dần ngu là nhân dân lao động, vì theo chúng "dân ngu, khu đen"[1]. Lại có những câu vừa hạ thấp uy thế của giai cấp thống trị, vừa nói lên tính dâm ô một cách trâng tráo của chúng, thí dụ những câu:

Ngày thì quan lớn như thần,
Đêm thì quan lớn tần mần như ma,
Hai tay quan lớn gian tà,
Tay xoa cát phẩm, tay sờ hạ chiêu[2]

hay đề cao giai cấp thống trị và khinh rẻ người nghèo, người lao động khá rõ rệt, như câu sau này:

Một ngày dựa mạn thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Những câu, những bài như trên rất có thể đã xuất hiện trong giai cấp thống trị và cũng đã được truyền miệng một phần nào trong dân gian. Những câu ấy được lưu truyền như vậy, vì bị hạn chế bởi điều kiện sản xuất, vì chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến, nên

---

(1) Khu tức thân thể

(2) Xưa, "Đánh đố chữ", một loại cờ bạc sát phạt nhau rất nhiều, cát phẩm là vú, hạ chiêu là âm hộ.

người nông dân Việt Nam cũng như người nông dân ở nhiều nước trên thế giới, đã có những nhược điểm nhất định trong ý thức tư tưởng. Về căn bản tư tưởng người nông dân là tư tưởng duy vật, nhưng bị kỹ thuật nông nghiệp thô sơ hạn chế, nên trí óc họ đã nảy nở những tư tưởng duy tâm, làm cho giai cấp phong kiến có chỗ dựa để đầu độc tư tưởng họ. Trước những thiên tai, như lụt, bão, hạn, dịch tả, sâu cắn lúa,v.v... người nông dân nhiều lúc đã tỏ ra bất lực. Trong nhiều thế kỷ, người nông dân Việt Nam đã phải lệ thuộc vào thiên nhiên rất nhiều. Trong tình hình ấy, giai cấp phong kiến đã tuyên truyền tư tưởng duy tâm trong nhân dân để có lợi cho chúng. Do đó, thời xưa, người nông dân nước ta đã có những tư tưởng lạc hậu, mê tín đối với thiên nhiên và đối với xã hội. Họ cho mưa nắng là do Trời làm ra, nên gặp khi hạn hán, họ "lạy Trời mưa xuống" và khi "mưa nắng phải thì" thì họ tạ ơn Trời. Họ không thể hiểu tại sao những "kẻ ăn trộm ăn cướp" lại "thành Phật, thành Tiên" được, mà hay "đi chùa, đi chiền" như họ thì lại khổ sở, có khi lại "bán thân bất toại". Họ cũng không thể hiểu sao những kẻ "mặt vuông chữ điền" thì lại "đồng tiền không có", còn những kẻ "mặt mũi méo mó" thì lại có đồng tiền. Vì không tự giải thích được, nên họ cho là "tại số" cả. Cho nên trong kho tàng tục ngữ, ca dao và dân ca của ta, đã có một số câu lạc hậu do nông dân sáng tác trong một vài trường hợp tiêu cực nào đó:

Nhà giàu trồng lau ra mía,
Nhà khó trồng củ tía ra củ nâu.

và

Số giàu đem đến dửng dưng,
Lọ là con mắt tráo trưng mới giàu.

Do lối sản xuất cá thể và phân tán của người nông dân Việt Nam thời xưa, những tư tưởng tiêu cực, an phận thủ thường tự ti, tự hữu,

bảo thủ,v.v... đã biểu hiện trong tục ngữ, ca dao- những sáng tác của nông dân. Thí dụ những câu:

Chị là con gái nhà giàu,
Ăn mặc tốt đẹp, vào chầu toà sen.
Em là con gái nhà hèn,
Ăn mặc rách rưới, mon men ngoài hè.

Người con gái nông thôn rất yêu lao động, họ yêu những người chất phác, thật sự lao động, nên họ đã thốt ra:

Nghìn muôn chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm.

Nhưng có lúc họ thấy rằng "rách rưới" thì chỉ 'mon men ngoài hè", không bao giờ được "vào chầu toà sen" nên họ lại có những tư tưởng ngược lại:

Hay nằm thì có võng đào,
Dài lưng thì có áo trào nhà vua.
Hay ăn thì có thóc kho,
Việc gì mà chẳng ăn no lại nằm.

Về giàu, nghèo, người nông dân thời xưa thường tin ở số mệnh, có thể nói là những ước mơ của họ nhiều khi đều nằm trong thuyết "số mệnh", như: "ai giàu ba họ, ai khó ba đời"; nhưng nhiều lúc họ đã nhìn thấy chân giá trị của con người, không bị hình thức làm cho mờ ám:

Hơn nhau tấm áo manh quần,
Thả ra bóc trần, ai cũng như ai!

Trong tư tưởng của người nông dân Việt Nam thuở xưa có những mâu thuẫn như vậy, cho nên trong vấn đề kế thừa vốn cũ văn học dân gian- ở đây là tục ngữ, ca dao và dân ca- việc vận dụng quan điểm lịch sử và lập trường giai cấp trong công tác nghiên cứu là một điều rất cần thiết. Trong tập này, không phải chúng tôi chọn hoàn

toàn những tục ngữ, ca dao, dân ca tiến bộ; có những bài do hạn chế của lịch sử, hạn chế của giai cấp, không lấy gì làm tiến bộ cho lắm, nhưng chúng tôi cũng trích tuyển vì nó phản ánh được một phần nào tình cảm, tư tưởng và sinh hoạt của người lao động vào những thời gian lịch sử nhất định. Ví dụ ngày nay, do cải tiến kỹ thuật trồng trọt và qua nhiều kinh nghiệm, chúng ta cấy dày, nhưng chúng ta cũng cần biết ngày xưa đã có một thời gian rất dài, người nông dân Việt Nam đều cho là:

Cấy thưa, thừa thóc,
Cấy dày, cóc được ăn.

Cũng như từ cách mạng tháng Tám đến nay, và nhất là từ ngày chính phủ ta ban hành luật hôn nhân và gia đình, người phụ nữ Việt Nam đã được hoàn toàn giải phóng, đã được bình đẳng về mọi mặt với nam giới, nhưng suốt trong thời kỳ phong kiến rất dài, nhiều phụ nữ Việt Nam tuy có vươn lên đấu tranh chống kỷ cương phong kiến chèn ép, chà đạp mình, nhưng cũng lại có những người phụ nữ lấy việc "sửa túi nâng khăn" là nghĩa vụ của người đàn bà, cho nên mới có những câu truyền lại trong nhân dân, tỏ ra phụ nữ thấp kém hẳn nam giới:

Chồng giận thì vợ làm lành,
Miệng cười hớn hở rằng anh giận gì?

Và những câu van lơn đối với một kẻ tình phụ:

Chàng ơi, phụ thiếp làm chi?
Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng!

Về tình hình ấy, về tâm trạng ấy của phụ nữ Việt Nam thời xưa, những người làm công tác nghiên cứu văn học, sử học, dân tộc học đều phải biết. Có biết những điều đó, mới thấy rõ chế độ xã hội chủ nghĩa của ta ngày nay rất là ưu việt, vì trên thế giới hiện thời, ở những nước tư bản chủ nghĩa, dưới chế độ phát- xít, người phụ nữ

tuy bề ngoài có vẻ đường hoàng lắm, nhưng sự thật họ vẫn chưa có được những quyền lợi như nam giới. Mặt khác, nghiên cứu những câu tục ngữ, ca dao lạc hậu xuất hiện thời xưa, chúng ta càng thấy rõ, chỉ dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, nông dân mới có ý thức cùng nhau lao động, sản xuất tập thể, để đổi mới nông thôn và mới có tinh thần triệt để trong công cuộc đấu tranh chống phong kiến và đế quốc và mới nhận thấy rõ con đường đi lên của mình.

II.
QUAN HỆ THIÊN NHIÊN

Tất cả nhân loại đều phải qua thời kỳ nguyên thuỷ, sống rất cực khổ, mình trần thân trụi, phải luôn luôn cố gắng tìm cho có cái ăn, cái mặc và chỗ ở, luôn luôn đấu tranh với thiên nhiên, để vươn lên mức sống cao hơn. Sở dĩ dần dần cải thiện được sinh hoạt là vì loài người đã khác loài vật ở một điểm căn bản là loài người đã chế tạo được công cụ để dùng. Nhờ có những công cụ ngày một tinh xảo, loài người đã làm biến đổi hẳn bộ mặt của thiên nhiên: những vùng hoang vu đã trở thành những đồng ruộng phì nhiêu, những miền bị sông nước mênh mông ngăn cách đã được nối liền bằng những cầu và những tàu thuyền qua lại, ấy là chưa kể những thứ nằm sâu dưới đất và đáy biển cũng được khai thác, những con sông dữ hoá hiền, những quả núi cao trở thành thấp hay bị đục xuyên, và đến khoảng bầu trời xa xăm cũng được khám phá....

Cuộc đấu tranh thiên nhiên của loài người đã liên tục, và nhờ có công cụ, nhờ sức lao động, loài người đã cung cấp được cho mình ngày một đầy đủ tư liệu sinh hoạt vật chất. Ca dao ta có câu:

Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tất đất, tấc vàng bấy nhiêu...

Nơi hoang vu đã được bàn tay lao động biến đổi thành ruộng đất phì nhiêu, nhưng nếu chỉ bỏ hoang một thời gian, cỏ dại lại có thể mọc, ăn hết màu đất, và đất cũng có thể lại khô cứng như thời chưa khai phá. Cho nên cần phải lao động liên tục mới cải tạo được thiên nhiên, sản xuất được những thứ của cải vật chất cần thiết, như thức ăn, quần áo, giày dép, nhà cửa, củi than, sách báo, công cụ giao thông và muôn nghìn thứ khác.

Hai câu ca dao :

Ai ơi đã quyết thì hành,
Đã đẵn thì vác cả cành lẫn cây.

có nghĩa là đã quyết định một việc gì thì thực hiện ngay, mà khi đã thực hiện thì làm đến đầu đến đũa. Nhưng nghĩa đen của nó, nghĩa đầu tiên của nó là khi con người ta đã dùng công cụ sản xuất để lao động, tức là đã hoạt động có ý thức, có mục đích, như đánh ngã một cây ở rừng bằng một công cụ (dao, búa hay cưa) thì phải đem tất cả cành lẫn thân cây về, làm vật dụng và làm củi. Từ một cây lớn ở rừng, người ta đã cải biến nó ra bàn ghế hay kèo cột và củi than. Đó là một việc chinh phục thiên nhiên của nhân loại. Cũng như người nông dân, nhờ có kinh nghiệm về các loại gỗ, nên đã biến đổi từng loại gỗ ra công cụ thích ứng với công việc sản xuất.

Gỗ kiền anh để đóng cày,
Gỗ lim, gỗ sến, anh nay đóng bừa...

Tóm lại, loài người đã chế tạo ra được công cụ, những công cụ ấy ngày một tinh xảo, lao động của loài người lại là một việc làm có mục đích, có ý nghĩa, nên loài người đã chinh phục được thiên nhiên, bắt thiên nhiên phục vụ cho mục đích của mình.

*

Trong khi xã hội chưa có giai cấp, tổ tiên chúng ta, với những dụng cụ rất thô sơ, đã phải đem hết sức mình ra chống thiên tai, vượt khó, để phát triển sản xuất. Rồi đến khi xã hội phân ra giai cấp thì thêm vào công cuộc đấu tranh thiên nhiên, có công cuộc đấu tranh xã hội, mục đích cũng là chống đối những sự kìm hãm, những sự ngăn cản việc phát triển sản xuất.

Trong quá trình lao động và sản xuất ấy, hết thế hệ này đến thế hệ khác, trải qua hàng nghìn năm, tổ tiên chúng ta đã rút được nhiều kinh nghiệm rất quý, lại thêm có thói quen trong việc làm, nên dần dần cải tiến được công cụ, thức ăn, chỗ ở, và đến khi có dụng cụ

bằng kim khí- nhất là khi có được đồ sắt- thì đời sống cải thiện được nhiều.

Óc sáng tạo của người lao động ngày một mở mang trong quá trình sản xuất, nên có thể nói lao động là sáng tạo. Chỉ nhờ sức lao động của mình, nhờ sự bền bỉ trong đấu tranh của mình mà xã hội ngày một tiến lên.

Trong ca dao, nhân dân Việt Nam đã nói lên giá trị của lao động. Nhưng không phải ngay từ thời cổ họ đã tin tưởng ngay vào sức lao động và nhận định được rõ giá trị của lao động. Trong thời dụng cụ còn thô sơ, đối với thiên nhiên, người lao động nhiều khi đã thấy mình bất lực, liên hệ đến đời sống của họ, họ lại thấy họ cô đơn, nên họ có những ý nghĩ lo âu, sợ hãi, thần thánh hoá nhiều hiện tượng thiên nhiên và chỉ biết kêu cầu:

Lạy ông nắng lên,
Cho trẻ nó chơi,
Cho già bắt rận,
Cho tôi đi cày...

Đành rằng ở một nước nông nghiệp lạc hậu như nước ta, chỉ không mưa hay mưa nhiều cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của người nông dân, nhưng phần thì vì nông cụ quá thô sơ, khoa học kỹ thuật thấp kém, phần thì việc làm riêng lẻ, cô đơn, có tính chất phân tán, nên người nông dân đã có những lúc không hào hứng cho lắm trong việc làm của mình. Hãy nghe một anh tiều phu ở trong rừng sâu âm u, thấy mình cô quạnh giữa thiên nhiên bao la:

Tay cầm con dao,
Làm sao cho sắc,
Để mà dễ cắt,
Chặt lấy củi cành...
Trèo lên rừng xanh,
Chạy quanh sườn núi,
Một mình thui thủi...

Đến khi biết sáng chế công cụ cho thích hợp, cải tiến kỹ thuật canh tác, như:

Răng bừa tám cái còn thưa,
Lưỡi cày tám tấc đã vừa luống to.
Muốn cho lúa nảy bông to,
Cày sâu, bừa kỹ, phân tro cho nhiều...

thì người nông dân mỗi ngày một thêm tin tưởng ở việc làm của mình, tuy khó nhọc, nhưng "có ngày nên công". Ngay trong khi chân bị giá buốt, làm lụng vất vả, họ đã thấy hiện ra trước mặt thành quả của lao động: một đồng lúa xanh tươi, rồi đến cảnh gặt lúa tưng bừng, đem về chất đầy nhà...

Tháng giêng chân bước đi cày,
Tháng hai vãi lúa, ngày ngày siêng năng.
Thuận mưa lúa tốt đẳng đẳng,
Tháng mười gặt lúa, ta ăn đầy nhà.

Đã nhận định rõ giá trị lao động, lại thêm có kinh nghiệm về đất cát, nước nôi, phân tro và giống lúa, nên người nông dân làm việc rất cần cù và đặt nhiều triển vọng vào thu hoạch của mình.

Hầu hết những bài ca dao nói về sản xuất đều nhận định rõ sự vất vả trong lao động, nhưng đồng thời cũng nói lên những kết quả tốt đẹp của lao động, những mối tình keo sơn giữa những người lao động với nhau và tình yêu thắm thiết của nam nữ thanh niên nảy nở trong lao động.

*

Ở nước ta, nông nghiệp rất là quan trọng. Thời xưa, từ lúc gieo hạt cho đến lúc gặt hái, người nông dân lúc nào cũng lo lắng, vì khi thì bão lụt, khi thì hạn hán, ít khi được "trời êm, bể lặng". Do làm lụng có tính chất cá thể, nên dù không có thiên tai, quanh năm người nông dân cũng phải giữ mình cho khoẻ mạnh, "chân cứng đá mềm", thì mới chăm bón được ruộng đồng. Cho nên, chỉ khi nào tự tay

mình gặt hái xong, người nông dân mới thật "yên tấm lòng".

Trông trời, trông đất, trông mây,
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm bể lặng mới yên tấm lòng.

Trong nghề nông, công việc đầu tiên là chọn giống.

Tốt giống, tốt má, tốt mạ, tốt lúa.

Đến lúc gieo mạ, lại cần chọn chân ruộng cho thích hợp, tuỳ theo chiêm hay mùa:

Mạ mùa sướng cao, mạ chiêm ao thấp.

Khi gieo mạ mùa thì trời hay mưa (tháng 3, tháng 6 dương lịch) nên muốn cho khỏi bị úng, ruộng mạ cần cao, nhưng cũng phải là nơi dễ tát nước phòng khi có hạn. Về tuổi mạ thì, theo kinh nghiệm, mạ mùa nên cấy khi tuổi mạ còn non một chút, còn mạ chiêm thì lâu già hơn mạ mùa:

Mạ chiêm ba tháng chưa già,
Mạ mùa tháng rưỡi ắt là chẳng non.

Cấy chiêm vào cuối năm, trời rét, mạ lâu bén rễ, nên cần cấy cho sâu. Còn mạ mùa cấy vào lúc trời nóng, nên cấy nông, cây lúa chóng xanh và đẻ sớm.

Lúa chiêm thì cấy cho sâu
Lúa mùa thì gẩy cành dâu mới vừa.

Về cấy lúa còn có câu:

Mạ chiêm đào sâu chôn chặt,
Mạ mùa vừa đặt, vừa đi.

Lại cũng phải tuỳ theo từng chất đất mà thay đổi kỹ thuật cấy. Nếu là đất cát thì phải cấy liền tay, còn nếu là đất thịt thì phải bừa cấy cho thật kỹ, để cho bùn lắng xuống đã rồi mới cấy. Tục ngữ có câu:

Cát liền tay, thịt cháy ngày.

Ở ruộng đất cát, khi bừa cấy, người ta cấy theo chân trâu hay

vừa bừa xong thì cấy ngay, cho nên mới có câu:

Trâu ra, mạ vào.

Thường, mạ vừa nhổ xong, người ta đem cấy ngay, nhưng đối với những ruộng cao đất cát, dễ mất nước thì cấy mạ úa, cấy lúa lại chóng xanh.

Mạ úa cấy lúa chóng xanh,
Gái dòng chóng đẻ, sao anh hững hờ?

Người ta hay nhắc đến câu tục ngữ xưa:

Cấy thưa thừa thóc, cấy dày cóc được ăn.

Và coi kỹ thuật cấy dày như một kỹ thuật hoàn toàn mới. Nhưng thật ra từ xưa, những tay thợ cấy giỏi đều cấy rất sít, tức cấy dày:

Cho nhặt hàng sông,
Cho đông hàng con,
Cho tròn bụi lúa...

Khi đi cấy thuê, nếu chủ ruộng trả đủ gạo, đủ tiền thì người thợ cấy "cấy liền hàng sông" vì lúa thường đẻ theo phía hàng con (tức hàng tay) không đẻ nhiều ở hàng sông. Cấy lúa mà để hàng sông quá rộng thì rất phí đất. Ca dao đã có câu:

Trả ta đủ gạo, đủ tiền,
Thì ta sẽ cấy cho liền hàng sông.
Ví dù bớt gạo bớt công,
Thì ta cấy ruộng hàng sông ta về.

Trong việc cấy cày, thời vụ rất quan trọng. Thời vụ cấy mùa vào lúc sao tua rua mọc được hơn một tháng (tức vào tháng 7 dương lịch)

Tua rua một tháng mười ngày,
Cấy trốc vừng cày cũng được lúa xơi,
Bao giờ nắng rữa bàng trôi,
Tua rua quặt lại thì thôi cấy mùa.

Cấy lúa mùa mà cấy chậm thì không lợi, nên xưa đã có câu:

Lập thu mới cấy lúa mùa.

Khác nào hương khói lên chùa cầu con!

Người ta còn có câu:

Tua rua thì mặc tua rua,

Mạ già, ruộng ngấu, không thua bạn điền.

Nhưng nếu vừa cấy đúng thời vụ, lại vừa "mạ già, ruộng ngấu" thì vẫn cứ hơn.

Vụ mùa là vụ có nhiều điều kiện thuận lợi: ánh sáng nhiều, trời nóng, nước cũng nhiều. Cây lúa mùa do đó mau lớn, phát triển nhanh hơn cây lúa chiêm. Nhà nông thường tranh thủ từng ngày, từng đêm một để cấy lúa mùa cho kịp thời vụ:

Mùa hơn đêm, chiêm hơn sướng

Lúa mùa cấy sớm được một đêm đã khác. Người ta nghiệm ra rằng những cây lúa ở ven bờ bao giờ cũng tốt hơn những cây lúa ở giữa ruộng. Có câu:

Cơm quanh rá, mạ quanh bờ.

Lúa chiêm cấy vào mùa đông tháng giá, nhưng đến khi ấm áp, thời tiết bắt đầu báo hiệu mưa giông thì những cây lúa ven bờ vống lên rất nhanh:

Lúa chiêm nép ở đầu bờ,

Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên.

Cấy đúng thời vụ là rất tốt, nhưng nếu không chăm bón, không giữ cho ruộng sạch cỏ, đủ nước, đủ phân, thì lúa vẫn xấu như thường. "Cấy chay, cày gãi" là tối kỵ trong nghề làm ruộng. Ngay khi đã ra sức chuyên cần, nhưng không chú ý cho ruộng có đủ nước, đủ phân thì cũng là công toi.

Không nước, không phân, chuyên cần vô ích.

Cho nên trong nghề nông, cha ông chúng ta đã tổng kết kinh nghiệm trong bốn chữ đầy ý nghĩa:

Nước, phân, cần, giống.

Nước đứng hàng đầu, " một lượt tát, một bát cơm".

Xưa kia, người ta mong mưa và hát:

Mồng chín tháng chín có mưa,
Thì con sắm sửa cày bừa làm ăn.
Mồng chín tháng chín không mưa,
Thì con bán cả cày bừa đi buôn.

"Cấy chay" hay không biết dùng phân cũng là một thiệt thòi lớn trong nghề nông. "Ruộng không phân như thân không của". "Người đẹp về lụa, lúa tốt về phân", là những câu mà bây giờ mọi người đều thấy là rất đúng.

Phân rất cần cho cây lúa, nên có câu: "Gánh phân, làm cỏ, chẳng bỏ đi đâu". Làm ruộng mất rất nhiều công sức, ruộng cần được cày sâu, bừa kỹ cho đất thật ngấu "nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa": lại phải để cho đất được thoáng được nỏ, cho chất đất được mau biến hoá, làm cho ruộng thêm màu. "Đất nỏ, giỏ phân" người ta đã đánh giá hòn đất nỏ như vậy.

Đến khi lúa trỗ, trời mát là thuận lợi nhất. Lúa mùa trỗ mà gặp thời tiết nóng quá thì không tốt. Đã có câu ca dao rất hay, rất duyên dáng về thời kỳ lúa trỗ.

Gió đông là chồng lúa chiêm,
Gió bấc là duyên lúa mùa.

Lúc lúa chiêm trỗ là lúc trời bắt đầu nực và lúc lúa mùa trỗ là lúc trời đã hơi lạnh. "Chiêm bóc vỏ, mùa xỏ tay" có nghĩa là khi chiêm trỗ, người ta phải cởi áo ra, còn khi mùa trỗ thì người ta phải mặc áo vào.

Lúa càng chín thì phẩm chất hạt gạo càng cao. Lúa mùa mà chín kỹ, gạo rất ngon, nên bà con nông dân đã có câu rất tự hào:

Cơm gạo mùa, thổi đầu chùa cũng chín.

Không những gạo ngon cơm, mà hạt gạo trắng muốt cũng rất đẹp mắt.

Cơm trắng ăn với chả chim.
Chồng đẹp, vợ đẹp những nhìn mà no...

Bẫy chim về nướng chả, ăn với cơm gạo mùa trắng, bà con nông dân ta có những giờ phút thích thú ấy đền đáp những ngày vất vả.

1. Thời tiết và lao động sản xuất.

- Mống đông, vồng tây.
- Sấm động, gió tan.
- Sấm bên đông, động bên tây,
- Gió nam đưa xuân sang hè,
- Sao mau thì mưa, sao thưa thì nắng.
- Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.
- Trăng quầng thì cạn, trăng tán thì mưa.
- Gió bấc hiu hiu, sếu kêu thì rét,
- Trời nắng chóng trưa, trời mưa chóng tối.
- Tháng mười sấm rạp, tháng chạp sấm đông.
- Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.
- Mống cao gió táp, mống áp mưa rào[1]
- Mống dài trời lụt, mống cụt trời mưa.
- Mống một lưỡi trai, mống hai lưỡi liềm.
- Mống ba câu liêm, mống bốn liềm cụt...
- Mười rằm trăng náu, mười sáu trăng treo.
- Ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa.
- Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.
- Gió heo may, chẳng mưa giầm thì bão giật.
- Mùa hè đang nắng, cỏ gà trắng thì mưa.
- Mống bên đông, vồng bên tây,
  Chẳng mưa dây thì bão giật.

---

(1) Hay: "Vồng rạp mưa rào, vồng cao gió táp".

- Rồng đen lấy nước thì nắng.
- Rồng trắng lấy nước thì mưa.
- Đầu năm sương muối, cuối năm gió nồm.
- Tháng giêng rét đài,
Tháng hai rét lộc,
Tháng ba rét Nàng Bân
(Nàng Bân may áo cho chồng,
May ba tháng ròng mới được cửa tay)
- Vào mồng ba, ra mồng bảy, rẫy mồng tám;
Vào mười ba, ra mười bảy, rẫy mười tám;
Vào hăm ba, ra hăm bảy, rẫy hăm tám[1]
- Cơn đàng đông vừa trông vừa chạy,
Cơn đàng nam vừa làm vừa chơi.
- Đêm tháng năm, chưa nằm đã sáng;
Ngày tháng mười, chưa cười đã tối.
- Én bay thấp, mưa ngập bờ ao;
Én bay cao, mưa rào lại tạnh.
- Thâm đông, hồng tây, dựng mây;
Ai ơi! ở lại ba ngày hãy đi.
- Thuyền ngược ta nhắn gió nam,
Thuyền xuôi ta nhắn mưa nguồn gió may.

*

Lạy ông nắng lên
Cho trẻ nó chơi,
Cho già bắt rận,
Cho tôi đi cày.

---

(1) Những ngày ấy vào tháng bảy. Theo thần thoại thì đó là những ngày ông Ngâu và bà Ngâu đoàn tụ rồi lại chia ly, nên thương nhớ nhau mà khóc, những giọt mưa là những giọt nước mắt của hai ông bà.

*

Anh ơi! cố chí canh nông,
Chín phần ta cũng dự trong tám phần.
Hay gì để ruộng mà ngăn,
Làm ruộng lấy lúa, chăn tằm lấy tơ,
Tằm có lứa, ruộng có mùa,
Chăm làm, trời cũng đền bù có khi...

*

Mặt trời tang tảng rạng đông,
Chàng ơi! trở dậy ra đồng kẻo trưa.
Phận hèn bao quản nắng mưa,
Cày sâu bừa kỹ, được mùa có khi..

*

Người ta đi cấy lấy công,
Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề.
Trông trời, trông đất, trông mây.
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm
Trông cho chân cứng đá mềm,
Trời êm, bể lặng mới yên tấm lòng.

*

Làng ta phong cảnh hữu tình,
Dân cư đông đúc như hình con long.
Nhớ trời hạ kế sang đông,
Làm nghề cày cấy vun trồng tốt tươi.
Vụ năm cho đến vụ mười,
Trong làng kẻ gái người trai đua nghề.
Trời ra, gắng; trời lặn, về;
Ngày ngày tháng tháng, nghiệp nghề truân chiên.

Dưới dân họ, trên quan viên,
Công bình giữ mực cầm quyền cho hay.
Bây giờ gặp phải hội này,
Khi trời hạn hán, khi nay mưa dầm,
Khi trời gió bão ầm ầm,
Đồng điền lúa thóc mười phần được ba.
Lấy gì đăng nạp nữa mà,
Lấy gì công việc nước nhà cho đang!
Lấy gì sưu thuế phép thường,
Lấy gì bổ trợ, đong lường, làm ăn!
Trời làm khổ cực hại dân,
Trời làm mất mát có phần nào chăng...

*

Nhờ trời mưa gió thuận hoà,
Nào cày nào cấy, trẻ già đua nhau.
Chim; gà; cá; nhệch; cảnh; cau,
Mùa nào thức ấy giữ màu nhà quê.

*

Người ta rượu sớm trà trưa.
Em nay đi nắng về mưa đã nhiều.
Lạy trời mưa thuận gió đều,
Cho đồng lúa tốt, cho chiều lòng em.

*

Ơn trời mưa nắng phải thì,
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu,
Công lênh chẳng quản lâu đâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.
Ai ơi! đừng bỏ ruộng hoang,
Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.

*

Tay cầm con dao,

Làm sao cho sắc,
Để mà dễ cắt,
Để mà dễ chặt,
Chặt lấy củi cành.
Trèo lên rừng xanh,
Chạy quanh sườn núi,
Một mình thui thủi,
Chặt cây chặt củi,
Tìm chốn ta ngồi,
Ngồi mát thảnh thơi...
Kìa một đàn chim,
Ở đây bay đến?
Ở đây bay lại?
Con đang cắn trái,
Con đang thả mồi,
Qua lối nọ nó ăn...
Cái con hươu kia,
Mày đang ăn lộc,
Lộc vả lộc sung,
Mày trông thấy tớ,
Tớ không đuổi mày,
Mày qua lối nọ làm chi?

*

Cày đồng đang buổi ban trưa,
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
Ai ơi! bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hột, đắng cay muôn phần!

*

Khổ chi phận em cha chả là cam phận khổ,
Lên non đốn củi, đụng chỗ đốn rồi!
Xuống sông gánh nước,
Đụng chỗ cát bồi, khe khô!

*

Khó thay công việc nhà quê,
Quanh năm khó nhọc, dám hề khoan thai.
Tháng chạp thì mắc trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà.
Tháng ba cày bở ruộng ra,
Tháng tư bắc mạ, thuận hoà mọi nơi,
Tháng năm gặt hái vừa rồi,
Bước sang tháng sáu, nước trôi đầy đồng.
Nhà nhà vợ vợ chồng chồng,
Đi làm ngoài đồng, sá kể sớm trưa...
Tháng sáu, tháng bảy, khi vừa,
Vun trồng giống lúa, bỏ chừa cỏ tranh.
Tháng tám lúa giỗ đã đành,
Tháng mười cắt hái cho nhanh kịp người.
Khó khăn làm mấy tháng trời,
Lại còn mưa nắng thất thời khổ trông!
Cắt rồi nộp thuế nhà công!
Từ rày mới được yên lòng ấm no[1].

---

(1) Bài này có bản chép:

Tháng chạp là tháng trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu, tháng hai trồng cà...
Tháng ba cày vỡ ruộng ra,
Tháng tư làm mạ; mưa sa đầy đồng.
Ai ơi cũng vợ cũng chồng,
Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay!
Tháng năm gặt hái đã xong,
Nhờ trời một mẫu năm nong thóc đầy.
Năm nong đầy em xay em giã,
Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo.
Sang năm lúa tốt tiền nhiều,
Em đem đóng thuế đóng sưu cho chồng.
Đói no có thiếp, có chàng,
Còn hơn chung đỉnh giàu sang một mình

*

Nay mừng những kẻ nông phu,
Cầu cho hoà cốc phong thu bình thời,
Vốn xưa nông ở bậc hai,
Thuận hoà mưa gió ấy thời lên trên.
Quý hồ nhiều lúa là tiên,
Rõ ràng phú túc bình yên cả nhà.
Bốn mùa xuân lại thu qua,
Muốn cho tiền lúa đầy nhà hán sương.
Bước sang hạ giá thu tàn,
Thu thu tiễn hoạch, giàu sang Thạch Sùng.
Quí nhân dùng kẻ anh hùng,
Rắp toan muốn hỏi nhà nông ê hề.
Thật thà chân chỉ thú quê,
Chuyên cần học nghiệp là nghề đoan trang.
Gặp thời là được thọ khang,
Tam đa ngũ phúc rõ ràng trời cho.

*

Rủ nhau đi cấy đi cày,
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cày vợ cấy, con trâu đi bừa.

*

Trâu ơi, ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
Cày cấy giữ nghiệp nông gia,
Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công!
Bao giờ cây lúa còn bông,
Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

*

Tháng giêng là tháng ăn chơi,
Tháng hai trồng đậu, trồng khoai, trồng cà.
Tháng ba thì đậu đã già,
Ta đi ta hái về nhà phơi khô.
Tháng tư đi tậu trâu bò,
Để ta sắm sửa làm mùa tháng năm.
Sáng ngày đem lúa ra ngâm,
Bao giờ mọc mầm, ta sẽ vớt ra.
Gánh đi ta ném ruộng ta.
Đến khi lên mạ thì ta nhổ về.
Sắp tiền mượn kẻ cấy thuê.
Cấy xong, rồi mới trở về nghỉ ngơi.
Cỏ lúa dọn đã sạch rồi,
Nước ruộng vơi mười còn độ một hai.
Ruộng thấp đóng một gầu giai,
Ruộng cao thì phải đóng hai gầu sòng.
Chớ cho lúa có đòng đòng,
Bấy giờ ta sẽ trả công cho người.
Bao giờ cho đến tháng mười.
Ta đem liềm hái ra ngoài ruộng ta.
Gặt hái ta đem về nhà.
Phơi khô quạt sạch ấy là xong công.

*

Anh ơi! phải lính thì đi,
Cửa nhà đơn chiếc đã thì có tôi.
Tháng chạp là tiết trồng khoai,
Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà.
Tháng ba cày bở ruộng ra.
Tháng tư gieo mạ thuận hoà mọi nơi.

Tháng năm gặt hái vừa rồi,
Trời đổ mưa xuống, nước trôi đầy đồng
Anh ơi! giữ lấy việc công,
Để em cày cấy mặc lòng em đây.

*

Bởi anh chăm việc canh nông,
Cho nên mới có bồ trong bịch ngoài.
Ngày mùa tưới đậu trồng khoai,
Ngày ba tháng tám mới ngồi mà ăn.

*

Nhác trông sao Đẩu về Đông,
Chị em ra sức cho xong ruộng cày.
Lấm lem tay cắm chân dày,
Hay trồng cây ngọc, cũng ngày hữu thu.
Khuyên người đừng có ngao du,
Một năm no ấm vẫn trù từ đây.

*

Tháng giêng chân bước đi cày,
Tháng hai vãi lúa ngày ngày siêng năng.
Thuận mưa lúa tốt đẳng đẳng.
Tháng mười gặt lúa ta ăn đầy nhà.

*

Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái làm cỏ, con trai be bờ.
Gái thì kể phú ngâm thơ,
Trai thì be bờ kể chuyện bài bây...

*

Công danh đeo đuổi mà chi,
Sao bằng chăm chỉ giữ nghề canh nông.
Sớm khuya có vợ có chồng,
Cày sâu bừa kỹ mà mong được mùa.

*

Trăng mờ vì đám mây che,
Em đây vất vả về nghề canh nông.
Trăng mờ có lúc lại trong,
Em đây vất vả, đỉnh chung có ngày.

*

Lao xao gà gáy rạng ngày,
Vai vác cái cày, tay dắt con trâu.
Bước chân xuống cánh đồng sâu,
Mắt nhắm mắt mở đuổi trâu ra cày.
Ai ơi ăn bát cơm đầy,
Nhớ công hôm sớm cấy cày cho chăng?

*

Văn thơ phú lục chẳng hay,
Trở về làng cũ, học cày cho xong.
Ngày ngày vác cuốc thăm đồng,
Nước hết thì lấy gầu sòng tát lên.
Hết mạ ta lại quảy thêm.
Hết lúa, ta lại mang tiền đi đong
Nữa mai lúa chín đầy đồng,
Gặt về, đập sảy, bõ công cấy cày.

*

Má ơi, con mượn cái gầu,
Con ra xách nước tưới rau cho rồi.
Chân trời đã đỏ hơi hơi,
Rau con đợi nước, đang hồi nửa đêm.

. . . . . .

Tưới cho rau muống tốt tươi,
Tỏi hành lớn cọng, chọc trời mà lên.

Tưới cho rau ngổ, rau giền,
Giềng lên chóng lớn để đền công ta.
Tưới cho hành lớn củ ra,
Tưới cho cải bẹ thuận hoà vừa cao.
Có con sáo đậu bờ rào,
Nhìn em tưới nước, hát chào líu lo.
Ngoài kia, con vạc, con cò,
Ở trong bờ ruộng cũng thò đầu coi.
Trời đừng nắng lắm, ông ơi!
Rau con nó mệt, nữa rồi nó đau.
Cũng vì thương quí vườn rau,
Nên em thương cả cái gầu tre nan.

*

Anh ra đi, em lập kiểng trồng hoa,
Anh về, hoa đã được ba trăm nhành.
Một nhành là chín búp xanh,
Bán ba đồng một, để dành có nơi.
Bây giờ đến lúc thảnh thơi,
Cậy anh tính thử vốn lời bao nhiêu.

2. Kinh nghiệm sản xuất và chăn nuôi.

Mồng chín tháng chín có mưa,
Thì con sắm sửa cày bừa làm ăn.
Mồng chín tháng chín không mưa,
Thì con bán cả cày bừa đi buôn.

*

Lúa chiêm nép ở đầu bờ,
Hễ nghe tiếng sấm, phất cờ mà lên.

*

Gió đông là chồng lúa chiêm,
Gió bắc là duyên lúa mùa.

*

Mùa hơn đêm, chiêm hơn sướng.

*

Nước, phân, cần, giống.

*

Không nước không phân, chuyên cần vô ích.

*

Cơm gạo mùa, thổi đầu chùa cũng chín.

*

Tỏ trăng mười bốn được tằm,
Tỏ trăng hôm rằm thì được lúa chiêm.

*

Thiếu tháng hai mất cà,
Thiếu tháng ba mất đỗ,
Thiếu tháng tám mất hoa ngư,
Thiếu tháng tư mất hoa cốc.

*

Tháng bảy ông thị đỏ da,
Ông mít chơm chởm, ông da rụng rời.
Ông mít đóng cọc mà phơi,
Ông da rụng rời, đỏ cả chân tay.

*

Muốn ăn lúa tháng năm,
Trông trăng rằm tháng tám.
Muốn ăn lúa tháng mười,
Trông trăng mồng mười tháng tư.

*

Trăng mờ, tốt lúa nở;
Trăng tỏ, tốt lúa sâu.

*

Đom đóm bay ra, trồng cà tra đỗ,
Tua rua[1] bằng mặt, cất bát cơm chăm[2]

*

Tua rua một tháng mười ngày,
Cấy trốc vừng cày cũng được lúa xơi.
Bao giờ nắng rữa bàng trôi,
Tua rua quặt lại [3] thì thôi cấy mùa.

*

Tua rua thì mặc tua rua,
Mạ già ruộng ngấu, không thua bạn điền.

*

Nhai kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

*

Thưa ao tốt cá.

*

Thưa con lớn trứng.

*

Chiêm khôn hơn mùa dại.

*

(1), (3) Tua rua là một chùm sao mọc vào tháng tư, lặn vào tháng sáu, tháng bảy mỗi năm. Tua rua quặt lại là tia sáng nó quặt lại; còn gọi là mang (mang hiện).
(2) Cơm chăm tức cơm chiêm .

Chuối sau, cau trước.

*

Được mùa cau, đau mùa lúa.

*

Được mùa lúa, úa mùa cau.

*

Năm trước được cau, năm sau được lúa.

*

Mít chặt cành, chanh chặt rễ.

*

Lúa dé là mẹ lúa chiêm.

*

Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen.

*

Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.

*

Mưa tháng tư hư đất.

*

Mưa tháng ba hoa đất.

*

Người đẹp về lụa, lúa tốt về phân.

*

Cát liền tay, thịt cháy ngày.

*

Trâu ra, mạ vào.

*

Cơm quanh rá, mạ quanh bờ.

*

Tốt giống tốt má, tốt mạ tốt lúa.

*

Thứ nhất cày nỏ, thứ nhì bỏ phân.

*

Ăn kỹ no lâu, cày sâu tốt lúa.

*

Đất thiếu trồng dừa, đất thừa trồng cau.

*

Có cấy có trông, có trồng có ăn.

*

Mạ úa cấy lúa chóng xanh
Gái dòng chóng đẻ sao anh hững hờ?

*

Ruộng không phân, như thân không của.

*

Mùa nứt nanh, chiêm xanh đầu.

*

Trâu qua sá, mạ qua thì.

*

Yếu trâu bằng khoẻ bò.

*

Lang đuôi thì bán, lang trán thì cày.

*

Trâu hoa tai, bò gai sừng.

*

Tam tinh khoáy sọ thì chừa.
Đốm đuôi nát chủ thì đưa vào nồi[1]

*

Đốm đầu thì nuôi, đốm đuôi thì thịt.

*

Trâu năm sáu tuổi còn nhanh,
Bò năm sáu tuổi đã tranh về già.
Đồng chiêm xin chớ nuôi bò,
Mùa đông tháng giá, bò dò làm sao!

*

Nuôi gà phải chọn giống gà,
Gà di bé giống nhưng mà đẻ mau.
Nhất to là giống gà nâu,
Lông dày thịt béo về sau đẻ nhiều.

*

Gà nâu chân thấp mình to,
Đẻ nhiều, trứng lớn con vừa khéo nuôi.
Chả nên nuôi giống pha mùi,
Đẻ không được mấy, con nuôi vụng về.

*

Chó khôn tứ túc huyền đề,
Tai thì hơi cúp, đuôi thì hơi cong.

---

(1) Thời xưa, người nông dân Việt Nam tin trâu có khoáy ở trán hay đốm đuôi đều là trâu xấu.

Giống nào mõm nhọn đít vồng,
Ăn càn, cấn bậy, ấy không ra gì.

*

Một lượt tát, một bát cơm.

*

Làm ruộng có năm, nuôi tằm có lứa.

*

Lúa bông vang thì vàng con mắt.

*

Lúa chiêm bóc vỏ, lúa mùa xỏ tay.

*

Cày ruộng tháng năm, xem trăng rằm tháng tám.

*

Bao giờ mang hiện đến ngày.
Cày bừa cho chín, mạ này đem gieo.

*

Cho nhặt hàng sông,
Cho đông hàng con,
Cho tròn bụi lúa.

*

Bao giờ đom đóm bay ra,
Hoa gạo rụng xuống thì tra hạt vừng.

*

Mạ chiêm ba tháng chưa già,
Mạ mùa tháng rưỡi ắt là chẳng non.

*

Trả ta đủ gạo đủ tiền,
Thì ta sẽ cấy cho liền hàng sông.
Ví dù bớt gạo bớt công,
Thì ta cấy ruộng hàng sông ta về.

*

Lập thu mới cấy lúa mùa,
Khác nào hương khói lên chùa cầu con.

*

Đói thì ăn ráy ăn khoai,
Chớ thấy lúa giỗ tháng hai mà mừng.

*

Lúa chiêm thì cấy cho sâu,
Lúa mùa thì gẩy cành dâu mới vừa[1].

*

Ruộng cao trồng mầu, ruộng sâu cấy chiêm.

*

Mạ mùa sướng[2] cao, mạ chiêm ao thấp.

*

Ra đi anh có dặn dò:
Ruộng sâu cấy trước, ruộng gò cấy sau.

*

Tháng năm cho chí tháng mười,
Năm mười hai tháng, em ngồi em suy:
Vụ chiêm em cấy lúa di,
Vụ mùa lúa dé, sớm thì ba giăng.

---

(1) Mạ chiêm đào sâu chôn chặt.
Mạ mùa vừa đặt vừa đi.
(2) Sướng: là ruộng mạ.

Thú quê rau cá đã từng,
Gạo thơm cơm trắng chi bằng tám xoan.
Việc nhà em liệu lo toan,
Khuyên chàng học tập cho ngoan kẻo mà.

*

Trời hôm mây kéo bối bừa[1]
Trăng còn nắng ráo, ta chưa vội gì.
Bao giờ kéo vẩy tê tê,
Sắp gồng, sắp gánh, ta về kẻo mưa.

*

Làm ruộng ăn cơm nằm, chăn tằm ăn cơm đứng.

*

Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.

*

Đê kia ai đắp nên cao,
Cái dải sông đào ai xẻ làm khơi.
Gạo, ngô, hoa quả, mọi mùi,
Nào ai cày cấy, nào ai vun trồng?
Bây giờ no ấm ung dung,
Biết ai nhớ kẻ có công chăng là?

*

Gỗ kiền anh để đóng cày,
Gỗ lim gỗ sến anh nay đóng bừa.
Răng bừa tám cái còn thưa,
Lưỡi cày tám tấc đã vừa luống to.
Muốn cho lúa nảy bông to,
Cày sâu bừa kỹ, phân tro cho nhiều.

---

(1) Mây kéo bối bừa, tức mây kết thành hình luống đất bừa.

III.
QUAN HỆ XÃ HỘI

1. TÌNH YÊU NAM NỮ

Người nông dân nhờ có lao động mà sản xuất được lương thực, xây dựng được xóm làng, nên những khi tưởng đến và nhìn thấy được thành quả lao động của mình, họ rất vui mừng phấn khởi. Họ yêu thiết tha những cái họ đã làm ra, những cái họ đã xây dựng nên; họ yêu với một tâm tình thắm thiết những người đã đồng lao, cộng tác với họ. Có thể nói trong lao động tình yêu thường được nảy nở, và nảy nở một cách thắm thiết hơn hết là tình yêu giữa những người thanh niên nam nữ.

Nam nữ thanh niên trong thôn xóm được gặp nhau trong đám hội là việc hãn hữu; họ được gặp nhau nhiều nhất trong công việc đồng áng, nên mỗi khi họ thổ lộ tâm tình trong câu ca, bài hát, thì tâm tình của họ cũng gắn liền với sản xuất. Bởi vậy, tình yêu của những người nam nữ thanh niên lao động là thứ tình yêu hồn nhiên, lành mạnh:

Cô kia đi đường này với ta,
Trồng đậu, đậu tốt; trồng cà, cà sai.
Cô kia đi đường ấy với ai,
Trồng bông, bông héo; trồng khoai, khoai hà!

Yêu nhau thì rồi làm cái gì cũng tốt cả, mà chủ yếu là làm những công việc sản xuất hàng ngày. Đã thiết tha với công việc sản xuất thì cũng thiết tha yêu nhau:

Đôi ta bắt gặp nhau đây,
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang...

Cũng vì yêu nhau một cách nồng nhiệt như thế và luôn luôn liên hệ đến công việc sản xuất của mình, nên nhân dân lao động Việt Nam rất hăng hái và bền bỉ trong công cuộc đấu tranh thiên nhiên và đấu tranh xã hội.

Những câu:

Củi than nhem nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá, xin mình chớ quên.

Hay:

Trót đa mang vào kiếp bềnh bồng,
Xuống ghềnh lên thác, một lòng ta thương nhau.

Hay:

Em ơi! chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc, ta đừng quên nhau!

Đều cho chúng ta thấy sự cùng nhau chịu đựng gian khổ của những người lao động trong quá trình đấu tranh thực hiện sản xuất là một điều ghi trong ký ức "tạc nghĩa đá vàng", làm cho họ nhất quyết "một lòng chung thuỷ". Họ cùng nhau gắn bó keo sơn; tuy trong gian khổ, người lao động đã cố giữ cho có được hạnh phúc về tình yêu, nên họ đã căm thù sâu sắc những kẻ phá hạnh phúc của họ. Vì chính trên cơ sở tình yêu thắm thiết của đôi trai gái, mới là chỗ xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, tính chất đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa nhân đạo đã được biểu lộ trong lời ca hát của nhân dân những khi tình yêu của họ bị cản trở.

Trong thời kỳ phong kiến, quan hệ giữa nhân dân lao động và giai cấp thống trị là quan hệ đối kháng quyết liệt. Tư tưởng đối kháng của nhân dân đối với những kẻ đàn áp mình về tình yêu đã biểu lộ dưới nhiều hình thức: khi thì bằng hành động, khi thì bằng lời nói; hành động cũng có lúc tiêu cực, lời nói nhiều khi mỉa mai tuỳ theo hoàn cảnh, vì chế độ phong kiến đã chi phối tư tưởng người dân lao động nước ta không phải ít. Trên cơ sở kinh tế thời phong kiến, đã nảy sinh một thượng tầng thích ứng với nó, và ngược lại,

thượng tầng này lại có tác dụng thúc đẩy cơ sở chóng thành hình và củng cố cơ sở. Theo quy luật ấy, những ý thức tư tưởng phong kiến, như chính trị, pháp luật lễ giáo đã ảnh hưởng đến lao động, đến sản xuất, đến bản thân người sản xuất, tức người dân lao động, tác giả những điệu hát, câu hò. Bởi vậy, tư tưởng đấu tranh của người dân lao động đã phô diễn theo từng mức độ, từ tiêu cực buồn nản, đến mỉa mai, chế giễu, nguyền rủa, rồi sau cùng là bạo động.

Trong lịch sử nước ta, những cuộc nông dân khởi nghĩa nổ ra nhiều nhất vào thời Lê- Trịnh, thời mà kinh tế hàng hoá, kinh tế tiền tệ bắt đầu phát triển mạnh, nhưng đồng thời quan hệ phong kiến cũ vẫn được giai cấp thống trị duy trì, thể hiện ở một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, phân tán, kìm hãm không cho xã hội tiến lên. Ở vào hoàn cảnh xã hội ấy, quyền sống của con người hết sức bị chà đạp, không những người dân lao động cực khổ, mà nhiều tầng lớp khác trong xã hội cũng bị o ép, nên chủ nghĩa nhân đạo đã biểu lộ trong thơ văn của ta, mà rõ ràng hơn cả là ở nhiều bài ca dao, dân ca. Có một số ca dao, dân ca tỏ nỗi khao khát sự yêu đương, mong chờ người bạn tình vừa lứa, hờn duyên tủi phận đến phẫn uất, có khi chống đối hẳn sự ràng buộc của lễ giáo đương thời, và rất có thể những ca dao, dân ca ấy đã ra đời vào thời đại Phan Trần và Truyện Kiều. Cho nên đọc những câu ca dao như:

Tình anh như nước dâng cao,
Tình em như dải lụa đào tẩm hương.

Hay:

Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy...

hay câu:

Đèn tà thấp thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này?

Chúng ta không nên cho là tư tưởng người dân lao động lúc nào cũng gắn liền với sản xuất, chỉ thể hiện ở những mặt rất thực tế, còn

óc tưởng tượng và tình cảm của họ không dồi dào, không tế nhị, không bay bổng; chúng ta nên nhớ rằng họ là tác giả những thần thoại và truyện cổ tích, trong đó óc tưởng tượng của họ nhiều khi rất sâu sắc, bóng bẩy, và tình cảm của họ cũng rất thắm thiết, tạo cơ sở cho văn học trữ tình; cho nên trong ca dao dân ca, chúng ta cũng phải nhận thấy tâm tình họ có lúc bộc lộ mộc mạc, chất phác, nhưng cũng có lúc rất bay bướm, tế nhị.

Những ca dao chúng tôi lựa chọn và trích đăng sau đây có cả hai tính chất ấy: bài thì mộc mạc, nói đến tình yêu, đồng thời nói cả đến việc làm, đến nơi ăn chốn ở; nhưng lại có bài không nói gì đến lao động, đến căm thù giai cấp, còn tình yêu ở đó thì lại biểu hiện rất nồng nàn, thắm thiết. Nhưng dù nói lên mặt nào, sáng tác của nhân dân lao động bao giờ cũng trong trắng, lành mạnh.

Tình yêu nam nữ.

Tình anh như nước dâng cao,
Tình em như dải lụa đào tẩm hương.

*

Đôi ta như lửa mới nhen,
Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

*

Lênh đênh một chiếc thuyền tình,
Mười hai bến nước, biết gửi mình vào đâu?

*

Ngọn gió đâm ngang, nên chàng xa thiếp;
Duyên nợ tự trời, ai quyết xa ai!

*

Ai về cho em về theo,
Ngó truông, truông rậm; ngó đèo, đèo cao!

*

Muốn sang nhưng ngại vắng thuyền,
Muốn về bên nớ, nhưng duyên lỡ rồi!

*

Ước gì sông ruộng một gang,
Bắc cầu giải yếm, để chàng sang chơi,

*

Cô kia đứng ở bên sông,
Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang.

*

Vì tình anh phải đi đêm,
Vấp năm bảy cái, đất vẫn êm hơn giường.

*

Đêm năm canh nghe con dế thốt,
Ngày sáu khắc lần đốt ngón tay,
Hỡi ai, duyên cớ ai bày?
Duyên trăm năm lại bỏ, nghĩa một ngày lại theo.

*

Anh đi ra cay đắng như gừng,
Đường xa xôi ngàn dặm, khuyên em đừng nhớ thương.

*

Ai về nhắn chị hàng cau,
Giặt buồm, dấp nước, giữ mầu cho tươi.

*

Trời mưa lác đác ruộng dâu,
Cái nón đội đầu, cái thúng cắp tay.
Bước chân xuống hái dâu này,
Nuôi tằm cho lớn mong ngày ươm tơ.

Thương em chút phận ngây thơ,
Lầm than đã trải, nắng mưa đã từng,
Xa xôi ai có tỏ chừng?
Gian nan tân khổ, ta đừng quên nhau!

*

Anh còn son, em cũng còn son,
Ước gì ta được làm con một nhà.

*

Trăm năm ghi tạc chữ đồng,
Dù ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.

*

Trăm năm ai chớ bỏ ai,
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim.

*

Người sao một hẹn thì nên,
Người sao chín hẹn thì quên cả mười.

*

Lòng em đã quyết thì hành,
Đã cấy thì gặt với anh một mùa.

*

Rồi mùa rạ tốt rơm khô,
Bạn về xứ bạn, biết mô mà tìm!

*

Anh về kiếm vợ cho xong,
Em là tép nhỏ lộn rong khó tìm.

*

Ân tình rày đã hết trông,
Ngãi nhơn như nước tràn đồng khó ngăn.

*

Nghe lời bạn nói đậm đà,
Chồng con chẳng phải, rứa mà em thương.

*

Ước ao ăn ở một nhà,
Ra vào đụng chạm kẻo mà nhớ thương.

*

Chẳng giậm thì thuyền chẳng đi,
Giậm ra ván nát, thuyền thì long đanh,
Đôi ta lên thác xuống ghềnh,
Em ra đứng mũi cho anh chịu sào.

*

Anh ơi! uống rượu thì say,
Bỏ ruộng ai cày, bỏ giống ai gieo?

*

Một ngày năm bảy trận dông.
Anh đi nằm bãi, sao không thấy về?(1)

*

Đến đây chẳng lẽ ngồi không,
Nhờ chàng giã gạo cho đông tiếng hò,

*

Rủ nhau lên núi đốt than,
Anh đi Tam- điệp em mang nón trình.
Củi than nhem nhuốc với tình,
Ghi lời vàng đá xin mình chớ quên.

---

(1) Nằm bãi bắt đối mồi ở biển (dân chài).

*

Rủ nhau xuống bể mà cua,
Đem về nấu quả mơ chua trên rừng,
Em ơi! chua ngọt đã từng,
Non xanh nước bạc ta đừng quên nhau.

*

Chiếc buồm nho nhỏ,
Ngọn gió hiu hiu,
Nay nước thuỷ triều,
Mai lại nước rươi...
Sông sâu sóng cả, em ơi!
Chờ cho sóng lặng,
Buồm xuôi, ta xuôi cùng.
Trót đa mang vào kiếp bềnh bồng,
Xuống ghềnh lên thác,
Một lòng ta thương nhau.

*

Đố ai quét sạch lá rừng,
Để anh khuyên gió, gió đừng rung cây,
Rung cây, rung cỗi, rung cành,
Rung sao cho chuyển lòng anh với nàng!

*

Thiếp xa chàng như rồng nọ xa mây,
Như con chèo bẻo xa cây măng vòi.

*

Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây.
Mấy khi rồng gặp mây đây,
Để rồng than thở với mây vài lời.

Nữa mai rồng ngược mây xuôi,
Biết bao giờ lại nối lời rồng mây!

*

Đầu năm ăn quả thanh yên,
Cuối năm ăn bưởi cho nên đèo bòng.
Vì cam cho quít đèo bòng,
Vì em nhan sắc cho lòng nhớ thương.

*

Gió vàng hiu hắt đêm thanh,
Đường xa dặm vắng, xin anh đừng về.
Mảnh trăng đã trót lời thề,
Làm chi để gánh nặng nề riêng ai!

*

Em như con hạc đầu đình,
Muốn bay không nhấc nổi mình mà bay.

*

Anh như con nhạn bơ thờ,
Sớm ăn tối đậu cành tơ một mình.

*

Cánh hồng bay bổng trời thu,
Thương con chim gáy cúc cu trong lồng.
Duyên may, tay bế tay bồng,
Thương ai vò võ trong phòng chiếc thân.

*

Nhớ ai con mắt lim dim,
Chân đi thất thểu như chim tha mồi.
Nhớ ai hết đứng lại ngồi,
Ngày đêm tơ tưởng một người tình nhân.

*

Thà rằng chẳng biết cho đừng,
Biết ra dan díu nửa chừng lại thôi.
Con sông bên lở bên bồi,
Một con cá lội, mấy người buông câu!

*

Vì sông nên phải luỵ đò,
Vì chiều tối phải luỵ cô bán hàng.
Vì tình nên phải đa mang,
Vì duyên thiếp biết quê chàng ở đây.

*

Xa xôi dịch lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ,
Chuồn chuồn mắc phải tơ vương,
Nào ai quấn quít thì thương nhau cùng!

*

Ước gì anh hoá ra dưa,
Để em đem tắm nước mưa châu đồng.

*

Ước gì em hoá ra dơi,
Bay đi bay lại trên nơi anh nằm.

*

Ước gì có cánh như chim,
Bay cao liệng thấp đi tìm người thương

*

Con dao vàng rọc lá trầu vàng,
Mất anh anh liếc, mất nàng nàng đưa.

*

Nước sông Tô vừa trong vừa mát,
Em ghé thuyền vào đỗ sát thuyền anh.
Dừng chèo muốn ngỏ tâm tình,
Sông bao nhiêu nước, thương mình bấy nhiêu.

*

Đôi ta chẳng đặng sum vầy,
Khác nào chiếc nhạn lạc bầy kêu sương.

*

Đôi ta như rắn liu điu,
Nước chảy mặc nước ta dìu lấy nhau.

*

Đôi ta như ruộng năm sào,
Cách bờ ở giữa làm sao cho liền?
Đôi ta như thể đồng tiền,
Đồng sấp, đồng ngửa, đồng nghiêng, đồng nằm.

*

Đôi ta như thể con tằm,
Cùng ăn một lá cùng nằm một nong.
Đôi ta như thể con ong.
Con quấn con quít, con trong con ngoài.

*

Đôi ta như tượng mới tô,
Như chuông mới đúc như chùa mới xây.

*

Đôi ta như thể con bài,
Đã quyết thì đánh, đừng nài thấp cao.
Đôi ta như đá với dao.
Năng liếc năng sắc, năng chào năng quen.

*

Đôi ta như ngãi Phan Trần,
Khi xa ngàn dặm, khi gần bên đôi.

*

Đôi ta như rượu với men,
Đang say ngây ngất, ai dèm chớ xa,

*

Thương anh bụng sát tận da,
Anh thì không biết, tưởng là đói cơm.

*

Thương em, anh cũng muốn thương,
Nước thì muốn chảy, nhưng mương chẳng đào.
Em về lo liệu thế nào,
Để cho nước chảy lọt vào trong thương.

*

Đói lòng ăn nửa trái sim,
Uống lưng bát nước đi tìm người thương.
Người thương, ơi hỡi, người thương.
Đi đâu mà để buồng hương lạnh lùng!

*

Gió sao gió mát sau lưng,
Bụng sao bụng nhớ người dưng thế này!

*

Đêm trăng thanh anh mới hỏi nàng:
Tre non đủ lá đan sàng nên chăng?
Đan sàng thiếp cũng xin vâng,
Tre vừa đủ lá, non chăng hỡi chàng?

*

Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng:
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?
Trầu vàng nhá lẫn cau xanh,
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.

*

Hỡi anh đi đường cái quan,
Dừng chân đứng lại em than vài lời:
Đi đâu vội mấy, anh ơi!
Việc quan đã có chị tôi ở nhà.

*

Qua cầu ngả nón trông cầu,
Cầu bao nhiêu nhịp, dạ sầu bấy nhiêu...
Qua đình ngả nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu!

*

Ai làm cho bướm lìa hoa,
Cho chim xanh nỡ bay qua vườn hồng.
Ai đi muôn dặm non sông,
Để ai chứa chất sầu đong vơi đầy?

*

Đường xa thì thật là xa,
Mượn mình làm mối cho ta một người:
Một người mười chín đôi mươi,
Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.

*

Gương kia nỡ để bụi nhoà,
Sông có Nhị Hà, núi có Tản Viên.
Thề kia sao để lỡ duyên,
Trăng còn soi mãi vùng sen Tây Hồ.

*

Hỡi cô thắt giải lưng xanh,
Ngày ngày thấp thoáng bên mành trông ai?
Trước đường xe ngựa bời bời,
Bụi hồng mờ mịt ai người mắt xanh
Chỉ ngũ sắc xanh đỏ tím vàng,
Bùa yêu ăn phải, dạ càng ngẩn ngơ,
Biết rằng đâu trong đục mà chờ?
Hoa xuân mất tuyết, dễ mong chờ cậy ai!

*

Dưới mặt nước chói loà yếm đỏ,
Trên bầu trời rạng tỏ mây xanh.
Từ ngày chia rẽ em anh.
Nước trời còn đó, ai đành phụ nhau!

*

Con cuốc kêu réo rắt trên ngàn,
Gà rừng táo tác gọi con tha mồi.
Lạnh lùng thay láng giềng ơi,
Láng giềng lạnh ít, sao tôi lạnh nhiều!

*

Thương em, anh cũng muốn vô,
Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang.
Phá Tam Giang ngày rày đã cạn,
Truông nhà Hồ, nội tán cấm nghiêm[1]

---

(1) Truông là rừng, truông nhà Hồ là Hồ- xá- lâm, huyện Vĩnh linh, tỉnh Quảng trị, thời xưa có nhiều giặc cướp. Nguyễn Khoa Đăng làm nội tán đời chúa Hiến- tông (1691- 1752) đã dẹp yên giặc cướp. - Phá là lạch biển; Tam giang là ba con sông: phá Tam giang là cái lạch biển ở huyện Quảng điền, tỉnh Thừa thiên, về phía Tây-nam có ba con sông (Tả- giang, Hữu - giang, Trung- giang) chảy vào, rồi đổ ra cửa bể Thuận an, vùng ấy, xưa nhiều sông lớn, thuyền bè qua đấy hay bị đắm. Sau phá ấy cạn đi, nên tên chữ cũng gọi là Hạc- hải (bể cạn)- Theo "Đại Nam nhất thống chí".

*

Cổ tay em trắng lại tròn,
Để cho ai gối đã mòn một bên.
Gối chăn, gối chiếu không êm,
Gối lụa không mềm bằng gối tay em

*

Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.

*

Thân em như củ ấu gai,
Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen.
Ai ơi, nếm thử mà xem!
Nếm ra, mới biết rằng em ngọt bùi.

*

Cô kia đi đường này với ta,
Trồng đậu, đậu tốt; trồng cà, cà sai.
Cô kia đi đằng ấy với ai,
Trồng bông, bông héo; trồng khoai, khoai hà!

*

Gió đập cành tre, gió đập cành tre,
Chiếc thuyền anh vẫn le te đợi nàng.
Gió đập cành bàng, gió đập cành bàng,
Dừng chèo anh hát, cô nàng hãy nghe!

*

Chiếc thuyền kia nói có,
Chiếc giã[1] nọ nói không.
Phải chi miễu[2] ở gần sông.
Em thề một tiếng kẻo lòng anh nghi.

*

Trên Tràng Thi, dưới lại Tràng Thi,
Ai đem nhân ngãi tôi đi đàng nào?
Trên Hàng Đào, dưới lại Hàng Đào,
Ai đem nhân ngãi tôi vào Tràng Thi?

*

Có thương thì thương cho chắc,
Bằng trục trặc thì trục trặc cho luôn.
Đừng làm như con thỏ nọ đứng đầu truông,
Khi vui dỡn bóng, khi buồn dỡn trăng.

*

Có thương thì thương,
Không thương thì nói.
Làm chi lần lần lữa lữa, như hẹn nợ thêm buồn.
Trên chùa đã động tiếng chuông.
Gà Thọ Xương đã gáy, chim trên nguồn đã kêu...

*

Chợ chiều nhiều khế, ế chanh,
Nhiều con gái tốt nên anh chàng ràng.
Chàng ràng như ếch hai hang,
Như chim hai ổ, như nàng hai nơi.

---

(1) *Giã* tức ghe giã đánh cá biển ở Trung- bộ.
(2) *Miễu* là miếu thờ thần.

*

Ù ỳ, cút kít,
Xay lúa lấy gạo ăn mai,
Có một thợ cấy với hai thợ cày...
Thợ cấy mà lấy thợ cày,
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm.

*

Cái cò bay bổng bay cao,
Bay qua Cửa phủ bay vào Đồng Đăng.
Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh,
Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em,
Tay cầm bầu rượu nắm nem,
Mảng vui quên hết lời em dặn dò.
Gánh vàng đi đổ sông Ngô,
Nằm đêm tơ tưởng đi mò sông Thương.

*

Đêm qua nguyệt lặn về tây,
Sự tình kẻ đấy, người đây còn dài...
Trúc với mai, mai về trúc nhớ,
Trúc trở về, mai nhớ trúc không?
Bây giờ kẻ Bắc, người Đông,
Kể sao cho xiết tấm lòng tương tư!

*

Đêm hè gió mát trăng thanh,
Em ngồi chẻ lạt cho anh chắp thừng.
Lạt chẳng mỏng, sao thừng được tốt?
Duyên đôi ta đã trót cùng nhau,

Trăm năm thề những bạc đầu,
Chớ tham phú quý, đi cầu trăng hoa

*

Hỡi người quần trắng dây lưng thao,
Cha mẹ thế nào, ăn mặc giàu sang.
Hay là anh buôn bán ngoài đàng,
Mượn đầu heo nấu cháo nổi màng màng dễ coi?

*

Tay tiên rót chén rượu đào,
Đổ đi thì tiếc uống vào thì say!
Chẳng chè chẳng chén sao say,
Chẳng thương chẳng nhớ sao hay đi tìm.
Tìm em như thể tìm chim.
Chim ăn bể Bắc, đi tìm bể Đông!

*

Mình về, mình nhớ ta chăng?
Ta về, ta nhớ hàm răng mình cười.
Năm quan mua lấy miệng cười,
Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.
Răng đen ai nhuộm cho mình,
Cho răng mình đẹp cho tình anh mê

*

Đêm khuya dưới đất trên trời,
Một mình cô đứng, cô ngồi, cô nghe.
Cô nghe hết giọng con ve,
Đến lời con cuốc gọi hè tiếc xuân.

*

Đêm qua, vật đổi sao dời,
Tiếc công gắn bó, tiếc lời giao đoan.
Đêm qua, rót đọi dầu đầy,
Bấc non chẳng cháy, oan mày dầu ơi!
Đêm qua, rót đọi dầu vơi,
Bấc non chẳng cháy, dầu ơi, oan mày!

*

Đêm qua anh nằm nhà ngoài,
Thấy em thở vắn, than dài nhà trong.
Ước gì anh được vô phòng,
Loan ôm lấy phượng, phượng bồng lấy loan.

*

Đường lên xứ Lạng bao xa,
Cách một trái núi với ba quãng đồng.
Ai ơi, đứng lại mà trông.
Kìa núi thành Lạng kìa sông Tam Cờ.
Anh chớ thấy em lắm bạn mà ngờ,
Bụng em vẫn thẳng như tờ giấy phong.

*

Áo xông hương của chàng vắt mắc,
Đêm em nằm, em đắp lấy hơi.

*

Yên Thái có giếng trong xanh,
Có đôi cá sấu ngồi canh đầu làng.
Ai qua nhắn nhủ cô nàng,
Yêu nhau xin chớ phũ phàng đổi thay.

*

Gửi khăn, gửi túi, gửi lời,
Gửi đôi chàng mạng cho người đàng xa.

Vì mây cho núi lên xa,
Mây cao mù mịt, núi nhoà xanh xanh.

*

Trèo lên cây khế nửa ngày,
Ai làm chua xót lòng mày, khế ơi !
Mặt trăng sánh với mặt trời,
Sao hôm sánh với sao mai chằng chằng.
Mình ơi ! có nhớ ta chăng ?
Ta như sao vượt chờ trăng giữa trời.

*

Lửng lơ vừng quế soi thềm,
Hương đưa bát ngát càng thêm bận lòng.
Dao vàng bỏ đẫy kim nhung,
Biết rằng quân tử có dùng ta chăng!
Đèn tà thấp thoáng bóng trăng,
Ai đem người ngọc thung thăng chốn này?

*

Em là con gái Kẻ Mơ,
Em đi bán rượu tình cờ gặp anh.
Rượu ngon chẳng quản be sành,
Áo rách khéo vá hơn lành vụng may.
Rượu lạt uống lắm cũng say,
Áo rách có mụn, vá ngay lại lành.

*

Nhớ ai, em những khóc thầm,
Hai hàng nước mắt đầm đầm như mưa.
Nhớ ai ngơ ngẩn, ngẩn ngơ,
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
Nhớ ai bồi hồi bồi hồi,
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.

Sông Tô nước chảy quanh co,
Cầu Đông sương sớm, quán Giò trăng khuya.
Buồn tình vừa lúc phân chia,
Tiếng ai như đã bên kia hẹn hò.

*

Sông Ngâu, sông Cả, sông Đào.
Ba con sông ấy đổ vào sông Thương.
Con sông sâu, nước dọc đò ngang,
Mình về bên ấy, ta sang bên này.
Đương cơn nước lớn đò đầy...

*

Sự đời nước mắt soi gương,
Càng yêu nhau lắm càng thương nhớ nhiều.

*

Cá buồn cá lội thung thăng,
Người buồn, người biết đãi đằng cùng ai?
Phương đông chưa rạng sao mai,
Đồng hồ chưa cạn, biết lấy ai bạn cùng?

*

Thiên duyên kỳ ngộ gặp chàng,
Khác nào như thể phượng hoàng gặp nhau.
Tiện đây ăn một miếng trầu,
Hỏi thăm quê quán ở đâu chăng là.
Xin chàng quá bước lại nhà,
Trước là trò chuyện sau là nghỉ chân.

*

Chim lạc bầy thương cây nhớ cội,
Người xa người khổ lắm, người ôi!
Chẳng thà không biết thì thôi,
Biết nhau mỗi đứa một nơi cũng buồn.

*

Chim xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tắm mát đậu cành cây đa.
Cực tấm lòng em phải nói ra,
Chờ trăng, trăng xế, chờ hoa, hoa tàn[1]

*

Em về cắt rạ đánh tranh,
Chặt tre chẻ lạt cho anh lợp nhà.
Sớm khuya hoà thuận đôi ta,
Hơn ai gác tía lầu hoa một mình.

*

Nàng về giã gạo ba trăng,
Để anh gánh nước Cao Bằng về ngâm.
Nước Cao Bằng ngâm thì trắng gạo,
Anh biết em có liệu được chăng?
Trần trần như Cuội cung trăng,
Biết rằng cha mẹ có bằng lòng không?
Để anh chờ đợi luống công!

*

Một duyên, hai nợ, ba tình.
Chiêm bao lẩn khuất bên mình năm canh.
Nằm một mình, lại nghĩ một mình,
Ngọn đèn khêu tỏ bóng huỳnh thấp cao.
Trông ra nào thấy đâu nào,
Đám mây vơ vẩn ngôi sao mập mờ.
Mong người, lòng những ngẩn ngơ...

---

(1) Ở Trung -bộ, hát như sau:

Chim xanh xanh ăn trái xoài xanh,
Ăn no tắm mát lên nhành nghỉ ngơi.
Cực lòng lan lắm huệ ơi!
Kiếm nơi mô im mát, huệ ngồi cho lan phân.

*

Sen xa hồ, sen khô, hồ cạn,
Liễu xa đào, liễu ngả, đào nghiêng,
Anh xa em như bến xa thuyền,
Như Thuý Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho tái hồi!

*

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng xung quanh mây vàng.
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.
Xây dọc, rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày chết cá ao anh.

*

Sáng ngày tôi đi hái dâu,
Gặp hai anh ấy ngồi câu thạch bàn.
Hai anh đứng dậy hỏi han,
Hỏi rằng cô ấy vội vàng đi đâu?
Thưa rằng tôi đi hái dâu,
Hai anh mở túi đưa trầu cho ăn.
Thưa rằng bác mẹ tôi răn:
Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

*

Ngày đi, trúc chửa mọc măng,
Ngày về, trúc đã cao bằng ngọn tre.
Ngày đi, lúa chửa chia vè,
Ngày về, lúa đã đỏ hoe ngoài đồng.
Ngày đi, em chửa có chồng,
Ngày về, em đã con bồng, con mang.

*

Hỡi cô gánh nước quang mây,
Cho anh một gáo tưới cây ngô đồng.
Cây ngô đồng cành cao cành thấp,
Ngọn ngô đồng lá dọc lá ngang.
Quả dưa gang ngoài xanh trong trắng,
Quả mướp đắng ngoài trắng trong vàng.
Từ ngày anh gặp mặt nàng,
Lòng càng ngao ngán, dạ càng ngẩn ngơ.

*

Mình nói dối ta mình hãy còn son,
Ta đi qua ngõ, thấy con mình bò.
Con mình những trấu cùng tro,
Ta đi xách nước rửa cho con mình[1]

*

Cái quạt mười tám cái nan,
Ở giữa phết giấy hai nan hai đầu.
Quạt này anh để che đầu,
Đêm đêm đi ngủ, chung nhau quạt này.
Ước gì chung mẹ, chung thầy,
Để em giữ cái quạt này làm thân.
Rồi ta chung gối, chung chăn,
Chung quần, chung áo, chung khăn đội đầu;
Nằm thì chung cái giường Tàu,
Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi;

---

(1) Còn có bài:
Mình nói dối ta mình chửa có chồng,
Ta đi qua ngõ, mình bồng con ra.
Con mình khéo giống con ta.
Con mình bảy rưỡi, con ta ba phần.

Ăn cơm chung cả một nồi,
Gội đầu chung cả dầu hồi, nước hoa;
Chải đầu chung cái lược ngà,
Soi gương chung cả nhành hoa giắt đầu...

*

Thuyền ngược hay là thuyền xuôi,
Thuyền về Nam Định cho tôi ghé nhờ?
Con gái chỉ nói ỡm ờ.
Thuyền anh chật chội, còn nhờ làm sao!
Miệng anh nói, tay anh bẻ lái vào:
Rửa chân cho sạch bước vào trong khoang.
Thuyền dọc anh trải chiếu ngang,
Anh thì nằm giữa hai nàng nằm bên.

*

Thuyền đà đến bến, anh ơi!
Sao anh chẳng bắc cầu noi lên bờ?
Đang cơn nước đục lờ đờ.
Cắm sào đợi nước bao giờ cho trong?
Con sông kia nước chảy đôi dòng,
Đèn khêu đôi ngọn em trông ngọn nào?
Trông thấp em lại trông cao,
Ngọn đèn sáng tỏ như sao trên trời.
Em ơi, gần bến xa vời!

*

Một thương tóc bỏ đuôi gà,
Hai thương ăn nói mặn mà có duyên.
Ba thương má lúm đồng tiền,
Bốn thương răng nhánh hai huyền kém thua.
Năm thương cổ yếm đeo bùa,

Sáu thương nón thượng quai tua dịu dàng.
Bảy thương nết ở khôn ngoan,
Tám thương ăn nói lại càng thêm xinh.
Chín thương cô ở một mình,
Mười thương con mắt có tình với ai.

*

Bao giờ cạn lạch Đồng Nai,
Nát chùa Thiên Mụ mới sai lời nguyền.

*

Hỡi cô tát nước bên đàng,
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

*

Đường dài ngựa chạy biệt tăm,
Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.

*

Ai đưa em đến chốn này?
Bên kia thì núi bên này thì sông!

*

Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát,
Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông...
Thân em như chẹn lúa đòng đòng.
Phất phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai.

*

Cơm ăn một bát sao no,
Kẻ về người ở, sao cho đành lòng!

*

Đêm qua trời sáng trăng rằm,
Anh đi qua cửa em nằm không yên.
Mê anh chẳng phải mê tiền,
Thấy anh lịch sự có duyên dịu dàng.
Thấy anh em những mơ màng,
Tưởng rằng đây đấy phượng hoàng kết đôi.
Thấy anh, chưa kịp ngỏ lời,
Ai ngờ anh đã vội rời gót loan.
Thiếp tôi mê mẩn canh tàn,
Chiêm bao như thấy anh chàng ngồi bên.
Tỉnh ra lẳng lặng yên nhiên,
Tương tư bệnh nó phát liên miên cả ngày.
Ngỡ rằng duyên nợ đó đây,
Xin chàng hãy lại chơi đây chút nào,
Cho thiếp tỏ thiệt mới nao!

*

Thiếp xa chàng, hái dâu quên giỏ,
Chàng xa thiếp, bứt cỏ quên liềm.
Xuống sông múc nước,
Ghè[1] lặn, gióng trôi...
Kiếm nơi mô thanh vắng,
Chàng ngồi, thiếp than.

*

Bấy lâu lên ngọn sông Tân,
Muốn tìm cá nước phải lần trời mưa.
Tiếc công anh đắp đập, be bờ,
Để ai quẩy đó, mang lờ đến đơm!

(1) *Ghè* là cái vò.

*

Hỡi cô yếm trắng loà loà,
Sao cô không bảo mẹ già nhuộm thâm?
Ước gì anh được ở gần,
Để anh nhuộm hộ thấm nhuần công anh.

*

Mưa từ trong núi mưa ra,
Mưa khắp thiên hạ mưa qua chùa Thầy.
Đôi ta bất gặp nhau đây,
Như con bò gầy gặp bãi cỏ hoang[1]

*

Năm con ngựa bạch sang sông,
Năm gian nhà ngói đèn trong đèn ngoài.
Đèn yêu ai mà đèn chẳng tắt?
Ta yêu mình nước mắt nhỏ ra.

*

Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Đường trần ai vẽ ngược xuôi hỡi chàng?
Đưa nhau một bước lên đàng,
Cỏ xanh hai dãy mấy hàng châu sa...

*

Bởi vì chàng, nên chi thiếp phải chịu đòn oan.
Thân phụ già đánh mắng, thế gian người ta chê cười!

*

(1) có bản chép: Cỏ non

Vì ai cho thiếp võ vàng,
Vì chàng tư lự, hoa tàn nhị rơi!
Cực lòng thiếp lắm, chàng ơi!
Biết rằng lên ngược xuống xuôi đằng nào?

*

Vị gì một mảnh tình con,
Làm mê tài tử, rút khôn anh hùng.
Thà rằng chẳng biết cho xong,
Biết ra thêm để tấm lòng sầu riêng[1]

*

Ngày ngày em đứng em trông,
Trông non, non ngất, trông sông, sông dài.
Trông mây, mây kéo ngang trời.
Trông trăng, trăng khuyết, trông người, người xa.

*

Ai về đường ấy mấy đò,
Mấy cầy, mấy quán, anh cho mượn tiền
Ước gì quan đắp đường liền,
Kẻo ta đi lại tốn tiền đò ngang.
Em về dọn quán bán hàng.
Để anh là khách qua đàng trú chân.

*

Anh đi đằng ấy xa xa,
Để em ôm bóng trăng tà năm canh.
Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình chăng ai?

---

(1) Hay: *Thà rằng chẳng biết cho xong,*
Biết ra kẻ Bắc người Đông thêm sầu.
Hay: *Biết ra như xúc, như dong lấy sầu.*

*

Một đàn cò trắng bay quanh,
Cho loan nhớ phượng cho mình nhớ ta.
Mình nhớ ta như cà nhớ muối,
Ta nhớ mình như Cuội nhớ trăng.
Mình về, mình nhớ ta chăng?

*

Anh về, em nắm cổ tay,
Em dặn câu này, anh chớ có quên:
Đôi ta đã trót lời nguyền.
Chớ xa xôi mặt mà quên mảng lòng.

*

Tới đây, dây vấn gầu thưa,
Hỏi người cố cựu giếng xưa ai đào?
Giếng này là giếng cựu trào,
Hồi tôi còn nhỏ, tôi nào biết đâu!

*

Thân em như tấm lụa đào,
Dám đâu xé lẻ vuông nào cho ai.

*

Thân em như cái sập vàng,
Chúng anh như manh chiếu rách giữa đàng bỏ quên.
Lạy trời cho cả gió lên,
Cho manh chiếu rách trải trên sập vàng.

*

Thân cô như hoa gạo trên cây,
Chúng anh như đám cỏ may giữa đường.
Lạy trời cho cả gió sương,

Cho hoa gạo rụng xuống, cỏ may xỏ vào.

*

Thân chị như cánh hoa sen,
Chúng em như bèo như bọt chẳng chen được vào.
Lạy trời cho cả mưa rào,
Cho sấm cho chớp, cho bão to gió lớn,
Cho sen chìm xuống, bèo trèo lên trên.

*

Ra về nhớ nước giếng khơi,
Nhớ điếu ăn thuốc, nhớ cơi ăn trầu.
Ra về giã nước giã non,
Giã người, giã cảnh, kẻo còn nhớ nhung.

*

Hôm kia anh đến chơi nhà,
Thấy mẹ nằm võng thấy cha nằm giường.
Thấy em nằm đất anh thương
Anh ra kẻ chợ đóng giường tám thang.
Bốn góc thì anh thếp vàng,
Bốn chân thếp bạc, tám thang chạm rồng.
Bây giờ phải bỏ giường không,
Em đi lấy chồng, phí cả công anh!

*

Quả đào tiên ruột mát vỏ còn,
Buông lời hỏi bạn: đường mòn ai đi?

*

Trách ai ăn giấy bỏ bìa,
Khi thương thương vội, khi lìa lìa xa.

*

Đem em ra bỏ xuống gành.
Kéo neo mà chạy, sao đành, anh ơi!

*

Chiều chiều ra đứng ngõ trông,
Ngõ thì thấy ngõ, người không thấy người!

*

Gan vàng chẳng cắt mà đau,
Cách em một phút ruột ràu như dưa.

*

Tưởng rằng trọn thuỷ trọn chung,
Không hay như pháo nổ đùng ngang lưng.

*

Cá lý ngư[1] sầu tư biếng lội,
Chim phụng hoàng sầu cội[2] biếng bay.

*

Nỗi về nỗi ở chưa xong,
Bối rối trong lòng như đánh cờ vây.

*

Anh về để áo lại đây,
Đêm khuya em đắp, gió tây lạnh lùng.

*

Kiểng xa bồn, kiểng không xanh[3].
Anh rầu người nghĩa, cơm canh bỏ liều.

*

(1) *Lý ngư* là cá chép.
(2) *Cội* là gốc
(3) Kiểng tức cây cảnh trồng trong chậu

Cau non trầu lộc mỉa mai,
Da trắng tóc dài, đẹp với ai đây?

*

Tóc đến lưng vừa chừng em bối,
Để chi dài, bối rối dạ anh!

*

Tóc em dài em cài hoa lý,
Miệng em cười có ý em thương.

*

Dầu mà cha mẹ không dung.
Đèn chai nhỏ nhựa, em cùng lăn vô.

*

Đi đâu cho đổ mồ hôi,
Chiếu trải không ngồi, trầu để không ăn.

*

Cây chanh lại nở hoa chanh,
Để con bướm trắng bay quanh cả ngày.
Cây đa rụng lá đầy đình,
Bao nhiêu lá rụng thương mình bấy nhiêu.

*

Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi,
Kẻo khúc sông này bờ bụi tối tăm[1]

*

Chèo mau cho thiếp gặp anh,
Hai ta hiệp lại cho thành một đôi.

*

(1) Câu dưới, có nơi hát là: *"Kẻo khuất bóng bầu, anh Bắc em Nam"*.

Chim quyên xuống suối tha mồi
Thấy em lao khổ, anh ngồi sao yên!

*

Có chuôm cá mới ở đìa[1]
Có em anh mới sớm khuya chốn này.

*

Cúc mọc bờ giếng cheo leo,
Đố ai dám trèo hái cúc mà chơi?

*

Áo đen ai nhuộm cho mình,
Cho duyên mình đậm, cho tình anh thương.

*

Áo đen năm nút viền bâu[2],
Bẩu về xứ bậu, biết đâu mà tìm?

*

Cá chả ăn câu thiệt là cá dại,
Câu anh cầm, câu ngãi câu nhơn.

*

Ruộng ai thì nấy đắp bờ,
Duyên ai nấp gặp, đợi chờ uổng công.

*

Ngó lên đám bắp trổ cờ [3],
Chuối kia đúng vóc, anh chờ duyên em.

---

(1) Đìa tức cái đầm thả cá
(2) Nút là khuy áo, viền bâu là viền bao hầu.
(3) Tức những cây ngô đâm bông.

*

Nước trong còn ở nguồn xanh,
Trà thơm có đợi chén sành hay không?

*

Cho anh một miếng trầu vàng,
Mai sau anh trả lại nàng đôi mâm.

*

Chân mày vòng nguyệt có duyên,
Tóc mây gợn sóng, đẹp duyên tơ hồng.

*

Có trầu, có vỏ, không vôi,
Có chăn có chiếu, không người nằm chung.

*

Đàn ông nằm với đàn ông,
Như gốc như gác, như chông như chà.
Đàn ông nằm với đàn bà,
Như lụa như lĩnh, như hoa trên cành.

*

Chiều chiều chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ bạn, chín chiều ruột đau.

*

Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miệng ca tay cấy mà lòng nhớ ai.

*

Xa sông cách núi lỡ vời,
Gửi thơ e lậu, gửi lời sợ quên.

*

Rượu ngon, cái cặn cũng ngon,

Thương em, chẳng luận chồng con mấy đời.

*

Ngó lên mây bạc trời hồng,
Thương em, hỏi thiệt có chồng hay chưa?

*

Em thấy anh như thấy mặt trời,
Chói chang khó ngó, trao lời khó trao.

*

Bây giờ chưa tỏ tiêu hao,
Còn chờ chi đó, má đào phôi pha,

*

Chừng nào muối ngọt, chanh thanh,
Em đây mới dám bỏ anh lấy chồng.

*

Cơm ăn mỗi bữa một lưng,
Nước uống cầm chừng, để dạ thương em.

*

Bốn mùa bông cúc nở xây,
Để coi trời hiến duyên này về ai!

*

Tiếc công anh xe sợi nhợ uốn cây cần,
Xe rồi sợi nhợ, con cá lần ra khơi.

*

Phụ đây, đây chẳng có lo,
Cầu gãy còn đò, giếng cạn còn sông.

*

Sông sâu, ngựa lội ngập kiều,
Dầu anh có phụ, còn nhiều nơi thương.

*

Ở chi hai dạ ba lòng,
Dạ cam thì ngọt, dạ bòng thì chua.

*

Căn duyên chăng đó, hỡi trời?
Gió nam phảng phất mát rồi lại không!

*

Mịt mù khói toả lửa hương,
Không ai tin thấu cho tường dạ em.

*

Xăm xăm bước tới cây chanh,
Lăm le muốn bẻ, sợ nhành chông gai.

*

Buổi xuân xanh thiếp chẳng gặp chàng,
Bây giờ năm con bảy cái, ra đàng gặp nhau.

*

Anh đừng tham cái bông quế,
Bỏ phế cái bông lài,
Mai sau quế rụng,
Bông lài thơm xa.

*

Biển có nước, đâu đâu cũng có;
Non có cây, xứ xứ cũng cây.

Hiềm vì đó ý phụ đây,
Non nhơn nước trí vui vầy mới xuê[1].

*

Tay dứt tay sao nỡ,
Ruột cắt ruột sao đành.
Mấy khi mà gặp bạn lành,
Trách trời vội sáng, tan tành đôi ta.

*

Sáng mai mang đôi guốc ra dạo bên vườn,
Cuốc kêu cuốc hát bên cồn hu ha;
Cuốc kêu tiếng nhỏ tiếng to,
Nửa thương phận cuốc, nửa lo phận mình.

*

Gái trai xầm xì trò trẻ như cu đôi[2],
Chiếu xanh trải xuống mà ngồi.
Em ơi! xích lại cùng tôi kẻo buồn.
Chiều chiều bước xuống ghe buôn,
Sóng bao nhiêu gợn, dạ em buồn bấy nhiêu.
Cánh buồm gió thổi hiu hiu,
Nước mắt ra chầm chậm, múi dây lưng điều
không khó.
Thảm với sầu không biết chừng mô...

*

Khó than khó thở, lại khó phân trần,
Tóc không vò tóc rối, ruột không dần ruột đau!

---

(1) *Xuê*: là thoả.
(2) *Cu đôi:* hai con chim câu.

*

Còn trời, còn đó, còn đây,
Còn ao rau muống, còn đầy chum tương.

*

Còn trời, còn nước, còn non,
Còn cô bán rượu, anh còn say sưa.

*

Anh đi, anh nhớ quê nhà,
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dấm tương.
Nhớ ai dãi nắng dầm sương,
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.

*

Buổi chợ đông, sao em chẳng bán hàng?
Để tan buổi chợ, em dạo làng bán duyên!

*

Ngó ra sông cái,
Ngó ngoái thấy đình,
Hạc châu thần còn đủ cặp,
Huống chi mình muốn lẻ đôi!

*

Đêm khuya thắp chút dầu dư,
Tim lan cháy lụn, sầu tư một mình.

*

Trăng năm dốc nguyên đá vàng,
Dè đâu gẫy gánh giữa đàng khó toan.

*

Chừng nào đá nổi vông chìm,
Muối chua, chanh mặn, mới tìm được em.

*

Lên non thiếp cũng lên theo,
Tay vịn, chân trèo, hái trái nuôi nhau.

*

Ngọn lang trắng, ngọn vắn, ngọn dài,
Rau tần ô ngã dọc, ngã ngang;
Trái dưa gang, sọc đen, sọc trắng,
Ngọn rau đắng, trong trắng ngoài xanh;
Chim quyên uốn lưỡi trên nhành,
Bởi em ở bạc, ông Trời nào đành để em!

*

Cây đa trốc gốc,
Thợ mộc đang cưa...
Gặp em đứng bóng ban trưa,
Trách trời vội tối, phân chưa hết lời!

*

Đu đủ tía, giềng giềng cũng tía,
Khoai lang giâm, ngọn mía cũng giâm.
Củi kia chen lộn với trầm,
Em giữ sao cho khỏi, kẻo lầm, bớ em!

*

Dứt tình kẻ ở người đi,
Cũng như Kim Trọng biệt ly Thuý Kiều.

*

Biết nhau từ thuở buôn thừng,
Trăm chắp ngàn nối, xin đừng quên nhau!

*

Dế kêu cho giải cơn sầu,
Mấy lời em nói, bạc đầu không quên.

*

Em đang dệt chiếu hồi văn,
Nghe anh có vợ, em quăng con chuồi.
Em đang bắc nước xôi xôi,
Nghe anh có vợ, quăng nồi đá vung.
Em đang vút[1] nếp xôi xôi.
Nghe anh có vợ, thúng trôi nếp chìm.

*

Bên này sông có trồng bụi sả,
Bên kia sông ông xã trồng một bụi tre.
Ai làm cho bụi tre nó ngã, bụi sả nó sầu.
Phải chi ngoài biển có cầu,
Để cho anh ra đó, giải đoạn sầu cho em.

*

Buổi chợ đông con cá hồng, anh chê lạt;
Buổi chợ tan rồi, con tép bạc cũng phải mua.

*

Gió đưa buồm hạnh rảnh rang,
Tiếng nhơ thiếp chịu, để chàng danh thơm.

*

Cây đa bực cũ lở rồi,
Đò đưa bến khác, bạn ngồi chờ ai?

*

Trăm năm đành[2] lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò khác đưa.

*

Cây đa cũ, bến đò xưa,
Bộ hành có nghĩa nắng mưa cũng chờ.

---

(1) Vút: là vo
(2) Có bản ghi: *"Trăm năm để lỗi hẹn hò"*

*

Trăm năm dầu lỗi hẹn hò,
Cây đa bến cũ, con đò vẫn đưa.

*

Tới đây hỏi khách tương phùng,
Chim chi một cánh bay cùng nước non?

*

Đường dài ngựa chạy cát bay,
Ngãi nhân thăm thẳm một ngày một xa.

*

Chọn nơi sang cả mà gả em nhờ,
Anh đây nghèo khổ, biết chờ được không?

*

Em như cây quế giữa rừng,
Thơm tho ai biết, ngát lừng ai hay!

*

Chuông già đồng điếu, chuông kêu;
Anh già lời nói, em xiêu tấm lòng.

*

Dầu ai gieo tiếng ngọc,
Dầu ai đọc lời vàng,
Trớ trêu khúc phụng, khúc hoàng,
Lòng em không giống như nàng Văn Quân.

*

Trách người quân tử bạc tình,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!

*

Trách người một, trách ta mười,
Bởi ta bạc trước, cho người tệ sau.

*

Trách người phơi lúa nống thưa,
Chèo thuyền trên động, khéo lừa duyên em!

*

Trách người quân tử vô danh,
Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao!

*

Trách người quân tử bạc tình,
Có gương mà để bên mình biếng soi!

*

Trách người quân tử vụng suy,
Vườn hoa thiên lý chẳng che mành mành!

*

Đi đâu bỏ nhện giăng mùng,
Bỏ đôi chiếu lạnh, bỏ phòng quạnh hiu!

*

Anh nói với em
Như rựa chém xuống đá,
Như rạ cắt xuống đất,
Như mật rót vào tai..
Bây chừ anh đã nghe ai,
Bỏ em giữa chốn thuyền chài rứa ri?

*

Có ai, thêm bận vì ai,
Không ai, giường rộng chiếu dài dễ xoay.

*

Trách lòng thầy mẹ cầm cân,
Đôi ta như nhện đang lần mối tơ,
Hai ta đứng lại bưa cân[1],
Trách lòng thầy mẹ phụ gần tham xa.

*

Lòng lại dặn lòng,
Non mòn biển cạn.
Bạn lại dặn bạn,
Đá nát vàng phai.
Bây giờ trúc mọc thành mai...
Hỡi em ơi, chớ nguôi lòng lại dạ
Nghe ai phỉnh phờ!

*

Nào khi mô em nói với anh:
Sông cạn mà tình không cạn,
Vàng mòn mà nghĩa không mòn.
Nay chừ nước lại xa non,
Đêm năm canh tơ tưởng, héo hon ruột tằm.

*

Con chim nho nhỏ cái lông nó đỏ,
Cái mỏ nó vàng, nó kêu người ở trong làng:
Đừng tham lãnh lụa, phụ phàng vải bô!

*

Ai về em gửi bức tranh,
Tô con chim sáo đậu cành lan chi,

(1) *Bưa cân* là vừa cân.

Ai làm nên bước phân ly,
Cám công mưa nắng, kẻ đi người về.

*

Cái cò là cái cò con,
Mẹ nó yêu nó, nó còn làm thơ.
Cái cò bay bổng, bay bơ,
Lại đây anh gửi xôi khô cho nàng.
Đem về nàng nấu, nàng rang,
Nàng ăn có dẻo thời nàng lấy anh.

*

Cái cần câu trúc,
Cái điếu mồi chắc,
Cái bóng ông trăng mờ...
Cái sự tình cờ,
Ta bắt gặp cô mình đây!

*

Ai sang đò ấy bây giờ,
Ta còn ở lại, ta chờ bạn ta,
Mưa nguồn chớp biển xa xa,
Ấy ai là bạn của ta, ta chờ,

*

Có nên thì nói rằng nên,
Chẳng nên, sao để đấy quên đây đừng.
Làm chi cho dạ ngập ngừng,
Đã có cà cuống thì đừng hạt tiêu.

*

Đêm đêm khêu ngọn đèn loan,
Nhớ chàng quân tử thở than mấy lời.

Mong chàng chẳng thấy chàng ôi!
Thiếp tôi trằn trọc vội dời chân ra.
Nhác trông lên, trăng đã xế tà,
Đêm hôm khuya khoắt con gà đã gáy sang canh.
Mong anh mà chẳng thấy anh,
Thiếp tôi buồn bã khêu quanh ngọn đèn...

*

Bèo than thân bèo,
Nằm trên mặt nước,
Bạc than thân bạc,
Đeo chiếc bông tai.
Khoai than thân khoai,
Đào lên bới xuống.
Muống than thân muống,
Bứt đọt nấu canh.
Anh than thân anh,
Vợ con chưa có.
Người nói lòng nọ,
Kẻ nói lòng kia.
Liều mình như súng bắn bia.
Biết làm răng cho đặng sớm khuya cùng nàng!

*

Ăn trầu chọn lấy cau khô,
Trèo lên Ba- đội có cô bán hàng.
Cô bán hàng, lòng cô buồn bã,
Bóng xế chiều, bóng ngả về tây...

*

Ấy ai giắt mối tơ mành,
Cho thuyền quen bến, cho anh quen nàng.

Tơ tằm đã vấn thì vương,
Đã trót dan díu, thì thương nhau cùng.

*

Vì tình em phải tới nơi,
Trăm năm duyên phải một ngày mà nên.
Làm trai chí ở cho bền,
Đừng lo muộn vợ, chớ phiền muộn con.

*

Chàng về cho chóng mà ra,
Kẻo em chờ đợi sương sa lạnh lùng!
Cơn lạnh, còn có cơn nồng,
Cơn đắp áo ngắn, cơn chung áo dài.
Hay là chàng đã nghe ai,
Áo ngắn không đắp, áo dài không chung?

*

Chăn đơn nửa đắp, nửa hòng,
Cạn sông, lở núi, ta đừng quên nhau.
Từ ngày ăn phải miếng trầu,
Miệng ăn, môi đỏ, dạ sầu đăm chiêu.
Biết rằng thuốc dấu hay là bùa yêu,
Làm cho ăn phải nhiều điều xót xa.
Làm cho quên mẹ, quên cha, quên cửa, quên nhà;
Làm cho quên cả đường ra lối vào;
Làm cho quên cá dưới ao,
Quên sông tắm mát, quên sao trên trời.
Đất bụt mà ném chim trời.
Ông Tơ bà Nguyệt xe dây, xe nhợ, nửa vời ra đâu!
Cho nên cá chẳng bén câu,
Lược chẳng bén đầu, chỉ chẳng bén kim.

Thương nhau nên phải đi tìm,
Nhớ nhau một lúc như chim lạc đàn.

*

Chung quanh những chị em người,
Giữa chùa Non - nước, một tôi với chàng.
Dù chàng mà có yêu đương,
Thì chàng đắp điếm trăm đường đi cho.
Yêu chán, sợ chàng lại no,
Rồi khi mưa nắng biết nhờ cậy ai?

*

Thò tay mà ngắt ngọn ngò[1],
Thương em đứt ruột, giả đò ngó lơ.
Tình thương quán cũng như nhà,
Lều tranh có nghĩa hơn toà ngói cao.

*

Một mình ấm lạnh cho xong,
Hai hơi thêm nực, hai lòng thêm lo.

*

Một mình giã gạo giữa trời.
Cám bay phảng phất, thương người đàng xa.

*

Tay nâng chén muối đĩa gừng,
Gừng cay, muối mặn, xin đừng quên nhau.

*

(1) Ngọn ngò là một loại rau thơm

Chờ chàng xuân mãn hè qua,
Bông lan đã nở, sao mà vắng tin!

*

Năng mưa thì giếng năng đầy,
Anh hay đi lại, mẹ thầy năng thương.

*

Rau răm ngắt đọt khó trồng,
Cho em say mê đi nữa, cũng là chồng người ta.

*

Đêm nằm lưng chẳng tới giường,
Trông cho mau sáng ra đường gặp em.

*

Sông sâu cá lội mất tăm,
Chín tháng cũng đợi, mười năm cũng chờ.

*

Thuyền ơi, có nhớ bến chăng?
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

*

Trăm năm ước nguyện chung tình,
Trên trời dưới đất có mình với ta.

*

Thương em như lá đài bi,
Ngày thì giãi nắng, đêm thì dầm sương.

*

Dao vàng cắt ruột máu rơi,
Ruột đau chẳng mấy bằng lời em than.

*

Xa xôi chi đó mà lần,
Phải hương hương bén, phải trầm trầm thơm.

*

Thương em, anh biết để đâu,
Để vào tay áo, lâu lâu lại dòm.

*

Người yêu ta để trên cơi,
Nắp vàng đậy lại, để nơi giường thờ.
Đêm qua ba bốn lần mơ,
Chiêm bao thì thấy, dậy sờ thì không.
Mấy lời em nói
Anh hong khói để bền,
Dầu trăm năm nữa, không quên lời nào!

*

Gió đưa mười tám lá xoài,
Lấy chồng Bình - định cho dài đường đi.

*

Gió đưa bông cúc bông trang,
Bông búp về nàng, bông nở về anh.

*

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió,
Trăng lặn rồi, gió biết đưa ai?

*

Gió đưa trăng thì trăng đưa gió,
Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai?

*

Đợi chàng chẳng thấy chàng đâu,
Bóng trăng đủng đỉnh ra màu khơi trêu.

*

Chim bay về núi, tối rồi,
Bạn không lo liệu, bạn ngồi rứa răng.

*

Chiều chiều mây phủ Sơn - trà,
Lòng ta thương bạn, nước mắt và lộn cơm.

*

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều,
Nhớ người đẫy gấm, khăn điều vắt vai.

*

Chiều chiều mây phủ Ải - vân,
Chim kêu ghềnh đá, ngẫm thân thêm buồn.

*

Sầu chi dạ đó, kêu van!
Sầu em chín chiếc ghe loan chở đầy.
Đường xa ới hỡi đường xa,
Đem sầu tới bỏ cho ta mà về!

*

Chiều chiều vịt lội bờ bàng,
Thương người áo trắng vá quàng nửa vai.

*

Thuyền ai trôi trước,
Cho tôi lướt tới cùng.
Chiều đã về, trời đất mung lung,
Phải duyên thì xích lại cho đỡ nùng tiếng thương.

Trời một vùng đêm dài không hạn,
Mượn gió chiều gửi bạn ngàn sông.
Thân em là gái chưa chồng,
Tơ duyên có chắc như dòng nước không?
Thuyền về Đại - lược,
Duyên ngược Kim - long,
Đến đây là chỗ rẽ của lòng,
Gặp nhau còn biết trên sông bến nào!

*

Dãy dọc toà ngang,
Giàu sang có số,
Kim - long, Nam - phổ,
Nước đổ về Sình,
Như đôi lứa mình chút nghĩa ba sinh.
Có làm răng đi nữa, đôi lứa mình không bỏ nhau!

*

Ai về Đồng - hới cho tôi gửi một lời,
Cho không đừng có, cho có đừng không;
Có mua nồi, phải nhớ đến vung,
Giăng tơ phải nhớ ngãi con tằm ngày xưa.

*

Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Hai tay rũ xuống như tàu chuối te[1]
Tiếc công vun bón cây mè[2].
Mè không có trái, chim mè đậu lên.

---

(1) Tàu chuối te là tàu chuối rách
(2) Cây mè là cây vừng

Tiếc công rày xuống, mai lên,
Mòn đàng đứt cỏ, không nên tự trời.
Tưởng rằng kèo cột ở đời,
Ai ngờ kèo rã cột rời tứ phương.
Ngày nào em nói em thương.
Như trầm mà để trong rương chắc rồi.
Bây giờ khoá rớt chìa rơi,
Rương long nắp vỡ, bay hơi mùi trầm.

*

Ới anh ơi, anh có xa thì xa cho mất,
Anh có lại gần thì thành thất thành gia.
Em khuyên anh đừng lại lại qua qua,
Một mai kia thầy mẹ biết, đặng đánh la tụi mình.

*

Hôm qua dệt cửi thoi vàng,
Sực nhớ đến chàng, cửi lại dừng thoi.
Cửi sầu, cửi nhục chàng ơi,
Ngọn đèn sáng tỏ bóng người đằng xa.
Ai về tôi gửi thư ra,
Gửi dăm câu nhớ, gửi và câu thương.
Gửi cho đến chiếu đến giường.
Gửi cho đến tận quê hương chàng nằm.
Chàng về thiếp nhớ đăm đăm,
Giường trên chiếu dưới, ai nằm đêm nay?
Chàng về thiếp nhớ lắm thay,
Giường trên chiếu dưới, đêm nay ai nằm?

*

Đêm qua mưa bụi gió bay,
Gió rung cành bắc, gió lay cành vàng.

Em với anh cùng tổng, khác làng,
Nào em có biết ngõ chàng ở đâu!
Một thương, hai nhớ, ba sầu,
Cơm ăn chả được, ăn trầu cầm hơi.
Thương chàng lắm lắm, chàng ơi!
Biết đâu thanh vắng mà ngồi thở than.
Nhớ chàng như nhớ lạng vàng,
Khát khao về nết, mơ màng về duyên.
Nhớ chàng như bút nhớ nghiên,
Như mực nhớ giấy, như thuyền nhớ sông.
Nhớ chàng như vợ nhớ chồng,
Như chim nhớ tổ, như rồng nhớ mây.[1]

*

Khăn thương nhớ ai,
Khăn rơi xuống đất.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn vắt lên vai.
Khăn thương nhớ ai,
Khăn chùi nước mắt.

---

(1) Có bản chép 10 câu đầu như sau:

Có đêm ra đứng đằng tây,
Nom lên chỉ thấy bóng mây đà tà,
Có đêm ra đứng vườn hoa,
Nom lên chỉ thấy sao đà xanh xanh.
Có đêm thơ thẩn một mình,
Ở đây thức cả năm canh rõ ràng.
Có đêm tạc đá ghi vàng,
Ngày nào em chả nhớ chàng, chàng ơi!
Thương chàng lắm lắm chàng ơi!
Nhớ miệng chàng nói, nhớ lời chàng than.
Nhớ chàng như nhớ lạng vàng,
. . . . . .

Đèn thương nhớ ai,
Mà đèn không tắt.
Mắt thương nhớ ai,
Mắt không ngủ yên.
Đêm qua em những lo phiền,
Lo vì một nỗi không yên một bề...

*

Ba năm ăn ở trên thuyền,
Bởi anh hàng muối cho nên mặn mà.
Xuống thuyền dịp bảy dịp ba,
Trách anh hàng trứng cho ra đôi lòng.

*

- Ngồi tựa vườn đào
Thấy người thục nữ ra vào,
Lòng những vấn vương...
Gió lạnh đêm trường,
Nửa chăn, nửa chiếu, nửa giường,
Cô để đó chờ ai?...
So chữ sắc tài,
Yêu nhau, chớ để cho người trăng gió hái hoa.
Nguyện với trăng già,
Tơ hồng kết lại một nhà đầm ấm yên vui.
- Ngồi tựa vườn đào
Thấy người tri kỷ ra vào, em những ngẩn ngơ...
Tháng đợi năm chờ.
Nỗi niềm tâm sự bây giờ biết ngỏ cùng ai?...

*

Trèo đèo lặn suối qua truông,
Đến đây thấy cảnh lòng buồn không vui.

Tới đây tìm kiếm bạn tui,
Bạn tui không có, tui lui trở về,
Trở về nằm sấp một bề,
Không trăn không trở,
Chết đi thì lỡ,
Sống lại thêm phiền!
Em giả con diều bay giữa thượng thiên,
Để coi người bạn cựu nẫu đảo điên thế nào!

*

Đêm nằm đắp chiếu bịt bùng,
Tai nghe tiếng hát dậy vùng ra đi.
Con rồng nằm bãi cát bày vi,
Vì chưng thương bạn, nên ra đi làm vầy.
Ra đi, cha đánh, mẹ ngầy,
Không đi bạn ở ngoài này bạn trông!

*

Từ khi gặp mặt giữa đàng,
Thiếp quyết thương chàng cha mẹ nào hay!
Có hay thì nhất đánh nhì đày,
Hai lẽ mà thôi.
Thuỷ chung em giữ trọn mấy lời,
Chết thời chịu chết, lìa đôi em không lìa!

*

Còn gì nay đợi mai trông,
Nhạn kia chắp cánh theo rồng lên mây.
Trách ai làm nên đó lại xa đây,
Như con chim phượng xa cây ngô đồng.

*

Từ ngày gặp gỡ giữa đường,
Những lời bạn nói, nhớ thương vô chừng.

Tưởng là thành cơm thành cháo, tôi bỏ bụng mừng.
Hay đâu cá bể, chim rừng vội bay!

*

Đêm năm canh không ngủ, dậy ngồi,
Cớ sao trong dạ bồi hồi chuyện chi?
Đau lòng ta lắm, hỡi nữ nhi,
Thếp dầu đầy anh thắp hết, bày ly anh than hoài!
Quên đi thì chớ, nhớ lại khó nỗi nguôi ngoai,
Tự xưa cho đến rày cách trở đợi trông.
E cho nàng có chốn ba đông,
Có nơi kết tóc, không trông đến phận chàng.
Đêm nằm khô héo lá gan,
Thếp dầu đầy anh thắp hết, cháy tàn bày ly.
Kể từ ngày em chịu chữ tùng quy,
Chàng Hồ, thiếp Hán, tài chi không buồn rầu!
Chiều chiều ra đứng soi dâu,
Nghe con chim nó kêu dìu dắc,[1] dạ anh sầu bấy nhiêu.

*

Nhạn lạc bầy, nhạn kêu khẳng khoái,
Vượn lìa cành, cầm trái khóc than.
Đêm nằm luỵ nhỏ chứa chan,
Tôi nhớ đến câu tình tự, tôi băng ngàn tới đây.

*

Hai ta đang nhớ đang thương,
Ai về phân quế, rẽ hương cho đành!
Hai ta đang nối dây dài,
Ai cầm dao sắc cắt hai dây lìa!

---

(1) Dìu dắc cũng như réo rắt .

*

Em thương, không thương, nỏ biết,
Em thốt nhiều lời thảm thiết hơn thương.
Thiếu chi ba phủ Thừa - thiên,
Thấy anh có ngãi, nên em ôm duyên ngồi chờ,
Chờ anh xuân mãn, hè qua,
Bông lau đoái nở, sao mà vắng tin!
Chờ anh tháng tám đã qua,
Tháng mười đã luận, tháng ba mãn rồi.

*

Anh thương em nên phải đi đêm,
Té xuống bờ ruộng, đất mềm không đau.
May đất mềm nên mới không đau,
Phải chi đất cứng, xa nhau phen này!

*

Giường dọc mà trải chiếu ngang,
Chàng ngồi một góc,
Thiếp ngồi một góc.
Chàng than, thiếp khóc,
Thiếp khóc, chàng than.
Khung cửi bắc ngang, thoi nàng biếng dệt.
Em vắng anh một ngày, mỏi mệt chân tay.

*

Sáng trăng, trải chiếu hai hàng,
Cho anh đọc sách, cho nàng quay tơ.
Quay tơ thì giữ mối tơ,
Dù năm bảy mối, cũng chờ mối anh.

*

Lương duyên do túc đế, giai ngẫu tự thiên thành.
Lời nguyền chứng có ông trời xanh,
Khiến sao nghe vậy, nên anh không phiền.
Dầu mà phên đất tấm ngả, tấm nghiêng,
Lời thề giữ trọn không quên nhân nghĩa nghèo.
Chàng đành thì cha mẹ phải đành theo,
Như chiếc tầu kia đang chạy, bỏ dây neo phải dừng.

*

Hỡi em ơi, nay chừ em đặng chốn cửa quyền,
Cửa cao, rào kín, nên em bỏ lời nguyền em đi.
Em ơi, đặng chốn giàu sang,
Thấy anh đây hái củi nương hoang cũng không chào.
Hỡi em ơi, không chào nỏ mất đi mô!
Chào rồi, ruột héo gan khô từng ngày.
Tôi tới nơi đây, chào lê, chào lựu,
Tôi chào kẻ cựu người tân,
Kẻ xa tôi chào trước, người gần tôi chào sau.
Em ơi, đừng phú khó tham giàu,
Phụ bần, tham phủ, mai sau có trời!
Con bướm trắng bay xàng xự,
Cụm bèo xanh nổi xạc xình...
Phận bèo nhiều nỗi linh đinh,
Kể sao cho hết phận mình khúc nôi.
Lênh đênh nước chảy, bèo trôi,
Chờ khi nước lụt, bèo ngồi đầu sen.

*

Đàn Châu Tuấn ít ai biết gẩy,
Sáo Tam Kỳ ít kẻ biết nghe.
Ai cho trúc nọ lộn tre,
Ai đem chỉ gấm mà xe tim đèn.

Ai cho vàng đá đua chen,
Ai cho bèo nọ lộn sen một bồn.

*

Thương chi cho uổng tấm tình,
Nẫu về xứ nẫu, bỏ mình bơ vơ.
Muốn ăn cơm trắng, cá kho,
Trốn cha, trốn mẹ, xuống đò cùng anh.

*

Thương chi cho đã tấm tình,
Nẫu về xứ nẫu, dẫn mình đi theo.

*

Trăng rằm đã tỏ lại tròn,
Củ lang đất cát đã ngon lại bùi.
Em gặp anh đây đã khoẻ lại vui,
Tam tứ sầu giải hết, mặt tươi như thường.

*

Đã mang lấy cái thân tằm,
Không tơ vương nữa cũng nằm trong tơ.

*

Yêu nhau, cởi áo cho nhau,
Về nhà mẹ hỏi, qua cầu gió bay.

*

Yêu nhau, trầu vỏ cũng say,
Ghét nhau, cau đậu đầy khay chẳng màng.

*

Yêu nhau quá đỗi nên mê,
Tỉnh ra mới biết kẻ chê người cười.

*

Yêu nhau chẳng lọ chiếu giường,
Dẫu rằng tàu lá che sương cũng tình.

*

Yêu nhau thì ném bã trầu,
Ghét nhau, ném đá vỡ đầu nhau ra.

*

Yêu nhau, cau sáu bổ ba,
Ghét nhau, cau sáu bổ ra làm mười.

*

Yêu nhau chả lấy được nhau,
Con lợn bỏ đói, buồng cau bỏ già.
Bao giờ sum họp một nhà,
Con lợn lại béo, cau già lại non.

*

Có yêu thì nói rằng yêu,
Chẳng yêu thì nói một điều cho xong.
Làm chi dở đục, dở trong,
Lờ lờ nước hến, cho lòng tương tư.

*

Đêm khuya nghe vạc cầm canh,
Nghe chuôn dóng sáu, nghe anh khuyên nàng[1]
Anh khuyên nàng đã hồ nghe,
Trách con gà sống te te gáy dồn...

*

(1) Có người hát: *"Đêm khuya nghe vạc trỏ canh;*
Nghe chuông vén sáo, nghe anh khuyên nàng".

Chiều chiều én liệng cò bay,
Khoan khoan nhớ bạn, bạn rày nhớ ai?
Bạn rày nhớ củ, nhớ khoai,
Nhớ cam, nhớ quýt, nhớ xoài cà lăm.

*

Muốn mặn ba năm muối hãy còn mặn.
Gừng cay chín tháng gừng hãy còn cay.
Đạo nghĩa cang thường chớ đổi đừng thay,
Dẫu có làm nên danh vọng, hay rủi có ăn mày,
ta cũng theo nhau.
Theo nhau cho trọn đạo trời,
Dẫu rằng không chiếu trải tơi mà nằm.

*

Chiều chiều ra đứng vạt gò,
Nón che tay ngoắt: "Ố trò áo đen!"
Áo đen năm nút viền tà.
Ai may cho bậu hay là bậu may?

*

Mình về đường ấy hôm nay,
Mồ cha đứa gối đầu tay cho về!

*

Mồ cha con bướm khôn ngoan,
Hoa thơm bướm đậu, hoa tàn bướm bay.

*

Đôi ta như vợ với chồng,
Chỉ hiềm một nỗi ông Tơ hồng chưa xe.

*

Em có chồng rồi như hồi chưa có;
Anh chưa có vợ như thể có rồi.

*

Con gái chơi với con trai,
Về sau hai vú bằng hai sọ dừa.

*

Chém cha cái nước sông Bờ,
Nghĩ rằng báng nước ai ngờ báng con!

*

Anh như táo rụng sân đình,
Em như gái rở đi rình của chua.

*

Giường rộng thì ghé lưng vào,
Nghìn năm ai có tơ hào đến ai!

*

Trên trời có đám mây vàng,
Bên sông nước chảy có nàng quay tơ.
Nàng buồn, nàng bỏ quay tơ,
Chàng buồn, chàng bỏ thi thơ học hành.
Nàng buồn, nàng bỏ cửi canh,
Chàng buồn, chàng bỏ học hành chàng đi.

*

Trồng hường bẻ lá che hường,
Thương anh chẳng quản đỗi đường xa xuôi.

*

Thương thì kết tóc giao tay,
Không thương én liệng, nhàn bay mược nhàn[1]
Một mai trống lủng khó hàn,
Dây dùn khó đứt, người ngoan khó tìm.

---

(1) Tức: "Nhạn bay mặc nhạn".

*

Ngó lên biển bốn trời ba,
Buồm giương hai cánh, cửa nhà hai nơi.

*

Đa tình thì vướng nợ tình,
Trách người đã vậy, trách mình sao đây!

*

Thủng thỉnh mà lượm hoa rơi,
Lượm cho có trí hơn người trèo cao.

*

Nắng mưa sương tuyết bấy chầy,
Cho đau lòng cuốc, cho gầy mình ve.

*

Chiều nay có kẻ thất tình,
Tựa mai, mai ngả; tựa đình, đình xiêu.

*

Không ai hôm sớm bạn cùng,
Nương mai, mai gẫy, dựa tùng, tùng xiêu.

*

Mạ non mà cấy đất biển[1]
Mưa hoà, gió thuận, có tiền cưới em.

*

Thuyền xuôi neo nọc cũng xuôi,
Nhớ em, anh nhớ cả đôi má hồng.

*

(1) Đất thuộc, lại gần sông nước.

Cá sầu, cá trở đầu đuôi,
Người sầu lên ngược, xuống xuôi vẫn sầu.

*

Trăng lên đỉnh núi trăng nghiêng,
Nhớ em, anh những sầu riêng một mình.

*

Bí lên ba lá, tại ba với má không chịu thả giàn,
Để bí bò lan, trách hường nhan vô duyên bạc phận.
Duyên nợ ở gần, sao không đặng xứng đôi!

*

Nước xanh xanh chảy quanh cồn cát trắng,
Con chim phượng hoàng rày vắng tiếng kêu.
Ới người thương ôi! Ta nhắn một điều.

*

Dẫu mà mai quán, chiều lều, cũng ưng.
Con cá thia lia giỡn bóng lăng xăng trong hồ.

*

Trên vườn rau cải, dưới lại rau cần,
Cây mơ cây mận ở gần bờ ao.
Đầu làng có cây đa cao,
Trăng thanh gió mát lọt vào tận nơi.
Nhà anh có cái giếng khơi,
Nhác trông xuống giếng có đôi cành hồng.
Em nay là gái chưa chồng,
Anh không có vợ, dốc lòng chờ nhau.

*

Anh nói em cũng nghe anh,
Bát cơm đã trót chan canh mất rồi!
Nuốt đi đắng lắm anh ơi,
Bỏ ra thì để tội trời ai mang.

Tội trời đã có người mang,
Ước gì ta lấy được chàng, chàng ơi!
Bây giờ ba ngả bốn nơi,
Thiếp chàng muốn lấy thiếp tôi bên này,
Thiếp tôi bên này trong then ngoài khoá,
Thiếp chàng bên ấy có thoả hay không?
Trách đường dây thép không thông,
Gửi thư, thư biệt, gửi lời lời bay.
Nhạn ơi trăm sự nhờ mày,
Ngậm thư mang tới tận tay cho chàng.
Chẳng may chim nhạn lạc đàn,
Chim trời bay mất, để chàng nhớ mong.

*

Giường này ai trải chiếu đây?
Đêm qua không ngủ, đêm nay không nằm.
Một chăn đắp chả kín chân,
Hai chăn đắp để muôn phần xót xa.
Ba chăn thương nhớ cả ba,
Hay là mình đã năm ba tớ thầy?
Hay là mình giận ta đây.
Mình cho ta biết một giây kẻo sầu?
Tin đi mối lại đã lâu,
Mình về lấy vợ để sầu cho ta.
Càng nom càng bổng càng xa,
Chàng về lấy vợ cho ta lấy chồng.
Đố ai khuyên gió bóng thông.
Đố ai xui giục cho rồng phun mưa.
Ruột tằm bối rối vò tơ,
Tay khoan tay rẽ, cho thưa mối sầu,
Nào khi có một buồng cau,
Giấu thầy giấu mẹ cho sau bóng đèn.

Làm quen mà chả nên quen,
Làm bạn mất bạn ai đền công cho!
Bây giờ tờ ấp lấy mo,
Mo ấp lấy bẹ mà mo chả rời.
Bây giờ tờ rã mo rơi,
Đôi ta chênh mảng mỗi người mỗi phương.

*

Quả dưa trong héo ngoài tươi,
Thương chàng như thể thương người lầu tây.
Ai về đằng ấy, đằng này,
Để đêm em nhớ, để ngày em thương.
Yêu nhau đi nhớ về thương,
Em về cái chốn buồng hương anh nằm.
Thấy chiếu mà chả thấy chăn,
Thấy chỗ mình nằm chả thấy mình đâu.

*

Xa thì mượn ngựa anh đi,
Quí hồ tốt quảy, quản chi xa gần.
Ước gần mà chả được gần.
Ai làm cách Việt xa Tần thế ni?

*

Anh đồ ơi hỡi anh đồ,
Có ăn cơm tấm trộn ngô thì vào!
Cơm tấm còn đãi dưới ao,
Ngô thời chưa bẻ anh vào làm chi?

*

Nhà em công việc bề bề,
Cho nên em phải trở về ngay đây.
Xin chàng nghỉ lại chốn này,
Xin đừng có tưởng nước mây xa đường.

Rồi ra nên ngãi tao khang,
Như loan lấy phượng tỏ tường trúc mai.

*

Em trông thấy anh dạ sầu như muối,
Còn sợ bên ngoài, chả dám thở than.
Sợ khách muôn vàn, tay đưa bút ngọc,
Tưởng nhớ đến chàng, bỗng chốc nhớ ai?
Bể kia ai tát nên vơi?
Ngẫm đến sự đời muốn kết nhân duyên;
Muốn kết nhân duyên với người Tần Tấn,
Người Tần Tấn se sẳn như sơn,
Lăm le cành trúc rập rờn cành mai...

*

Trời mưa cho ướt lá cau,
Đôi ta be bé rủ nhau đi bừa.
Trời mưa cho ướt lá dừa,
Đôi ta be bé đi bừa đồng trong.

*

Đứng xa ngỡ hoa thiên lý tây,
Vượt hồ sang hái, phải cây muội nồi.

*

Đem chuông đi đấm nước người,
Đem gà đi chọi những nơi anh hùng.
Những nơi chả đáng chả thông,
Cho nên vàng chả đổ đồng với thau.

*

Anh đi vắng cửa vắng nhà,
Giường loan gối quế, mẹ già ai nuôi?
Cá rô anh chặt bỏ đuôi,
Tôm càng bóc vỏ, anh nuôi mẹ già.

*

Em ngồi một mình, em nghĩ một mình,
Nghĩ thân mà chả bạc tình với ai.
Nên chăng bởi khách Chương- đài,
Thành sâu bể thẳm, có ai với mình!

*

Chân em đi hán đi hài,
Dọc se dây trúc chớ mài dây loan
Chém cha con mắt đa đoan,
Càng lắm nhân ngãi càng mang tiếng thù.
Trên ba thu dưới lại ba thu,
Con mắt lóng lánh không thu được nào.

*

Có ai nước cũng bằng bờ,
Không ai nước cũng cầm cơ mực này.
Có ai nước cũng thế này,
Không ai thì cũng như ngày có ai.

*

Trời mưa cho ướt lá nem,
Mua giấy mua bút mua nghiên học hành.
Chàng về em gửi đôi chanh,
Trái chín nhuộm áo, trái xanh gội đầu.

*

Mẹ anh đi chợ mua trầu mua phải lá đa,
Mẹ anh đi chợ mua gà mua phải cuốc con.
Đắng cay như quả bồ hòn,
Chát chua như quả sung non ngậm mồm!

*

Hỡi anh nón chóp quai dầu,
Tay cầm cái quạt đi đâu bây giờ?

Cái quạt mười tám cái xương,
Trên thì bít giấy dưới buông chữ màu.
Lúc nắng chàng che trên đầu,
Lúc nực chàng quạt, đi đâu chàng cầm.
Ra đường gặp bạn tri âm,
Lấy quạt che miệng cười thầm đôi ta.

*

Hỡi anh áo trắng vân vân!
Đi về dẹp vợ cho quân em vào.
Vợ anh có hỏi quân nào,
Ta là quân tải tìm vào hái hoa.
Có nên ta hái dần dà,
Chả nên ta hái ba hoa ta về.

*

Cái đêm hôm ấy đêm gì!
Bóng trăng lồng bóng, thuyền đi trập trùng.

*

Bóng trăng em ngỡ bóng đèn,
Bóng cây em tưởng bóng thuyền anh sang.

*

Lá này gọi lá xoan đào,
Tương tư gọi nó thế nào, hở em?
Lá khoai anh ngỡ lá sen.
Bóng trăng anh ngỡ bóng đèn anh khêu.

*

Chẳng tham cái bút cái nghiên,
Chẳng tham ruộng cả ao liền gì đâu!
Phải duyên, phải lứa cùng nhau,
Dầu mà áo vải, cơm rau cũng màng.

*

Anh ơi, anh ngồi xuống đây,
Anh nhích lại đây,
Em hỏi câu này:
Non non, nước nước, mây mây,
Ai làm nam, bắc, đông, tây lắm đường?
Yêu nhau chẳng lọ bạc vàng,
Tình thân nghĩa thiết, xin chàng chớ quên!

*

Hà - nội ba mươi sáu phố phường,
Hàng mật, hàng đường, hàng muối trắng tinh.
Từ ngày ta phải lòng mình,
Bác mẹ đi rình đã mấy mươi phen.
Làm quen chả được làm quen,
Làm bạn mất bạn, ai đền công cho!

*

Anh trông xuống sông,
Buồm rung gió thổi,
Kẻ lặn người lội,
Kẻ chắn người đăng.
Nước bạc lăn tăn,
Phao chìm chuyển động.
Giật lên mau chóng
Kẻo cá nhả ra...
Mình lấy được ta,
Bõ công ao ước;
Ta lấy được mình,
Thoả dạ ước ao.
Bõ công anh đốn cần, xe nhợ, buộc phao, mắc mồi.

2. HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH.

Trong thời phong kiến, nhân dân lao động Việt Nam sống một đời cực khổ, thiếu ăn, thiếu mặc và đành chịu dốt nát. Trong số những người bị áp bức bóc lột ấy, một nửa phần còn sống cực khổ hơn nữa; nửa phần ấy là phụ nữ. Sự cực khổ tăng thêm ấy mà phụ nữ phải chịu do chế độ phong kiến gây nên, một chế độ đặt quyền gả bán trong việc hôn nhân vào tay người gia trưởng (người này cũng là nạn nhân của chế độ phong kiến) và coi người phụ nữ như một kẻ vị thành niên suốt đời, nhiều khi như một món hàng bán vào tay ai cũng được.

Người phụ nữ Việt Nam đã đem sức lao động và kinh nghiệm của mình đóng góp rất nhiều vào công việc sản xuất và kiến thiết xóm làng, đất nước, vậy không phải vì người đàn bà không làm được những việc như đàn ông mà phải ở vào địa vị thấp kém trong xã hội. Lý do chính là chế độ hôn nhân đã xây dựng trên cơ sở kinh tế của xã hội cũ, đặt người phụ nữ vào một địa vị thấp kém. Mình trần thân trụi từ trẻ đến già, dù có làm ra, cũng là của cha, của chồng hay của con trai; do đó mà dưới chế độ phong kiến, tài sản trong gia đình toàn nam giới được thừa kế. Người phụ nữ tuy có lao động, có sản xuất, nhưng không có hưởng thụ. Đồng thời, theo đạo "tam tòng" họ luôn luôn phải lệ thuộc vào cha anh hay chồng con.

Trong chế độ phong kiến, việc quy định tài sản đối với phụ nữ rất là khe khắt. Việc quy định ấy chủ yếu làm cho phụ nữ không bao giờ được độc lập về kinh tế, dù chính phụ nữ đã góp phần xây dựng

kinh tế gia đình:

Hỡi cô cắt cỏ đồng mầu!
Chăn trâu cho khéo làm giàu cho cha.
- Giàu thì chia bảy chia ba,
Phận em là gái được là bao nhiêu!

Trong 24 huấn điều của Lê Hiến Tông (1500) huấn điều thứ tám và thứ chín đã quy định như sau về phụ nữ: "8 - Khi chồng chết, phải thương yêu con vợ trước hoặc con vợ lẽ của chồng, *nếu có gia tài, không được chiếm đoạt làm của riêng mình.* 9 - Khi chồng chết mà mình chưa có con, thì phải ở lại nhà chồng, giữ việc tang tế, đúng nghi lễ, không được giấu giếm chuyển vận tài sản nhà chồng đem về nhà mình". Lễ giáo phong kiến đã nảy nở ở một cơ sở kinh tế trong một hoàn cảnh và một thời kỳ lịch sử nhất định và thích ứng với cơ sở ấy.

Nhưng tại sao trong thời phong kiến người phụ nữ nông thôn hay cả nhân dân lao động nói chung, nhiều lúc cũng tin ở số, cũng yên phận tạm thời trong việc cưới gả? Hãy nghe họ thốt ra những câu:

Số giàu, lấy khó cũng giàu,
Số nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.

Trong công cuộc đấu tranh thiên nhiên, nhân dân lao động rất hăng hái, bền bỉ. Nhưng trong lúc phương thức sản xuất chưa cho phép họ có điều kiện để vượt khó, thì đối với những sức quá mạnh của thiên nhiên như bão, lụt, hạn hán, người thời cổ đâm ra sợ hãi, gán cho nó những sức mạnh thánh thần. Nền sản xuất cá thể, phân tán của họ cũng gây nên những khó khăn trong đoàn kết đấu tranh.

Lẽ tự nhiên những mê tín, dị đoan của người lao động trong thời phong kiến, giai cấp thống trị không thể tạo ra được, nhưng chúng tạo điều kiện cho nó phát triển để chúng lợi dụng, nhằm bóc lột đàn áp nhân dân được dễ dàng hơn. Như chúng tuyên truyền cho nhân dân tin rằng địa chủ giàu là tại số, nông dân nghèo cũng là tại số,

còn trong xã hội thì nữ giới phải ở một địa vị thấp kém nam giới, và đó cũng là do trời định. Chế độ phong kiến đã chi phối được một phần nào tư tưởng người dân lao động. Do đó, văn học dân gian đã chịu ảnh hưởng một phần ý thức tư tưởng phong kiến.

Nhưng ca dao Việt nam đã chứng tỏ rằng trong quần chúng nhân dân, tư tưởng chống đối giai cấp phong kiến vẫn là tư tưởng chủ đạo. Cho nên trong hôn nhân, khi họ đã không ưng thuận, thì họ cũng không kể gì giàu sang phú quí, và cũng không tin gì ở số mệnh:

Giàu giữa làng, trái duyên khôn ép,
Khó nước người, phải kiếp tìm đi.
Tiền trăm bạc chục kể chi...

Hay:

Chẳng ham nhà ngói bức bàn,
Trái duyên, coi bằng một gian chuồng gà.
Ba gian nhà rạ bà xoà,
Phải duyên, coi tựa chín toà nhà lim.

Người dân lao động đã hiểu rõ đâu là hạnh phúc. Trong cuộc sống hằng ngày ở nông thôn, họ cũng cảm thấy một phần nào cái giàu của địa chủ là do ở chiếm đoạt mà có, nên trong thâm tâm họ khinh bỉ cái giàu không lao động của chúng, họ căm thù chúng đến xương tuỷ. Với tính thẳng thắn, với lòng chung thuỷ, họ quan niệm: yêu nhau thì lấy nhau, dù sống trong cảnh nghèo nhưng vẫn là sung sướng.

Trong ca dao của ta, chúng ta thấy có những câu, những bài tỏ ý oán giận cha mẹ chồng, thứ nhất là mẹ chồng, có khi oán trách cả cha mẹ đẻ và cả chồng nữa. Ca dao có những câu:

Hai ta là bạn thong dong,
Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.
Bởi chưng thầy mẹ nói ngang,
Cho nên đũa ngọc, mâm vàng xa nhau!

Và những câu:

Chồng gì anh, vợ gì tôi,
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây!
Mỗi người một nợ cầm tay,
Đời xưa nợ vợ, đời nay nợ chồng.

Nhưng sự thật, sở dĩ có những mâu thuẫn ấy là vì chính những người cha mẹ và người chồng kia chẳng qua cũng chỉ là nạn nhân của chế độ phong kiến. Muốn cho bộ máy thống trị của chúng dễ điều khiển, giai cấp thống trị tuyên truyền lễ giáo, tổ chức trật tự phong kiến ngay từ trong gia đình, cho nên những người gia trưởng gàn việc hôn nhân không cho con theo ý nguyện của họ cũng chỉ là những sản phẩm của chế độ. Chính bản thân họ bị mê muội, đồng thời họ làm mê muội người khác, cũng như cái vai Chúc - công trong *Lương Sơn- Bá Chúc Anh- Đài* không muốn gả con cho một anh học trò nghèo, chỉ muốn gả con cho một gã thuộc nhà "gia thế" như nhà mình.

Trong thời phong kiến, chúng ta đã biết giữa một số mẹ chồng và nàng dâu thường có những mâu thuẫn sâu sắc, nên đã có những câu mỉa mai như:

Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.

Bị mẹ chồng đối xử tàn tệ, không phải bao giờ người phụ nữ nông thôn cũng chịu ép một bề. Họ muốn thoát khỏi chốn đày đoạ đen tối, nhưng còn vấn vương trăm mối về tình yêu, nên họ có những phút đấu tranh tư tưởng thật cảm động:

Vợ chồng đầu gối má kề,
Lòng nào mà bỏ mà về cho đang,
Hồ về, chân lại đá ngang,
Về sao cho dứt, cho đang mà về!

Nhưng lời mà một số nam nữ thanh niên oán trách người gia trưởng hay cha mẹ, nếu xét kỹ, chẳng qua chỉ là oán trách căm hờn cái kỷ cương của chế độ phong kiến, vì thật ra đã có biết bao câu ca

dao nói lên công ơn của cha mẹ và tình nghĩa thắm thiết của con đối với người sinh ra mình:

Có cha có mẹ thì hơn,
Không cha không mẹ như đờn không dây.

Lại những câu:

Công cha như núi Thái- sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Và những câu:

Gió đưa cây cửu lý hương,
Xa cha xa mẹ thất thường bữa ăn.
Sầu riêng, cơm chẳng muốn ăn,
Đã bưng lấy bát, lại dằn xuống mâm.

Đối với cha mẹ, các con đã có sẵn những tình yêu thắm thiết như thế, nên một khi cái chế độ nó cho phép những người gia trưởng được làm mưa làm gió trong gia đình không còn, thì giữa những người cha mẹ chồng và người nàng dâu cũng không còn mâu thuẫn nữa. Cho nên từ sau Cách mạng tháng Tám và nhất là từ sau những ngày kháng chiến, một khi thực hiện được dân chủ ở khắp nông thôn bằng cách đem lại cho nông dân những quyền lợi thực tế về kinh tế và chính trị, thì cũng không còn những người bố mẹ chồng ác nghiệt nữa. Điều đó càng chứng tỏ, trong thời phong kiến, khi người phụ nữ Việt Nam chống đối những thái độ và hành động của bố mẹ chồng đối với mình là chống đối cả cái chế độ phong kiến thối nát nó đàn áp họ.

Hôn nhân.

Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai?
Em ngồi cành trúc, em tựa cành mai,
Đông đào tây liễu, biết ai bạn cùng?

*

Thân em như giếng giữa đàng,
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

*

Cô kia cắt cỏ một mình,
Cho anh cắt với chung tình làm đôi.
Cô còn cắt nữa hay thôi?
Cho anh cắt với làm đôi vợ chồng?

*

Cô kia cắt cỏ bên sông,
Có muốn ăn nhãn thì lồng sang đây.
Sang đây anh nắm cổ tay,
Anh hỏi câu này: có lấy anh chăng?

*

Cô kia má đỏ hồng hồng,
Cô chửa lấy chồng còn đợi chờ ai?
Buồng không lần lữa hôm mai,
Đầu xanh mấy chốc da mồi tóc sương.
Ai chồng ai vợ, mặc ai!
Bao giờ ra bảng ra bài sẽ hay.
Bao giờ tiền cưới trao tay,
Tiền cheo rấp nước mới hay vợ chồng.

*

Thẩn thơ dưới gốc mai già,
Hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay không?

*

Bắc thang lên đến tận trời,
Bắt ông Nguyệt lão đánh mười cẳng tay.

Đánh thôi, lại trói vào cây,
Hỏi ông Nguyệt lão: nào dây tơ hồng?
Nào dây xe bắc xe đông.
Nào dây xe vợ, xe chồng người ta?
Ông vụng xe, tôi lấy phải vợ già,
Tôi thì đốt cửa, đốt nhà ông đi.

*

Núi Ngự- bình trước tròn sau méo,
Sông An- cựu nắng đục mưa trong.
Đôi ta như chỉ lộn vòng,
Đẹp duyên có đẹp, tơ hồng không xe![1]

*

Vấn tay với chẳng tới kèo,
Cha mẹ anh nghèo, cưới chẳng đặng em.

*

Bao giờ cho chuối có cành,
Cho sung có nụ, cho hành có hoa.
Bao giờ chạch đẻ ngọn đa,
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.

*

Bao giờ cây cải làm đình,
Gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.

*

Thân em như hạt mưa rào,
Hạt rơi xuống giếng hạt vào vườn hoa.

---

(1) Hai câu cuối, có bản chép:

Kìa ai lắng đục tìm trong,
Chứ em đây thuỷ chung như nhất một lòng sơ giao.

Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

*

Lục bình bát giác cắm các bông hường,
Má anh kén dâu, anh thì kén vợ,
Đạo cang thường sẽ ra sao?

*

Áo vá vai, vợ ai không biết,
Áo vá quàng, chí quyết vợ anh.

*

Duyên kia ai đợi mà chờ,
Tình ai tơ tưởng mà tơ tưởng tình.

*

Còn duyên như tượng tô vàng
Hết duyên như tổ ong tàn ngày mưa.

*

Còn duyên kẻ đón, người đưa,
Hết duyên đi sớm, về trưa mặc lòng.

*

Còn duyên kẻ đợi người chờ.
Hết duyên vắng ngắt như chùa Bà Banh.

*

Còn duyên đóng cửa kén chồng,
Hết duyên ngồi gốc cây hồng nhặt hoa.

*

Cháu cậu mà lấy cháu cô,
Thóc lúa đầy bồ giống má nhà ta.

*

Chẳng nên tình trước, nghĩa sau,
Có con, ta gả cho nhau, thiệt gì!

*

Chốn ước mơ lất lơ mà hỏng,
Nơi tình cờ lại đóng nhân duyên.

*

Chớ chê em xấu, em đen,
Em như nước đục, đánh phèn lại trong.

*

Chớ thấy duyên muộn mà phiền,
Tuy rằng duyên muộn, có tiền đợi chờ.

*

Gần thì chẳng hợp duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần đò cũng theo.

*

Bao giờ cho gạo bén sàng,
Cho trăng bén gió thì nàng lấy anh.

*

Có duyên lấy được chồng già,
Ăn xôi bỏ cháy, ăn gà bỏ xương.

*

Tiếc thay con gái mười ba,
Liều thân mà lấy ông già sao đang?

*

Vô duyên mới lấy chồng khòm,
Mai sau nó chết, cái hòm khum khum.

*

Mẹ mong gả thiếp về vườn.
Ăn bông bí luộc, dưa hường nấu canh.

*

Chồng con mô có anh nào!
Em còn lụng đụng vườn đào sớm trưa.
Mực vãng vô giấy khó chùi,
Vô vòng chồng vợ, sụt sùi sao nên.

*

Đèn lưu ly nửa nước nửa dầu,
Nửa thương cha mẹ, nửa sầu nhân duyên.

*

Họ giàu, họ nghinh hôn, giá thú,
Hai đứa mình nghèo, dụ dỗ nhau đi

*

Cúc mai trồng lộn một bồn,
Hai đứa mình chồng vợ, ai đồn mặc ai.

*

Nhờ ơn cô bác giúp lời,
Chị em giúp của, ông Trời định đôi.

*

Đôi ta như đũa trong kho,
Không tề, không tiện, không so cũng bằng.

*

Thân em như tấm lụa điều,
Đã đông nơi chuộng, lại nhiều nơi thương.

*

Thân em như miếng cau khô,
Kẻ thanh than mỏng, người thô than dày

*

Còn duyên, anh cưới ba heo.
Hết duyên, anh cưới con mèo cụt đuôi.

*

Chim khôn chết mệt về mồi,
Người khôn chết mệt về lời nhỏ to.

*

Đấy còn không đây cũng còn không,
Đấy kén vợ đẹp, đây trông chồng màu.
Chuộng chuối, chuối lại cao tàu,
Thương anh, anh lại ra màu làm cao.
Xin đừng bắc bậc làm cao,
Phèn chua em đánh nước nào cũng trong.

*

Thà rằng chiếu lác có đôi,
Chẳng hơn chăn gấm, lẻ loi một mình.

*

Mấu đơn nở cạnh nhà thờ,
Đôi ta trinh tiết đợi chờ lấy nhau.

*

Còn duyên kén cá chọn canh,
Hết duyên ếch đực cua kềnh cũng vơ.
Còn duyên kén những trai tơ,
Hết duyên ông lão cũng vơ làm chồng.

*

Vô duyên vô phúc múc phải anh chồng già,
Ra đường người hỏi rằng cha hay chồng?
Nói ra đau đớn trong lòng,
Ấy cái nợ truyền kiếp, chứ có phải chồng em đâu!

*

Có phúc lấy được vợ già,
Sạch cửa sạch nhà lại ngọt cơm canh.
Vô phúc lấy đứa trẻ ranh,
Nó ăn nó bỏ tan tành nó đi.

*

Bao giờ cho chuối có cành,
Cho sung có nụ cho hành có hoa.
Con chim bay vụt qua nhà,
Mà biết đực cái thì ta lấy mình.

*

Bớ thảm bớ thiết ơi!
Bớ bạn tình nhân ơi!
Thân em như cái quả xoài trên cây,
Gió đông, gió nam, gió tây, gió bắc,
Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành...
Một mai rụng xuống biết vào tay ai?
Kìa cành trúc, nọ cành mai.
Ông tơ bà nguyệt xe hoài chẳng thương.
Một lần chờ, hai lần đợi,
Sớm lần nhớ, chớ lần thương,
Anh thương em, nhưng bác mẹ, họ hàng chẳng thương.

*

Trai tơ ới hỡi trai tơ,
Đi đâu mà vội mà vơ nạ dòng?
Nạ dòng vớ được trai tơ,
Đêm nằm hí hửng như mơ được vàng.
Trai tơ vớ phải nạ dòng,
Như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu.

*

Mạ úa cấy lúa chóng xanh,
Nạ dòng chóng đẻ, sao anh hững hờ?

*

Chơi cho thủng trống long bồng,
Rồi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm,
Chơi cho thủng trống long chiêng,
Rồi ra ta sẽ lập nghiêm lấy chồng.

*

Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Hễ ai có bạc thì bồng trên tay.
Trăm năm, trăm tuổi, trăm chồng,
Phải duyên thì lấy, chẳng ông tơ hồng nào xe.

*

Trăm năm xe sợi chỉ hồng,
Buộc người tài sắc vào trong khuôn trời.
Bao giờ tài sắc có lời,
Thì ta lại cởi khuôn trời cho ra.

*

Trên trời băm sáu vì sao.
Vì thấp là vợ, vì cao là chồng.
Cô kia gái lớn tổng ngồng,
Hỏi thăm cô đã có chồng hay chưa?

*

Cô kia khăn trắng tang ai?
Nhất tang cha mẹ, thứ hai tang chồng.
Tang chồng thì vứt khăn đi,
Tang cha, tang mẹ, ta thì tang chung.

*

Trên đầu em đội khăn vuông,
Trông xuống dưới ngực cau buồng còn non.
Cổ tay em vừa trắng vừa tròn,

Mặt mũi vuông vắn, chồng con thế nào?

*

Trên rừng băm sáu thứ chim,
Thiếu gì loan phượng đi tìm quạ khoang!
Quạ khoang có của có công,
Tuy rằng loan phượng, nhưng không có gì.

*

Cô kia nước lọ cơm niêu,
Chồng con chẳng có, nằm liều nuôi thân.
- Chồng con là cái nợ nần,
Chẳng nhà ở vậy nuôi thân béo mầm.

*

Đồng tiền chì mua mớ tôm tươi,
Mua rau mới hái, mua người đảm đang.
Tiếc thay đồng tiền trinh mua vội mua vàng.
Mua rau cuống héo, mua nàng ngẩn ngơ.

*

Ai ơi! chớ lấy học trò,
Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.
Ngày thời cắp sách đi rong,
Tối về lại giữ đèn chong một mình.

*

Lòng em muốn lấy thợ sơn,
Một mình một cỗ còn hơn thợ kèn.
Lòng em muốn lấy thợ kèn,
Đám trọng được bánh, đám hèn được xôi.

*

Người ta thích lấy nhiều chồng,
Tôi đây chỉ thích một ông thật bền.

Thật bền như tượng đồng đen,
Trăm năm quyết với cùng em một lòng.

*

Lấy chồng khó giữa làng,
Hơn lấy chồng sang thiên hạ.

*

Bờ sông lại lở xuống sông,
Đàn bà mà lấy đàn ông thiệt gì.

*

Buồn chẳng muốn nói,
Gọi chẳng muốn trông,
Tưởng sự lấy chồng,
Tỉnh như con sáo.

*

Cái cóc lặn lội bờ sông,
Muốn lấy vợ đẹp nhưng không có tiền.

*

Cái cóc lặn lội qua ngòi,
Ta chưa lấy nó, nó đòi lấy ta.

*

Tiếc con gái khôn lấy thằng chồng dại,
Tiếc bông hoa nhài cắm bãi cứt trâu.

*

Tiếc công lao anh đào ao thả cá,
Năm bảy tháng trường họ lạ đến câu!

*

Trăng lu vì bởi áng mây,
Đôi ta cách trở vì dây tơ hồng!

*

Cây oằn vì bởi trái sai,
Xa em vì bởi ông mai ít lời.

*

Vua chúa cấm đoán làm chi,
Để đôi con dì chẳng lấy được nhau!

*

Liệu cơm mà gắp mắm ra,
Liệu cửa liệu nhà, em lấy chồng đi.
Nữa mai quá lứa nhỡ thì,
Cao thì chẳng tới, thấp thì không thông.

*

Mẹ em cấm đoán em chi,
Để em sắm sửa, em đi lấy chồng.
Lấy chồng cho đáng tấm chồng,
Bõ công trang điểm má hồng răng đen.

*

Cái bống mặc xống ngang chân,
Lấy chồng kẻ chợ cho gần xem voi.
Trèo lên trái núi mà coi,
Coi ông quản tượng cưỡi voi đánh cồng.

*

Mình rằng mình chỉ lấy ta,
Để ta bán cửa bán nhà ta theo.
Còn một cái cối đâm bèo,
Để ta bán nốt ta theo mình về.

*

Mua cau chọn những buồng sai,
Mua trầu chọn những trăm hai lá vàng.

Cau tiện ngang trầu vàng ngắt ngọn,
Thời buổi này kén chọn làm chi,
Sao em chẳng lấy, chồng đi!

*

Nước đường mà đựng chậu thau,
Cái mâm chữ triện đựng rau thài lài.
Tiếc thay con người da trắng tóc dài,
Bác mẹ gả bán cho người dần ngu.
Rồng vàng tắm nước ao tù.
Người khôn ở với người ngu nặng mình.

*

Ngồi trong cửa sổ chạm rồng,
Chăn loan gối phượng không chồng cũng hư.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa mặc lòng.

*

Sáng trăng suông sáng cả bờ sông,
Ta được cô ấy, ta bồng ta chơi;
Ta bồng ta tếch lên trời,
Hỏi ông Nguyệt lão: tốt đôi chăng là?

*

Tình cờ anh gặp mình đây,
Như cá gặp nước, như mây gặp rồng.
Rồng gặp mây, bán văn bán vũ,
Cá gặp nước, con ngược con xuôi.
Chồng Nam, vợ Bắc, anh ơi!
Sao anh chẳng lấy một người như em?

*

Thôi đừng lấy chú biện tuần,
Tuy rằng bóng bảy, nợ nần chan chan.
Thà rằng lấy chú xẩm xoan,
Công nợ chẳng có, hát tràn cung mây.

*

Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ lòng bác mẹ cây cao lá dài.
Em thấy anh, em cũng muốn thương,
Sợ lòng bác mẹ soi gương không từng.

*

Chẳng tham nhà ngói ba toà,
Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

*

Chẳng tham nhà ngói bức bàn,
Trái duyên coi bẵng một gian chuồng gà.
Ba gian nhà rạ loà xoà,
Phải duyên coi tựa chín toà nhà lim.

*

Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ anh chồng cũ đứng bờ rào, hắn trông.
-Hắn trông thì mặc hắn trông,
Đã quyết một lòng, ta quyết lấy nhau.

*

Trai làng ở goá còn đông,
Cớ sao em lại lấy chồng ngụ cư?
-Ngụ cư có thóc cho vay,
Có lụa bán đầy, em lấy ngụ cư.

*

Đôi ta là bạn thong dong,
Như đôi đũa ngọc nằm trong mâm vàng.
Bởi chưng thầy mẹ nói ngang,
Cho nên đũa ngọc, mâm vàng xa nhau

*

Anh đã có vợ con chưa?
Mà anh ăn nói gió đưa ngọt ngào.
Mẹ già anh ở nơi nao?
Để em tìm vào hầu hạ thay anh.

*

Chẳng tham nhà ngói rung rinh,
Tham về một nỗi anh xinh miệng cười.
Miệng cười anh đáng mấy mươi,
Chân đi đáng nén, miệng cười đáng trăm.

*

Em có chồng rồi như ngựa có cương,
Ngõ em em đứng, đường trường anh đi...

*

Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Cô có chồng anh tiếc lắm thay.
-Ba đồng một lá trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không?
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra?

*

Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà?
Áo anh sứt chỉ đường tà,
Vợ anh chửa có, mẹ già chửa khâu.
Áo anh sứt chỉ đã lâu,
Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng.
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến lúc có chồng anh lại giúp cho:
Giúp em một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm;
Giúp cho đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trầm em đeo;
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới, lại đèo buồng cau.

*

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Chắc về đâu trong đục mà chờ,
Hoa thơm mất tuyết, biết nương nhờ vào đâu.
Số em giàu, lấy khó cũng giàu,
Số em nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo.
Phải duyên, phải kiếp thì theo,
Thân em có quản khó nghèo làm chi!
Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì,
Giàu ăn khó chịu, lo gì mà lo.

*

Công anh đắp nấm trồng chanh,
Ăn quả chẳng được vin cành cho cam.

Xin em đừng ra dạ bắc nam,
Nhất nhật bất kiến như tam thu hề.
Huống tam thu nhi bất kiến hề,
Đường kia nỗi nọ như chia mối sầu.
Biết rằng đâu đã hẳn hơn đâu.
Cầu tre vững nhịp hơn cầu thượng gia.
Bắc thang lên thử hỏi ông trăng già,
Phải rằng phận gái hạt mưa sa giữa trời?
May ra gặp được giếng khơi,
Vừa trong vừa mát lại nơi thanh nhàn.
Chẳng may số phận gian nan,
Lầm than cũng chịu, dễ phàn nàn cùng ai!
Đã yêu nhau giá thú, bất luận tài.

*

Khăn anh nàng lấy vá vai,
Bây giờ nàng đã nghe ai dỗ dành?
Chẳng nên ra, tháo chỉ, lấy mụn trả anh.
Để anh đem bán lấy hai trăm vàng.
Một trăm anh đưa cho nàng,
Còn một trăm nữa, để quàng cây đa.
Chớ em không nhớ lời thề nguyện với ta,
Sông có Nhị -hà, núi có Tản - viên.
Bây giờ nàng ở thế sao nên?
Tôi khấn quan Nam- tào, Bắc- đẩu biên tên rành rành.
Đã yêu anh thì quyết với anh,
Nhà tre, rui nứa, lợp tranh vững vàng.
Chớ tham nhà gỗ bức bàn,
Gỗ lim chẳng có, làm xoàng gỗ vông.
Chỉ nhọc mình thôi, lại biếng công,
Đến khi gỗ mục, lại nằm nhà tre.
Còn duyên anh bảo chẳng nghe!

*

Núi rừng thì có hươu mang;
Khe suối thì có măng giang;
Chợ tỉnh có mụ bán hàng;
Đò dọc có đò ngang;
Biết bao giờ em được lấy chàng?
Núi rừng trả lại cho hươu mang,
Khe suối trả lại cho măng giang,
Chợ tỉnh trả lại cho mụ bán hàng,
Đò dọc trả lại cho đò ngang.
Ai mô trả nấy,
Thiếp với chàng kết duyên.

*

Tuổi em mười tám đang tròn,
Rắp mua trầu lộc, cau non đến nhà.
Để mà thết khách đàng xa,
Bây giờ thấy khách lòng đà mừng thay.
Gió hương đưa khách tới đây,
Trầu tem cánh phượng, hai tay nâng mời.

*

Sơn- bình, Kẻ Gốm bao xa,
Cách một cái quán với ba quãng đồng.
Bên dưới có sông, bên sông có chợ,
Ta lấy cô mình làm vợ được chăng?
Tre già để gốc cho măng.

*

Em là con gái tổng trên,
Em đi bắt cáy, xuống lên ngõ này.
Tình cờ gặp được anh đây,
Có cho chung mẹ chung thầy hay không?

*

Chửa quen đi lại cho quen,
Tuy rằng cửa đóng mà then không cài.
Kẻ khinh người trọng vãng lai,
Song le cũng chửa có ai bằng lòng.

*

Một mình lo bảy lo ba,
Lo cau trổ muộn lo già hết duyên.
Còn duyên kẻ đón người đưa,
Hết duyên đi sớm về trưa một mình.

*

Chê đây lấy đấy sao đành,
Em chê cam sành, lấy quả quít hôi.
Quít hôi bán một đồng mười,
Cam ba đồng một, quít ngồi trơ trơ.

*

Chim khôn mắc phải lưới hồng,
Hễ ai gỡ được, đền công lạng vàng.
Anh rằng: anh chẳng lấy vàng,
Hễ anh gỡ được thì nàng lấy anh.

*

Thư dưới gửi lên,
Thư trên gửi xuống.
Em đang ăn, đang uống,
Em bỏ đũa xuống xem thư.
Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ...
Ai phân chồng rẽ vợ,
Kiếm đường su sơ[1] dễ tìm!

---

(1) Su sơ sất sửi: lang thang

*

Đấy đông thì đây bên tây,
Đây chưa có vợ, đấy nay chưa chồng.
Con trai chưa vợ đã xong,
Con gái chưa chồng, buồn lắm em ơi!

*

Đi đâu mà chẳng lấy chồng,
Người ta lấy hết, chổng mông mà gào.
Gào rằng: đất hỡi, trời ơi!
Sao không thí bỏ cho tôi chút chồng.
Ông trời ngoảnh lại liền trông;
-- Mày hay kén chọn, ông không cho mày.

*

Gió đánh đò đưa, gió đập đò đưa,
Sao cô mình lơ lửng mà chưa có chồng?
Gió đánh cành bồng, gió đập cành hồng,
Hỡi cô mình đã muốn lấy chồng hay chưa?

*

Chòng chành như nón không quai,
Như thuyền không lái, như ai không chồng,
Gái có chồng như gông đeo cổ,
Gái không chồng như phản gỗ long đanh,
Phản long đanh anh còn chữa được,
Gái không chồng chạy ngược chạy xuôi.
Không chồng, khốn lắm chị em ơi!

*

Lưỡi câu anh uốn đã vừa,
Sợ lòng cha mẹ kén lừa nơi đâu.
Vực sâu thì mặc vực sâu,
Kìa sâu hãy cạn, nỡ đâu lừa hoài.

*

Người ta câu bể câu sông,
Tôi đây câu lấy con ông cháu bà.
Có chồng thì nhả mồi ra,
Không chồng, em cắn, em tha lấy mồi.

*

Tiếc thay cái tấm lụa đào,
Áo rách chẳng vá, vá vào áo tơi.
Trời kia có thấu chăng trời?
Lụa đào mà vá áo tơi sao đành!

*

Từ phen ra tới giang tân,
Sớm theo dặm tuyết, đêm lần ngàn mưa.
Tiếc công anh chứa nước đan lờ,
Để cho con cá vượt bờ nó đi.

*

Trách cha trách mẹ nhà chàng,
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau!
Thực vàng, chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.

*

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng, xung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng,
Để anh mua gạch Bát - tràng về xây.
Xây dọc rồi lại xây ngang,
Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.
Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày, chết cá ao anh.

*

Trông anh như thể nghìn vàng,
Bỏ ra thì khách hồng nhan được nhờ.
Anh như chỉ thắm thêu cờ,
Em như rau má lờ mờ giếng khơi.
Dù anh mà chửa có nơi,
Em xin vượt bể qua trời theo anh.

*

Trai khôn kén vợ chợ đông,
Gái khôn kén chồng giữa chốn ba quân.

*

Amen lạy đức chúa lời,
Có cho bên đạo, bên đời lấy nhau.

*

Cha mẹ đòi ăn cá thu,
Gả con xuống biển mù mù tăm tăm.

*

Thiếp than phận thiếp còn thơ,
Lấy chồng xa xứ bơ vơ một mình.

*

Ba bốn nơi đến nói không màng,
Chờ nơi chết vợ, sẵn sàng quy mô.

*

Cơm chẳng lành canh chẳng ngon,
Dù cho chín đụn mười con cũng lìa.

*

Muôn nghìn chớ lấy Kẻ La,
Cái tương thì thối, cái cà thì thâm.

*

Chính chuyên lấy chồng thợ giác,
Đĩ rạc lấy chồng quận công.

*

Phú - yên dễ ở, khó về;
Trai đi có vợ, gái về có con[1]

*

Xấu dao, xắt chẳng nên gừng,
Xấu người mai chước, lỡ chừng đôi ta.

*

Xấu tre, uốn chẳng nên cần,
Xấu mai, nên chẳng đặng gần với em.

*

Bao giờ cho hương bén hoa,
Khăn đào bén túi, cho ta bén mình.
Thuyền không đậu bến Giang - đình.
Ta không, ta quyết lấy mình làm đôi.

*

Em về thưa với mẹ cha,
Bắt lợn đi cưới, bắt gà đi cheo.
Đầu lợn lớn hơn đầu mèo,
Làng ăn không hết làng treo cột đình,
Ông xã đánh trống thình thình,
Quan viên mũ áo ra đình ăn cheo.

---

(1) Có nơi hát:
Nam- vang đi dễ, khó về.
Trai đi có vợ, gái về có con.

Có chồng thương kẻ không chồng,
Không chồng ra đứng cánh đồng mà nom.
Nom cho thấy mặt nhau luôn,
Thấy thời khoẻ mạnh thuốc tiên nào tầy.
Chàng về để áo lại đây,
Áo thời thiếp mặc, gối mây đợi chờ...

*

Con vua lấy thằng bán than,
Nó đem lên ngàn cũng phải đi theo.
Con quan đô đốc đô đài,
Lấy thằng thuyền chài cũng phải lụy mui.

*

Cô mình ơi! anh quyết với cô mình,
Công anh dan díu chẳng có thành thì thôi.
Con sông kia bên lở bên bồi,
Bên lở thì đục, bên bồi thì trong.
Con sông kia nước chảy đôi dòng,
Biết rằng bên đục, bên trong, bên nào?

*

Chàng về thiếp cũng xin về,
Chàng về Hồ -bắc thiếp về Hồ - tây.
Chàng bao nhiêu tuổi năm nay?
Chàng rằng mười tám, thiếp rầy bốn ba.
Mồ cha đứa chê thiếp già,
Thiếp còn gánh nổi một và trăm kim.
Trăm chiếc kim đổi lấy lạng vàng,
Mua gương tư mã để thiếp với chàng soi chung.
Chàng về sắm sửa loan phòng,
Thiếp xin điểm phấn, tô hồng thiếp theo.

*

Sông sâu nước chảy làm vầy,
Ai xui em đến chốn này gặp anh?
Đào tơ sen ngó xanh xanh,
Ngọc lành phải giá, gái lành phải duyên.
Cho hay tiên lại gặp tiên,
Phượng hoàng há dễ đứng bên đàn gà.

*

Đồng tiền Vạn- lịch thích bốn chữ vàng,
Anh tiếc công anh gắn bó với cô nàng bấy lâu.
Bây giờ cô lấy chồng đâu?
Để anh giúp đỡ trăm cau nghìn vàng.
Năm trăm anh đốt cho nàng,
Còn năm trăm nữa giải oan lời thề.
Xưa kia nói nói, thề thề,
Bây giờ bẻ khoá trao chìa cho ai?
Bây giờ nàng đã nghe ai,
Gặp anh ghé nón, chạm vai chẳng chào!

*

Làm trai lấy được vợ hiền,
Như cầm đồng tiền mua được của ngon.
Phận gái lấy được chồng khôn,
Xem bằng cá vượt vũ môn hoá rồng.

*

Đa đa đậu nhánh cây đa,
Chồng gần không lấy, em lấy chồng xa.
Một mai cha yếu, mẹ già,
Bát cơm ai đỡ, chén trà ai dâng?

*

Có con mà gả chồng gần,
Nửa đêm đốt đuốc mang phần cho cha.
Hoài con mà gả chồng xa,
Ba sào ruộng chéo, chẳng ma nào cày[1]

*

Trâu kia cắn cỏ bờ ao,
Anh kia không vợ đời nào có con!
Người ta con trước con sau,
Thân anh không vợ như cau không buồng.
Cau không buồng ra tuồng cau đực,
Trai không vợ, cực lắm anh ơi!
Người ta đi đón về đôi.
Thân anh đi lẻ về loi một mình.

*

Cưới em có một tiền hai,
Có dăm sợi bún, có vài hạt xôi.
Họ hàng ăn uống xong rồi,
Tôi xin cái chão, tôi lôi nó về.

*

Cái kiến mày kiện củ khoai,
Mày chê tao khó lấy ai cho giàu?
Nhà tao chín đụn, mười trâu,
Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.

---

(1) Có bản chép:

Có con mà gả chồng gần,
Có bát canh cần nó cũng đem cho.
Hoài con mà gả chồng xa,
Một là mất giỗ, hai là mất con.

Có rửa thì rửa chân tay,
Chớ rửa lông mày, chết cá ao anh.
Nhà anh có một cây chanh,
Nó chửa ra cành, nó đã ra hoa.
Nhà anh có một mụ già,
Thổi cơm chẳng chín, quét nhà chẳng nên.
Ăn cỗ thì đòi ngồi trên,
Mâm son, bát sứ đem lên hầu bà...

*

Cưới em có cánh con gà,
Có dăm sợi bún, có vài hạt xôi.
Cưới em còn nữa, anh ơi!
Có một đĩa đậu, hai môi rau cần.
Có xa dịch lại cho gần,
Nhà em thách cưới có ngần ấy thôi.
Hay là nặng lắm anh ơi!
Đẻ em bớt lại một môi rau cần.

*

- Cưới nàng, anh toan dẫn voi,
Anh sợ quốc cấm, nên voi không bàn.
Dẫn trâu, sợ họ máu hàn,
Dẫn bò, sợ họ nhà nàng co gân.
Miễn là có thú bốn chân,
Dẫn con chuột béo, mời dân, mời làng.
- Chàng dẫn thế, em lấy làm sang.
Nỡ nào em lại phá ngang như là...
Người ta thách lợn thách gà,
Nhà em thách cưới một nhà khoai lang:
Củ to thì để mời làng,
Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi.

Bao nhiêu củ mẻ, chàng ơi!
Để cho con trẻ ăn chơi giữ nhà;
Bao nhiêu củ rím, củ hà,
Để cho con lợn, con gà nó ăn..

*

Em là con gái nhà giàu,
Mẹ cha thách cưới ra màu xinh sao.
Cưới em trăm tấm lụa đào,
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.
Trấp tròn dẫn đủ trăm đôi,
Ống thuốc bằng bạc, ống vôi bằng vàng.
Sắm xe tứ mã đem sang,
Để quan viên họ nhà nàng đưa dâu.
Ba trăm nón Nghệ đội đầu,
Mỗi người một cái quạt Tàu thật xinh.
Anh về sắm nhiễu Nghi - đình,
May chăn cho rộng, ta mình đắp chung.
Cưới em chín chĩnh mật ong,
Mười cót xôi trắng, mười nong xôi vò.
Cưới em tám vạn trâu bò,
Bảy vạn dê lợn, chín vò rượu tăm.
Lá đa mặt nguyệt hôm rằm,
Răng nanh thằng Cuội, râu cằm Thiên Lôi.
Gan ruồi, mỡ muỗi cho tươi.
Xin chàng chín chục con dơi goá chồng,
Thách thế mới thoả tấm lòng,
Chàng mà lo được, thiếp thời theo chân.

*

- Mẹ ơi, năm nay con mười tám tuổi rồi,
Chồng con chưa có, mẹ thời tính sao?

Con chim khách nó mách có hai bà mối,
Mẹ ngồi thách cưới:
Tiền chẵn năm quan,
Cau chẵn năm ngàn,
Lợn béo năm con,
Áo quần năm đôi.
- Mẹ ơi, năm nay con hai mươi ba tuổi rồi,
Chồng con chưa có, mẹ thời tính sao?
Con chim khách nó mách có hai bà mối,
Mẹ ngồi thách cưới:
Tiền chẵn ba quan,
Cau chẵn ba ngàn,
Lợn béo ba con,
Áo quần ba đôi.
- Mẹ ơi, năm nay con ba mươi hai tuổi rồi,
Chồng con chưa có, mẹ thời tính sao?
Con chinh khách nó mách có hai bà mối,
Mẹ ngồi thách cưới:
Tiền chẵn một quan,
Cau chẵn một ngàn,
Chó béo một con
Áo quần một đôi...
- Mẹ ơi, năm nay con bốn mươi ba tuổi rồi ,
Chồng con vẫn hoài chưa có... mẹ thời... mẹ thời...
cho không

*

Năm ngoái anh lên ngọn sông Ngâu,
Dầm sương dãi nắng chẳng tìm đâu bằng nàng.
Năm nay anh về, lắm bạc nhiều vàng.
Để anh sắm sửa thời nàng lấy anh.

Lấy anh, anh sắm sửa cho,
Sắm ăn, sắm mặc, sắm cho chơi bời,
Khuyên em có bấy nhiêu lời,
Thuỷ chung như nhất là người phải nghe.
Mùa đông lụa lụa the the,
Mùa hè bán bạc hoa xoè sắm khăn.
Sắm gối thì phải sắm chăn,
Sắm gương, sắm lược, sắm ngăn đựng trầu.
Sắm cho em đôi lược chải đầu,
Cái ống đựng sáp, vuốt đầu cho xinh.

*

Trên trời có đám mây xanh,
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng...
Ước gì anh ấy được nàng,
Hà -nội, Nam - định dọn đàng đưa dâu.
Tỉnh Thanh cung đốn trầu cau,
Nghệ - an thời phải thui trâu, mổ bò,
Hưng - yên quạt nước hoả lò,
Thái - bình thời phải giã giò, gói nem.
Ninh - bình trải chiếu bưng mâm.
Hải - dương vót đũa, phủ Đông đúc nồi.
Sơn - tây gánh đá nung vôi,
Bắc - cạn thời phải thổi xôi nấu chè.
Gia - định hầu điếu, hầu xe,
Phủ Đình thời phải chém tre bắc cầu.
Anh mời mười tám nước chư hầu,
Nước Tây, nước Tàu, anh gửi thư sang.
Anh mời hai họ nhà trời,
Ông Sấm, ông Sét, đứng đầu Thiên Lôi...

Vợ chồng.

a) Tình cảnh người phụ nữ lấy phải chồng không ra gì.

Thế gian được vợ hỏng chồng,
Có phải như rồng mà được cả đôi.

*

Tiếc thay hạt gạo trắng ngần,
Đã vo nước đục, lại vần than rơm.

*

Tiếc thay hạt gạo tám xoan,
Thổi nồi đồng điếu, lại chan nước cà!

*

Hẩm duyên lấy phải chồng đần[1]
Có dăm mẫu ruộng bán dần mà ăn.

*

Đường đi những lách cùng lau,
Cha mẹ tham giàu, ép uổng duyên con.

*

Có phúc thợ mộc, thợ nề.
Vô phúc thầy đề, thầy thông.

*

Hoài cành mai cho cú đậu,
Hoài hòn ngọc cho ngâu vày.

*

---

(1) Nhưng lại có câu:

Củi mục lành đun,
Chồng đần dễ khiến, chồng khôn khó chiều.

Lọng vàng che nải chuối xanh,
Tiếc con chim phượng đậu cành tre khô.

*

Chồng đánh bạc, vợ đánh bài,
Chồng hai ba vợ, vợ hai ba chồng.

*

Có tiền, vợ vợ chồng chồng,
Hết tiền, chồng Đông vợ Đoài.

*

Chê tôm ăn cá lù đù,
Chê thằng ỏng bụng, lấy thằng gù lưng.

*

Đêm nằm nghĩ lại mà coi,
Lấy chồng đánh bạc, như voi phá nhà.

*

Đố ai nằm võng không đưa,
Ru con không hát, anh chừa nguyệt hoa.

*

Mua thịt chớ mua thịt mông[1]
Lấy chồng chớ lấy dở ông dở thằng.

*

(1) Câu này ở Thọ - xuân (Thanh - hoá), đồng bào hay nói. Đặc biệt là ở vùng này, thịt lợn mông rẻ hơn các thứ thịt khác.Trái lại ở Bắc- bộ, xưa có câu:

Mua thịt thì chọn miếng mông,
Lấy chồng thì chọn con tông nhà nòi.

Chồng giận thì vợ bớt lời,
Chồng giận, vợ giận thì dùi nó quăng.

*

Chồng con là cái nợ nần,
Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mầm.

*

Có ai thêm bận về ai,
Không ai giường rộng, chiếu dài dễ xoay!

*

Em chớ thấy anh bé mà sầu,
Kìa con ong nó bao nhiêu tuổi,
Nó châm bầu, bầu thui!

*

Mẹ tôi tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh - hưng,
Tôi đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hấm mẹ hứ, mẹ bưng ngay vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho bằng[1]!

*

Xưa kia ở với mẹ cha,
Mẹ cha yêu dấu như hoa trên cành.
Từ ngày tôi ở với anh,
Anh đánh anh chửi, anh tình phụ tôi.

---

(1) Có nơi hát:

Mẹ em tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh - hưng.
Mẹ em tham thúng bánh chưng,
Tham con lợn đẻ, em lưng chịu đòn!

Đất xấu nặn chả nên nồi,
Anh đi lấy vợ, cho tôi lấy chồng.

*

Cái cò là cái cò quăm,
Mày hay đánh vợ mày nằm với ai?
Có đánh thì đánh sớm mai,
Chớ đánh chập tối, chẳng ai cho nằm.

*

Nào khi anh bủng anh beo,
Tay cất chén thuốc tay đèo múi chanh.
Bây giờ anh khỏi anh lành,
Anh mê nhan sắc, anh tình phụ tôi!

*

Chiều chiều mây phủ đá bia,
Đá bia mây phủ, chị kia mất chồng.
Mất chồng như nậu mất trâu,
Chạy lên chạy xuống, cái đầu chơm bơm...

*

Con dao vàng cắt dải y môn,
Thiếp tôi dẫn dại lấy chàng khôn mà nhờ.
Ai ngờ trăng gió mập mờ,
Giao loan tình phụ thiếp nhờ vào đâu!
Vì chàng, chẳng tại thiếp đâu,
Chàng xe chỉ mảnh, thiếp khâu sao bền!

*

Thiếp về lựa chuối thiếp mua,
Lựa hương thiếp thắp, lựa chùa thiếp tu.

*

Một năm chia mười hai kỳ,
Thiếp ngồi thiếp tính làm gì chả ra.
Tháng giêng ăn tết ở nhà,
Tháng hai rồi rãi quay ra nuôi tằm.
Tháng ba đi bán vải thâm;
Tháng tư đi gặt, tháng năm trở về.
Tháng sáu em đi buôn bè;
Tháng bảy tháng tám trở về đong ngô.
Chín mười cắt rạ đồng mùa,
Một chạp vớ được anh đồ dài lưng.
Anh ăn, rồi anh lại nằm,
Làm cho thiếp phải quanh năm lo phiền.
Chẳng thà lấy chú lực điền,
Gạo bồ thóc đống, còn phiền nỗi chi!

*

Chị em ơi! người ta trông thấy mặt chồng thì mừng.
Sao tôi trông thấy mặt chồng thì lại như gừng, như vôi.
Chị em ơi ! lấy chồng trước chẳng sánh đôi,
Từ ngày tôi lấy phải nó, tôi chẳng nguôi trong lòng.
Ba bốn lần, tôi trả của chẳng xong!

*

Trời mưa nước chảy qua sân,
Lấy ông lão móm qua lần thì thôi.
Bao giờ lão móm chầu trời,
Thì em lại kiếm một người trai tơ...

*

Mênh mông góc bể bên trời,
Những người thiên hạ, nào người tri âm!
Buồn riêng thôi lại tủi thầm,
Một duyên hai nợ ba bốn lầm lấy nhau.

*

Con nhạn xanh chấp cánh bay chuyền,
Chồng em lẩy bẩy như Cao Biền dạy non.
Sớm có chồng, sao em muộn có con?
Hẩm duyên, xấu số, em còn đứng không.
Khốn nạn thay, em ăn ở với chồng!

*

Cờ bạc nó đã khinh anh,
Áo quần bán hết một manh chẳng còn.
Gió đông nam, chui vào đống rạ,
Hở mông ra cho quạ nó lôi.
Anh còn cờ bạc nữa thôi?

*

Trách duyên, lại giận trăng già,
Xe tơ lầm lỗi, hoá ra chỉ mành.
Biết ai than thở sự tình?
Chẳng qua mình lại biết mình mà thôi!
Lấy chồng gặp phải kẻ tồi,
Cho nên lòng những bồi hồi đắng cay.
Cả ngày chỉ rượu sưa say,
Khi nay thuốc phiện, khi nay tài bàn.
Nói ra mang tiếng phũ phàng,
Nín đi thì não can tràng xiết bao!
Cũng thì phận gái má đào,
Người thì gặp được anh hào đảm đang;
Mình thì cũng dự phấn hương,
Gặp nơi lêu lổng, chẳng thương chút nào.

*

Chồng gì anh, vợ gì tôi,
Chẳng qua là cái nợ đời chi đây
Mỗi người một nợ cầm tay,
Đời xưa nợ vợ, đời nay nợ chồng,

*

Chàng bạc, chớ thiếp không bạc,
Bởi con dao vàng sút ngạc,
Nên đèn hạnh lưu ly...
Thiếp chờ chàng ba bốn năm ni,
Chờ không thấy bạn, thiếp phải ra đi lấy chồng.

*

Đêm đông trường, nghe con vượn cầm canh,
Nghe chim khuyên tổ, nghe anh khuyên nàng.
Giàu giữa làng trái duyên khôn ép,
Khó nước người phải kiếp tìm đi.
Tiền trăm bạc chục kể chi!

*

Ví dù tình bậu muốn thôi,
Bậu gieo tiếng dữ cho rồi bậu ra.
Bậu ra cho khỏi tay qua,
Cái xương bậu nát, cái da bậu mòn.

b) Cảnh lấy chồng nghèo.

Chồng cheo thì vợ chẳng cheo,
Hai đằng đã nghèo lại đụng lấy nhau.

*

Những ngày tôi ở cùng cha,
Cái nón chín rưỡi, thao ba mươi đồng.
Đến khi tôi về cùng chồng,
Cái nón sáu đồng mà buộc quai mo.

*

Chửa chồng, nón thúng quai thao,
Chồng rồi, nón rách quai nào thì quai.

Chửa chồng, yếm thắm đeo hoa,
Chồng rồi, hai vú bỏ ra tày giành.

*

Anh đi em ở lại nhà,
Hai vai gánh vác mẹ già con thơ.
Lầm than bao quản muối dưa,
Anh đi anh liệu chen đua với đời.

*

Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân,
Nay anh học gần, mai anh học xa.
Tiền gạo thì của mẹ cha,
Cái nghiên cái bút thực là của em.

*

Chàng về, thiếp một theo mây,
Con thơ để lại chốn này ai nuôi?

*

Bác mẹ già phơ phơ đầu bạc,
Con chàng còn trứng nước thơ ngây,
Có hay chàng ở đâu đây,
Thiếp xin mượn cánh chắp bay theo chàng!

*

Một ngày ba bận trèo đèo,
Vì ai vú xếch lưng eo, hở chàng!

*

Vì chàng thiếp phải mò cua,
Những như thân thiếp thì mua mấy đồng.
Vì chàng thiếp phải long đong,
Những như thân thiếp cũng xong một bề.

*

- Thân em tội nghiệp vì đâu?
Ngày ngày em chổng phao câu lên trời!
- Bây giờ nông vụ chí kỳ.
Em mà không chổng, lấy gì anh ăn?

*

Tai em nghe anh đau đầu chưa khá,
Em băng đồng chỉ sá đi bẻ nạm lá nọ về xông.
Ở làm gì đây cho trọn nghĩa vợ chồng ,
Đổ mồ hôi ra em chặm, ngọn gió lồng em che.

*

Anh về hái đậu trẩy cà,
Để em đi chợ kẻo mà lỡ phiên.
Chợ lỡ phiên tốn công thiệt của,
Miệng tiếng người cười rủa sao nên!
Lấy chồng phải gánh giang sơn,
Chợ phiên còn lỡ, giang sơn còn gì!

c) Cảnh lấy phải vợ không ra gì.

- Già kén, kẹn hom.
- Giận chồng, vật con.
- Rổ rá cạp lại.
- Xấu chàng, hổ ai.
- Ông ghê, bà cũng gớm.
- Một là vợ, hai là nợ.
- Chồng yêu, xỏ chân lỗ mũi.
- Trai có vợ như dợ buộc chân.
- Đi chợ ăn quà, về nhà đánh con.
- Đồng bấc thì qua, đồng quà thì nhớ.
- Gái chồng rẫy, phi chứng nọ thì tật kia.

*

Anh khôn nhưng vợ anh dần,
Lấy ai lo liệu xa gần cho anh?

*

Còn duyên buôn cậy bán hồng,
Hết duyên buôn mít cho chồng nhặt xơ.

*

Con hư bởi tại cha dong,
Vợ hư bởi tại thằng chồng cả nghe.

*

Bóng trăng khi khuyết khi tròn,
Của đời chơi mãi có mòn được đâu!

*

Nứa trôi sông chả dập cũng gẫy,
Gái chê chồng chả chứng nọ cũng tật kia.

*

Đàn bà yếu chân mềm tay,
Làm ăn chẳng được, lại hay nỏ mồm.

*

Chính chuyên anh cũng được nhờ,
Lẳng lơ nào biết cõi bờ là đâu.

*

Chính chuyên chết cũng ra ma,
Lẳng lơ chết cũng chôn ra ngoài đồng.

*

Chỉ đâu mà buộc ngang trời,
Thuốc đâu mà chữa con người lẳng lơ.

*

Chính chuyên lấy được chín chồng,
Ba chồng thành Lạng, ba chồng thành Cao.
Ba chồng để ngọn sông Đào,
Trở về đóng cửa làm cao chưa chồng.

*

Có chồng càng dễ chơi ngang,
Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai?

*

Có chồng thì mặc có chồng.
Còn đi chơi trộm, kiếm đồng mua rau.

*

Lẳng lơ chả một mình tôi,
Thanh- lâm, Đồng- sớm, cũng đôi ba người.
Nói ra sợ chị em cười.
Lấy chồng tháng chín, tháng mười có con.

*

Cô kia má tựa hòn than,
Nằm đâu ngủ đấy, lại toan chê chồng.
Chê chồng chẳng bõ chồng chê,
Chê chồng thì ít, chồng chê thì nhiều.

*

Chê chồng, rồi lại chồng chê,
Tôi ăn cho béo, tôi về nhà tôi.

*

Thứ nhất vợ dại trong nhà,
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn.
- Vợ dại thì đẻ con khôn,
Trâu chậm lắm thịt, rựa cùn chịu băm.

*

Chi cha sao nắng bể đầu,
Anh về làm rể ngõ hầu an thân.
Bùn lê từ chóp đến chân,
Em ngồi vắt vẻo ngoài sân ăn quà.
Cực lòng anh lắm, chi cha!
Vợ không phải vợ, chồng ra chi chồng!

*

Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,
Từ anh chồng cũ đến chàng là năm.
Còn như yêu vụng dấu thầm,
Họp chợ trên bụng hàng trăm con người.

*

Con rắn không chân nó lượn năm rừng bảy rú,
Con gà không vú nuôi được chín mười con.
Qua tưởng rằng em má phấn môi son,
Ai ngờ má mỏng, môi mòn, hỡi em!

d) Về tình nghĩa vợ chồng và tình yêu của phụ nữ đối với chồng.

- Của chồng, công vợ.
- Đạo vợ, nghĩa chồng.
- Trong ấm, ngoài êm.
- Trai anh hùng, gái thuyền quyên.
- Chồng như đó, vợ như hom.
- Trai có vợ như giỏ có hom.
- Giàu về bạn, sang về vợ.
- Thuyền theo lái, gái theo chồng.
- Gái có công, chồng chẳng phụ.
- Chồng tới vợ lui, chồng hoà vợ thuận.
- Ẵm con chồng hơn bồng cháu ngoại.

*

Thuận vợ thuận chồng
Tát biển đông cũng cạn.

*

Chồng khôn thì nổi cơ đồ,
Chồng dại luống tổn công phu nhọc nhằn.

*

Chồng khôn vợ được đi hài,
Vợ khôn chồng được nhiều bài cậy trông.

*

Chồng giận thì vợ bớt lời,
Cơm sôi nhỏ lửa một đời không khê[1]

*

Vợ chồng như đôi cu cu,
Chồng thì đi trước, vợ gật gù theo sau.

*

Khuyên chàng đọc sách ngâm thơ,
Dầu hao thiếp rót, đèn mờ thiếp khêu.

*

Mẹ cha bú mớm nâng niu,
Tội trời đành chịu, không yêu bằng chồng.

*

Qua đồng ghé nón thăm đồng,
Đồng bao nhiêu lúa, thương chồng bấy nhiêu.

---

(1) Có bản chép: *"Cơm sôi bớt lửa chẳng rơi hột nào".*

*

Gái thương chồng, đương đông buổi chợ,
Trai thương vợ, nắng quái chiều hôm.

*

Đêm qua ngỏ cửa chờ chồng,
Đêm nay ngỏ cửa, gió đông lọt vào.

*

Chim quyên ăn trái nhãn lồng,
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.

*

Thương ai bằng nỗi thương con,
Nhớ ai bằng nỗi gái son nhớ chồng.

*

Không thiêng cũng thể bụt nhà,
Dầu khôn dầu dại cũng là chồng em.

*

Anh về chẻ nứa đan sàng,
Chẻ tre đan chõng cho nàng ru con.

*

Màn hoa lại giải chiếu hoa,
Bát ngọc lại phải đũa ngà, mâm son.

*

Lấy chồng từ thuở mười lăm,
Chồng chê tôi bé chẳng nằm cùng tôi.
Đến năm mười tám, đôi mươi,
Tôi nằm dưới đất, chồng lôi lên giường!
Một rằng thương, hai rằng thương,

Có bốn chân giường gẫy một còn ba!
Ai về nhắn nhủ mẹ cha,
Chồng tôi nay đã giao hoà cùng tôi.

*

Em lấy anh từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám em đà năm con.
Ra đường người tưởng còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng.

*

Thuyền tình trở lái về đông,
Em đi theo chồng để mẹ cho ai?
- Mẹ già đã có em trai,
Phận em là gái dám sai chữ tòng.

*

Đôi ta lấm tấm hoa nhài,
Chồng đây vợ đấy kém ai trên đời.
Muốn cho gần chợ ta chơi,
Gần sông tắm mát, gần nơi đi về.

*

Thiếp nhớ chàng tấm phên hư, nuộc lạt đứt;
Chàng nhớ thiếp khi đắng nước nghẹn cơm.
Ba trăng là mấy mươi hôm?
Mai nam vắng trước, chiều nôm quạnh sau.

*

Dốc bồ thương kẻ ăn đong,
Vắng chồng, thương kẻ nằm không một mình.

*

Cơm trắng ăn với chả chim,
Chồng đẹp vợ đẹp, những nhìn mà no.

Cơm hẩm ăn với cà kho,
Chồng xấu, vợ xấu, những lo mà gầy.

*

Trời mưa thì mặc trời mưa,
Chồng tôi đi bừa đã có áo tơi,
Chồng tôi đi chơi đã có nón đội,
Chồng tôi đi hội đã có dù che.

*

Chồng yêu cái tóc nên dài,
Cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn.

*

Đốt than nướng cá cho vàng,
Lấy tiền mua rượu cho chàng uống chơi.

*

Chồng chài, vợ lưới, con câu,
Sông Ngô, bể Sở, biết đâu là nhà!

*

Chồng ta áo rách ta thương,
Chồng người áo gấm, xông hương mặc người.

*

Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.

*

Ai kêu, ai hú bên sông?
Tôi đang sắm sửa cho chồng xuống ghe.
Chồng xuống ghe, quạt che tay ngoắt,
Cất mái chèo, ruột thắt từng cơn...

*

Ai kêu xeo xéo bên sông,
Tôi còn vá áo cho chồng tôi đây!

*

Đêm khuya lặng gió thanh trời,
Khuyên chàng bớt ngủ nghe lời em than.

*

Đi đâu cho thiếp đi cùng,
Đói no thiếp chịu, lạnh lùng thiếp cam.

*

Tay mang khăn gói sang sông,
Mồ hôi ướt đẫm thương chồng phải theo[1]

*

Anh đi ba tháng thì về,
Rừng thiêng nước độc, chớ hề ở lâu.

*

Thương chồng nên phải lầm than,
Xưa nay ai bắt việc quan đàn bà.

*

Đôi ta là nghĩa tao khang,
Xuống khe bắt ốc lên ngàn hái rau.

*

(1) Có bản chép:

Vai mang khăn gói qua sông,
Mẹ kêu mặc mẹ, thương chồng phải theo.

Ở Trung- bộ câu thứ hai hát là:

Mẹ kêu khốn tới, thương chồng khốn lui.

Vì chuôm cho cá bén đăng,
Vì chàng thiếp phải đi trăng về mò.

*

Vợ chồng là nghĩa già đời,
Ai ơi, chớ nghĩ những lời thiệt hơn.

*

Giấn vốn em chỉ có ba đồng,
Nửa để nuôi chồng, nửa để nuôi tôi.
Còn thừa mua cái bình vôi,
Mua xanh, mua chảo, mua nồi nấu ăn.
Còn thừa mua nhiễu quấn khăn,
Mua dăm vuông góc, may chăn cho chồng.
Còn thừa mua chiếc thuyền rồng,
Đem ra cửa bể cho chồng thả chơi.
Còn thừa mua khám thờ trời,
Mua tranh sơn thuỷ treo chơi đầu thuyền.

*

Nhà anh chỉ có một gian,
Nửa thì làm bếp nửa toan làm buồng.
Anh cậy em coi sóc trăm đường.
Để anh mua bán trẩy trương thông hành.
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh,
Để anh buôn bán thông hành đường xa.
Liệu mà thờ kính mẹ già,
Đừng tiếng nặng nhẹ, người ta chê cười.
Dù no dù đói cho tươi,
Khoan ăn bớt ngủ, liệu bài lo toan.
Cho anh đành dạ bán buôn...

*

Vợ chồng là nghĩa tao khang,
Chồng hoà vợ thuận, nhà thường yên vui.
Sinh con mới ra thân người,
Làm ăn thịnh vượng đời đời ấm no.

*

Anh đi làm thợ nơi nao,
Để em gánh đục gánh bào đi theo.

*

Chàng ơi đưa gói thiếp mang,
Đưa gươm thiếp vác, cho chàng đi không.

*

Vì chồng nên phải gắng công,
Nào ai xương sắt, da đồng chi đây.

*

Ai làm cho cải tôi ngồng,
Cho dưa tôi khú, cho chồng tôi chê.
- Chồng chê thì mặc chồng chê,
Dưa khú nấu với cá trê ngọt lừ.

*

Mẹ trông con qua cầu Ái -tử,
Vợ trông chồng đứng núi Vọng - phu.
Một mai bóng xế, trăng lu,
Con ve kêu mùa hạ, biết mấy thu cho gặp chàng!

*

Cái bống là cái bống bình,
Thổi cơm nấu nước một mình mồ hôi.
Rạng ngày có khách đến chơi,
Cơm ăn rượu uống cho vui lòng chồng.

Rạng ngày ăn uống vừa xong,
Tay nhấc mâm đồng, tay trải chiếu hoa.
Nhịn miệng đãi khách đàng xa,
Ấy là của gửi chồng ta ăn đường.

*

Đèn trời, đèn sáng bốn phương,
Đèn tôi sáng tỏ đầu giường nhà tôi.

d) Những câu ca dao có tính chất trào lộng về chuyện vợ chồng.

Ca dao có những bài cười cợt, chế diễu nhiều việc ở đời bằng cách cường điệu hoá. Trong thời phong kiến đã có những kẻ ban ngày lần tràng hạt, ban đêm đi ăn cướp, lại có những kẻ giả đi quyên giáo để thừa lúc chủ nhà đi vắng thì ăn trộm. Tình trạng suy đốn ấy trong thời phong kiến ở nước ta giống tình trạng bọn đội lốt thầy tu ở nước Anh thời trung cổ mà thi sĩ Anh Chaucer (thế kỷ XIV) đã nói đến trong văn học nước Anh. Những câu ca dao chế giễu bọn sư hổ mang, bọn thầy bói, thầy địa lý, chứng tỏ tính chất trào lộng tế nhị và tính chất phê phán sâu sắc của ca dao. Tế nhị và sâu sắc hơn nữa là những câu ca dao cười cợt, chế giễu những cảnh éo le về tình duyên, về vợ chồng. Nhân dân Việt Nam rất giàu tình cảm, tình yêu của nam nữ thanh niên rất là thắm thiết, nhưng dưới chế độ phong kiến, trên đường tình họ thường gặp nhiều điều trắc trở, éo le, nhiều điều đáng tức cười về tình duyên, về vợ chồng, nên họ đã biểu hiện nhiều nhận xét, nhiều ý nghĩ khá chua chát trong ca dao.

*

Chồng hen lại lấy vợ hen,
Đêm nằm cò cử như kèn thổi đôi.

*

Đương cơn lửa tắt cơm sôi,
Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem.

*

Chồng còng lấy vợ cũng còng,
Nằm phản thì chật, nằm nong thì vừa.

*

Giận chồng mà chẳng bế con,
Cha mày làm mất cái giòn mẹ đi.

*

Rượu chè cờ bạc lu bù,
Hết tiền, đã có mẹ cu bán hàng.

*

Làm trai đã đáng nên trai,
Ăn cơm với vợ, lại nài vét niêu.

*

Làm trai cho đáng nên trai,
Vót đũa cho dài ăn vụng cơm con.

*

Lẳng lơ cũng chẳng có mòn,
Chính chuyên cũng chẳng sơn son để thờ.

*

Lẳng lơ chết cũng ra ma,
Chính chuyên chết cũng khiêng ra ngoài đồng.

*

Lẳng lơ đeo nhẫn cho chừa,
Nhẫn thì rơi mất, lẳng lơ vẫn còn.

*

Lấy chồng chẳng biết mặt chồng,
Đem nằm tơ tưởng nghĩ ông láng giềng.

*

Lấy anh, anh sắm sửa cho:
Cái bị, cái bát, cái quạt mo đuổi ruồi.

*

Trời ơi, có thấu tình chăng,
Lấy chồng mà phải nhuộm răng cho chồng.

*

Ngồi buồn vuốt bụng thở dài,
Nhớ chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều.

*

Áo người mặc đoạn, cởi ra,
Chồng người ấp mượn, canh ba lại hoàn.

*

Ta rằng ta chẳng có ghen,
Chồng ta ta giữ, ta nghiến, ta nghiền, ta chơi.

*

Làm thân con gái phải lo,
Mùa đông rét mướt ai cho mượn chồng.

*

Cơm ăn mỗi bữa nồi năm,
Ăn đói ăn khát mà cầm lấy hơi.
Cơm ăn mỗi bữa nồi mười,
Ăn đói ăn khát mà nuôi lấy chồng.

*

Chồng em vừa xấu vừa đen,
Vừa kém nhan sắc, vừa hèn chân đi.
Chồng em rỗ sứt rỗ sì,
Chân đi chữ bát, mắt thì ngưỡng thiên.
Bao giờ vào đám tháng giêng,
Bắt chồng em đến khênh chiêng cho làng.

*

Lỗ mũi em mười tám gánh lông,
Chồng yêu chồng bảo: "râu rồng trời cho".
Đêm nằm thì ngáy o o...
Chồng yêu chồng bảo: "ngáy cho vui nhà".
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo: "về nhà đỡ cơm".
Trên đầu những rác cùng rơm.
Chồng yêu chồng bảo: "hoa thơm rắc đầu"!

*

Sáng ngày ra đứng cửa Đông,
Xem một quẻ bói lộn chồng được chăng?
Ông thầy gieo quẻ nói rằng:
- Lộn thì lộn được nhưng năng phải đòn!
Mồ cha đứa có sợ đòn,
Miễn là lấy được chồng giòn thì thôi.

*

Rập rình nước chảy qua đèo,
Bà già tấp tểnh mua heo cưới chồng.

*

Bà già ra chợ Cầu Đông,
Xem một quẻ bói lấy chồng lợi chăng?
Thầy bói gieo quẻ, nói rằng:
Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.

*

Cái cò là cái cò Kỳ,
Ăn cơm nhà dì, uống nước nhà cô.
Đêm nằm thì ngáy o o,
Chửa đi đến chợ đã lo ăn quà.
Hàng bánh hàng bún bày ra,
Củ từ khoai nước, lẫn hàng cháo kê.
Ăn rồi cắp đít ra về,
Thấy hàng chả chó lại lê trôn vào.
- Chả nay bà bán làm sao?
Ba đồng một gắp thì nào tôi mua.
Nói dối rằng mua cho chồng,
Về đến quãng đồng ngả nón ra ăn.
Ăn rồi đau quặn đau quăn,
Đem tiền đi bói ông thầy,
Bói ra quẻ này,
Những chả cùng nem...
- Ông thầy nói dối đã quen,
Nào tôi ăn chả, ăn nem bao giờ!

*

Cái bống cõng chồng đi chơi,
Đi đến chỗ lội đánh rơi mất chồng.
Chú lái ơi! cho tôi mượn cỗ gàu sòng,
Để tôi tát nước, múc chồng tôi lên.

Chế độ đa thê và cảnh goá bụa.

Dưới chế độ phong kiến, cái cảnh khổ nhất của người phụ nữ là cảnh lẽ mọn. Hồ Xuân Hương đã nói đến tình cảnh ấy trong thơ của bà, nhưng ở ca dao và dân ca, sự phẫn uất "về kiếp chồng chung" còn kết hợp với đấu tranh giai cấp, nên mức độ căm hờn của người

phụ nữ nông thôn còn sâu sắc hơn nhiều:

Lấy chồng làm lẽ khổ thay!
Đi cấy đi cày, chị chẳng kể công.
Đến tối chị giữ lấy chồng,
Chị cho manh chiếu, nằm không nhà ngoài.
Đến sáng chị gọi: Bớ Hai!
Trở dậy nấu cám, thái khoai, đâm bèo.
Bởi chưng bác mẹ tôi nghèo,
Cho nên tôi phải đâm bèo thái khoai...

Những lời ca phản ánh tình cảnh đầy phẫn uất trên đây đã tố cáo sự ghen tuông, hành hạ của mụ vợ cả và sự bóc lột lao động mà lý do chính là người nông dân đã bị chế độ phong kiến bần cùng hoá. Tâm sự một phụ nữ làm lẽ ở một nhà thuộc giai cấp bóc lột ở nông thôn đã biểu lộ một cách thẳng thắn, chất phát và cặn kẽ.

Ở một bài ca dao khác, chúng ta đọc thấy những câu:

...Tối tối chị giữ mất buồng,
Chị cho manh chiếu nằm suông chuồng bò.
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho.
Đến khi chồng xuống, gà đã o o gáy dồn.
Cha mẹ con gà kia! Sao mày vội gáy dồn?
Mày làm tao mất vía, kinh hồn về nỗi chồng con!

Chế độ phong kiến đã bóp nghẹt tư tưởng nhân dân lao động, nên phần đông họ chỉ hờn duyên, tủi phận, oán giận âm thầm. Ở đây, người thôn nữ căm thù sâu sắc mụ vợ cả, nhưng không có cách gì chống đối ngoài những lời thở than; chính người chồng chị dù thương yêu chị cũng đành bó tay chàng Thúc, vì bản thân anh ta đã mang tội "đa mang" với vợ cả rồi. Nếu có một số phụ nữ làm lẽ muốn thoát khỏi vòng áp bức bóc lột thì họ lại bị những tục lệ, pháp luật phong kiến trói buộc, nên họ đã phàn nàn: "... Ba bốn lần, tôi trả của chẳng xong..."

Cảnh chồng chung cực khổ, nhưng đã có lệ luật phong kiến bảo vệ chế độ đa thê, làm cho người phụ nữ đã mắc vào tròng thì khó mà ra được, nên có những người phụ nữ dù đói rét cũng không chịu đi lấy lẽ:

Đói lòng ăn nắm lá sung,
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.
Một thuyền một lái chẳng xong,
Một chĩnh đôi gáo, còn nong tay vào.

Hoặc trốn đi khi đã làm lẽ, hoặc chịu đói rét không lấy chồng chung, đó toàn là thái độ tiêu cực của người phụ nữ thời xưa. Trong cải cách ruộng đất, một khi tư tưởng người nông dân được phát động, chúng ta đã thấy những người lấy lẽ địa chủ vạch mặt, chỉ tên kẻ thù, tố khổ rất thấm thía, cảm động. Cho nên chỉ khi Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nông dân triệt để đấu tranh tiêu diệt giai cấp địa chủ, thực hiện dân chủ ở nông thôn, nông dân mới nhận thấy mình bị bóc lột tàn nhẫn và mới phân biệt được rõ bạn, thù.

Trong cảnh lẽ mọn, phụ nữ Việt Nam thời phong kiến rất khổ cực; nhưng trong cảnh goá bụa thời xưa, phụ nữ Việt Nam cũng không kém phần đau khổ. Ở nhiều gia đình, người ta đã từng thấy người đàn bà goá còn xuân xanh phải đóng vai một kẻ hầu hạ mẹ chồng, nuôi vài đứa con nhỏ và kiêm cả vai chủ lực trong lao động của gia đình, còn riêng mình phần hưởng thụ rất là ít ỏi. Đạo tam tòng đã trói buộc người phụ nữ Việt Nam phải theo con sau khi chồng chết, nên tất cả hy vọng, tất cả cuộc đời họ đều đặt vào những đứa con nhỏ họ đang nuôi dưỡng.

Tuy đạo tam tòng rất khe khắt đối với phụ nữ trong chế độ phong kiến, nhưng không phải người đàn bà goá nào cũng cam phận ở vậy. Trong thâm tâm, người phụ nữ Việt Nam đã hiểu rằng ở những trường hợp chồng chết mà không con, quan hệ chủ yếu của mình với gia đình nhà chồng như thế là cắt đứt, nhưng lễ giáo phong

kiến lại quy định; chồng chết, người vợ phải cư tang ba năm; còn nếu vợ chết, người chồng chỉ phải để tang một năm, hay nếu cần thiết, có thể lấy ngay vợ khác cũng được. Đối với sự bất công ấy của chế độ phong kiến, người phụ nữ Việt Nam đã cực lực phản đối, vì "mỗi năm một tuổi, như đuổi xuân đi", nên người đàn bà goá vừa thương thân mình, vừa oán trách chế độ tàn ác:

Lênh đênh chiếc bách giữa dòng,
Thương thân goá bụa, phòng không lỡ thì.
Gió đưa cây trúc ngã quỳ,
Ba năm chực tiết, còn gì là xuân!

Nhưng cũng có những phụ nữ chống chế độ phong kiến bằng hành động, dù có sáu con mà ở goá trong một gia đình nhà chồng ác nghiệt, cũng quyết tâm tái giá:

Hỡi thằng cu bé! Hỡi thằng cu lớn!
Cu Tý, cu Tỵ, cu Tỷ, cu Tỳ ơi!
Con dậy, con ăn, con ở với bà,
Để mẹ đi kiếm một và em thêm.
Bố con chết đi, trong bụng mẹ đây nó hãy còn thèm.
Mẹ xem quẻ bói, vẫn còn đàn em trong bụng này.
Con ra gọi chú vào đây!
Để mẹ giao trả cái cơ nghiệp này, mẹ đi...

Tiếng nói trên đây là tiếng nói của một kẻ chế giễu người phụ nữ goá bụa đã có sáu mặt con còn đi tái giá. Nhưng, chúng ta có thể đặt câu hỏi: tác giả có phải ở trong quần chúng nhân dân không? Theo ý chúng tôi, tác giả vẫn có thể là ở trong quần chúng nhân dân, vì trước khi có giai cấp vô sản, trước khi có cuộc Cách mạng tháng mười, không một tác phẩm văn học nào có thể biểu hiện một quan điểm giai cấp thuần tuý. Dù sao, những câu ca dao trên này cũng chứng tỏ rằng đã có những phụ nữ tuy có nhiều con nhưng cũng không kể lễ giáo phong kiến và vẫn tái giá. Như vậy, hành động của

người phụ nữ là một hành động chống đối quyết liệt chế độ phong kiến thống trị. Lời trên đây là lời một kẻ bảo thủ giả vờ nói thay người đàn bà goá, nhưng cũng phản ánh khá rõ quan hệ kinh tế giữa người đàn bà goá với gia đình nhà chồng: đó là việc phải giải quyết cho xong cái cơ nghiệp nhà chồng do chị tạm thời quản lý để nuôi đàn con nhỏ. Trong hoàn cảnh xã hội phong kiến, khi muốn thoát khỏi vòng giam cầm của lễ giáo hủ bại, người đàn bà goá chỉ có cách giao trả hết tài sản của chồng cho người em chồng, như kẻ muốn giễu phụ nữ đã nói trong bài ca.

Chúng ta thấy những "nề nếp" phong kiến mà giai cấp thống trị đương thời tô bằng những nét vàng son, người phụ nữ Việt Nam thời xưa cũng biết là giả dối, là ích kỷ, vì nó đã cho phép nam giới được tự do hoàn toàn trong việc lấy vợ, tha hồ lấy năm lấy bảy.

Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy trong thời phong kiến về hôn nhân, về quan hệ gia đình, về những cảnh lẽ mọn và goá bụa, phụ nữ Việt Nam đã lên tiếng chống đối chế độ phong kiến nhiều nhất trong ca dao. Trong gia đình, phụ nữ nước ta thời xưa đã ở vào một địa vị thấp kém như thế, nên trong xã hội họ cũng là những người bị đàn áp bóc lột nặng nề. Trong quan hệ xã hội, trong quan hệ giữa nông dân và địa chủ, tiếng nói của phụ nữ cũng vẫn là những tiếng chống đối kịch liệt, đanh thép, cảm động và thấm thía hơn cả.

Tuy nhiên, do hạn chế của lịch sử, những sáng tác của nhân dân thời xưa vẫn còn nhiều cái lạc hậu về hôn nhân và gia đình. Tục ngữ ca dao của ta có cả hai mặt: tiến bộ và lạc hậu; nó đã biểu hiện rất trung thực tư tưởng và tình cảm của nông dân Việt Nam trong thời gian giai cấp công nhân chưa ra đời. Cũng như mục trên, chúng tôi trích tuyển những câu tiến bộ và cả một số câu lạc hậu, phản ánh thực tế của xã hội phong kiến thối nát. Như vậy, để chúng ta thấy rằng chế độ ta là chế độ ưu việt, một chế độ mà nữ giới được thật sự bình đẳng với nam giới.

a) Chế độ đa thê.

Sông bao nhiêu nước cũng vừa,
Trai bao nhiêu vợ, cũng chưa bằng lòng.

*

Rộng đồng thì gió thổi luôn,
Khi vui con chị, khi buồn con em.

*

Mới yêu thì cũ cũng yêu,
Mới có mỹ miều, cũ có công lênh.

*

Có bát sứ, tình phụ bát đàn,
Nâng niu bát sứ, vỡ tan có ngày.

*

Nhà rường mà lợp tranh mây,
Thân anh hai vợ như dây buộc mình.

*

Ba vợ, bảy nàng hầu,
Đêm nằm chuồng trâu, gối đầu bằng chổi.

*

Áo dày chẳng nệ quần thưa,
Bảy mươi có của cũng vừa mười lăm[1].

*

Lấy chồng làm lẽ khổ thay,
Đi cấy đi cày chị chẳng kể công.

---

(1) Còn có câu:

Bảy mươi, mười bảy bao xa,
Bảy mươi có của, mười ba cũng vừa.

Đến tối chị giữ lấy chồng,
Chị cho manh chiếu nằm không nhà ngoài.
Đến sáng chị gọi" Bớ Hai!
Trở dạy, nấu cám, thái khoai, băm bèo.
Vì nhưng bác mẹ tôi nghèo,
Cho nên tôi phải băm bèo thái khoai.

*

Thân em làm lẽ chẳng hề,
Có như chính thất mà lê giữa giường.
Tối tối chị giữ mất buồng,
Chị cho manh chiếu nằm suông chuồng bò.
Mong chồng, chồng chẳng xuống cho.
Đến khi chồng xuống, gà đã o o gáy dồn,
Chém cha con gà kia, sao mày vội gáy dồn?
Mày làm cho tao mất vía kinh hồn về nỗi chồng con!

*

Chớ tham ngồi mũi thuyền rồng,
Tuy rằng tốt đẹp, nhưng chồng người ta.
Chớ tham vóc lĩnh trừu hoa,
Lấy chồng làm lẽ người ta giày vò.

*

Đói lòng ăn nắm lá sung,
Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng.
Một thuyền một lái chẳng xong,
Một chĩnh đôi gáo còn nong tay vào.

*

Gió lùa bụi chuối sau hè,
Anh mê vợ bé, bỏ bè con thơ.
Gió đưa bụi trúc ngã quỳ,
Thương cha phải chịu lụy dì, dì ơi!

*

Đã thành gia thất thì thôi,
Đèo bòng cho lắm, tội trời ai mang!

*

Cái cò trắng bạch như vôi,
Có ai lấy lẽ chú tôi thì về!
Chú tôi chẳng đánh chẳng chê,
Thím tôi móc ruột, lôi mề, ăn gan.

*

Em thấy anh, em cũng muốn chào,
Sợ rằng chị cả giắt dao trong mình,
Đấy giắt dao, đây gươm kẽ nách,
Thuận nhân tình, cắt vách sang chơi.

*

Sớm mai đi chợ Gò - vấp,
Mua một xấp vải,
Đem về con hai nó cắt,
Con ba nó may,
Con tư nó đột,
Con năm nó viền.
Con sáu đơm nút,
Con bảy vắt khuy,
Anh bước cẳng ra đi.
Con tám níu, con chín trì...
Ối mười ơi! sao em để vậy, còn gì áo anh!

*

Trên trời có vẩy tê tê,
Một ông bảy vợ chẳng chê vợ nào.
Một vợ tát nước bờ ao,
Phải trận mưa rào đứng núp bờ tre.

Một vợ thì đi buôn bè,
Cơn sóng, cơn gió nó đè xuống sông.
Một vợ thì đi buôn bông,
Chẳng may cơn táp nó giông lên trời.
Một vợ thì đi buôn vôi,
Khi vôi phải nước nó sôi ầm ầm.
Một vợ thì đi buôn mâm,
Không may mâm thủng lại nằm ăn toi.
Một vợ thì đi buôn nồi,
Không may nồi méo, một nồi hai vung.
Một vợ thì đi buôn hồng,
Không may hồng bẹp, một đồng ba đôi.
Than rằng: "Đất hỡi, trời ơi!
Trời cho bảy vợ như tôi làm gì?".

*

Con công tố hộ trên rừng.
Đã có con chị, thì đừng con em.
- Lòng yêu vô giá quá chừng,
Con công tố hộ trên rừng mặc công.

b) Cảnh goá bụa.

Lênh đênh chiếc bách giữa dòng,
Thương thân goá bụa phòng không lỡ thì.
Gió đưa cây trúc ngã quỳ,
Ba năm chục tiết còn gì là xuân!

*

Giàu thì thịt cá cơm canh,
Khó thì lưng rau đĩa muối, cúng anh tôi đi lấy chồng.
Hỡi anh chồng cũ tôi ơi!
Anh có khôn thiêng thì xin anh trở dậy ăn xôi, nghe kèn.

Thôi anh đã về nghiệp ấy, anh đừng ghen,
Để cho người khác cầm quyền thê nhi.
Miệng em khóc, tay em bế ẵm ông thần vì,
Tay em gạt nước mắt, tay em thấp nén nhang,
Bởi vì đâu mà nên nỗi xót xa muôn vàn!

*

Đào liễu em ơi một mình!
Đôi vai gánh chữ chung tình, xa là đường xa.
Tấm áo nâu sồng, xếp nếp em đội đầu,
Tấm yếm đào sao em khéo giữ màu,
Răng đen rưng rức, mái tóc đầu em hãy còn xanh.
Ấy thế mà sao em ở vậy cho đành!
Sao em chẳng kiếm chút chồng lành, kẻo thế mỉa mai.
Sách có chữ rằng "Xuân bất tái lai".

*

Tay em cầm nắm nhang, cây tắt, cây đỏ,
Tay em bứt ngọn cỏ, lá héo, lá khô.
Tay em bồng đứa con thơ, vun nấm xoa mồ,
Khổ cam phận khổ, biết khi mô cho chộ[1] chàng.

*

Ông chết thì thiệt thân ông,
Bà tôi sắp sửa lấy chồng nay mai.
Bà chết thì thiệt thân bà,
Ông tôi sắp sửa lấy ba nàng hầu.

*

Thiếp vì chàng mới lênh đênh nơi biển ái,
Chàng vì thiếp mới lỗi đạo tâm can.

(1) Chộ là thấy, gặp.

Em đây thủ tiết buồng lan,
Dẫu hồn về chín suối, hãy còn mang tượng chồng.

c) Cha mẹ, con cái và họ hàng.

- Cha nào con nấy,
- Cha sinh mẹ dưỡng.
- Cha già, con cọc.
- Con khó, có lòng.
- Con độc, cháu đàn.
- Con dại, cái mang.
- Con mống, sống mang.
- Nhất mẹ, nhì con.
- Lớn vú, bụ con.
- Gà sống nuôi con.
- Mẹ gà, con vịt.
- Nhiều con, giòn mẹ.
- Đem con bỏ chợ.
- Phúc đức tại mẫu.
- Con đâu, cha mẹ đấy.
- Giỏ nhà ai, quai nhà ấy.
- Con gái là cái bòn.
- Bênh con, lon xon mắng người[1].
- Cá chuối chết đuối về con.
- Con khôn nở mặt cha mẹ.
- Con ăn một, mẹ ăn hai.
- Con hơn cha, nhà có phúc.
- Con cháu khôn hơn ông vải.
- Con không khóc, mẹ không cho bú.

(1) "Nghe con, lon xon mắng láng giềng"

- Con lên ba mới ra lòng mẹ.
- Con biết lấy thì bố biết bò.
- Con lên ba, cả nhà học nói.
- Con có mẹ như măng ấp bẹ.
- Một con so lo bằng mười con dạ.
- Một con sa bằng ba con đẻ.
- Cha sinh không tày mẹ dưỡng.
- Cha mẹ sinh con, trời sinh tính.
- Hùm dữ chẳng ăn thịt con.
- Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ.
- Sinh con ai nỡ sinh lòng.
- Gần chợ để nợ cho con.
- Trẻ cậy cha, già cậy con.
- Con đóng khố, bố cởi truồng.
- Con không học, thóc không vay.
- Cha hổ mang, đẻ con thìu điu.
- Mẹ hát, con khen, ai chen vô lọt.
- Bên cha cũng kính, bên mẹ cũng vái.
- Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà.
- Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.
- Đời cha vo tròn, đời con bóp bẹp.
- Không đẻ không thương, không máu không xót.
- Cha mẹ giàu, con có; cha mẹ khó, con không.
- Có má ở nhà mới có cá mà ăn.
- Con chẳng chê mẹ khó, chớ không chê chủ nghèo.
- Con voi, voi dấu; con châu chấu, châu chấu yêu.
- Con vua, vua dấu; con chúa, chúa yêu.
- Bé thì con mẹ con cha, lớn thì con vua con chúa.
- Liệu cơm gắp mắm, liệu con gả chồng
- Gái chậm chồng, mẹ cha khắc khoải.
- Mẹ đánh một trăm không bằng cha ngăm một tiếng.

- Mẹ ngoảnh đi, con dại; mẹ ngoảnh lại, con khôn.
- Mẹ dậy thì con khéo, bố dạy thì con khôn.
- Con đen, con sài, chớ hoài bỏ đi.
- Của không ngon, đông con cũng hết.
- Đời cua, cua máy; đời cáy, cáy đào.
- Giàu con út, khó con út, trút sạch cửa nhà.

*

- Có phúc đẻ con biết lội,
Có tội đẻ con hay trèo,
- Con có cha có mẹ đẻ,
Không ai ở lỗ nẻ mà lên.
- Con người mặt hoa da phấn.
Con mình mặt cú da lươn;
- Ngầm ngập như mẹ gặp con,
Lon xon như con gặp mẹ.
- Một mẹ nuôi được mười con,
Mười con không nuôi được một mẹ.
- Bao giờ cá lý hoá long,
Đền ơn cha mẹ ẵm bồng ngày xưa.
- Cá chẳng ăn muối cá ươn.
Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư.
- Có con phải khổ về con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.
- Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải ngậm bồ hòn đắng cay.
- Có cha có mẹ thì hơn.
Không cha không mẹ như đờn không dây.
- Con ai là chẳng giống cha,
Cháu ai là chẳng giống bà, giống ông.
- Con người có bố có ông,

Như cây có cội, như sông có nguồn.
- Còn cha, gót đỏ như son.
Đến khi cha chết, gót con đen sì.
- Còn cha nhiều kẻ yêu vì,
Một mai cha thác, ai thì yêu con!
- Con có cha như nhà có nóc,
Con không cha như nòng nọc đứt đuôi.
- Cơm cha, áo mẹ, ai ơi!
Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng chơi cũng hoài.
- Cơm cha, áo mẹ, ăn chơi,
Cất lấy cơm người, đổ bát mồ hôi.
- Con tài, lo láo, lo kiêu,
Con ngu thì lại lo sao kịp người.
- Của đời cha mẹ để cho,
Làm không ăn có, của kho cũng rồi.
- Cũng thì con mẹ con cha,
Cành cao vun xới, mình la bỏ liều.
- Cũng là con mẹ con cha,
Con thì chín rưỡi, con ba mươi đồng.
- Ví dù con phụng bay qua,
Mẹ nói con gà, con cũng nói theo.
- Dạy con con chẳng nghe lời,
Con nghe ông kễnh, đi đời nhà con.
- Đi đâu mà bỏ mẹ già,
Gối nghiêng ai sửa, chén trà ai nâng.
- Mồ côi cha, ăn cơm với cá,
Mồ côi mẹ, liếm lá đầu chợ.
- Mẹ già ở tấm lều tranh,
Sớm thăm, tối viếng, mới đành dạ con.
- Vắng nghe chim vịt kêu chiều,
Bâng khuâng nhớ mẹ, chín chiều ruột đau.

- Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa,
Miệng nhai cơm búng, lưỡi lừa cá xương.
- Mẹ nuôi con biển hồ lại láng,
Con nuôi mẹ kể tháng kể ngày.
- Đối lòng ăn hột chà là,
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.
- Tu đâu cho bằng tu nhà,
Thờ cha kính mẹ, ấy là chân tu.
- Lên non mới biết non cao.
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.
- Mỗi đêm mỗi thắp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.
- Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Ngó về quê mẹ, ruột đau chín chiều.
- Chiều chiều ngó ngược, ngó xuôi,
Ngó không thấy mẹ, ngùi ngùi nhớ thương.
- Chiều chiều xách giỏ hái rau,
Ngó lên mả mẹ, ruột đau như dần.
- Mẹ già hết gạo treo niêu.
Mà anh khăn đỏ, khăn điều vắt vai.
- Sinh con ai nỡ sinh lòng,
Sinh con ai chẳng vun trồng cho con.
- Sống thì con chẳng cho ăn,
Chết thì xôi thịt, làm văn tế ruồi.
- Uốn cây từ thuở còn non,
Dạy con từ thuở con còn ngây thơ.
- Gươm vàng rớt xuống hồ Tây.
Công cha cũng trọng, nghĩa thầy cũng sâu.
- Sinh con, rồi mới sinh cha,
Sinh cháu giữ nhà, rồi mới sinh ông.
- Lắm con nhiều nợ,

Lắm vợ nhiều cái oan gia.
- Gió mùa thu mẹ ru con ngủ.
Năm canh chầy, thức đủ năm canh...
- Dạy con, dạy thuở còn thơ,
Dạy vợ, dạy thuở ban sơ mới về.
- Chim trời ai dễ đếm lông,
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.
- Gái có con như bồ hòn có rễ,
Gái không con như bè ngổ trôi sông.
- Có chồng mà chẳng có con,
Khác gì hoa nở trên non một mình.
- Có võng mà chẳng có đòn,
Có chồng mà chẳng có con để bồng!
- Có vàng, vàng chẳng hay phô
Có con, con nói trầm trồ mẹ nghe.
- Có chồng chẳng được đi đâu.
Có con chẳng được đứng lâu một giờ.
- Con mẹ có thương mẹ đâu,
Để cho chàng rể, nàng dâu thương cùng.
- Gái mà chi, trai mà chi,
Sinh ra có nghĩa, có nghì là hơn,
- Đẻ con chẳng dạy, chẳng răn.
Thà rằng nuôi lợn cho ăn lấy lòng.

*

Mẹ ơi, đừng đánh con đau,
Quay tơ đánh ống, làm giàu mẹ coi.

*

Cái bống là cái bống bang,
Con đi lấy sàng cho mẹ đổ khoai.
Con ăn một, mẹ ăn hai,

Con đi bốc muối thời khoai chẳng còn.
Con ngồi con khóc nỉ non,
Mẹ giận mẹ đạp con bon đầu hè.
Có đánh thì đánh vọt tre,
Chớ đánh vọt nứa, nữa què chân con.

*

Cái bống là cái bống bang,
Ăn cơm bằng sàng, bốc muối bằng vung.
Mẹ giận mẹ vứt xuống sông,
Con ra đường bể lấy chồng hôm mai.

*

Bốn con ngồi bốn chân giường,
Mẹ ơi, mẹ hỡi mẹ thương con nào?
- Mẹ thương con bé mẹ thay,
Thương thì thương vậy, chẳng tầy trưởng nam.
Trưởng nam nào có gì đâu,
Một trăm cái giỗ đổ đầu trưởng nam.

*

Đã sinh ra kiếp ở đời,
Trai thời trung hiếu đôi vai cho tròn.
Gái thời trinh tĩnh lòng son,
Sơm hôm gìn giữ kẻo còn chút sai.
Trai lành gái tốt ra người,
Khuyên con trong bấy nhiêu lời cho chuyên.

*

Khôn ngoan nhờ ấm cha ông,
Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.
Đạo làm con chớ hững hờ,
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.

*

Công cha như núi Thái- sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

*

Ngày nào em bé cỏn con,
Bây giờ em đã lớn khôn thế này.
Cơm cha, áo mẹ, công thầy,
Nghĩ sao cho bõ những ngày ước ao.

*

Ai về đợi với em cùng,
Thân em nay Bắc, mai Đông một mình.
Chi bằng ruộng tốt, đồng xanh,
Vui cha vui mẹ, vui anh em nhà.

*

Thờ cha mẹ, ở hết lòng,
Ấy là chữ hiếu, dạy trong luân thường.
Chữ nghĩa là nhường,
Nhường anh nhường chị là nhường người trên.
Ghi lòng tạc dạ chớ quên,
Con em phải giữ lấy nền con em.

*

Làm trai nết đủ trăm đường,
Trước tiên điều hiếu đạo thường xưa nay.
Công cha đức mẹ cao dày,
Cưu mang trứng nước những ngày ngây thơ.
Nuôi con khó nhọc đến giờ,
Trưởng thành con phải biết thờ hai thân.

Thức khuya dậy sớm chuyên cần,
Quạt nồng ấp lạnh giữ phần đạo con.

*

Cây khô chưa dễ mọc chồi,
Bác mẹ chưa dễ ở đời với ta.
Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hoá ra bạc đầu.

*

Em thời đi cấy ruộng bông,
Anh đi cắt lúa để chung một nhà.
Đem về phụng dưỡng mẹ cha,
Muôn đời tiếng hiếu người ta còn truyền.

*

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Hạt thông lại nở cây thông rườm rà.
Có cha sinh mới ra ta,
Làm nên thời bởi mẹ cha vun trồng
Hỡi cô da đỏ, má hồng!
Có đi theo chồng, cô bỏ xứ cha.
Bây giờ cô trở về già,
Xứ chồng cô bỏ, xứ cha cô về.

*

Hỡi cô cắt cỏ đồng màu,
Chăn trâu cho béo làm giàu cho cha.
- Giàu thì chia bảy chia ba,
Phận em là gái được là bao nhiêu!

*

Tôm rằn lột vỏ bỏ đuôi,
Gạo lúa nhe An-cựu mà nuôi mẹ già.

Mẹ già là mẹ già anh,
Em vô bảo dưỡng cá canh cho thường.
Mẹ già như chuối ba hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau.

*

Gió đưa cây cửu lý hương,
Xa cha xa mẹ, thất thường bữa ăn.
Sầu riêng, cơm chẳng muốn ăn,
Đã bưng lấy bát, lại dần xuống mâm.

*

Má khoe con má chính chuyên,
Chính chuyên với má, nó liền với trai!
Má ơi, con má hư rồi!
Má đừng trang điểm phấn dồi uổng công.

*

Mình đẹp cho mẹ mình lo,
Đêm nằm lắm kẻ rình mò ước ao[1]
Xấu xí như mẹ con tao.
Đêm nằm ngỏ cửa, mát sao mát này[2]

*

- Một giọt máu đào hơn ao nước lã,
- Cháu bà nội, tội bà ngoại.
- Bà con vì tổ vì tiên,
Không phải vì tiền vì gạo.
- Em thuận, anh hoà là nhà có phúc.

---

(1) Có bản chép là: "lần mò ước ao"
(2) Có bản chép: "Nằm đâu, ngủ đấy, sướng sao sướng này!"

- Chị em dâu như bầu nước lã.
- Chị xách bị đầu hè.
- Chị em nắm nem ba đồng,
Muốn ăn thì trả sáu đồng mà ăn.
- Cắt dây bầu dây bí,
Chẳng ai cắt dây chị dây em.
- Em thời trướng gấm, màn là,
Chị thời tan tác như hoa giữa đường.
- Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ, chớ hoài đá nhau.
- Muốn cho lắm cỗi nhiều cành,
Muốn cho lắm chị, nhiều anh cậy nhờ.
- Người dưng có ngãi, thì đãi người dưng;
Anh em vô ngãi thì đừng anh em.
- Bé người, con nhà bác.
Lớn xác, con nhà chú.
- Cháu bác, cháu dì, tù tì lấy nhau.
- Anh em khinh trước, làng nước khinh sau.
- Bán anh em xa, mua láng giếng gần.
- Con cô, con cậu thì xa,
Con chú, con bác thật là anh em.
- Tưởng rằng chị ngã em nâng.
Ai ngờ chị ngã, em bưng miệng cười.
- Em chồng ở với chị dâu,
Coi chừng kẻo nó giết nhau có ngày.

*

- Con người có cố, có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.
- Vênh váo như bố vợ phải đấm.
- Của mình thì để, của rể thì bòn.

- Cồng cộc bắt cá dưới bàu[1]
Cha mẹ mày giàu, đám giỗ đầu heo.
- Cồng cộc bắt cá dưới sông,
Mấy đời cháu ngoại giỗ ông bao giờ.

*

- Con cậu, cậu nuôi thầy cho,
Cháu cậu, cậu bắt chăn bò, chăn trâu.
- Đói thì ăn ngô, ăn khoai,
Đừng ở với dượng, điếc tai láng giềng.
- Cậu lậu bình vôi,
Bao giờ cậu chết, cho tôi ăn phần.
- Cậu lậu cây bàng,
Bao giờ cậu chết, cả làng đi khiêng.
- Cậu lậu quả cà,
Tháng ba cậu chết,
Thổi nồi cơm nếp,
Đưa cậu ra đồng,
Đánh ba tiếng cồng,
Cậu ơi là cậu!
- Cô đi chín tháng, thím về một năm.
- Chồng cô, vợ cậu, chồng dì,
Trong ba người ấy chết thì không tang.
- Láng giềng còn để ba ngày,
Chồng cô, vợ cậu, nửa ngày cũng không.
- Cậu chết, mợ ra người dưng,
Chú tôi có chết, thím đừng lấy ai.
- Nể cô, nể dì, lấy gì làm vốn.
- Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng.

(1) Bàu là ao.

- Cái cò đi đón cơn mưa.
Tối tăm mù mịt, ai đưa cò về?
Cò về đến gốc cây đề,
Giương cung anh bắn cò về làm chi?
Cò về thăm bá, thăm dì,
Thăm cô xứ Bắc, thăm dì xứ Đông.
- Sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì,
- Dì ruột thương cháu như con,
Rủi mà không mẹ, cháu còn cậy trông.
- Làm dâu vụng nấu, vụng kho,
Chồng không bắt bẻ, mụ o nhún trề.
- Một trăm ông chú không lo,
Lo về một nỗi mụ o nỏ mồm.
- Bưng được miệng chĩnh, miệng vò,
Nào ai bưng được miệng o, miệng dì.

d) Mẹ chồng, nàng dâu.

Dâu vô nhà, mụ gia ra ngõ.

*

Dâu dâu rể rể cũng kể là con.

*

Dâu dữ mất họ, chó dữ mất láng giềng.

*

Dâu hiền hơn con gái, rể hiền hơn con trai.

*

Có phúc lấy được dâu hiền,
Vô duyên lấy phải dâu dại.

*

Chẳng tham nhà ngói ba toà,
Tham vì một nỗi mẹ cha hiền lành.

*

Kiếm nơi cha thảo mẹ hiền,
Gửi thân khuya sớm, bạc tiền không tham.

*

Con gái là con người ta,
Con dâu mới thật mẹ cha mua về.

*

Con thơ tay ẵm, tay bồng,
Tay dắt mẹ chồng đầu bạc như bông.

*

Của rẻ thật là của ôi,
Lấy phải dâu dại khốn tôi trăm đường.

*

Chồng dữ thì em mới rầu,
Mẹ chồng mà dữ, giết trâu ăn mừng.

*

Đôi ta như cái đòng đòng,
Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha.

*

Chàng đành, phụ mẫu không đành,
Lá che cây khuất ngọn ngành, trời ơi!

*

Bắt chấy cho mẹ chồng,
Trông thấy bồ nông dưới biển.

*

Chê mẹ chồng trước đánh đau,
Gặp mẹ chồng sau mau đánh.

*

Đói thì ăn khế ăn sung,
Trông thấy mẹ chồng thì nuốt chẳng trôi.

*

Thương chồng phải khóc mụ gia,
Gẫm tôi với mụ có bà con chi!

*

Thật thà cũng thể lái trâu,
Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.

*

Mẹ chồng dữ, mẹ chồng chết,
Nàng dâu có nết, nàng dâu chừa.

*

Bố chồng là lông con phượng,
Mẹ chồng là tượng mới tô,
Nàng dâu mới về, là bồ chịu chửi.

*

Bố chồng là lông lợn hạch,
Mẹ chồng là đách lợn lang,
Nàng dâu mới về là bà hoàng thái tử.

*

Bố vợ là vớ cọc chèo,
Mẹ vợ là bèo trôi sông,
Chàng rể là ông Ba - vì.

*

Thân em mười sáu tuổi đầu,
Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người.
Nói ra sợ chị em cười,
Năm ba chuyện thảm, chín mười chuyện cay.
Tôi về đã mấy năm nay.
Buồn riêng thì có, vui rày thì không.
Ngày thời vất vả ngoài đồng.
Tối về thời lại nằm không một mình!
Có đêm thức suốt năm canh,
Rau heo, cháo chó, loanh quanh đủ trò...

*

Từ khi em về làm dâu,
Thì anh dặn bảo trước sau mọi lời:
Mẹ già dữ lắm, em ơi!
Nhịn ăn, nhịn mặc, nhịn lời mẹ cha[1]
Nhịn cho nên cửa nên nhà,
Nên kèo, nên cột, nên xà tầm vông.
Nhịn cho nên vợ, nên chồng,
Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.
Đi chợ thì chớ ăn quà,
Về chợ thì chớ rề rà ở trưa.
Dù ai bảo đợi bảo chờ,
Thì em nói dối con thơ em về.

*

(1) Câu này có bản chép:
Mẹ già dữ lắm em ơi!
Khoan ăn, bớt ngủ mà nuôi mẹ già.

Nghe đồn cha mẹ anh hiền,
Cấn cơm không bể, cấn tiền bể hai.

*

Đường đi những lách cùng lau,
Cha mẹ tham giàu ép uổng duyên con.
Duyên sao cấc cớ, hỡi duyên!
Cầm gương, gương tối, cầm vàng, vàng phai.

*

Vợ chồng đầu gối má kề,
Lòng nào mà bỏ mà về cho đang.
Hồ về chân lại đá ngang.
Về sau cho đứt cho đang mà về!

*

Trách cha trách mẹ nhà chàng,
Cầm cân chẳng biết là vàng hay thau.
Thực vàng chẳng phải thau đâu,
Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng.

*

Cô kia đội nón đi đâu?
Tôi là phận gái làm dâu mới về.
Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê.
Tôi ở chẳng được tôi về nhà tôi.

3. ĐỐI VỚI GIAI CẤP PHONG KIẾN.

Ở nước ta, trong thời phong kiến dài dằng dặc, trừ những giai đoạn chống xâm lăng, quyền lợi dân tộc được tạm thời đặt lên trên quyền lợi giai cấp, và trừ những lúc thay triều đổi chúa, giai cấp thống trị muốn được lòng dân, nên phải nhượng cho nhân dân ít nhiều quyền lợi, còn trong xã hội phong kiến Việt Nam, cuộc đấu tranh giai cấp giữa nông dân và địa chủ đã diễn ra liên tục và quyết liệt.

Trong tình hình kinh tế phân tán, tự cấp tự túc ở nước ta thời xưa, số những người làm nghề thủ công và số những người buôn bán có thể trông riêng vào nghề mình để sống chỉ là thiểu số, còn đại đa số nhân dân Việt Nam đều trông vào nguồn kinh tế chính là kinh tế nông nghiệp và làm thêm một vài nghề phụ. Nhiều ca dao đã nói lên những công việc hằng năm của những người này: tháng giêng trồng gì, tháng hai gieo gì, tháng ba buôn gì, tháng tám làm nghề thủ công gì,v.v.... Cho nên trong suốt thời kỳ phong kiến, có thể nói nguồn sống chính của đại đa số nhân dân Việt Nam là nông nghiệp.

Đến giai đoạn những mầm mống của yếu tố tư bản đã nảy sinh thì nền kinh tế phong kiến lạc hậu vẫn được giai cấp thống trị duy trì. Chế độ ấy kìm hãm sự phát triển của xã hội, nhân dân bị khổ cực, nên đối với giai cấp phong kiến thống trị, họ rất phẫn uất, căm hờn. Trong ca dao, dân ca, mặc dầu nhân dân Việt Nam biểu hiện tình cảm là chủ yếu, khi nói đến hôn nhân gia đình hay công việc làm ăn, họ đều có những ý giễu cợt, mỉa mai, nguyền rủa, chống đối giai

cấp bóc lột. Giai cấp phong kiến đối với nhân dân lao động Việt Nam là cái gai trước mắt, lúc nào họ cũng thấy vướng, muốn nhổ đi, và trong mọi hình thức đấu tranh chống giai cấp phong kiến, ca hát là một lối tuyên truyền bằng miệng, dễ nhớ, nuôi dưỡng chí căm thù của họ.

*

Người nông dân nước ta bị giai cấp phong kiến đàn áp bóc lột lâu đời, nên về vật chất và tinh thần họ đều thiếu thốn. *Cái khó bó cái khôn*. Giai cấp phong kiến thống trị hạn chế việc học trong dân gian với mục đích duy trì sự u mê trong dân chúng; cái "khôn" người ta có thể học trong cuộc đời nhưng cũng phải học tập văn hoá mới đầy đủ. Sự mở mang trí tuệ là một trong những điều kiện chủ yếu để tiêu diệt cái "khó".

Trong phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, chúng ta đã thấy ở những vùng mới giải phóng có những người nông dân rất khổ cực mà không biết là mình khổ. Người ta phải gợi khổ để họ nói ra những nỗi khổ của họ. Cho nên nói ra được những nỗi khổ của mình cũng là bước đầu giác ngộ.

Những câu:

Bụng đói, cật rét;
Lấy bát mồ hôi đổi bát cơm.

Và những câu:

Gánh cực mà đổ lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

đều là những câu chứng tỏ những điểm giác ngộ của người nông dân. Đến khi họ biết so sánh thì cái khổ của họ với sự sinh hoạt sung sướng, xa hoa của địa chủ, thì tư tưởng chống đối của họ lại tiến lên một bước nữa.

Nhưng nhìn cho thấy được nguyên nhân những nỗi khổ của mình thì không phải bất kỳ lúc nào người nông dân cũng nhìn thấy.

Cũng có khi họ cho là tại số, nhưng đồng thời họ cũng thấy lao động của họ dưới chế độ phong kiến không những không đem lại no ấm cho họ, mà còn làm cho họ nhọc nhằn, đau yếu. Đây cũng là bắt đầu ý thức phản kháng của người nông dân:

Số khó làm chẳng nên giàu,
Thức khuya, dậy sớm cho đau xương sườn.

Ý thức phản kháng ấy còn thể hiện ở sự so sánh đời sống của họ với đời sống của giai cấp phong kiến, như hai câu sau này:

Trời sao trời ở chẳng cân,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra!

Và hai câu:

Trời sao trời ở chẳng công,
Kẻ hai ba vợ, người không vợ nào!

Khi người nông dân thấy những kẻ "ngồi mát ăn bát vàng", 'ho ra bạc, khạc ra tiền" và "hết nạc vạc đến xương" họ, thì họ nhận thấy: "thằng còng làm cho thằng ngay ăn" và họ cũng biết được một phần nào chân giá trị của con người. Họ phẫn nộ, thổ lộ trong lời ca:

Hơn nhau tấm áo manh quần,
Thả ra bóc trần, ai cũng như ai!

Những ý nghĩ, những lời nói oán hờn, căm giận, ấp ủ lâu ngày, biến thành hành động; và đó là những cuộc khởi nghĩa của nông dân đã diễn ra nhiều lần trong lịch sử nước ta:

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua,
Con vua thất thế, lại ra ở chùa.

Những cuộc khởi nghĩa của nông dân phần nhiều bị thất bại; hay có thắng lợi thì trong hoàn cảnh chính trị và kinh tế thời xưa, trong tình hình tư tưởng nhân dân bị chi phối về ý thức tư tưởng phong kiến, cuộc cách mạng không thể nào triệt để được. Nói về thắng lợi và thất bại của các cuộc khởi nghĩa nông dân, đã có câu:

Được là vua, thua là giặc. Nguyễn Huệ thắng họ Trịnh, họ Nguyễn rồi lên làm vua, Nguyễn Hữu Cầu thua thì bị coi là giặc; nếu như Nguyễn Hữu Cầu có đánh đổ được tập đoàn thống trị đương thời thì rồi cũng đến làm vua như Nguyễn Huệ.

Nhân dân Việt Nam được tôi luyện trong đấu tranh, nên rất bền bỉ chịu đựng gian khổ. Nhân dân biết khá rõ những thói sinh hoạt của những kẻ trong giai cấp phong kiến, quen ăn trắng mặc trơn, sợ khó, sợ khổ, ích kỷ, chỉ biết riêng mình, nên nhân dân đã có những câu:

Bà chúa đứt tay,
Bằng ăn mày sổ ruột.

Và:

Quân tử ứ hự đã đau,
Tiểu nhân dùi đục đập đầu như không.

Chúng quen hà hiếp nông dân, và ngay trong nội bộ chúng, chúng cũng chèn ép lẫn nhau rất tàn nhẫn. Có những tên quan lại không chịu thiệt một tý gì cho người dưới, nhưng bản thân chúng lại bị bọn quan trên bóc lột và chúng đành trơ mắt ếch:

Mèo tha miếng thịt xôn xao,
Kềnh tha con lợn thì nào thấy chi!
Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Kềnh tha con lợn, mắt coi trừng trừng.

Những câu trên này còn có ý nghĩa; ở đời người ta chỉ thấy những việc ăn cắp nhỏ, còn những vụ ăn cắp lớn thì không biết, hay có biết cũng đành làm ngơ, vì sợ uy thế của kẻ ăn cắp lớn.

Những nhược điểm ấy của giai cấp thù địch, người nông dân đã trông thấy một phần nào; trong những cuộc khởi nghĩa của nông dân Việt Nam chống giai cấp phong kiến trong nước, nhiều phen người nông dân đã chịu sự lãnh đạo của những người thuộc tầng lớp dưới trong giai cấp phong kiến, phần nhiều là những người thuộc giới nho sĩ, bất mãn với chế độ thống trị đương thời.

*

Bộ máy thống trị phong kiến gồm có vua quan và bọn cường hào ở nông thôn. Lợi dụng cương vị của chúng, chúng đã cướp ruộng đất của nông dân và đàn áp nông dân thậm tệ, cho nên mâu thuẫn giữa nông dân và giai cấp phong kiến quan liêu cũng là mâu thuẫn sâu sắc và trực tiếp nhất.

Những câu:

- Của vào quan như than vào lò,
- Muốn nói gian, làm quan mà nói.
- Ỉa đồng một bãi bằng vạn đại quận công.

hay:

Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình,
Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi!

đều chứng tỏ người nông dân đã biết rõ bản chất những kẻ tiêu biểu nhất cho giai cấp phong kiến, và trong thâm tâm họ, họ rất khinh bỉ chúng, nhiều khi họ đã nói lên những lời hết sức mỉa mai và chua chát:

Tháng tám có chiếu vua ra,
Cấm quần không đáy người ta hãi hùng!...
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!

Chân tay của bọn vua quan bọn cường hào ở nông thôn, bọn chánh tổng, lý trưởng, xã đoàn, trương tuần, nên tục ngữ đã có câu:

Tuần hà là cha kẻ cướp.

Ở nông thôn, chính bọn hào lý ấy là những kẻ cậy quyền, cậy thế, hãm hiếp phụ nữ, làm hại nhân dân rất nhiều. Như mấy câu ca dao sau này, tuy ý chống đối không nổi bật lên mấy, nhưng cũng hết sức mỉa mai, chua chát:

Đẻ đứa con trai,
Chẳng biết nó giống ai!
Cái mặt thì giống ông cai,
Cái đầu ông xã, cái tai ông trùm.

Nói tóm lại, đối với bọn quan nha, tổng lý, nhân dân đều oán ghét nhất, nên trong những cuộc nông dân khởi nghĩa, những kẻ bị nhân dân tiêu diệt trước nhất đều là những kẻ trong bọn quan nha, tổng lý, vì chính chúng là "giặc" của dân'

Con ơi, mẹ bảo con này,
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

*

Muốn củng cố chế độ phong kiến, duy trì chế độ bóc lột, bọn thống trị phải thi hành chính sách ngu dân. Một mặt chúng hạn chế việc học, một mặt chúng tuyên truyền tôn giáo, nhằm phát triển sự ngu muội và mê tín trong dân gian, làm nhụt chí đấu tranh của nhân dân, cố làm cho nhân dân yên trí địa chủ giàu là tại số, nhân dân nghèo cũng là tại số:

Số giàu mang đến dửng dưng,
Lọ là con mắt tráo trưng mới giàu.

Sự gieo rắc mê tín ấy của giai cấp phong kiến thống trị trong dân gian đã có hiệu quả một phần nào, nhưng không phải người nào cũng bị ru ngủ và bị mê hoặc. Bọn đội lốt tu hành, vẫn bị nhân dân vạch mặt và phỉ nhổ. Hãy đọc những câu ca dao sau này:

Na mô một bồ dao găm,
Một trăm giáo mác,
Một vác dao bầu,
Một xâu thịt chó...

Có những kẻ ban ngày lần tràng hạt, ban đêm đi ăn cướp, lại có kẻ giả vờ đi quyên giáo để thừa cơ chủ nhà đi vắng thì ăn trộm ngay giữa ban ngày:

Người ta đi giáo tiền, giáo gạo,
Tiểu tôi đi giáo áo, giáo nồi,
Nhà nào công đức thì thôi.
Nhà nào đi vắng, tiểu tôi giáo bò...

Trong thời phong kiến suy tàn, đạo Phật, công cụ tuyên truyền của phong kiến, cũng ngày một suy vi, một số đông chùa chiền đã hoá ra những nơi tạm lánh chân của bọn trai tứ chiếng gái giang hồ, cho nên mới có những câu:

Na mô bồ tát bồ hòn,
Ông sư bà vãi cuộn tròn lấy nhau.

Đến những kẻ làm môi giới cho chùa chiền, làm giàu cho bọn đội lốt tu hành bằng cách khuyên nhủ người ta cúng lễ, như bọn thầy bói, thầy số, nhân dân cũng nhận thấy mánh khoé lừa bịp của chúng và giễu chúng bằng những lời rất mỉa mai.

...Quẻ này có động.
Nhà này có quái trong nhà,
Có con chó đực cắn ra đằng mồm.
Nhà bà có con chó đen,
Người lạ nó cắn, người quen nó mừng.
Nhà bà có cái cối xay,
Bốn chân xuống đất, ngõng ngay lên trời...

Trong thời phong kiến, đại đa số nhân dân bị thất học, do đó đôi khi họ cũng bùi tai nghe những lời mê hoặc, những lời dụ dỗ quàng xiên của giai cấp phong kiến thống trị và bọn tay sai của chúng. Người nông dân Việt Nam thời xưa mình trần thân trụi, bị áp bức bóc lột đủ điều, nên họ chỉ còn cách cầu Trời khấn Phật phù hộ cho họ được đỡ khổ. Nhiều lúc họ cũng đã thấy Trời, Phật bất lực trong sự giúp đỡ họ và họ cũng đã nhiều phen oán Trời, trách Phật. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, chế độ bóc lột bị xoá bỏ vĩnh viễn và việc làm ăn tập thể bắt đầu thực hiện ở khắp miền Bắc, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày được nâng cao ở nông thôn, nhân dân đã bớt tin ở cúng lễ và ở những việc kêu cầu. Cho nên có được đời sống no ấm, thoải mái, vui tươi, thì lòng mê tín cũng giảm và rồi một ngày sẽ hết hẳn.

*

Ở nước ta, những cuộc ngoại xâm đã xảy ra liên tiếp. Trong những lúc đó, nhân dân ta đã tạm gác những nỗi căm thù đối với giai cấp thống trị trong nước và đã cùng giai cấp phong kiến dân tộc hăng hái trừ giặc nước. Những hy sinh cao cả ấy, người nông dân phác thực và tính tình giản dị không hề bao giờ nói đến trong ca dao. Nhưng đối với chiến tranh trong nước, do bọn phong kiến thống trị vì tranh chấp đất đai và quyền hành gây ra, thì nhân dân Việt Nam rất chán ghét. Họ rất căm giận những kẻ thủ phạm gây ra nội chiến, vì chiến tranh trong nước đã gây nên những cảnh phân ly và tang tóc trong gia đình, đàn áp tình yêu của thanh niên nam nữ, gây nên việc thiếu nhân công ở đồng ruộng, người phụ nữ lại phải gánh thêm tạp dịch thay chồng đi lính, làm cho người nông dân không những không đảm bảo được sản xuất, mà còn phải sưu thuế nặng nề để bọn phong kiến thống trị nuôi dưỡng chiến tranh.

Trong lịch sử nước ta, nạn mười hai sứ quân đã gây nên nhiều cảnh khổ cực trong dân gian, đến những chiến tranh giữa tập đoàn phong kiến nhà Mạc, nhất là giữa bọn chúa Trịnh và chúa Nguyễn, kéo dài một thời Nam Bắc phân tranh, lại càng gây nên nhiều tang tóc và tai hại về kinh tế trong nhân dân.

Cho nên nhân dân đã có câu:

Một nhà hai chủ không hoà,
Hai vua một nước ắt là không yên.

Vào thời Lê Trịnh, nội thương, ngoại thương và công nghệ đều phát triển. Những chân trời mới bắt đầu mở rộng ở nước ta. Cuộc sống mới bắt đầu tràn lan, tư tưởng người ta đổi thay, những tình cảm mới rào rạt trong lòng người. Ai nấy đều muốn vươn lên một trình độ sinh hoạt cao hơn. Nhưng bọn phong kiến thống trị vì quyền lợi riêng, phần thì muốn duy trì những quan hệ phong kiến cũ, phần thì không thoả mãn được nhu cầu của nhân dân đang muốn có tư hữu tài sản, nên mâu thuẫn giữa những mầm mống của yếu tố tư bản

với phong kiến ngày một sâu sắc.

Kế đến thời Nam Bắc phân tranh, quyền sống của con người luôn luôn bị chà đạp.

Trước hết, chiến tranh gây nên những cảnh phân ly trong gia đình, ngăn cản tình yêu không được thỏa mãn:

Lính này có vua, có quan,
Nào ai cắt lính cho chàng phải đi!
Nay trẩy kim thì, mai trẩy kim ngân,
Lấy nhau chưa được ái ân,
Chưa được kim chỉ Tấn Tần như xưa!...

Người phụ nữ đã phải chịu cảnh cô đơn, lại phải làm chủ lực về lao động trong gia đình, việc đồng áng một mình cáng đáng, lại còn con thơ, mẹ già phải chăm sóc, nên họ rất oán ghét việc bắt lính của bọn vua quan:

Sáng trời, chàng mới tập binh,
Em ngồi vò võ một mình em lo.
Ruộng nương không ai cày cho,
Trâu bò hèn mọn, em lo dường nào!
Ruộng người cày cấy lao xao,
Ruộng em bỏ cỏ mọc cao ngoài đồng...

Giai cấp phong kiến thống trị đã bắt người chồng đi làm bia đỡ đạn cho chúng còn đối với người vợ ở nhà, chúng cũng bắt đóng góp và gánh những tạp dịch thay chồng. Sự bóc lột tàn nhẫn ấy làm người phụ nữ nông thôn kêu than:

...Đồn rằng chàng trẩy hay đừng?
Ở nhà công việc nửa mừng nửa lo...
Ruộng nương ai chịu cấy cho,
Để thiếp ở lại, đói no vài đồng!
Lấy gì đóng góp cho chồng?
Lấy gì giỗ chạp thổ công, ông bà
Lấy gì nuôi mẹ, nuôi cha?
Lấy gì thu xếp cửa nhà, chàng ơi!

Trong thời phong kiến suy tàn, nội bộ giai cấp phong kiến rất lục đục, sự xung đột giữa những tập đoàn thống trị nổ ra liên tiếp, nên những việc bóc lột nhân lực và tài lực của chúng đối với nhân dân lại càng thậm tệ, vô hạn độ; người chồng đi lính đã tỏ nỗi lo của mình với vợ:

Rồi khi sinh gái, sinh trai,
Sớm khuya mưa nắng lấy ai bạn cùng!
Sinh gái thì em gả chồng;
Sinh trai lấy vợ mặc lòng thiếp lo...

Những câu trên này chứng tỏ việc đi lính trong thời bọn phong kiến xâu xé lẫn nhau đã bị nhân dân coi như việc đi đày không biết ngày về. Cho nên thương xót chồng, cám cảnh mình, người phụ nữ Việt Nam trong thời đó cũng đã nói lên câu này:

Giá vua bắt lính đàn bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm!

Trong ca dao Việt Nam, những tiếng phản đối chiến tranh diễn ra trong nước hầu hết là những tiếng phản đối của phụ nữ. Cái cảnh người chinh phụ Việt Nam trong thời phong kiến rất là buồn thảm, người phụ nữ Việt Nam chịu đựng khổ cực đã nhiều, nên họ chỉ ao ước có cảnh hoà bình là điều kiện chủ yếu để sản xuất, cho nhà vui, nước thịnh. Đặng Trần Côn sáng tác nên Chinh phụ ngâm và khúc ngâm được Đoàn Thị Điểm diễn ra quốc âm, cũng đã phản ánh một phần tư tưởng của nhân dân đối với nội chiến, tư tưởng của nhân dân ước mơ hoà bình và hạnh phúc.

a) Nỗi khổ cực của nông dân.

- Bán vợ, đợ con.
- Mặt xanh, nanh vàng.
- Gẫy gối, tối mặt.
- Đầu tắt, mặt tối.
- Thắt lưng, buộc bụng.
- Nợ van, quan khất.
- Tiền hết, gạo không.

- Tiền lưng, gạo bị.
- Tội vạ, vạ lạy,
- Bụng đói, cật rét.
- Cơm sung, cháo dền.
- Nhà rách, vách nát.
- Cái khó bó cái khôn.
- No trong mo ngoài đất.
- Vay nên nợ, đợ nên ơn.
- Lấy bát mồ hôi đổi bát cơm.
- Nhất tội, nhì nợ.
- Mẹ già, nhà nghèo.
- Đã khó, chó cắn thêm.
- Ăn chẳng no, khó đến mình.
- Ăn cơm nhà, vác ngà voi.
- Đổi bát mồ hôi lấy bát cơm.
- Thằng còng làm cho thằng ngay ăn.
- Canh một chưa nằm, canh năm đã dậy.
- Miệng ông cai, vai đầy tớ.
- Sờ chẳng ra, rà chẳng thấy.
- Con đóng khố, bố cởi truồng.
- Đất vua, chùa làng, phong cảnh bụt.
- Cơm kể ngày, cày kể buổi.
- Cơm ba bát, áo ba manh,
- Tham buổi giỗ, lỗ buổi cày.
- Được một bữa cơm người, mất mười bữa cơm nhà.

*

Áo rách chi lắm, áo ơi!
Áo rách trăm mảnh, không có nơi cho rận nằm.

*

Ăn mày là ai? ăn mày là ta,
Đói cơm rách áo hoá ra ăn mày.

*

Cây khô xuống nước cũng khô,
Phận nghèo đi đến nơi mô cũng nghèo.

*

Cực lòng nên phải biến dời,
Biến dời lại gặp phải nơi cực lòng.

*

Bực mình chẳng muốn nói ra,
Muốn đi ăn cỗ chẳng ma nào mời.

*

Đói thì đầu gối phải bò,
Cái chân hay chạy, cái dò hay đi.

*

Gánh cực mà đổ lên non,
Cong lưng mà chạy, cực còn theo sau.

*

Gạo chợ một tiền mười thưng,
Mẹ con nhịn đói vì chưng không tiền.

*

Ba đời bảy họ nhà tre,
Hễ cất lấy gánh nó đè lên vai.

*

Bao giờ cho đến tháng năm,
Thổi nồi cơm nếp, vừa nằm vừa ăn.

*

Bao giờ cho đến tháng mười,
Thổi nồi cơm nếp, vừa cười vừa ăn.

*

Đừng có chết mất thì thôi,
Sống thì có lúc no xôi chán chè.

*

Trời sao trời ở chẳng cân,
Kẻ ăn không hết, người lần không ra.

*

Bầu dục đâu đến bàn thứ năm,
Chè đâu đến chú, chú lăm ăn chè.

*

Trèo lên cây gạo cao cao,
Nom xuống hàng thịt như dao cắt lòng.

*

Cả đời khốn khổ chua cay,
Ước sao chỉ được một ngày làm vua.

*

Ruộng người cày, vợ người nuôi,
Con người mắng mỏ, vợ người yêu đương.

*

Làm thân con vạc mà chẳng biết lo,
Bán đồng cho cò, phải đi ăn đêm.

*

Con vua thì lại làm vua,
Con nhà kẻ khó, bắt cua tối ngày.

*

Chẳng làm, người bảo rằng ươn,
Làm thì xương sống, xương sườn phơi ra.

*

Dã tràng xe cát biển đông,
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì.

*

Giàu thì cũng chẳng có tham,
Khó khăn ta liệu ta làm ta ăn.

*

Ếch kêu dưới vũng tre ngâm,
Ếch kêu mặc ếch, tre dầm mặc tre.

*

Thương thay thân phận con rùa,
Trên đình đội hạc, dưới chùa đội bia.

*

Không nghe, tan cửa nát nhà,
Nghe thì hai bảy mười ba cực lòng!

*

Khi xưa ăn những gạo vay,
Bây giờ mó đến cái chày rã hơi.

*

Khó thì hết thảo hết ngay,
Công cha cũng bỏ, nghĩa thầy cũng quên.

*

Khó khăn tôi rắp cậy ông,
Ai ngờ ông lại khốn cùng hơn tôi!

*

Lận đận lao đao, phải sao chịu vậy,
Tới số ăn mày, bị gậy phải mang.

*

Một mình vừa chống vừa chèo,
Không ai tát nước đỡ nghèo một khi?

*

Vay chín thì trả cả mười,
Phòng thì túng nhỡ có người cho vay.

*

Người ta đi ở lấy công,
Tôi nay đi ở tay không trở về.

*

Một vốn bốn lãi,
Một cổ đôi tròng.

*

Một năm làm nhà,
Ba năm hết gạo.

*

Tháng tám chưa qua,
Tháng ba đã đến.

*

Tháng tám đói qua,
Tháng ba đói chết.

*

Cơm ăn mỗi bữa một lưng,
Bao giờ gánh đá ông Đăng[1] cho rồi!

---

(1) Đời Hậu Lê (1600), nhân dân Ngọc - bôi bị Đăng quận công Nguyễn Khải bắt gánh đá làm sinh từ ở Thanh Hoá.

*

Măng non nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây, ta phải bán buồn mua vui.

*

Từ nay tôi cạch đến già,
Tôi chẳng dám cấy ruộng bà nữa đâu!
Ruộng bà vừa xấu vừa sâu,
Vừa bé bát thóc vừa lâu đồng tiền.
Tôi về cấy ruộng quan điền,
Bát gạo đã lớn, quan tiền trao tay.

*

Trời mưa cho ướt lá khoai,
Công anh làm rể đã hai năm ròng.
Nhà em lắm ruộng ngoài đồng,
Bắt anh tát nước, cực lòng anh thay
Tháng chín mưa bụi, gió may,
Cất lấy gầu nước, hai tay rụng rời!

*

Trâu anh con cỡi con dòng,
Lại thêm con nghé, cực lòng thằng chăn!

*

Cái cò mày đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
- Ông ơi, ông vớt tôi nao,
Tôi có lòng nào, ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong,
Chớ xáo nước đục, đau lòng cò con.

*

Cái cò là cái cò vàng,
Mẹ đi đắp đàng, con ở với ai?
Con ở với bà, bà không có vú;
Con ở với chú, chú là đàn ông.

*

Con rô nó rạch lên phên,
Uốn tay cho mềm,
Dệt cửi cho ngoan,
Lấy tiền ta đóng việc quan cho chồng!

*

Tốt đẹp là chị hàng hoa,
Tuy rằng thơm ngát, cửa nhà sạch không.
Ngày ngày đi hái hoa hồng,
Chiều chiều về ngõ Cầu Đông[1] ăn quà.
Bao giờ chợ lớn hết hoa,
Đồng - xuân hết chuối, thì hoa hết tiền.

*

Tham giàu đã thấy giàu chưa?
Vừa ăn vừa khóc như mưa tháng hè.

*

Một ngày hai bữa cơm đèn,
Lấy gì má phấn răng đen, hỡi chàng!

*

Một ngày mấy lượt trèo non,
Lấy gì làm đẹp, làm giòn, hở anh?

*

(1) Ngõ Cầu Đông xưa kia ở vào phố Hàng Đường, Hà - nội

Ngày nào trời nắng chang chang,
Mẹ con kiếm củi, đốt than no lòng.
Trời làm một trận mênh mông,
Mẹ con nhịn đói, nằm không ba ngày.

*

Chiều chiều vịt lội cò bay,
Ông voi bẻ mía chạy ngay vô rừng.
Vô rừng bứt một sợi mây,
Đem về thắt dóng má mày đi buôn.
Đi buôn sợ lỗ sợ lời,
Trồng một cây xoài, trái chín trái chua...

*

Cấy lúa, lúa trở ra năn,
Kẻ trộm gặt mất, con ăn bằng gì?
Con ăn lộc sắn, lộc si,
Con ăn bằng gì cho đến tháng năm?

*

Thấy anh em cũng muốn theo,
Em sợ anh nghèo, anh bán em đi.
Lấy anh em biết ăn gì?
Lộc sắn thì chát, lộc si thì già.
Lấy anh không cửa, không nhà,
Không cha không mẹ, biết là cậy ai!

*

Thân ai khổ như thân con rùa,
Xuống sông đội đá, lên chùa đội bia.
Thân ai khổ như thân anh kia,
Ngày đi cuốc bãi, tối về nằm suông?

*

Cái cò là cái cò con,
Mẹ đi xúc tép, để con ở nhà.
Mẹ đi một quãng đồng xa,
Mẹ sà chân xuống, phải mà con lươn.

*

Ông kia có chiếc thuyền nan,
Chở vào ao rậm, xem lươn bắt cò...
Ông kia chống gậy lò dò,
Con lươn tụt xuống, con cò bay lên...

*

Nước non lận đận một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay,
Ai làm cho bể kia đầy,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?

*

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Cùng ăn một đồng, nói chuyện giăng ca...
Muối kia đổ ruột con gà,
Mẹ mình chẳng xót bằng ta xót mình!

*

Con cò chết rũ trên cây,
Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma.
Cà cuống uống rượu la đà,
Bao nhiêu cóc nhái nhảy ra chia phần,
Chào mào thì đánh trống quân,
Chim chích mặc quần vác mõ đi rao...

*

Cái cò chết tối hôm qua,
Có hai hạt gạo với ba đồng tiền.
Một đồng thuê trống, thuê kèn,
Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong.
Một đồng mua mớ rau rong,
Đem về thái nhỏ thờ vong con cò.

*

Hồn ếch ta đã về đây[1]
Phải năm khô cạn, ta nay ở bờ,
Ở bờ những hốc cùng hang,
Chăn chiếu chẳng có trăm đường xót xa.
Lạy trời cho đến tháng ba,
Được trận mưa lớn ta ra ngồi ngoài.
Ngồi ngoài rộng rãi thảnh thơi,
Phòng khi mưa nắng ngồi ngoài kiếm ăn.
Trước kia ta vẫn tu thân,
Ta tu chẳng được thì thân ta hèn.
Ta gặp thằng bé đen đen,
Nó đứng nó nhìn nó chẳng nói chi,
Ta gặp thằng bé đen sì,
Tay thì cái giỏ tay thì cần câu.
Nó có chiếc nón đội đầu,
Khăn vuông chít tóc ra mầu xinh thay.
Nó có cái quạt cầm tay,
Nó có ống nứa bỏ đầy ngoé con.
Nó có chiếc cán thon thon,
Nó có sợi chỉ son son mà dài.

---

(1) Bài này là bài phụ đồng ếch, thường hát để vui chơi, nhưng nội dung phản ánh đời sống cơ cực của nông dân Việt Nam thời phong kiến.

Ếch tôi mới ngồi bờ khoai,
Nó giật một cái đã sai quai hàm.
Mẹ ơi lấy thuốc cho con,
Lấy những lá ớt cùng là xương sông.
Ếch tôi ở tận hang cùng,
Bên bè rau muống phía trong bè dừa.
Thằng Măng là con chú Tre,
Nó bắt tôi về, làm tội lột da.
Thằng Hành cho chí thằng Hoa,
Mắm muối cho vào, cay hỡi đắng cay!

b) Cách sống nhàn hạ, xa hoa và tội ác của địa chủ.

- Bóc áo, tháo cày.
- Cưa sừng, xẻ tai.
- Một bồ lấy bốn.
- Cá vàng bụng bọ.
- Cá lớn nuốt cá bé.
- Giàu điếc, sang đui.
- Ngồi mát, bát đầy.
- Ruộng cả, ao liền.
- Tiền dư, thóc mục.
- Tiền rời, thóc đống.
- Tiền ròng, bạc chảy.
- Ruộng sâu, trâu nái.
- Ho ra bạc, khạc ra tiền.
- Nhà giàu nói đâu ra đấy.
- Học chả hay, cày chả biết.
- Hết nạc vạc đến xương.
- Được đằng chận, lân đằng đầu.
- Đi cuốc đau tay, đi cày mỏi gối.
- Ngồi đống thóc, móc đống tiền.

- Mạnh vì gạo, bạo vì tiền.
- Hung chi hơn gạo, bạo chi hơn tiền.
- Bòn nơi khố cạnh, đãi nơi quần hồng.

*

Trống chùa ai đánh thì thùng,
Của chung ai khéo vẫy vùng thành riêng.

*

Ăn thì ăn những miếng ngon,
Làm thì chọn việc cỏn con mà làm.

*

Ăn no rồi lại nằm khoèo,
Thấy giục trống chèo bế bụng đi xem.

*

Làm thì chẳng muốn bằng ai,
Ăn thì thứ nhất, thứ hai trong làng.

*

Trong nhà đã có vàng mười,
Song le còn muốn của người nhân sâm.

*

Trong nhà đã có hoàng cầm,
Song le còn muốn nhân sâm nước người.

*

Trong nhà đã có đồ chơi,
Song le còn muốn của đời thêm xinh.

*

Thiếu thuế bắt vợ,
Thiếu nợ bắt con.

*

Cả vú lấp miệng em,
Cả hèm lấp miệng hũ.

*

Của mình thì giữ bo bo,
Của người thì thả cho bò nó ăn.

*

Ngó lên đám cấy ông cai,
Cấy thưa ông ghét, cấy dày ông thương.

*

Con lành con ở cùng bà,
Váng mình sốt mẩy, con ra ngoài đường.

*

Cào cào giã gạo tao xem,
Tao may áo đỏ, áo đen cho cào.

*

Tháng sáu gọi cấy rào rào,
Tháng mười lúa chín, mõ rao cấm đồng.

*

Cái cò, cái vạc, cái nông,
Ba cái cùng béo, vặt lông cái nào?
Vặt lông cái vạc cho tao,
Hành răm, nước mắm, bỏ vào mà thuôn.

*

- Cái cò, cái vạc, cái nông.
Sao mày giẫm lúa nhà ông, hỡi cò?
- Không! không! tôi đứng trên bờ,

Mẹ con cái vạc đổ ngờ cho tôi.
Chẳng tin, thì ông đi đôi,
Mẹ con nhà nó còn ngồi đây kia.

*

Cái cò lặn lội bờ ao,
Hỡi cô yếm đào, lấy chú tôi chăng?
Chú tôi hay tửu hay tăm,
Hay nước chè đặc, hay nằm ngủ trưa.
Ngày thì ước những ngày mưa.
Đêm thì ước những đêm thừa trống canh.

c) Những mâu thuẫn trong sinh hoạt giữa nông dân và địa chủ.

- No nên bụt, đói nên ma.
- Giàu bán chó, khó bán con.
- Làm phúc nơi nao, cầu ao chẳng bắc.
- Khó giữ đầu, giàu giữ của.
- Giàu ruộng đợ, nợ ruộng thuê.
- Hay làm thì đói, hay nói thì no.
- Bà chúa đứt tay bằng ăn mày sổ ruột.
- Bà tiền, bà thóc, bà cóc gì ai.

*

Đã giàu thì lại giàu thêm,
Đã khó, lại khó cả đêm lẫn ngày.

*

Nhà giàu ngày ăn ba bữa,
Nhà khó đỏ lửa ba lần.

*

Nhà giàu tham việc, thất nghiệp tham ăn.

*

Ngồi mát ăn bát đầy, lầy cầy không đầy bát.

*

Giàu từ trong trứng giàu ra,
Khó từ ngã bảy ngã ba khó về.

*

Trứng rồng lại nở ra rồng,
Liu điu lại nở ra dòng liu điu.

*

Con vua thì lại làm vua,
Con nhà kẻ khó bắt cua cả ngày.

*

Con quan thì lại làm vua,
Con nhà kẻ khó đốt than cả ngày.

*

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.
Bao giờ dân nổi can qua,
Con vua thất thế, lại ra quét chùa.

*

Giàu không ra khỏi ngõ,
Khó mọi chỗ mọi hay.

*

Giàu sang nhiều kẻ tới nhà,
Khó khăn nên nỗi ruột rà xa nhau!

*

Giàu thì cơm cháo bổ lao,
Khó thì đánh điếu thuốc lào ngậm hơi.

*

Có ăn vất vả đã cam,
Không ăn ta nghỉ, ta làm làm chi.

*

Hơn nhau tấm áo, manh quần,
Thả ra bóc trần, ai cũng như ai.

*

Bớt đồng thì bớt cù lao,
Bớt ăn bớt uống thì tao bớt làm.

*

Nhà giàu trồng lau ra mía,
Nhà khó trồng củ tía ra củ nâu.

*

No cơm ấm cật, dậm dật mọi nơi,
Quần áo tả tơi, mọi nơi chẳng dật.

*

Mẹ chồng nàng dâu,
Chúa nhà, người ở, yêu nhau bao giờ!

*

Trời sao trời ở chẳng công,
Kẻ hai ba vợ, người không vợ nào.

*

Hèn mà làm bạn với sang,
Chỗ ngồi, chỗ đứng có ngang bao giờ.

*

Cố công sống mấy nghìn năm,
Thử xem thửa ruộng mấy trăm người cày.

*

Thằng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim.
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi hòn xôi, Bờm cười.

d) Những nhận định của nhân dân về bọn quan nha.

- Mễ tận, dân tan.
- Hết quan, tàn dân.
- Quan tha, nha bắt.
- Quan cần, dân trễ.
- Quan hai, lại một.
- Quan yêu, bạn ghét.
- Bút sa, gà chết.
- Phép vua thua lệ làng.
- Miệng quan, trôn trẻ.
- Vô phước bước cửa quan.
- Quan cả vạ to.
- Quan trong hơn quan ngoài.
- Khôn làm lại, dại ở nhà.
- Quan cứ lệnh, lính cứ truyền.
- Quan phủ đi, quan tri nhận.
- Tuần hà là cha kẻ cướp.
- Quan thì xa, bản nha thì gần.
- Thứ nhất quận công, thứ nhì không khố.

- Thứ nhất quận công, thứ nhì ỉa đồng.
- Ỉa đồng một bãi, bằng vạn đại quận công.
- Muốn nói gian[1] làm quan mà nói.
- Có chí làm quan, có gan làm giàu.

Quan nói hiếp, chồng có nghiệp nói thừa.

- Quan thấy kiện như kiến thấy mỡ.
- Nén bạc đâm toạc tờ giấy.
- Của vào quan như than vào lò.
- Quan xứ Nghệ, lính lệ Đình- cao[2].
- Quan xứ Nghệ, lính lệ xứ Thanh.
- Quan muốn sang, nhà hàng muốn đắt.
- Léo nhéo như mõ réo quan viên.
- Chưa đỗ ông nghè, đã đe hàng tổng.
- Được là vua, thua là giặc.
- Quan bất cần, dân bất nhiễu.
- Quan kẻ Mọc, thóc Mễ - trì.
- Thứ nhất tờ sai, thứ hai nhà nợ.
- Muốn làm lớn thì làm láo.

*

Con ơi, nhớ lấy câu này:
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan.

*

Vô phúc đáo tụng đình,
Tụng đình rình vô phúc.

*

Trâu buộc thì ghét trâu ăn,
Quan võ thì ghét quan văn đài quần.

---

(1) Có bản chép là: ngoan (điêu ngoan)
(2) Một làng thuộc huyện Phù - cừ (Hưng - yên)

*

Văn thì cửu phẩm đã sang.
Võ thì tứ phẩm còn mang gươm hầu.

*

Quan văn mất một đồng tiền,
Xem bằng quan võ mất quyền quận công.

*

Nhà bay chết lợn, toi gà,
Năm ba ông cống đến nhà ngày mưa.

*

Tậu voi chung với đức ông,
Vừa phải đánh cồng, vừa phải hót phân.

*

Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình,
Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi!

*

Quan có cần nhưng dân chưa vội,
Quan có vội, quan lội quan sang.

*

Miệng kẻ sang có gang có thép,
Đồ kẻ khó, vừa nhọ vừa thâm

*

Đàn ông quan tắt thì chầy,
Đàn bà quan tắt, nửa ngày nên quan.

*

Khôn ngoan, đến cửa quan mới biết.
Giàu có, đến ba mươi tết mới hay.

*

Tham giàu mà lấy chủ kho,
Ba năm hiệu lượng, vua cho đeo vòng.

*

Lúc thì chả có một ai,
Lúc thì ông xã, ông cai đầy nhà.

*

Sang chơi thì cứ mà sang,
Đừng bắt dọn đàng mà nhọc lòng dân.

*

Đục đến chạm, thì chạm đến khăng,
Đòn đánh lý trưởng thì vãng cả làng.

*

Thừa quan rồi mới đến dân,
Thừa nha môn, phần đến sãi đò đưa.

*

Trẻ chẳng tha, già chẳng thương,
Cóc, nhái, ễnh ương, chấp chi nhặt nhạnh,

*

Vạn - niên là Vạn Niên nào[1]
Thành xây xương lính hào đào máu dân.

*

Anh về xẻ ván cho dày,
Đóng thuyền đợi bến, rước thầy mẹ sang.

---

(1) Tự đức xây Vạn - niên cung làm khổ nhân dân. Đoàn Trung, Đoàn Trực nhân đấy nổi lên chống đối.

Thuyền lớn, quan bắt chở lương,
Còn chiếc thuyền nhỏ cùng nàng qua sông
Chờ nàng anh đứng anh trông...

*

Nhất thì bộ Lại, bộ Binh,
Nhì thì bộ Hộ, bộ Hình cũng xong.
Thứ ba thì đến bộ Công,
Nhược bằng bộ Lễ, lạy ông xin về.

*

Trời mưa cho ướt lá bầu,
Ai làm lính lệ đi hầu ông quan.
Thương người mũ bạc, đai vàng.
Đem thân mà đội mâm cam cho đành!

*

Cậu cai nón dấu lông gà,
Cổ tay đeo nhẫn gọi là cậu cai.
Ba năm được một chuyến sai,
Áo ngắn đi mượn, quần dài đi thuê.

*

Lấy lính thì được ăn lương,
Lấy thầy ăn óc, ăn xương gì thầy?

*

Em đừng thấy lính mà khinh,
Lãnh binh, thống chế, tam dinh một dòng.

*

Đẻ đứa con trai,
Chẳng biết nó giống ai?
Cái mặt thì giống ông cai,
Cái đầu ông xã, cái tai ông trùm.

*

Em là con gái đồng trinh,
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.
Ông Nghè sai lính ra ve,
"Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con!"
- Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho giòn, theo võng cho mau[1].

*

Tháng tám có chiếu vua ra,
Cấm quần không đáy, người ta hãi hùng.
Không đi thì chợ không đông,
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!
Có quần ra quán bán hàng.
Không quần ra đứng đầu làng trông quan.

*

Gió đưa ông đội vô kinh,
Bà đội thương tình cắp nón chạy theo.

*

Cậu cai buông áo em ra!
Để em đi chợ kẻo mà chợ trưa.
Chợ trưa, rau nó héo đi,
Lấy gì nuôi mẹ, lấy gì nuôi con?

đ) Những nhận định của nhân dân về nội chiến.

Một nhà hai chủ không hoà,
Hai vua một nước ắt là không yên.

(1) Có bản chép bốn chữ cuối là: *"mà lấy chồng quan"*.

*

Cái cò lặn lội bờ sông,
Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non.
- Nàng về nuôi cái cùng con,
Để anh đi trẩy nước non Cao - bằng.
Ở nhà có nhớ anh chăng?
Để anh kể nỗi Cao - bằng mà nghe.

*

Ba năm trấn thủ lưu đồn,
Ngày thì canh điếm tối dồn việc quan.
Chém tre, đẵn gỗ trên ngàn,
Hữu thân hữu khổ, phàn nàn cùng ai!
Miệng ăn măng trúc, măng mai,
Những giang cùng nứa, biết ai bạn cùng?

*

Anh đi lưu thú Bắc - thành,
Để em khô héo như nhành từ bi[1]

*

Nước ròng chảy đến Tam - giang
Sầu đâu chín rụng, sao chàng biệt tin[2].
Chàng ơi! đi trẩy kẻo trưa,
Cửa nhà cậy mẹ, nắng mưa nhờ trời.
Em đi cầu khẩn phật trời,
Biết than cùng trời, biết thở cùng ai!

*

(1) Nhân dân Thanh, Nghệ đi lính thời Lê- Trịnh.
(2) Đi lính vào thời Nguyễn Ánh bị Tây - sơn đánh thua.

Lính vua, lính chúa, lính làng,
Nhà vua bắt lính cho chàng phải ra.
Giá vua bắt lính đàn bà,
Để em đi đỡ anh và bốn năm.
Bởi vua bắt lính đàn ông,
Tiền lưng gạo bị, sắm trong nhà này.

*

Kìa ai tiếng khóc nỉ non,
Ấy vợ chú lính trèo hòn đèo Ngang.
Chém cha cái giặc chết hoang,
Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng.
Gánh từ xứ Bắc, xứ Đông.
Đã gánh theo chồng lại gánh theo con.

*

Ngang lưng thì thắt bao vàng,
Đầu đội nón dấu, vai mang súng dài.
Một tay thì cắp hoả mai,
Một tay cắp giáo, quan sai xuống thuyền.
Tùng tùng trống đánh ngũ liên,
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa...

*

Con chuột mắc bẫy,
Bới gốc tre già,
Đẽo ra đòn xóc...
Chồng đi lính,
Vợ ở nhà khóc hi hi...
Trời ôi! Sinh giặc làm chi!
Cho chồng tôi phải ra đi chiến trường!

*

Chàng ơi! trẩy sớm hay trưa?
Để em gánh gạo tiễn đưa hành trình.
- Thương nàng đã đến tháng sinh.
Ăn ở một mình trông cậy vào ai?
Rồi khi sinh gái, sinh trai,
Sớm khuya mưa nắng lấy ai bạn cùng!
- Sinh gái thì em gả chồng,
Sinh trai lấy vợ, mặc lòng thiếp lo.

*

Đường trường cách trở nước non,
Mẹ già đầu bạc, thiếp còn xuân xanh.
Giang sơn thiếp gánh một mình,
Có hay chàng tỏ tâm tình thiếp chăng?
Trời ơi! có thấu tình chăng?
Một ngày đằng đẵng xem bằng ba thu!
Ruột tằm bối rối vò tơ,
Gan vàng sao khéo thờ ơ dạ vàng!

*

Chàng trẩy đi kể đã mấy đông,
Cho toan đón gió cho rồng chờ mưa.
Tấm gan vàng, dạ sắt, thiếp tôi ngẩn ngơ,
Lấy ai gìn giữ con thơ cho chàng!
Nghĩa vợ chồng đồng tịch, đồng sàng,
Đồng sinh, đồng tử cưu mang đồng lần...
Chàng trẩy đi, vâng lệnh quân thân,
Thiếp xin đôi chữ Tấn Tần hợp duyên.
Nữa một mai bóng quế giãi thềm.
Bóng trăng thấp thoáng, ngọn đèn mờ xanh.
Chàng trẩy đi, nước mắt thiếp tôi chạy quanh
Chân đi thất thểu, lời anh dặn dò...

*

Cậu lính là cậu lính ơi!
Tôi thương cậu lắm, nắng nôi sương hàn!
Lính này có vua, có quan,
Nào ai cắt lính cho chàng phải đi!
Nay trẩy kim thì: mai trẩy kim ngân.
Lấy nhau chưa được ái ân,
Chưa được kim chỉ Tấn Tần như xưa.
Trầu lộc em phong lá dừa,
Chàng trẩy mười bốn em đưa hôm rằm!
Rủ nhau ra chợ Quỳnh - lâm,
Vai đỗ gánh xuống, hỏi thăm tin chồng.
Xót xa như muối bóp lòng,
Nửa muốn theo chồng, nửa bận con thơ!

*

Ai cùng gặt lúa đỏ đuôi,
Chàng về mà đập mà phơi kịp ngày.
Ai mà giã gạo ba chày,
Giã đi cho trắng, gửi ngay cho chàng.
Sẵn tiền, mua bạc mua vàng,
Sắm tiền, sắm áo cho chàng trẩy kinh.
Sáng trời chàng mới tập binh,
Em ngồi vò võ một mình em lo.
Ruộng nương không ai cày cho,
Trâu bò hèn mọn, em lo dường nào!
Ruộng người cày cấy lao xao,
Ruộng em bỏ cỏ mọc cao ngoài đồng.
Người ta có vợ, có chồng,
Ruộng cạn, mạ úa, trong lòng cũng vui.
Nhà chàng có một mình em,
Ruộng cạn, mạ úa, em ngồi em lo...

*

Trời mưa cho ướt lá bầu,
Vì ai nên phải đi hầu chàng ơi!
Nhà vua cho lệnh về đòi,
Đồn rằng chàng trẩy hai mươi tháng này.
Tiền gạo em xếp đã đầy,
Đồ nai, áo nịt, quần, giày, thắt lưng.
Đồn rằng chàng trẩy hay đừng,
Ở nhà công việc nửa mừng nửa lo...
Ruộng nương ai chịu cấy cho.
Để em ở lại, đói no vài đồng!
Lấy gì đóng góp cho chồng?
Lấy gì giỗ chạp thổ công, ông bà?
Lấy gì nuôi mẹ, nuôi cha?
Lấy gì thu xếp cửa nhà, chàng ơi?
Lấy gì cho ngựa, cho voi,
Lấy gì đóng góp như đôi láng giềng?
Chàng đi chưa được nửa niên,
Bỏ thảm bỏ thiết, bỏ phiền cho em[1]

*

Nhà vua bắt lính đàn ông,
Mười sáu tuổi rưỡi đứng trong công đường.
Ai trông thấy lính chả thương,
Đứng trong công đường nước mắt như mưa...

*

Trên non tốc một tiếng còi,
Thương con, nhớ vợ, quan đòi phải đi.
Không đi thì sợ quan đòi,
Ra đi thì nhớ cá mòi nấu măng.

---

(1) Hai bài trên đây ý tương tự như nhau, nhưng lời thì có khác, nên chúng tôi in cả hai để các bạn tham khảo.

4. ĐỐI VỚI THỰC DÂN ĐẾ QUỐC XÂM LƯỢC VÀ NHỮNG KẺ LÀM TAY SAI.

Một đặc điểm trong lịch sử nước ta là hết nổ ra chiến tranh này, lại nổ ra chiến tranh khác; hết chiến tranh chống phong kiến nước ngoài xâm lược, lại đến chiến tranh trong nước giữa những tập đoàn phong kiến thống trị dân tộc: rồi đến thời phong kiến suy tàn cực độ thì thực dân Pháp kéo đến đánh chiếm nước ta. Ở vào tình cảnh ấy, nhân dân Việt Nam càng yêu nước nồng nàn, càng căm thù sâu sắc quân giặc xâm lăng và những kẻ đầu hàng bán nước.

Ở mục này, chúng tôi trích đăng một số câu ca dao thổ lộ những ý nghĩa căm phẫn và chua cay của nhân dân trước sự đầu hàng của giai cấp phong kiến thống trị đối với thực dân Pháp xâm lược và sự chống đối yếu ớt, lừng chừng của một số văn thân yêu nước trong khi thiếu sự lãnh đạo sáng suốt và kiên quyết.

Trong khi "tán tương, tán lý cũng một lòng theo Tây", thì có một số người yêu nước hăng hái tham gia phong trào Cần vương và dự định.

Trước hạ thành Hà - tĩnh,
Sau nghênh giá hồi trào,
Cho tỏ mặt anh hào,
Người Hồng -sơn, Lam - thuỷ...

Nhưng ngay trong hàng ngũ những người khởi nghĩa Cần vương chống thực dân Pháp, đã có những tên làm tay sai cho giặc chui vào; những người cầm đầu phong trào vì thiếu cảnh giác, nên tuy nhân

dân đã cố gắng tiếp tế cho nghĩa quân mà phong trào vẫn cứ ngày một xuống dần, cho đến khi thất bại hẳn. Hãy nghe những lời ta thán của nhân dân:

Trái khổ qua xanh,
Trái khổ qua đắng,
Trong trắng, ngoài xanh.
Liều mẹ không đẻ, liều cha không sanh.
Chém đầu đứa nịnh, cho đành dạ em..

Nhân dân căm thù sâu sắc những kẻ gian nịnh, những kẻ đang tâm bán rẻ đất nước; khi họ thấy giang sơn đất nước tươi đẹp bị sa vào ách thống trị của thực dân Pháp thì họ thổ lộ những ý nghĩa chua xót trong lời ca:

Tiếc quả hồng ngâm mà đem cho chuột vọc,
Tiếc con người ngọc mà đem cho ngâu vầy,
Tiếc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành...

Giai cấp phong kiến thống trị thời đó đã đến lúc không còn làm được nhiệm vụ của nó như thời trước nữa; còn nhân dân thì khi chưa có một đảng tiền phong, khi chưa có đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, cũng chỉ biết than tiếc hay đấu tranh lẻ loi, không triệt để, vì chỉ có đảng của giai cấp công nhân mới có đủ được năng lực và uy tín để lãnh đạo toàn dân đoàn kết đấu tranh ở những giai đoạn lịch sử gay go và phức tạp.

*

Khi thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ lên đất nước ta thì tiếng phản kháng mạnh mẽ hơn cả là tiếng phản kháng của nhân dân lao động, trong đó nông dân vẫn là đại đa số. Những việc mộ phu trong quần chúng nhân dân đi làm các đồn điều cao su Đất - đỏ, đồn điền Dầu - tiếng, đồn điền Ca Mê-kông, mà ở đó bọn thực dân đàn áp bóc lột người lao động Việt Nam thậm tệ, đã làm cho nhân dân rất căm ghét. Hãy nghe tiếng nói của nhân dân lao động Việt Nam ở một

đồn điền cao su của Pháp.

Có đi mới biết Mê - kông,
Có đi mới biết thân ông thế này,
Mê - kông chôn xác thường ngày...

Nhưng dù là ở nơi khổ cực như thế, tấm tình người dân lao động vẫn trong trắng. Trước là tình hữu ái giai cấp, mối tình của những người cùng nhau đi "làm mướn, làm thuê", cùng chung cảnh bị bóc lột, sau là tình yêu nồng mặn của đôi trai gái, mối tình thắm thiết và bất diệt của nhân loại:

Ở đây đất đỏ mây vàng,
Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê.
Yêu nhau ta đưa nhau về,
Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.

Chúng ta nhận thấy ý thức giai cấp rất rõ trong lời ca. Tuy là cùng cảnh khổ, nhưng rất tự hào, đây là những người lao động lấy nhau: "làm mướn là vợ, làm thuê là chồng!", chứ không phải anh Giáp, chị Ất nào khác.

Trong thời Pháp thuộc, nhân dân Việt Nam nhiều khi bị đàn áp rất tàn nhẫn. Bọn thực dân và bọn tay sai của chúng đàn áp những người làm cách mạng và đàn áp cả những người có cảm tình với cách mạng. Nhân dân Việt Nam ta, do những việc tàn ác ấy của chúng, đã bắt đầu nhìn thấy ai là bạn, ai là thù. Mấy câu ca dao sau này chứng tỏ sự nhận xét sáng suốt của nhân dân:

Con cò mà đậu cành tre,
Thằng Tây bắn súng, cò què một chân.
Đến mai ra chợ Đồng - xuân.
Chú Khách mới hỏi: Sao chân cò què?
Cò rằng: cò đứng bụi tre.
Thằng Tây bắn súng, cò què một chân...

Chúng ta thấy chữ "thằng Tây", "chú Khách" là những chữ đã có phân biệt bạn thù ở nhận thức của người lao động Việt Nam vào

thời mà đảng cuả giai cấp công nhân chưa ra đời, thời mà ý thức giác ngộ giai cấp của họ chưa được rõ rệt cho lắm. Lời phác thực của bài ca càng làm nổi tính chất thực dân đê hèn và tàn bạo của bọn xâm lược; bất kỳ trường hợp nào chúng cũng dùng vũ lực để đe dọa, khủng bố.

*

Vào thời Pháp Nhật thuộc, hai ách thống trị của thực dân đế quốc đè nặng lên nhân dân Việt Nam; những người cực khổ nhất trong thời đó là công nhân và nông dân. Chúng ta còn nhớ, hồi đó, ở nhiều nơi, nông dân phải nhổ cả ngô đã nẩy bắp non, lúa đã có đòng đòng để trồng đay, trồng lạc cho phát xít Nhật. Sự căm phẫn của nông dân đã lên đến cực độ, họ thấy cần phải đối phó, và ý chí ấy đã thể hiện trong ca dao:

Ruộng ta, ta cấy, ta cày,
Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.
Chúng mày lảng vảng tới đây,
Rủ nhau gậy, cuốc, đuổi ngay khỏi làng.

Đối với thực dân, đế quốc, nhân dân Việt Nam là những người căm thù sâu sắc chúng hơn hết. Nước biển còn có khi đầy khi vơi, chứ lòng căm thù của chúng ta đối với đế quốc bao giờ cũng như bao giờ, vì còn đế quốc thì còn áp bức, bóc lột, còn chiến tranh xâm lược và người lao động không thể có tự do, hạnh phúc được. Đối với đế quốc, nhân dân Việt Nam đã có thái độ dứt khoát:

Bể Đông có lúc vơi đầy,
Mối thù đế quốc, có ngày nào quên!

a) Về thời Cần vương.

Ai về nhắn với quan Thương,
Bình Tây sát tả để dọn đường vua ra.

*

Trèo lên chuông Bụt múa cờ.
Tưởng chàng làm nên danh phận,
Ai ngờ về thú Tây![1]

*

Chớ tham đồng bạc con cò,
Bỏ cha bỏ mẹ đi phò Lang - sa.

*

Tiếc quả hồng ngâm mà đem cho chuột vọc,
Tiếc con người ngọc mà đem cho Ngâu vầy,
Tiếc của Nam ta xây dựng, để cho Tây tung hoành.

*

Tây cầm cơn cờ đại,
Vai vác khẩu súng trần.
Thế trời nỏ cho mần,
Rút quân về Bái - thượng.

*

Chữ vua đã mật phong,
Về mộ binh mộ lính,
Trước hạ thành Hà - tĩnh,
Sau nghênh giá hồi trào,
Cho tỏ mặt anh hào,
Người Hồng - sơn, Lam - thuỷ

*

Trái khổ qua xanh,
Trái khổ qua đắng.

---

(1) Chỉ vào những kẻ lúc đầu thì hăng hái, sau thấy khó khăn, gian khổ thì đầu hàng giặc.

Trong trắng ngoài xanh,
Liều mẹ không đẻ, liều cha không sanh.
Chém đầu đứa nịnh, cho đành dạ em...

*

Khen ai khéo tiện ngù cờ,
Khéo xây bàn án, khéo thờ tổ tiên.
Tổ tiên để lại em thờ,
Anh ra ngoài ải, cầm cờ theo vua.

*

Bởi vì Nam vận ta suy,
Cho nên vua phải ra đi sơn phòng.
Cụ Đề, cụ Chưởng làm cũng không xong,
Tán tương, tán lý cũng một lòng theo Tây...

*

Từ năm Canh Hợi đến nay,
Trong ngoài đã có giặc Tây ra đời.
Từ trong Gia - định các nơi,
Ninh - bình, Hà - nội một trời súng ran.
Từ dân cho chí đến quan.
Ai ai cũng rối,
Thất thủ Hà - nội,
Mồng một tháng mười.
Tả đạo các nơi,
Kéo ra phóng triệt.
Củi thì lấy hết,
Người thì giết đi.
Con gái nữ nhi,
Dụng tình hãm hiếp.
Các quan cũng hiệp,

Một thủ bàn hoà.
Khốn khổ dân ta,
Dễ ngồi mà chịu!
Lập mưu bẫy mẹo,
Đảo thủ gia hương.
Lập điếm, rào đường,
Canh giờ nghiêm ngặt.
Kẻ thì xuất lực,
Người thì xuất tài.
Trống mõ vang trời,
Rày bò mai lợn,
Đừng làm thêm hỗn,
Đàn thiết đàn thu,
Kẻ đói cũng lo,
Người giàu cũng tội.
Từ ngày chí tối,
Chụm bảy, chụm ba,
Từ trẻ chí già,
Chuyện triều, chuyện giặc.
Bước sang năm tuất,
Các tỉnh mới yên.
Văn thân nổi lên,
Chiêu cờ sát tả,
Đứng làm tướng cả,
Là huyện Thanh - tiên.
Tú Trấn nổi lên,
Gọi bằng Bang Cố.
Đội Dục, Thừa Tố,
Là tiền hậu quân.
Thánh giá, tuỳ thân,
Thầy nào, tớ ấy.

Mồng ba tháng bảy,
Kéo ra chợ Si,
Các toán, các chi
Hội đồng kéo đến,
Dao vàng, áo chiến,
Mục dục, gươm trần,
Truyền tất cả dân,
Đâu là tả đạo,
Không kỳ già lão,
Con trẻ, đàn bà,
Gông cùm đặt ra,
Lấy làm thảm thiết...
Kẻ thì chém giết.
Kẻ thì trôi sông,
Máu chảy đầy đồng,
Thây trôi khắp bến...
Lấy ai kháo kiện,
Lấy ai kêu van,
Việc tại trời làm,
Hại nhân, nhân hại.
Xã - đoài, Thuận, Ngãi,
Thanh - dạ, Thọ - kỳ,
Tin tức một khi,
Đào hào, xây đá,
Canh giờ nhật dạ,
Nghiêm cấm ra vào.
Thấy thế sự cũng nao,
Thấy cơ quan cũng sợ...

b) Cảnh khổ cực của nhân dân trong thời Pháp thuộc.

Đời ông cho chí đời cha,
Đời nào cực khổ cho qua đời này.
Từ ngày mất nước cho Tây,
Tiêu hao thì có, sum vầy thì không!
Thuế thân phải chịu ba đồng,
Công sưu công ích mà không ra gì.
Đêm nằm luống những sầu bi,
Sưu cao thuế nặng lấy chi thanh nhàn.
Kẻ thời bỏ xứ đi hoang,
Xa chồng, cách vợ, ly tan gia đình.
Người nào xuất ngũ hành binh,
Chết thay cho chúng, dân mình ích chi!
Người nào phản hộ hồi quy,
Chịu ba đồng hai các cũng y như thường.
Ối thôi! chua xót đoạn trường,
Thuế tranh, thuế củi, thảm thương cho đứa nghèo!
Người sao sung sướng cười reo,
Kẻ sao cực khổ lên đèo xuống hang.
Muốn cho sung sướng thanh nhàn,
Chúng ta đoàn kết lên đàng đấu tranh!

*

Có đi mới biết Mê - kông,
Có đi mới biết thân ông thế này!
Mê - kông chôn xác thường ngày.
Có đi mới biết bởi tay "xu"(1) Bào.

(1) Xu đây là surveillant (giám thị) tức tên cai.

*

Sáng ngày vừa mới tinh sương,
Cơm trôi khỏi miệng, vác choòng[1] ra đi.
Vợ nghèo ẵm trẻ hài nhi,
Lên tầng để búi, rồi đi đẩy goòng[2]
Trẻ thơ nằm mối bòng bong,
Nô đùa muỗi cỏ, đói lòng ngậm que.
Lên tầng khuỵu gối đun xe,
Gò lưng, mửa mật, nắng hè quản chi.
Chồng xuống lò giếng đen sì,
Mong sao cho chóng chiều về một công.

*

Thương chồng nấu cháo đường xe,
Nấu canh "lắc- lít", nấu chè bù- loong[3].

*

Than nhiều hơn cả cỏ cây,
Đào ra than cũng tay này chứ ai!
Thế mà cả gái trai già trẻ,
Đều còng lưng làm nghé, làm trâu;
Đào than cho nó làm giàu,
Xúc vàng đem đổ xuống tàu cho Tây.

*

Cây mắm cò quăm, cây xú cò queo,
Thắt lưng cho chặt mà theo anh về.
Ăn cơm với cá mòi he[4],
Lấy chồng Cẩm - phả, đun xe suốt đời.

---

(1) Choòng là thanh sắt đào than, đục than.
(2) Goòng, toa than đẩy bằng tay trên đường sắt; do ở chữ wagon mà ra.
(3) Lắc- lít: đồ dùng để vặn đinh ốc, còn gọi là cái lắc- lê (clé); bù - loong: Boulon
(4) Cá mòi mục nát.

*

Thuyền than mà đậu bến than,
Thương anh vất vả cơ hàn nắng mưa.
- Thuyền than đậu bến đen sì,
Anh không ra mỏ, lấy gì em ăn.

*

Ở đây đất đỏ, mây vàng,
Em đi làm mướn gặp chàng làm thuê.
Yêu nhau ta đưa nhau về,
Làm mướn là vợ, làm thuê là chồng.

*

Cao su đi dễ khó về,
Khi đi mất vợ, khi về mất con.
Cao su đi dễ khó về,
Khi đi trai trẻ, khi về bủng beo.
Ai đi Uông - bí, Vàng - danh,
Má hồng để lại, má xanh mang về.

*

Muốn rằng tàu lặn tàu bay,
Nên anh bỏ việc cấy cày anh đi.
Biết mà cu-lít, cu-li,
Thà rằng ở vậy nhà quê với nàng.
Nhà quê có họ có hàng,
Có làng, có xóm, nhỡ nhàng có nhau.

*

Con ơi đừng khóc mẹ sầu,
Cha con đốt lửa dưới tàu Long- môn[1]

(1) Tàu chạy sông Nhị- hà của người Hoa kiều vào hồi 1910- 1925

Bao giờ con lớn, con khôn,
Thì con lại xuống Long- môn con làm.

*

Đèn nào cao bằng đèn Châu - đốc.
Ngọn gió nào độc bằng ngọn gió Gò - công.
Thổi gió đông lạc vợ xa chồng,
Nằm đêm nghĩ lại, nước mắt hồng tuôn rơi...

*

Anh nay con trai Hải Phòng,
Chạy tàu Phi Hổ[1] vào trong Ninh - bình.
Thấy em thấp bé mà xinh,
Anh thuận nhân tình, anh nắm cổ tay.
Nắm rồi anh hỏi cổ tay:
- Ai nặn nên trắng, ai xây nên tròn?

*

Con cò mà đậu cành tre,
Thằng Tây bắn súng, cò què một chân.
Hôm sau, ra chợ Đồng Xuân,
Chú Khách mới hỏi sao chân cò què?
Cò rằng: cò đứng bụi tre,
Thằng Tây bắn súng, cò què một chân...

*

Hoàng trùng đi, Vi trùng lại,
Gây tai gây hại, chẳng kém gì nhau[2]

*

(1) Phi Hổ, Phi Phượng, tên những tàu chạy sông của Công ty Bạch Thái Bưởi.
(2) Chỉ vào hai tên tổng đốc họ Hoàng, họ Vi kế tiếp nhau ở Hà - đông (miền bắc) làm hại nhân dân rất nhiều vào thời trước Cách mạng.

Khuyển Ưng hai gã Khải, Hoan[1]
Theo Tây hại nước, giàu sang riêng mình.
Công lênh với nước mới vinh,
Công lênh với giặc người khinh đời đời.

*

c) Cảnh khổ cực của nhân dân trong thời Pháp- Nhật thuộc.

Lấy chồng mà cậy mà nhờ,
Hôm qua thằng Nhật bắt bừa đi phu.
Bên mình nheo nhóc con thơ,
Dỗ được chúng nín, trời trưa mất rồi!
Cảnh tình thảm lắm, ai ơi!
Chàng đi khổ chín, thiếp tôi khổ mười.
Ngẫm ra thật đúng như lời:
Nước mà đã mất, nhà thời cũng tan.

*

Đất này đất tổ đất tiên,
Đất này chồng vợ bỏ tiền ra mua.
Bây giờ Nhật, Pháp kéo hùa,
Chiếm trồng đay lạc, ức chưa, hỡi trời!

*

Chém cha lũ Nhật côn đồ!
Bắt người cướp của, tha hồ thẳng tay.
Dân ta trăm đắng ngàn cay,
Thóc ăn chẳng có, trồng đay cho người!

*

(1) Khải, Hoan tức Hoàng Cao Khải, Lê Hoan.

Những mong ngô trổ ra bông,
Ai ngờ ngô bị nhổ tung đầy đồng!
Nhìn ngô, nước mắt tuông ròng,
Ôm ngô mà héo cả lòng, ngô ơi!

*

Ruộng ta, ta cấy ta cày,
Không nhường một tấc cho bầy Nhật, Tây.
Chúng mày lảng vảng tới đây,
Rủ nhau gậy, cuốc , đuổi ngay khỏi làng.

*

Nghèo thì ăn sắn ăn khoai.
Ai ơi, đừng có theo loài Việt gian.

*

Hỏi rằng đi chết cho ai?
Cho nhà, cho nước, cho tình, cho em?
Hay là đi chết vì tiền,
Giữ thuê hầm mỏ, đồn điền cho Tây?

*

Việt Nam độc lập thế nào,
Phải chăng thằng Nhật thay vào thằng Tây?
Việt Nam độc lập thế này,
Có quân lùn ở, có ngày diệt vong.

*

Xa xa Côn Đảo nhà tù,
Biển sâu mấy khúc, lòng thù bấy nhiêu.

*

Bể Đông có lúc vơi đầy,
Mối thù đế quốc có ngày nào quên!

5. CA DAO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP.

Từ Cách mạng tháng Tám, tinh thần yêu nước chống ngoại xâm của nhân dân ta đã được Đảng nhân lên gấp bội. Nhân dân ta được giải phóng khỏi ách Pháp - Nhật, được giáo dục tận tình, nên có ý thức mỗi ngày một sâu sắc về giai cấp, do đó tinh thần dân tộc, tinh thần yêu nước, bảo vệ Tổ quốc được phát huy lên mãi. Trong Đại hội thanh niên quyết thắng toàn quân, đồng chí Lê Duẩn có nói: "Trước kia nhân dân lao động ta chưa có quan niệm đầy đủ về giai cấp, cho nên tinh thần dân tộc tuy đã mạnh song chưa mạnh như bây giờ. Tinh thần dân tộc bao giờ cũng gắn với ý thức giai cấp"(1).

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, không những nam nữ thanh niên đã đi bộ đội, tham gia chiến đấu ở nhiều mặt trận, mà còn đóng vai trò quan trọng trong sản xuất và trong giao vận. Nhiều bài ca dao, dân ca của cán bộ, bộ đội, nhân dân đã phản ánh hiện thực ấy.

Có thể nói chưa bao giờ các câu ca điệu hát lại nảy nở được nhiều như trong những năm kháng chiến. Những ca dao kháng chiến lựa chọn sau đây, một phần do truyền thống, còn một số đã đăng trong báo Cứu quốc năm 1952, có một số bài ca dao, chúng tôi ghi được tên các tác giả, còn nhiều bài khác chúng tôi chưa biết được

---

(1) Bài: "Thanh niên trong lực lượng vũ trang hãy vươn lên hơn nữa phấn đấu cho lý tưởng cách mạng, đi đầu trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước" (*Nhân dân*, số báo ra ngày 24-7-1966).

tên người sáng tác.

Nhiều bài ca dao không những biểu hiện tinh thần chống xâm lăng của phụ nữ, trí thông minh, tài tháo vát của chị em trong sản xuất, mà còn thể hiện được cả tâm tình của chị em đối với người chồng thân yêu và đối với bộ đội.

Đối với chồng đi đánh giặc Pháp đầy gian khổ hi sinh, người vợ hứa một lòng chung thuỷ:

Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.
Anh đi ra lính Cụ Hồ,
Con sông, con hói, con đò đưa anh.

Và khi người chồng trở thành một thương binh, thì người vợ vẫn giữ nguyên mối tình thắm thiết:

Chồng em vì nước hi sinh,
Cánh tay mất nửa, mối tình còn nguyên.

Thấy bộ đội hành quân mệt nhọc dưới ánh nắng chói chang, người con gái ở một phố xác xơ cũng vội vã đặt thùng nước vối bên đường để anh em giải khát. Chỉ là nước vối, nhưng tình thương thật đậm đà:

... Nhà em phố xá buôn nghèo,
Nấu thùng nước vối đặt theo bên đường
Chờ anh từ sớm tinh sương,
Bát khô, nước nguội soi gương mặt người.

Trong kháng chiến trường kỳ và gian khổ, nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngoài việc tòng quân giết giặc, đã thi đua đẩy mạnh sản xuất, tiếp tế đầy đủ cho tiền tuyến, lại giữ được mức sống không đến nỗi quá thiếu thốn ở hậu phương. Nhân dân đã tin ở sức mình, tin ở tương lai tươi sáng của đất nước, cho nên đối với thiên tai, địch hoạ, họ đã bền bỉ đem hết khả năng để vượt khó, quyết tâm đoàn kết trong việc làm, cho kỳ thắng lợi. Ý chí ấy, lòng tin tưởng ấy, nhân dân Việt Nam có được là nhờ công ơn giáo dục

của Đảng, của Hồ Chủ tịch.

Cũng là những câu ca dao về đấu tranh thiên nhiên, nhưng những câu ca dao sau này đã biểu hiện một tinh thần đoàn kết, hoàn toàn tin ở sức mình, quyết tâm vượt khó, một tinh thần thi đua mới, khác hẳn những câu ca dao thời phong kiến:

Nắng lâu khô cả ruộng đồng,
Toàn dân chống hạn, một lòng thi đua.
Rủ nhau đắp đập, be bờ,
Đào mương, tát nước, cho mùa tốt tươi.
Đừng nên trông đợi ở trời,
Hãy tin vào sức con người lớn lao.

Lại những câu sau này:

Nắng chiều, lúa nghẹn, anh ơi!
Ta lấy sức người chống lại thiên tai,
Các anh tát một gầu giai,
Chúng em hai đứa tát hai gầu sòng.
. . . . . .
Hôm qua cây lúa còn se,
Ngày mai, nước chảy tràn trề lúa tươi.
Cho hay muôn sự tại người,
Người mà quyết chí thì trời cũng thua.

Và những câu:

Thằng Tây phá đập phá kè,
Căm thù giặc nước ta thề quyết tâm.
Thắng trời, thắng giặc mọi phần,
Mỗi lần tát nước, mỗi lần vui thêm.

Trong thời kháng chiến nông dân đã đóng góp rất nhiều như đi bộ đội, đi dân công, đóng thuế nông nghiệp. Thuế nông nghiệp nhân dân đóng bằng thóc, nên đã thành cả một vấn đề chuyển vận, giữ gìn thóc, giữ gìn kho, đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ và tinh thần vượt khó, không ngại khổ:

Thi đua đóng thuế thóc khô,
Em sắm đôi bồ, tiếp vận mùa mưa.
Người ướt rồi người tại khô,
Thóc ướt một bồ thì hỏng cả kho.

Nhân dân ở hậu phương hứa với các anh bộ đội:

Chiến trường bộ đội diệt Tây,
Hậu phương xin giữ kho đầy lúa thơm...

Lúa thơm ấy, sau khi đã xay, giã, lại do nhân dân vận chuyển ra tiền tuyến. Con đường giao vận trong thời kháng chiến thật vất vả gian nan, nhưng với lòng yêu nước, lòng căm thù quân giặc xâm lược, những người dân công đã băng hái trèo đèo, lội suối, vượt hàng trăm cây số, gối đất, nằm sương không quản. Hãy nghe một chị dân công hát:

Trên trời có đám mây vàng,
Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây.
Thằng Tây tiếp tế máy bay,
Không bằng tiếp vận chân tay chúng mình.

Thật thế, địch tiếp tế máy bay, thì máy bay chúng thường bị bộ đội ta bắn rơi; lại những khi cứ điểm của chúng bị ta bao vây, lương thực ở máy bay chúng ném xuống thường sa vào hàng ngũ quân ta; còn tiếp vận bằng chân tay như anh chị em dân công, tuy có gian khổ, phải qua rừng, lội suối, trèo đèo, nhưng đến nơi đến chốn, không chệch đi đâu được. Bởi vậy, có thể nói; nhờ ở tinh thần phục vụ rất cao, anh chị em dân công đã đóng góp rất nhiều vào các trận chiến thắng của ta, từ các chiến dịch biên giới đến chiến dịch Điện Biên Phủ:

Đèo cao thì mặc đèo cao,
Ta lên đến đỉnh, ta cao hơn đèo[1]

(1) Câu thứ hai này có người hát: "Tinh thần phục vụ còn cao hơn đèo".

Trong thời kháng chiến, có rất nhiều câu ca điệu hát phần nhiều sáng tác ứng khẩu trong những đêm sinh hoạt văn nghệ của bộ đội, hay trong những cuộc họp của nhân dân. Ở mục này, chúng tôi chỉ lựa một ít câu, vì tập này chủ yếu sưu tầm những ca dao cũ, xuất hiện trong thời phong kiến.

Ca dao kháng chiến

a) Chiến đấu lập công.

Ai về Yên - dưỡng, Hoàng - mô,
Mà xem quân lính Cụ Hồ sang sông.
Đêm ngày mê mải chiến công,
Thoáng nom như có cả chồng em kia.

*

Hôm qua sinh nhật Cụ Hồ,
Bộ đội thắng trận ăn to hai đồn.
Chúng em sung sướng mừng rơn,
Theo anh Vệ quốc lên đồn khiêng bom.

*

Moóc-chê đạn cỡ đầy hòm,
Kĩu cà kĩu kịt nặng chồn tê vai.
Các anh thích chí cả cười,
Em vui chân bước buột lời cười theo.
Anh quay nhìn lại mắt nheo,
Má em đỏ ửng... hồng reo nắng hồng[1]

*

(1) Của Hữu Tâm.

Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.
Anh đi ra lính Cụ Hồ,
Con sông, con hói, con đò đưa anh[1].

*

Đói lòng cơm nắm dở ra,
Chia nhau lót dạ, ngủ qua đêm dài.
Nhìn nhau lặng tiếng im hơi,
Cành cây gió động, mưa rơi ướt đầu.
Nằm đây bố trí bên nhau,
Súng ơi! có rét chui đầu vào chăn![2]

*

Ai qua phố Phủ Đoan - hùng,
Hẳn rằng còn nhớ voi gầm sông Lô.
Rừng xanh khói lửa mịt mù,
Nước sông đỏ máu quân thù chưa phai.
Luyện quân voi luyện cho tài,
Lập công voi xé một vài ca- nô.
Dòng sông nước đục lờ đờ,
Bên kia bãi cát: nấm mồ thực dân!

*

Đêm qua trông giải Ngân - hà,
Mơ màng khấp khởi ngỡ là sông Lô.
Sông Lô em biết mô mô,
Nhớ tên chỉ nhớ đến mồ thằng Tây.

---

(1) Của Dương Tử Giang.
(2) Của Hữu Tâm

Ước gì có cánh em bay,
Bay suốt đêm ngày đến tận sông Lô.
Mối manh em mượn cao đò,
Chèo qua dòng nước sông Lô em nhìn.
Sông Lô có mấy con thuyền?
Có bao tấc nước, mấy nghìn khúc quanh?
Dân quân, du kích mấy anh?
Vệ quốc mấy đội, nằm rình mấy đêm?
Mà Tây chết nổi, chết chìm.
Để em ao ước ngày đêm mơ màng[1].

*

Con đò trong bãi nằm dài,
Em là du kích đợi hoài các anh.
Quân về mình biếc lá xanh,
Ngậm tăm lựa bóng trăng thanh xuống đò.
Hôm đi thuyền bến nặng chờ,
Hôm về thắng trận câu hò lại vang[2].

*

Ai lên xứ Lạng cùng anh,
Thăm quân du kích, xem thành Bắc - sơn.
Suối trong in bóng trăng tròn,
Hai cô gái Thổ, trèo non đi tuần[3].

*

Thằng Tây chớ cậy xác dài,
Chúng tao người nhỏ nhưng dai hơn mày!

---

(1) Của Trần Hữu Thung
(2) Của Bàng Sĩ Nguyên.
(3) Của Lê Tất Đắc

Thằng Tây chớ cậy béo quay,
Mày thức hai buổi là mày bở hơi,
Chúng tao thức bốn đêm rồi,
Ăn cháo ba bữa, chạy mười chín cây.
Bây giờ mới gặp mày đây,
Sức tao vẫn đủ bắt mày hàng tao.

*

Chị em du kích Thái - bình,
Ca-lô đội lệch vừa xinh vừa giòn.
Người ta nhắc chuyện chồng con,
Lắc đầu nguây nguẩy: "Em còn giết Tây!"[1]

*

Chồng em vì nước hi sinh,
Cánh tay mất nửa, mối tình còn nguyên.

b) Quân dân đối với Hồ Chủ tịch.

Mỗi khi cháu bắn quân thù,
Thì cháu lại nhớ Bác Hồ muôn năm.
Mỗi khi lòng cháu hờn căm,
Thì cháu lại nhớ lời răn Bác Hồ.
Đại hạn nhớ ơn trận mưa,
Đêm tối mịt mờ, nhớ ngọn đèn soi.

*

Trên trời có ông sao Rua,
Việt Nam ta có Cụ Hồ, em ơi!
Ánh sao Rua sáng ngời một góc,
Gương Cụ Hồ tỏ khắp năm châu.

(1) Của Bùi Hạnh Cẩn

*

Tháp Mười đẹp nhất bông sen,
Nước Nam đẹp nhất có tên Cụ Hồ[1].

*

Chúng con ở bốn phương trời,
Quay về hướng Cụ, muôn lời chúc mong.
Dài lâu như núi như sông,
Cụ Hồ sống mãi trong lòng chúng con.[2]

*

Ngày xưa bưng lấy bát cơm,
Nhớ thầy nhớ mẹ phong sương cấy cày.
Ngày nay bưng bát cơm đầy,
Ơn Bác, ơn Đảng ngày ngày không quên.

*

Uống nước là nhớ đến nguồn,
Cơm no áo ấm nhớ ơn Bác Hồ.
Ơn Bác Hồ sâu hơn Nam- hải,
Công Bác Hồ bằng giải Trường - sơn.
Nam- hải sâu ta đo cũng được,
Trường - sơn dài ta vượt cũng qua.
Công ơn Bác Hồ bao la,
Nhân dân kể đến bao giờ cho xong...

*

Cụ Hồ với dân
Như chân với tay,

---

(1), (2) Của Bảo Định Giang

Như chày với cối,
Như cội với cành.
Toàn dân dốc một lòng thành,
Làm tròn nhiệm vụ đáp tấm tình Cụ thương dân.
Lòng Bác rộng khắp bao la,
Lòng dân, lòng Bác chan hòa nước non.
Chúng cháu ghi nhớ công ơn,
Quyết giết giặc Pháp rửa hờn cho dân,

*

Cụ Hồ ở giữa lòng dân,
Tuy xa xa lắm, nhưng gần gần ghê.
Mỗi khi thư Cụ gửi về,
Rộn ràng khắp chợ cùng quê đón mừng.
Ai ngoài muôn dặm trùng dương,
Cũng thường nhận được tình thương Cụ Hồ.
Mong ngày độc lập Cụ vô,
Thỏa lòng ao ước, ước mơ đêm ngày[1]

*

Cụ Hồ là vị cha chung,
Là sao Bắc đẩu, là vừng thái dương.
Chúng con đi giữa đêm trường,
Nhớ Cha dìu dắt, dẫn đường chúng con.
Ơn Cha như nước như non,
Như gương Hồ- thủy, như hòn Thái- sơn.

*

Cháu là em bé phương xa,
Theo anh vệ quốc xa nhà từ lâu.

---

(1) Ca dao Liên khu 5.

Cháu qua sông Đuống, sông Cầu,
Phủ Thông, Đèo Khánh, An Châu, Lũng Vài.
Qua bao vực thẳm hang dài,
Giúp anh vệ quốc đánh loài thực dân.
Cháu là thiếu sinh quân,
Nhân ngày sinh nhật Bác,
Có vài lời chất phác,
Kính chúc Bác sống lâu,
Không bao giờ bạc đầu,
Để lái thuyền chiến thắng[1]

*

c) Tình quân dân.

Lính Cụ Hồ như lúa mùa chiêm
Lanh như cắt biếc, dịu hiền bồ câu.
Bấy lâu chẳng thấy đâu đâu,
Đồn rằng ăn lá, ăn rau trên rừng.
Giờ đây vô số quá chừng,
Súng mang tay bắt mặt mừng bà con[2]

*

Hoa cà hoa bắp
Nở khắp cánh đồng,
Này vải đâm bông
Bên vồng khoai sắn...
Em mong sao mưa nắng thuận hòa,
Tình khoai nghĩa lúa, trẻ già ấm no;
Nuôi anh bộ đội Cụ Hồ,
Đánh đâu thắng đấy, giữ cờ vàng sao[3]

---

(1) Em Nguyễn Bá Dậu- 1950
(2) "Lời nhân dân Phát diệm" – của Trần Hữu Thung
(3) Của Lưu Trùng Dương (1948)

*

Thuyền ai xuôi chợ Vực,
Thuyền ai ngược Đô Lương
Thuyền anh chở khách, chở phường;
Thuyền em chỉ chở công lương cho Cụ Hồ.

*

Chiến trường thu dọn đã xong,
Sáng nay vác cuốc ra đồng xới ngô.
Đồng bào trông thấy hoan hô:
"Hoan hô anh lính Cụ Hồ ngoan ghê!"
Lính cụ Hồ đủ mọi nghề,
Hết đi tác chiến lại về chỉnh quân.
Học hành luyện tập thật chăm,
Đoàn kết giúp đỡ nhân dân thật nhiều.
Cụ Hồ dân kính, dân yêu,
Mà anh bộ đội dân chiều dân thương.
Cụ Hồ có vạn đàn con,
Đúng anh bộ đội là con Cụ Hồ.

*

Em gieo dăm khấu đậu tương,
Cấy ao rau muống trong vườn cho sây[1]
Bao giờ bộ đội về đây,
Có ao rau muống, có đầy chum tương[2]

*

Ra công trồng một vườn cà,
Cà đem muối mắm cả nhà ăn chung.

---

(1) Sây, tiếng Thanh hóa, có nghĩa là sai, nhiều, tốt.
(2) Của Hữu Tâm.

Vịt gà nuôi béo nhốt lồng.
Chờ anh bộ đội lập công trở về[1]

*

Nắng chi làm miệng anh khô,
Để anh khát nước đi cho mệt nhiều.
Nhà em phố xá buôn nghèo,
Nấu thùng nước vối đặt theo bên đường.
Chờ anh từ sớm tinh sương,
Bát khô nước nguội soi gương mặt người.
Ghé qua, anh uống vội vàng,
Rồi anh rảo bước lên đàng lập công.
Bên hè bà cụ đứng trông,
Chép mồm: "Đồng chí long đong quá nhiều![2]

*

Nhà em đỉnh núi sương mù,
Vòng đeo cổ, áo chàm thô xanh lè.
Đêm khuya đồng chí kéo về,
Chật sàn nằm ngủ, bộn bề súng bom[3].

*

Gọi đàn chim nhạn bay cao,
Thăm quân du kích, em vào chiến khu.
Bên vai đeo túi cơm khô,
Suối reo, rừng hát như hò tiến lên.
Say sưa quên cả ươn hèn,
Tim em rập với điệu kèn Việt Minh[4]

*

---

(1), (2), (3) của Hữu Tâm
(4) Của Lê Tất Đắc.

d) Phát triển và bảo vệ sản xuất phục vụ kháng chiến.

Gió đưa cờ đỏ sao vàng,
Em đi cấy mướn cho chàng tòng quân.

*

Chặt tre cài bẫy vót chông,
Tre bao nhiêu lá thương chồng bấy nhiêu.
Anh đi em cũng muốn theo,
Băng con sông Cái, vượt đèo Quán Cau.
E nhà quạnh trước, quạnh sau,
Bỏ dừa ai hái, bỏ rau ai trồng!
Mẹ già vắng kẻ cậy trông,
Thuế thu ai nộp, bố phòng ai lo?
Yêu nhau thề ước hẹn hò,
Chúc anh thắng lợi, em chờ đợi anh.(1)

*

Một yêu em cố tăng gia,
Hai yêu em có đàn gà đầy sân.
Ba yêu làm cỏ bón phân,
Bốn yêu sớm tối chuyên cần tưới rau.
Năm yêu chăm chỉ bắt sâu,
Sáu yêu nương sắn, giàn bầu, chuồng chim.
Bảy yêu đàn lợn mới thêm,
Tám yêu dãy chuối lại kèm rặng khoai.
Chín yêu khóm mía cao cao.
Mười yêu cần kiệm, dân giàu nước sang.

*

(1) Của Nguyên Hồ.

Làng em các giới đồng bào,
Thi đua hưởng ứng phong trào Hoàng Hanh.
Chị về ngả mạ cho nhanh,
Bón phân cho lúa tốt xanh đầy đồng.
Tìm người lập tổ đổi công,
Gương Trịnh Xuân Bái, ta cùng noi theo.
Nhà em neo thật là neo,
Chồng ra tiền tuyến, vợ đèo con thơ.
Vì chưng xếp đặt thì giờ,
Xóm làng tương trợ, chẳng lo ngại gì.
Thuế chiêm em đã gánh đi,
Việc nhà việc nước em thì lo xong.

*

Nhà em ở tận thôn Đoài,
Nhà anh thôn Bắc, cách hai cánh đồng.
Thôn Đoài phát triển đổi công,
Trồng ngô dự trữ đề phòng thiên tai.
Thôn Bắc không chịu kém ai.
Đề phòng dịch phá, trồng khoai sắn nhiều.

*

Ba cô làm đất trồng ngô,
Mấy lời thân mật chuyện trò cùng nhau.
Rằng ngành nôngnghiệp trước sau,
Thi đua chưa rộng, chưa sâu, chưa đều.
Chị em ta nhớ mấy điều:
Thi đua phải tích cực nhiều nữa lên.
Thi đua liên tục thường xuyên,
Sao cho xứng đáng với tên phong trào.
Tên phong trào Hoàng Hanh, Xuân Bái,
Là hai người hăng hái thi đua.

Quanh năm sản xuất có thừa,
Lại nhiều kinh nghiệm cày bừa, chăn nuôi.
Tấm gương soi sáng khắp nơi,
Ngày ngày học tập, người người thi đua.
Nửa đêm sao sáng mây cao,
Triệu trời nắng gắt nắng gào chẳng sai.
Lúa khô nước cạn, ai ơi!
Rủ nhau tát nước, chờ trời còn lâu.

*

Mồ hôi mà đổ xuống đồng,
Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồi nương.
Mồ hôi mà đổ xuống vườn,
Dâu xanh lá tốt, vấn vương tơ tằm.
Mồ hôi mà đổ xuống đầm,
Cá lội phía dưới, rau nằm phía trên.
Mồ hôi xuống, cây mọc lên,
Ăn no, đánh thắng, dân yên nước giàu.
Mồ hôi đổ xuống hoa mầu,
Chặn tay thằng Mỹ, vùi đầu thằng Tây.
Ai ơi, ra sức cấy cày,
Thêm giờ lao động, bớt ngày lao đao[1]

*

Ruộng nhà tôi lúa xanh xanh ngắt,
Ruộng nhà ai lúa quắt từng bông?
Lúa xanh đẹp xóm đẹp đồng,
Lúa gầy, xấu cả người trồng xấu đi.
Lúa xanh, lúa đẹp, bởi vì
Bón phân, làm cỏ, tôi thì tăng gia.

(1) Của thanh Tịnh

Ai về nhắn nhủ mẹ cha:
Nhớ chăm cho lúa, kẻo mà lúa von.
Việc nhà nông, tốn công tốn sức,
Làm một mình biết lúc nào xong.
Rủ nhau vào tổ đổi công,
Dẫu rằng trăm việc cũng không ngại gì.
Lúa con gái đang kỳ chăm bón,
Bà con ta một xóm cùng nhau,
Đổi công làm cỏ cho nhau,
Để còn đập đất trồng màu nay mai.
Một mình công việc kéo dài,
Đổi công, năng suất gấp hai người thường.

*

Nắng lâu khô cả ruộng đồng,
Toàn dân chống hạn, một lòng thi đua.
Rủ nhau đắp đập, be bờ,
Đào mương, tát nước, cho mùa tốt tươi.
Đừng nên trông đợi ở trời,
Hãy tin vào sức con người lớn lao.

*

Mương xóm tôi bắt cong sườn núi,
Phai làng anh đào lủi ven rừng.
Đôi dòng nước chảy tưng bừng,
Tưới cho tươi mát một vùng lúa xanh.
Dù trời hanh, không mưa, nắng hạn,
Lúa màu khô, không nản, không ngừng.
Xóm trên làng dưới ta cùng
Mương, phai, đào sửa, cho dòng nước xuôi...
Quyết rằng nhân định thắng trời,
Một lòng chống hạn, người người ấm no.

*

Nắng nhiều, lúa nghẹn, anh ơi!
Ta lấy sức người chống lại thiên tai.
Các anh tát một gầu giai,
Chúng em hai đứa tát hai gầu sòng.
Ngày đêm dẫn nước vào đồng,
Lúa chiêm lại tốt thì lòng lại vui.

*

Dưới này mong nước nông giang,
Thế mà trên ấy nước tràn ra sông!
Nước ra sông ai không đau xót?
Tiếc phân màu tươi tốt bị trôi.
Hỡi người lãng phí nước nôi!
Đây lúa khô rồi, đó biết hay không?
Khuyên ai đắp đập ngăn sông,
Cho nước đầy đồng, cho lúa tốt tươi.

*

Hạ hán như lửa cháy nhà,
Lửa rơi giữa ruộng, lửa sa đầy đồng.
Nhìn thân cây lúa ngậm đòng,
Lúa ơi, lúa hỡi, đau lòng lắm thay!
Chống hạn như đánh thằng Tây,
Phải nhanh, phải chóng, chung tay, góp lòng.
Nước sông ngòi bắt quanh về ruộng,
Nước ao hồ bắt uốn đường mương.
Bõ công ngày nắng đêm sương,
Một dòng nước mát, vạn đường lúa xanh...

*

Cô Mơ, cô Mận, cô Đào,
Ba cô cùng tát nước vào ruộng chiêm.

Chiếc gầu vục nước thâu đêm,
Ba cô cùng hát cho quên nhọc nhằn.
Cô Mơ cất tiếng hát rằng:
"Bây giờ khó nhọc, sang năm lúa nhiều".
Tiếng hò cô Mận vang theo:
"Bao nhiêu gầu nước bấy nhiêu xác thù".
Cô Đào giọng êm như ru:
"Toàn dân chống hạn thi đua một lòng".
Nửa đêm tát nước vừa xong,
Ba cô tát giúp ruộng đồng bà con.

*

Ùm ùm tát nước gầu giai,
Ruộng cao ta lại tát hai gầu sòng.
Bà con trong xóm đổi công,
Đêm đêm tát nước ngoài đồng vui ghê.
Hôm qua cây lúa còn se,
Ngày mai, nước chảy tràn về, lúa tươi.
Cho hay muôn sự tại người,
Người mà quyết chí thì trời cũng thua.

*

Tre già anh để pha nan,
Lớn đan nong nén, bé đan giần sàng.
Gốc thì anh để ken giường,
Ngọn ngành anh để cắm giàn trồng dưa.
Làm ăn bao quản sớm trưa,
Hễ cần kiệm lắm là ăn thua nhiều.

*

Trời nồm tốt mạ,
Trời giá tốt rau.

Lấm bướm thì đẻ nhiều sâu,
Tàn phá hoa màu, làm hại nhà nông.
Nàng về ngâm nhựa xương rồng,
Gánh ra, đem tưới cho bông, cho cà,
Sâu non cho chí sâu già,
Hòng chi sống sót mà ra phá màu.
Đôi ta chung sức trừ sâu,
Hai lòng một nhịp cùng nhau diệt thù.

*

Sì sà sì sục,
Tôi vục, anh lôi,
Liệu còn nắng mãi hay thôi?
Mai đồng nước mát khắp nơi chảy về.
Thằng Tây phá đập phá kè,
Căm thù giặc nước ta thề quyết tâm.
Thắng trời, thắng giặc mọi phần.
Mỗi lần tát nước, mỗi lần vui thêm

*

Con chim xanh đậu cành đu đủ,
Nhắc toàn dân nhiệm vụ hộ đê.
Quản chi công việc nặng nề,
Cốt sao bảo vệ được đê vững vàng.
Hộ đê có thiếp có chàng,
Hộ đê có cả thôn nàng, thôn tôi.
Trời mưa, trời nắng, mặc trời!
Làng trên xóm dưới, mọi người quyết tâm.
Mặc cho giặc Pháp mưu thâm,
Lăm le tìm cách ngấm ngầm phá đê.
Mặc cho mưa lũ tràn về,
Lòng người kiên quyết là đê vững vàng.

*

Hai thôn chung một con sông,
Mỗi thôn có một cánh đồng phì nhiêu.
Phòng khi nước lũ mưa nhiều,
Hỏi thăm thôn ấy đê điều ra sao?
Bờ thấp cho chí bờ cao,
Cống cừ sửa chữa khi nào thì xong?
Nước về lũ đỏ dòng sông,
Nước sông đã lớn, nước đồng lại to.
Thôn tôi đã sẵn thuyền đò,
Có tre dự trữ, có bồ mới đan.
Phòng khi nước lũ lan tràn,
Nhà nào, nhà nấy sẵn sàng đắp đê.

*

Muốn no thì giữ lấy đê,
Muốn phá hết tề, phải được lòng dân.

đ) Thuế nông nghiệp.

Tre già đan sọt,
Nứa tốt đan bồ.
Thi đua đóng thuế thóc khô,
Em sắm đôi bồ tiếp vận mùa mưa.
Hai lần, trong kín, ngoài thưa;
Giữa thì ép lá, gió mưa mặc trời!
Thóc em đã quạt đã phơi,
Dù đi khắp bốn phương trời vẫn khô.

*

Thuế nông góp đủ,
Lúa đổ vào kho.
Yêu nhau nên phải dặn dò...

Giữ kho thóc, phải giữ cho vẹn tròn.
Cót đầy chớ có đổ tràn,
Hạt rơi, hạt vãi, xin chàng nhặt lên.
Lúa hư, lúa mốc, ai đền?
Luôn luôn xem xét, chớ nên hững hờ.
Mồ hôi đổ xuống ruộng bờ,
Mới thành hạt lúa đổ kho lần này.
Chiến trường bộ đội diệt Tây,
Hậu phương xin giữ kho đầy lúa thơm[1].

*

Đêm khuya ai gọi sang đò?
Có phải thóc thuế thì cho xuống thuyền.
Thóc thuế xin chở trước tiên,
Có nước nóng uống, chèo liền, sang ngay.
Mặc dầu gió rét đêm nay,
Thịt da tê buốt, cóng tay cũng chèo.[2]

*

Chòi cao, loa gọi càng xa,
Báo tin: Tây - bắc quân ta diệt thù.
Tây lên Phú - thọ, Tây thua;
Khu Ba chiến thắng, đây mùa lập công.
Đêm nay, đi đóng thuế nông,
Làng em nô nức, gánh gồng cùng đi,
Sương khuya, ướt áo quản chi,
Chỉ lo ẩm gạo, còn gì là kho!

*

(1) Của Huyền Tâm
(2) Của Hoàng Huyến

Ơ này anh chị em ơi!
Lúa đồng ta đã đôi nơi phơi mầu...
Mùa này ta hãy bảo nhau,
Tập đoàn ta gặt cho mau mới là.
Thằng Tây định phá lúa ta,
Về đây du kích không tha lũ mày.
Phơi khô ta lại giấu ngay,
Thử hỏi lũ mày, còn phá được không?
Vụ mùa thu hoạch đã xong,
Ta đem thóc đóng thuế nông nghiệp liền.
Bấy giờ mọi việc đều yên,
Thì ta sửa soạn cấy chiêm, trồng mầu.

*

Chị em đã quyết chẳng chùn,
Hai vai áo ướt, chân bùn đường trơn.
Đường trơn thì mặc đường trơn,
Em gánh thóc thuế chẳng sờn hai vai.
Trời mưa cho ướt lá khoai,
Thóc em không ướt vì ngoài lá che.
Đường xa, chân bước, tai nghe,
Tin vui chiến thắng đưa về khắp nơi.

*

Cùng dắt trâu ra đồng,
Ta cày ta cấy cho lòng ta vui...
Hò ơi!
Bình minh tô thắm phương trời,
Nắng trên đỉnh núi, sáng ngời cái chốn rừng xanh.
Mây nước mênh mông, chân bước gập ghềnh...
Dù bước gập ghềnh, vun trồng cây lúa, ta dành nuôi quân.
Hò ơi!

Dù bao thôn xóm xa gần,
Xóm ta, ta chẳng kém phần đóng thuế cho nhanh.
Đem thóc nuôi quân chinh chiến sa trường,
Kìa chốn sa trường, có đoàn vệ quốc giết phường xâm lăng.
Hò ơi!
Hậu phương ta giúp cho chàng,
Sức thêm mạnh mẽ, sẽ càng đánh giết nhiều Tây.
Quân giặc sang đây tan xác phen này!

*

Lúa tháng năm kén tằm vàng óng,
Hạt khô giòn, đem đóng thuế nông.
Thúng đầy anh gánh tôi gồng.
Kĩu cà kĩu kịt, qua sông qua đò...
Lúa nhiều, chiến thắng càng to,
Đồn Tây càng đổ, câu hò càng vang.
Đóng nhanh, nhanh khắp xóm làng,
Em thách thôn chàng nộp đủ, nộp mau.
Thóc vàng muôn hạt như nhau,
Chớ mang thóc lép qua cầu gió bay...
Thóc lép bay, thẹn tay sàng sảy,
Chúng bạn cười, vai quảy thêm đau.
Nắng nhiều, sớm nở hoa cau,
Đóng nhanh lúa tốt là mau thắng thù...[1]

e) Giao vận.

Sông Hiền uốn khúc đưa đò,
Bên sông em đợi bóng cờ anh qua.

---

(1) Của Huyền Tâm.

*

Trời mưa ướt áo, ướt quần,
Ướt sao cho được tinh thần thi đua.

*

Trên trời có đám mây vàng,
Em đi tiếp vận cho chàng giết Tây,
Thằng Tây tiếp tế máy bay,
Không bằng tiếp vận chân tay chúng mình.

*

Dù cho gió rét mưa bay,
Khó khăn gian khổ chẳng lay chuyển lòng.
Tôi là chiến sĩ dân công.
Máy bay, đại bác quyết không chịu lùi.

*

Trời mưa to, không lo ướt áo,
Bồ không che, ướt gạo em lo.
Ra đi làng xóm dặn dò:
Một hai chuẩn bị đôi bồ che mưa.
Bồ che mưa không lo gạo ướt,
Nhẹ vai gồng, chóng vượt đường trơn.
Gạo khô gửi tới chiến trường,
No lòng bộ đội, ngon cơm, diệt thù[1].

g) Bình dân học vụ.

Rủ nhau đi học i tờ,
Xem tin, đọc báo, xem thơ dễ dàng.

(1) Của Thúy.

*

Cô kia vừa đẹp vừa giòn,
Cô không biết chữ, cô còn lấy ai?

*

Rủ nhau đi học i o,
Mỗi ngày một chữ, con bò cũng thông.

*

Lấy chồng biết chữ là tiên,
Lấy chồng mù chữ là duyên nợ nần.

*

Này bà, này mẹ, này cha,
Này là em ruột, này là em dâu.
I tờ chắp tiếng chắp câu,
Quanh bàn xúm xít bảo nhau học bài.

*

Thời đại chiến tranh, chúng ta đành kháng chiến;
Toàn dân, toàn diện, quyết thực hiện thi đua.
Từ nam chí nữ, cho đến trai trẻ, già nua,
Phải tham gia Bình dân học vụ, kẻo thêm thua, bạn cười.

*

Hôm qua anh đến chơi nhà,
Thấy mẹ dệt vải, thấy cha đi bừa.
Thấy em mải miết xe tơ,
Thấy cháu "i tờ" ngồi học bi bô.
Thì ra vâng lệnh Bác Hồ,
Cả nhà yêu nước thi đua phen này.

IV
DÂN CA

Dân ca Việt Nam rất phong phú, dân ca xuất hiện ở từng địa phương hay ở từng nghề; có loại hiện nay chỉ ở địa phương xuất hiện mới thấy người hát, nhưng cũng có loại đã lan đến nhiều địa phương khác, mà có khi ở những nơi khác này lại có nhiều người hát hơn ở nơi nó xuất hiện; nó đã biến thành của cả miền. Thí dụ hát trống quân, hát ru em, hát xẩm, hát đò đưa, hát ngâm, hát cò lả,v.v... hầu hết nhân dân miền Bắc đều biết hát và đều hay hát. Có một số điệu hát như lý Nam Bộ, ca Huế, hát bài chòi, hát xoan Phú Thọ, hát quan họ Bắc Ninh, hát dặm Hà Nam, v.v... thì trừ các nghệ nhân ra, chỉ riêng mấy nơi đó hát mới vững. So với hai miền Trung, Nam thì dân ca miền Bắc phong phú hơn cả, vì miền Bắc là đất cũ.

Các điệu ca hát, chúng ta đã có từ lâu đời, nó đã tác động đến giai cấp phong kiến thống trị ngay từ thời nước ta mới tự chủ, thời mà giai cấp này còn dùng hoàn toàn chữ Hán qua tay bọn tăng đạo. Sách *Văn hiến thông khảo* của Mã Đoan Lâm có chép tờ sớ của một sứ thần nhà Tống nói về Lê Hoàn (980 –1005): "Hoàn thường mặc áo vải hoa và áo sắc hồng, mũ đội trang sức bằng châu báu, tự hát mời rượu, không hiểu là câu gì..."[1]. Như vậy là Lê Hoàn đã hát một bài ca bằng tiếng Việt, chứng tỏ vào thế kỷ thứ X, những điệu hát của ta đã phát triển. Những điệu hát như hát ở Hội Gióng, hát Xuân Phả[2], hát dặm Hà Nam là những điệu hát rất cổ, trong đó có những tiếng bây giờ chúng ta chưa hiểu nghĩa. Những điệu hát ấy có thể đã

(1) *Đông thanh tạp chí*, số 13, năm 1933 - Bài của Nguyễn Văn Tố.
(2) Tên một làng thuộc huyện Thọ - xuân (Thanh - hóa)

xuất hiện sau những trận chiến thắng chống ngoại xâm của quân dân ta thời xưa.

Do ca hát phát triển đến mức độ cao, nên vào năm 1025, triều Lý Thái tổ, nhà nước phong kiến mới có những tổ chức về nghề ca nhạc, như định chức quản giáp và đặt ra giáo phường. Một nữ danh ca họ Đào đã được vua Lý Thái tổ ban thưởng. Theo Đại Việt sử ký của Ngô Sĩ Liên, nhân dân rất hâm mộ Đào thị, nên những phụ nữ làm nghề xướng ca, người ta gọi là "đào nương". Đến thời Lý Nhân tông thì nhà "Thôi luân vũ" được thành lập để các vũ nữ tập múa hát.

Phần nhiều dân ca mang tính địa phương, như hát giặm Nghệ Tĩnh, hát xoan, hát ghẹo Phú Thọ, hát quan họ Bắc Ninh, nhưng cũng có những dân ca được phổ biến rộng rãi, có nhiều nơi ca hát gần giống như nhau về làn điệu, nội dung cũng hoàn toàn không thay đổi, thí dụ hát xẩm, hát ru em. Lại có những bài dân ca nội dung không thay đổi, nhưng về làn điệu thì thay đổi hoàn toàn. Những dân ca ấy phần nhiều được xây dựng từ một bài ca dao sẵn có và bài ca dao ấy đã được phổ biến rộng rãi. Thí dụ từ Nam chí Bắc, nhân dân ta đều thuộc bài ca dao:

Chồng gần em chẳng lấy, lại lấy chồng xa,
Nữa mai cha yếu, mẹ già,
Bát cơm, đĩa cá, chén trà, ai dâng?

Ngoài Bắc, khi hát giao duyên, người ta vẫn hát như vậy, nhưng khi nó vào đến trong Nam và được xây dựng thành "điệu hò Đồng - tháp", thì đồng bào Nam - bộ hò:

ơ ơ ơ con cá đối nằm trên cối đá,
Con chim la đà đậu nhánh lá đa ơ...
ơ ơ ơ chồng gần sao em không lậy
mà đi lậy chồng xa ơ ơ...
ơ ơ... mai sau mẹ yếu cha già,
Bát cơm trách cá ơ ơ...
Chén trà ai dâng ơ ơ...

Không chỉ riêng điệu "hò Đồng - tháp" đã sử dụng ca dao như

vậy, hát trống quân, hát quan họ Bắc - ninh, hát ru em, hát xẩm, hát lý cũng hay dùng nguyên ca dao và chỉ thay đổi về làn điệu. Điều này chứng tỏ rằng nếu chỉ nghiên cứu dân ca riêng về mặt văn học thì không thấy được hết giá trị của dân ca. Dân ca cần được biểu diễn và biểu diễn trong khung cảnh đặc biệt của nó, nghĩa là trong cảnh sinh hoạt văn nghệ của nhân dân từng địa phương. Nghiên cứu dân ca, chúng ta phải nghiên cứu toàn diện, nghiên cứu một cách tổng hợp, không thể xé lẻ ra văn, nhạc, múa mà nhận định được hết giá trị của một bản dân ca, vì trong một bản dân ca, bộ môn nọ gắn với bộ môn kia như môi với răng, xé lẻ ra nó sẽ mất tính lô-gích của nó. Không những thế, một bản dân ca được biểu diễn, trong đó có thanh nhạc, khí nhạc, múa và sân khấu với trang trí thích ứng, thì có một giá trị khác hẳn với bản dân ca chỉ được ghi bằng nốt nhạc hay lời văn. Bởi vậy, đối với một bản dân ca, nếu muốn đi sâu về mặt nhạc, múa hay văn học, trước hết phải hiểu biết tính chất tổng hòa của nó đã. Nghệ thuật của dân ca về mặt văn học là nghệ thuật biểu hiện bằng ngôn ngữ và hình tượng phục vụ được tích cực nhất nội dung bài ca, còn nghệ thuật của dân ca theo tính tổng hợp của nó là nghệ thuật vừa thể hiện vừa biểu diễn với tất cả khả năng ca nhạc vũ kịch.

Người Việt Nam ta rất hiền hòa nhưng cũng rất dũng cảm. Cái mau cái khoan, cái bổng cái trầm của dân ca Việt Nam đã biểu hiện rất đúng tâm tư người Việt Nam ta. Tất cả dân ca của ta đều có những tiếng đệm (đệm nghĩa và đệm lót) và tiếng đưa hơi. Do ở cách đặt những tiếng đệm, tiếng đưa hơi trong lời ca, mà giọng sống khác hẳn giọng hãm, và cũng nhờ những tiếng đệm, tiếng đưa hơi mà câu ca lên bổng xuống trầm khác nhau, nhặt khoan khác nhau trên nền chung của bản ca. Cái rất tế nhị là ở dân ca, những tiếng 'không" ở cuối câu thường đổi là "chăng', những tiếng "cao" đổi là "kiêu", "hoa" là "huê", "trồng" là "giồng"v.v.. mục đích để lời hát không cứng và bắt giọng được êm, chứ không phải là kiêng tên húy.

*

Về nội dung thì dân ca Việt Nam nói nhiều nhất về tình yêu nam nữ. Nhân dân Việt Nam rất giàu tình cảm và đều thiết tha có được hạnh phúc trong yêu đương. Dù là ước mơ có một tình yêu trong trắng, hay oán trách, hờn ghen, giận tủi, chung qui cũng chỉ là khao khát xây dựng một gia đình hạnh phúc. Cho nên có biết bao bài dân ca của ta nội dung tư tưởng và tình cảm chỉ là thăm tình hỏi bạn, thổ lộ tâm sự. Trong những hoàn cảnh tự do luyến ái không thực hiện được, sức chống đối trở nên mãnh liệt, gây ra oán giận, mỉa mai đối với chế độ phong kiến thống trị.

Trong lao động và sản xuất, những người ôm mối hận tình luôn luôn đem tâm sự mình gửi gắm vào mọi vật xung quanh và biểu hiện những tư tưởng phê phán đối với kỷ cương phong kiến. Do đó, bên cạnh tính chất nhân đạo chủ nghĩa của nội dung những bài dân ca người ta thấy nổi lên tính chất phản phong của nó. Người nông dân Nghệ - tĩnh sống khổ cực vì sự bóc lột đàn áp của bọn địa chủ và quan lại, đã thấy rõ hơn ai hết những cái thối tha của đạo quân khâm sai (vè sai đạo). Người nông dân Nam Bộ hát những bài lý cái phảng, lý đòn xóc, lý thanh trục mà cảm thấy vô cùng khoái trá là vì chỉ trong lao động ngoài đồng ruộng, nam nữ ở nông thôn mới gần gũi nhau và thông cảm cùng nhau. Tình yêu của họ thường được nảy nở trong việc làm giữa trời cao đồng rộng. Trong Nam ngoài Bắc thì thanh niên nam nữ cũng đều ước mong:

Bao giờ cho đến tháng hai,
Con gái làm cỏ, con trai be bờ...

Có thể nói: nội dung tư tưởng và tình cảm của dân ca Việt Nam nói chung là sự khao khát tình yêu lành mạnh, ước mơ được xây đắp hạnh phúc gia đình trên luyến ái tự do. Bởi vậy, khi có những sự gàn quải, chèn ép, chà đạp, làm cho con người mất nhân phẩm, mất hạnh phúc thì dù là trai hay gái cũng đều chống đối quyết liệt và tư tưởng chống đối ấy được thể hiện muôn màu muôn vẻ trong các bài dân ca.

*

Dân ca của ta có nhiều loại; mỗi loại lại có nhiều điệu khác nhau. Chúng tôi trích sau đây một số loại dân ca nhiều người biết hơn cả và cũng có thể nói là tiêu biểu nhất. Mỗi bài, lời ca có thể nơi này hát thế này, nơi kia hát thế khác, ở một số chữ và một số câu cũng có thể không giống nhau, nhưng dù sao nội dung vẫn không vì thế mà thay đổi.

Từ xưa đến nay, dân ca đã cung cấp khá nhiều tài liệu cho việc xây dựng nhạc và nghệ thuật sân khấu. Đến cả những bài hát vui chơi rất phổ biến trong dân gian cũng là những điệu hát mà các vở chèo dựa vào rất nhiều để xây dựng lời ca cho những vai đào điên, vai hề đồng, vai chủ quán; những nhân vật thổ lộ nhiều hơn cả những lời tế nhị, sâu sắc, có tính chất trào lộng, châm biếm, bài bác thói hư tật xấu trong xã hội phong kiến và thói áp bức bóc lột của giai cấp thống trị.

Dân ca của ta có một nội dung rất tình tứ và rất tế nhị trong nhận xét việc đời và vũ trụ. Những bài hát đố, hát đáp rất linh hoạt và mẫn tiệp chứng tỏ nhân dân ta rất yêu đời và rất thông minh.

1. HÁT TRỐNG QUÂN

Loại dân ca đặc biệt nhất của miền Bắc là hát trống quân. Loại hát này tục truyền có từ đời Trần (thế kỷ XIII) vào thời gian nhân dân ta chống quân xâm lược nhà Nguyên. Những lúc nghỉ ngơi, binh sĩ Việt Nam đã nghĩ ra cách giải trí là ngồi thành hai hàng đối diện nhau, gõ vào tang trống mà hát, cứ một bên "hát xướng" vừa dứt thì bên kia lại "hát đáp". Về sau, khi đã đánh đuổi được quân xâm lược, điệu hát được phổ biến trong dân gian miền Bắc, nhất là ở những nơi quân đội đã đóng, nơi thì vẫn gõ nhịp vào tang trống, nơi thì căng một dây thép thật thẳng qua một đáy thùng sắt để sấp, để đánh nhịp. Dần dần người hát cũng chia ra hai bên nam nữ và hát vào những đêm trăng sáng, thường thường là những đêm rằm tháng tám và hát cả những đêm làng vào đám.

Về hình thức, những câu hát trống quân đều là những câu lục bát, cứ sau tiếng thứ hai ở mỗi câu, người hát thường đệm chữ "thời" vào và sau tiếng thứ tư ở câu sáu chữ, người ta lại thêm vào những tiếng đưa hơi "í a".

Về nội dung, những câu hát trống quân là những câu tình tứ, những câu ca tụng cảnh đẹp thiên nhiên, ca tụng những cái trù phú và đặc biệt của giang sơn đất nước, những cảnh làm ăn vui vẻ ở nông thôn...

Có thể nói hát trống quân là lối hát mà nhân dân miền Bắc ham thích ngang với hát chèo. Hát trống quân đòi hỏi người hát phải có tài "xuất khẩu thành thi", lại phải có óc trào lộng, nhưng bao giờ cũng giữ cho trang nhã.

Hát xướng và hát đối đáp.

- Trống quân em lập lên đây,
Áo giải làm chiếu, khăn quây làm mùng.
Đua vui dưới ánh trăng trong,
Có con cũng hát, có chồng cũng chơi.
Con thì em mướn vú nuôi,
Chồng thì em để hát chơi xóm nhà.
- Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam bên nữ ta cùng cất lên.
Cất lên một tiếng linh đình,
Cho loan sánh phượng cho mình sánh ta.
Cất lên một tiếng la đà,
Đàn ông hát trước, đàn bà hát sau.
- Có hát, hát bổng hát cao,
Cho gió lọt vào, cho chúng em nghe.
Chúng em ngồi võng ngọn tre,
Gió đưa cút kít, chẳng nghe thấy gì!
- Gặp nhau, anh muốn tỏ tường,
Xin nàng cho biết quê hương nơi nào?
- Chàng hỏi, em phải nói ra,
Bắc - ninh là tỉnh, huyện nhà không sai.
Em nay là gái nữ hài.
Gia - lâm là huyện chẳng sai đó mà.
Kim - sơn tên gọi tổng nhà,
Tô - khê[1] là xã chàng mà biết không?
Em nay là gái má hồng,
Nhà em xóm lẻ, giặng vông giao liền.

(1) Tô - khê tục gọi là làng To, xưa thuộc tổng Kim - sơn, huyện Gia - lâm, tỉnh Bắc - ninh. Nay thuộc xã Phú - thị, Gia - lâm, ngoại thành Hà - nội.

*

Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm sáu, mời anh xơi trầu.
Trầu này têm những vôi Tàu,
Giữa đệm cát cánh hai đầu quế cay.
Trầu này ăn thật là say,
Dù mặn dù nhạt dù cay dù nồng.
Dù chẳng nên vợ nên chồng,
Xơi năm ba miếng kẻo lòng nhớ thương.

*

Một đàn cò trắng bay tung,
Bên nam bên nữ ta cùng hát lên.
Hát lên một tiếng mà chơi,
Hát lên hai tiếng, xơi cơi trầu này...
Trầu đã có đây, cau đã có đây,
Nhân duyên chưa định, trầu này ai ăn?
Trầu này trầu túi trầu khăn,
Cùng trầu dải yếm, anh ăn trầu nào?
Trầu này trầu quế, trầu hồi,
Trầu loan, trầu phượng, trầu tôi, trầu mình.
Trầu này trầu tính, trầu tình,
Trầu nhân, trầu ngãi, trầu mình lấy ta.
Trầu này têm tối hôm qua,
Trầu cha, trầu mẹ, đem ra cho chàng.
Trầu này không phải trầu hàng,
Không bùa không thuốc, sao chàng không ăn?
Hay là chê khó, chê khăn,
Xin chàng dừng lại mà ăn miếng trầu!

*

- Ở đâu năm cửa nàng ơi!
Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng?

Sông nào bên đục bên trong?
Núi nào thắt cổ bồng, lại có thánh sinh?
Đền nào thiêng nhất xứ Thanh?
Ở đâu lại có cái thành tiên xây?
Ở đâu là chín tầng mây?
Ở đâu lắm nước, ở đâu lắm vàng?
Chùa nào mà lại ở hang?
Ở đâu lắm gỗ thời nàng biết không?
Ai mà xin được túi đồng?
Ở đâu lại có con sông Ngân - hà?
Nước nào dệt gấm, thêu hoa?
Ai mà sinh ra cửa ra nhà, nàng ơi?
Kia ai đội đá vá trời?
Kìa ai trị thủy cho đời được yên?
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Xin em giảng rõ từng nơi từng người.

- Thành Hà Nội năm cửa chàng ơi!
Sông Lục - đầu sáu khúc, nước chảy xuôi một dòng.
Nước sông Thương bên đục, bên trong;
Núi đức Thánh Tản thắt cổ bồng mà lại có thánh sinh.

Đền Sòng thiêng nhất xứ Thanh;
Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây.
Trên trời có chín tầng mây,
Dưới sông lắm nước, núi nay lắm vàng.
Chùa Hương - tích mà lại có hang,
Trên rừng lắm gỗ, thời chàng biết không?
Ông Nguyễn Minh Không xin được túi đồng.
Trên trời lại có con sông Ngân - hà.
Nước Tàu dệt gấm thêu hoa;

Ông Hữu Sào sinh ra cửa, ra nhà, chàng ơi!
Bà Nữ Oa đội đá vá trời;
Vua Đại Vũ trị thủy cho đời yên vui.
Anh hỏi em trong bấy nhiêu lời,
Em xin giảng rõ từng nơi, từng người.

*

Anh đây quân tử trí cao,
Lắng nghe anh họa bài "sao trên trời":
Nửa đêm thức dậy trông trời,
Thấy sao bên Bắc, anh ngồi bên Đông.
Ai ơi thức dậy mà trông:
Kìa ông sao Vượt ăn sông Ngân - hà...
Sao Rua trên bốn dưới ba;
Nhị thập bát tú với là Thất tinh.
Sao Hôm đứng có một mình,
Sao Mai thủng thỉnh ra tình chờ ai...
Có Hôm mà chẳng có Mai,
Kìa ông sao Vượt chờ ai giữa trời?
Nam- tào, Bắc- đẩu, đôi nơi,
Kìa ông đứng đó trị vì muôn dân,
Vậy trên thiên địa xoay vần,
Chưa đến chập tối dần dần mọc ra,
Mọc ra vô số hằng hà,
Vô số vạn ức, biết là bao nhiêu!
Tối trời, sao lại mọc nhiều;
Sáng trăng, trăng tỏ, ra điều sao thưa.
Chỉ hiềm một nỗi trời mưa,
Trăng sao lặn mất, còn lưa mặt trời.

*

Bài sao anh họa đã rồi,
Trời đâu em họa mấy lời anh nghe.

Trên trời có nắng có mưa,
Có rồng lấy nước có chùa nàng tiên.
Trên trời có cửa Phật tiền,
Có dây chỉ thắm xe duyên vợ chồng.
Trên trời có cả cầu vồng,
Có sấm, có chớp, có cờ Thiên lôi...

*

Anh đố em:

Cái gì mà thấp? Cái gì mà cao?
Cái gì sáng tỏ hơn sao trên trời?
Cái gì em trải anh ngồi?
Cái gì thơ thẩn ra chơi vườn đào?
Cái gì mà sắc hơn dao?
Cái gì phơn phớt lòng đào, thì em bảo anh?
Cái gì trong trắng ngoài xanh?
Cái gì soi tỏ mặt anh, mặt nàng?
Cái gì xanh, đỏ, trắng, vàng?
Cái gì ăn phải dạ càng tương tư?
Cái gì năm đợi tháng chờ?
Cái gì em đội phất phơ trên đầu?
Cái gì sắc hơn dao cau?
Cái gì tiện chũm cho nhau ăn cùng?
Một quan là mấy trăm đồng?
Một mối tơ hồng là mấy trăm dây?
Một cây là mấy trăm cành?
Một cành là mấy trăm hoa?
Em ngồi em giảng cho ra,
Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em.

Em thưa rằng:

Dưới đất thì thấp, trên trời thì cao,
Ngọn đèn sáng tỏ hơn sao trên trời.
Chiếu hoa em trải anh ngồi.
Đêm nằm tơ tưởng ra chơi vườn đào.
Con mắt anh sắc hơn dao.
Trứng gà phơn phớt lòng đào, hỡi anh!
Trên non, trong trắng ngoài xanh;
Gương tàu soi tỏ mặt anh mặt nàng.
Cái ngũ sắc xanh, đỏ, trắng, vàng;
Bùa yêu ăn phải, dạ càng tương ư.
Đôi ta năm đợi tháng chờ;
Cái nón em đội phất phơ trên đầu.
Con mắt anh liếc sắc hơn dao cau;
Cau non tiện chũm cho nhau ăn cùng.
Một quan là sáu trăm đồng;
Một mối tơ hồng là sáu trăm dây.
Một cây là sáu trăm cành,
Một cành là sáu trăm hoa.
Em ngồi em giải đã ra,
Thì anh kết nghĩa giao hòa cùng em.

Hát giao duyên.

Trai:

Thấy nàng mắt phượng môi son,
Mày ngài, da tuyết, đào non trên cành.
Cho nên anh muốn tự tình,
Hỏi nàng quê quán, tình danh là gì?

Gái:

Chẳng hay chàng hỏi làm chi?
Quê em Đình Cẩm thuộc về Bắc Ninh.
Tên em là Nguyễn Thị Tình,
Kém bề nhan sắc, kém hình thanh tao.

Trai:

Xin đừng nói nhún mấy nao!
Chẳng xinh, chẳng tốt, ai nào hỏi chi?
Tưởng rằng xa lạ đâu kia.
Ai ngờ đó cũng một quê, một làng.
Thôn trên, thôn dưới cách đường,
Cho nên một tổng, một làng, quên nhau.
Lại thêm bận việc bấy lâu,
Mải mê buôn bán làm giàu bấy nay.
Cho nên chẳng tiện về đây,
Nhân sao lại gặp hôm nay người làng.
Tiện đây xin hỏi thật nàng:
Năm nay bao tuổi, duyên vàng kết chưa?

Gái:

Nghe chàng tỏ hết tóc tơ,
Bây giờ mới biết thực là đồng hương.
Đội ơn chàng có lòng thương.
Hỏi thăm niên tuế, hỏi đường thất gia.
Em xin sự thật thưa qua,
Xin chàng luống xét, xấu xa chớ cười;
Em nay tuổi mới hai mươi,
Thông huyên còn hãy tốt tươi như thường,
Bởi vì cha mẹ không thương,
Cố lòng ép uổng lấy phường vũ phu.
Tham vàng gả kẻ đần ngu,
Cho nên em nhỡ đường tu thế này.

Trai:

Nghe nàng nói chạnh lòng thay,
Chẳng hay nàng đến ở đây bao giờ?
Cùng ai chắp chỉ xe tơ,
Hay còn giữ giá đợi chờ tri âm?

Gái:

Nghe chàng hỏi, lệ đầm đầm,
Xót thân lưu lạc cát lầm bấy nay
Trốn đi đến ở tỉnh này,
Bấm tay, kể tháng, gần đầy hai đông.
Đã nhiều xứ điệp tin ong,
Nhưng em chẳng dám thuận lòng nơi nao.
Hoa còn phong kín nhị đào,
Đợi người quân tử anh hào sẽ hay...

Trai:

Ngẫm duyên kỳ ngộ mà may,
Hẳn rằng duyên nợ đấy dây chắc rồi,
Vậy thì anh hỏi một lời:
Ở đây buôn bán ngược xuôi nghề gì?

Gái:

Ơn chàng đã có lòng vì,
Ngỏ lời phương tiện, muốn bề tóc tơ.
Nhân khi em ở tại nhà,
Làm nghề canh cửi sớm khuya chuyên cần.
Vốn riêng được một vài trăm,
Đem đi buôn bán Đồng Xuân chợ này.
Buôn hàng vải lụa bấy nay,
Nhờ trời vốn lãi cộng rày ba trăm.

Trai:

Khen nàng có chí làm ăn,
Biết đường tính toán, biết phần bán buôn.
Vậy anh xin ngỏ tấc son,
Còn như tính thiệt tính hơn tùy nàng.
Đôi ta cùng tổng, cùng làng,
Cùng trang niên thiếu, cùng phường đi xa.
Vậy xin kết nghĩa giao hòa,
Nên chăng anh hãy về nhà hỏi han.

Gái:

Đội ơn tình nghĩa muôn vàn,
Có lòng thương kẻ hồng nhan nhỡ nhàng.
Em xin tạm hỏi anh chàng:
Năm nay bao tuổi, song đường còn không?
Anh em được mấy người cùng?
Lứa đôi duyên kết tơ hồng cùng ai?

Trai:

Cảm ơn thục nữ mọi lời,
Hỏi thăm cha mẹ cùng thời anh em.
Thông huyên đôi khóm còn nguyên
Anh nay là út, là em rốt nhà.
Bác cả làm việc tỉnh xa.
Bác hai buôn bán, bác ba học hành
Còn như nghĩa cả duyên lành,
Chưa tìm được chốn tài tình đảm đang.
Cho nên còn hãy mơ màng,
Gối uyên ương chửa tiện đường dệt thêu.
Vả chăng tuổi chửa bao nhiêu,
Hai mươi mốt tuổi còn chiều xuân xanh.

Gái:

Khen chàng bền chí sắt đanh.
Thau, vàng kén chọn, ngày xanh chẳng màng.
Thiếu chi ngoài tổng trong làng,
Mà tìm chẳng được một nàng thanh tao.
Vả chăng gia thế anh hào.
Thiếu gì nơi quý, nơi cao cần quyền.
Hay chàng lòng lại dối em,
Vợ tròn, con sẵn, ấm êm ở nhà?
Xin chàng hãy ngỏ thật thà,
Kẻo em nghi ngại gần xa chưa tường...

Trai:

Nếu anh lòng có giấu nàng,
Trên đầu đã có thành hoàng xét soi.
Trong làng cũng có lắm nơi,
Song anh chửa có nhận lời nơi nao.
Nhân duyên em há lạ sao?
Hãy nghe câu ví thấp cao dặn dò:
"Gần thì chẳng hợp duyên cho,
Xa xôi cách mấy lần đò cũng đi".
Hãy xin lấy đấy mà suy,
Tình vàng, xin chớ hồ nghi dạ vàng!

Gái:

Thiếp xin hỏi lại anh chàng,
Sao không luyện tập văn chương ở nhà?
Một mai cơm áo quốc gia,
Phấn vua lộc nước ai mà chẳng khen!
. . . . . .

Trai:

Anh xin thưa thật cùng nàng,
Anh không có số khoa tràng nên danh.
Tử vi cung số rành rành,
Có đi buôn mới lập thành đỉnh chung.
Xin nàng hãy xét cho cùng,
Chớ cười anh kẻ ngu không biết gì.
Hãy xem thế sự mà suy,
Lắm tiền nhiều bạc việc gì cũng nên
Dám xin thục nữ kinh quyền,
Ngỏ lời phương tiện, kết duyên Châu Trần.

Gái:

Khen chàng biết chữ lập thân,
Biết câu số mệnh, biết tuần thịnh suy.
Thiếp nay hèn vụng nữ nhi,

Cho nên chưa biết điều gì dở hay,
May mà gặp được chàng đây,
Phỉ tình son phấn bấy nay trau dồi.
Nhưng còn lo nỗi xa xôi,
Trăm năm phỏng được lâu dài mãi không?
Hay chàng còn dạ tây, đông,
Tham nơi sắc sảo, phụ lòng minh sơn.
Xin chàng hãy ngỏ thiệt hơn,
Cho em được khỏi lo cơn biến dời.

Trai:

Nàng đừng đo đắn ngược xuôi,
Anh đây chẳng phải như loài thất phu.
Anh tuy là kẻ giang hồ,
Song lòng lo sớm, nghĩ trưa đạo thường.
Dám đâu mang thói hoang đường,
Mà nàng lọ phải đường trường nghĩ chi.
Xin nàng hãy cứ quyết đi,
Để anh tính toán liệu bề nghênh hôn.

Gái:

Chàng đã có dạ sắt son,
Thiếp đâu còn dám thiệt hơn gạn lời.
Xin chàng hãy tạm trở lui,
Để em thu xếp về nơi quê nhà;
Bấy giờ chàng sẽ vãng qua,
Thưa cùng bác mẹ đôi ta mọi lời.
Lễ hôn đâu đấy xong rồi,
Thiếp chàng khi ấy no đôi vợ chồng.
Nay xin từ giã anh hùng.
Sắc son cứ giữ một lòng ấy cho.

2. HÁT XẨM

Hát xẩm là một loại dân ca đặc biệt của miền Bắc, thường thấy phổ biến ở miền đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Những câu hát xẩm đều là những câu sáu tấm. Người ta chia ra hai loại hát xẩm; xẩm chợ và xẩm cô đào. Hát xẩm chợ, điệu hát mạnh, những tiếng đệm, tiếng đưa hơi đều hát nổi lên bằng lời hát chính và đệm đàn bầu hay nhị với xênh phách; còn hát xẩm cô đào thì điệu hát dịu dàng hơn, những tiếng đệm và tiếng đưa hơi lẩn vào lời chính, cốt giúp cho có nhiều dư âm và bắt khúc được dễ dàng. Hát xẩm cô đào đệm đàn đáy và xênh phách không dùng đàn bầu và nhị.

Xẩm chợ.

Con sông kia nước chảy đôi dòng
Đèn khêu đôi ngọn, anh trông ngọn nào?
Muốn tắm mát lên ngọn sông Đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.
Đôi tay vịn cả đôi cành,
Quả chín thì hái, quả xanh thì đừng.
Ba bốn năm nay, anh ăn ở trên rừng,
Chim kêu vượn hót, anh nửa mừng nửa lo.

Sa chân lỡ bước xuống đò,
Gieo mình xuống sạp, còn lo nỗi gì? (1)
Gặp nhau thiên tải nhất thì...

*

Anh tiếc cho ai nuôi, dạy, mong chờ.
Một, hai, ba tuổi cho đến bây giờ em lớn khôn.
Cái vàng khăn em vấn đã tròn,
Câu cười, tiếng nói đã giòn, em lại ngoan.
Sợi tơ hồng đã buộc với nhân gian,
Sao em không chịu khó gánh vác
cái giang san cho chồng?
Nỡ đang tay em dứt sợi tô hồng,
Đứng đầu núi nọ mà trông bên non này.
Áng phong lưu son phấn đọa đày,
Thay đen đổi trắng để ai rày yêu thương?
Dẫu may ra tấn tía, tàn vàng,
Mười phương thiên hạ xem thường có vào đâu!
Tấm thân em chẳng nghĩ mặc dầu,
Bọn đàn bà còn để tiếng xấu về sau muôn đời.
Chị em ơi, thế cũng kiếp người.

(1) Từ câu này, người ta còn hát tiếp:
Sa chân lỡ bước xuống đò,
Gieo mình xuống sạp, những lo cùng phiền.
Chợ tỉnh Đông một tháng sâu phiên,
Có cô hàng xén kết duyên vừa hồi,
Có mẹt bố kết, có nồi phèn chua,
Bó nhang thơm, cô xếp để trong bồ....

Xẩm cô đào.

Thiếp nay thi lễ con nhà,
Thấy chàng mỹ mạo, nết na dịu dàng.
Cho nên lòng muốn đa mang,
Biết rằng quân tử có màng hay không?
Ngẫm duyên kỳ ngộ tương phùng,
Lứa đôi ai có đẹp bằng Tương - Như?
"Cầu hoàng" một khúc lắng lơ,
Trác Văn Quân luống ngẩn ngơ lòng sầu.
Vì đâu nên lấy được nhau?
Nếu không duyên nợ có đâu thế nào!
Đôi ta nay gặp nhau đây,
Ba sinh âu hẳn nợ này chẳng không?
Xin chàng hãy quyết đành lòng,
Nâng khăn sửa túi má hồng tựa nương.
Họa may thau lộn với vàng...

*

Trách thân mà lại giận trời,
Trách chàng quân tử ở ra người thờ ơ!
Phòng không để thiếp đợi chờ,
Năm canh vò võ những là thở than.
Nào khi họp mặt chén vàng.
Non nguyền biển hẹn, tưởng chàng chẳng quên.
Ai ngờ ra dạ bạc đen,
Say bên nhau sắc bỏ bên ngãi tình.
Để cho em vò võ một mình,
Tương tư khắc khoải, bệnh thất tình đầy vơi!
Trách thân mà lại giận trời...

*

Chúng anh đây mục hạ vô nhân,
Nghe em nhan sắc lòng xuân anh não nùng.

Dù em má phấn chỉ hồng.
Dửng dừng dưng anh chẳng thèm trông làm gì.
Lấy anh anh cho đi trước để làm vì,
Tay thì dắt díu, tay thì quàng vai.
Vén tay sờ chốn em ngồi,
Em thời chẳng thấy,
Anh thời thở than.
Bâng khuâng như mất lạng vàng!
Cái xênh, cái phách, cái đàn ai mang?
Ai ơi, thương kẻ dở dang,
Miệng ca, tay gẩy khúc đàn tương tư!
Chẳng yêu, chẳng nể, chẳng vì,
Cũng liều nhắm mắt bước đi cho đành.
Một duyên, hai nợ, ba tình.
Chữ duyên chi vướng, mối tình ai mang!
Kẻo còn đi nhớ về thương,
Kẻo còn để mối tơ vương bên lòng.
Đôi ta chút nghĩa đèo bòng,
Dẫu mòn con mắt tấm lòng dám sai.
Ngại ngùng những bước chông gai,
Trần gian nhơn nhục nào ai biết gì!
Chữ tình là chữ chi chi,
Yêu nhau phải bảo đường đi lối về,
Đôi ta đã trót lời thề,
Gần xa dắt díu đi về có đôi.
Đến đâu người đứng, ta ngồi,
Khi đàn khi hát những người xung quanh.
Tới nơi những chốn thị thành,
Đôi bên hàng phố rắp ranh đón mời.

. Đố ai biết chốn Chợ Giời,
Dẫn ta lên khoảng một người nàng tiên.[1]

*

Chồng em nó chẳng ra gì,
Tổ tôm xóc đĩa nó thì chơi hoang.
Nói ra xấu thiếp hổ chàng,
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà.
Em nói ra đây có chúng chị em nhà,
Còn năm ba thúng thóc với một và cân bông.
Em bán đi trả nợ cho chồng,
Còn ăn, hết nhịn, cho thỏa lòng chồng con.
Đắng cay ngậm quả bồ hòn,
Cửa nhà gia thế, chồng con kém người.
Em nói ra đây sợ chúng chị em cười,
Con nhà gia giáo lấy phải người đần ngu.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu nặng mình.

*

Mẹ em tham giàu, khiến em lấy thằng bé tỉ tì ti;
Làng trên chạ dưới thiếu gì trai tơ!
Em trót đem thân cho thằng bé nó giày vò,
Đêm đông tháng giá, nó nằm co trong lòng.
Cũng mang thân là gái có chồng,
Chín đêm chực tiết, nằm không cả mười!
Em nói ra đây sợ chúng chị em cười,
Má hồng bỏ quá, thiệt đời xuân xanh!

---

(1) Tác giả bài này là Nguyễn Khuyến. Trước cách mạng, bài này được hát rất nhiều trong nhân dân.

Em cũng liều cho thằng bé trẻ ranh,
Sờ mó qua quít, năm canh cho nó đỡ buồn.
Em buồn, em lại nhấc thằng bé nó lên.
Nó còn bé dại, đã nên cơm cháo gì!
Nó ngủ nó ngáy tì tì,
Một giấc đến sáng còn gì là xuân!
Chị em ơi! hoa nở mấy lần?

*

Nghĩ xa thôi lại nghĩ gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Chắc về đâu trong đục mà chờ,
Hoa thơm mất tuyết, biết nương nhờ vào đâu
Số em giàu, lấy khó cũng giàu,
Số em nghèo, chín đụn mười trâu cũng nghèo,
Phải duyên phải kiếp thì theo.
Thân em có quản khó nghèo làm chi!
Chữ nhân duyên thiên tải nhất thì,
Giàu ăn khó chịu lo gì mà lo...

*

Em thương nhớ ai ngơ ngẩn bên đầu cầu?
Lược thưa biếng chải, gương tàu biếng soi.
Cái sập đá hoa bỏ vắng không ngồi,
Buồng hương bỏ vắng, mặc người quay tơ...
Em thương nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,
Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ trận cười?
Bấy lâu nay gần bến, xa vời...

*

Sáng trăng suông vằng vặc cái đêm hôm rằm...
Nửa đêm về sáng, trăng bằng ngọn tre.

Anh trót yêu em, yêu trọn một bề,
Để em thơ thẩn ngồi kể cái bóng ông trăng.
Cái sự tình này, ai thấu cho chăng?
Để em ngồi tựa cái bóng ông trăng chịu sầu!
Cái gánh tương tư một nhịp đôi ba cầu,
Bắc nam đôi ngả, em chịu sầu đôi ba nơi...
Con chim khôn chết mệt về mồi,
Nó kêu réo rắt ghẹo người tình chung.
Hai chúng ta vấn vít sợi tơ hồng...

*

Con sông kia nước chảy lờ đờ,
Thuyền trôi lững thững, trăng tờ mờ soi.
Con sông kia bên lở bên bồi,
Bên lở lở mãi, bên bồi bồi thêm.
Bao giờ gió đứng sóng êm,
Con thuyền anh xuôi ngược qua đêm lại về.
Với em, anh trót nặng lời thề...

3. HÁT QUAN HỌ BẮC NINH

Hát quan họ Bắc - ninh là những điệu hát địa phương mà nhạc điệu rất phong phú. Những điệu hát này đã ra đời ở một nơi có những dãy đồi chạy dài và có những con sông lúc nào nước cũng tràn trề. Đất Bắc - ninh có những cánh đồng bát ngát, ở nhiều làng nghề thủ công lại phát triển từ lâu và nó thường là nghề của phụ nữ. Phụ nữ tỉnh Bắc ít phải làm những việc đồng áng nặng nhọc như cày, bừa- những việc nặng phần nhiều đàn ông gánh vác. Người con gái đất Bắc - ninh đã nổi tiếng về sắc đẹp, về con người tình tứ từ lâu. Giai cấp phong kiến thống trị đã biết như thế nên trong thời Lý, trong thời Lê- Trịnh, con gái Kinh- bắc[1] đã là nạn nhân của giai cấp phong kiến thống trị, họ đã bị tuyển làm cung phi khá nhiều.

Như vậy, nhờ có đất tốt, nhờ sản xuất khá, lại nhờ cả non sông đẹp đẽ, người phụ nữ Bắc - ninh lại là người duyên dáng tình tứ, nên có những thời nhân dân ở mấy miền Bắc - ninh đã sáng tác nên những bài ca trữ tình sâu sắc.

Về nguồn gốc hát quan họ, có nhiều thuyết nhưng chưa có thuyết nào thật chính xác. Nhưng dù thuyết nào, người ta cũng thừa nhận rằng hát quan họ đã được xây dựng trên tình bạn. Tục "kết bạn quan họ" như sau: Một người lớn tuổi giỏi ca hát tập hợp một số anh chị em, chừng mười người, đem trầu cau sang một làng khác, xin kết

(1) Kinh bắc tức Bắc - ninh, Bắc - giang..

bạn với anh chị em bên đó (nam với nữ, nữ với nam). Trong một nhóm như vậy, họ gọi nhau theo thứ bậc: anh cả, chị cả, anh hai, chị hai, anh ba, chị ba, v.v...Anh cả, chị cả nặng về mặt chỉ đạo, tổ chức, giao thiệp, thường không hát nhiều. Tình bạn ở nhóm hát quan họ rất thân thiết, họ coi cha mẹ của nhau như cha mẹ mình, những ngày vui buồn, đều có đi lại thăm hỏi.

Về hình thức, hát quan họ có hàng trăm điệu. Ở các điệu hát quan họ, người ta nhận thấy xen lẫn vào đủ các giọng ca, lý, ngâm, kể truyện, ru con, đò đưa, cò lả, trống quân, xẩm, hát ả đào, chèo, tuồng.v.v... Cái đặc biệt của điệu hát quan họ là nó hoàn toàn phục vụ cho nhạc, cho nên trong lời ca, có những tiếng hát chệch đi, và có khi đưa cả những tiếng "hồ, xừ, xang, cống, liu" vào *(thí dụ bài: Xe chỉ luồn kim).* Rất có thể xưa kia, đất Bắc - ninh đã sản sinh ra không những nhiều tay danh ca, mà còn nhiều nhạc sĩ thiên tài nữa.

Ở một bài quan họ, những tiếng láy đi láy lại, những tiếng đệm, những tiếng đưa hơi rất nhiều, nó làm cho lời ca lên bổng xuống trầm như cung đàn, cho nên một điệu quan họ cần phải được hát lên, người ta mới cảm thấy được hết cái say sưa của nhạc điệu.

Những bài còn để tiếng đệm, tiếng láy và tiếng đưa hơi.

Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc,
Qua lối nọ như bên đình...
Chị Hai xinh, tang tình là chị Hai đứng,
Đứng một mình qua lới như cũng xinh...
Cây trúc xinh tang tình là cây trúc mọc,
Qua lối nọ như bên chùa...
Chị Ba không yêu, tang tình là tôi cũng lấy.
Lấy đạo bùa qua lới như cùng yêu,
Lấy đạo bùa, qua lới như cùng yêu...

*

Ra ngõ, ấy mấy trông, ra ngõ mà trông!
Ngày ngày ra ngõ, ấy mấy trông, ra ngõ mà trông
Bạn thời tình chung không thấy bạn,
Tình không ô tình là không thấy tình...
Ú này xang ú này xáng xang u xê phàn,
Xê lưu cộng tình...
Thương ô tình, là không thấy tình...

*

Xe chỉ ấy mấy kim tôi luồn vào kim...
Xe chỉ ấy mấy kim tôi luồn vào kim!
Thêu vào tình chung khăn mặt,
Gửi sang ô tình là sang cho tình...
Ú này sang, ú này sang sang,
U xê phàn, xê lưu cộng tình.
Thương ô tình, gửi sang cho tình
Xẻ rễ ấy mấy cây,
Xẻ rễ một cây...
Mấy vào rừng, xẻ rễ cây, mấy cây, xẻ rễ một cây.
Muốn cho, là cho đây với đó,
Cùng nhau ô vầy cùng nhau sum... vầy!

*

Trèo lên quán dốc,
Ngồi gốc ới a cây đa.
Rằng tôi lý ới a cây đa,
Rằng tôi lới ới a cây đa...
Ai đem ới a tính tang tình rằng.
Cho đôi mình gặp,
Xem hội cái đêm hôm rằm...
Rằng tôi lý ới a tháng giêng,
Rằng tôi lời ới a tháng giêng...

Chẻ tre đan nón,
Đan nón ới tầm ba tầm
Rằng tôi lý ới tầm ba tầm...
Rằng tôi lời ới tầm ba tầm...
Rằng tôi lới ới tầm ba tầm...
Ai đem ới a tính tang tình rằng
Cho cô mình đội,
Xem hội cái đêm hôm rầm...
Rằng tôi lý ới a cây đa,
Rằng tôi lới ới a cây đa...
Vải nâu may áo,
May áo ới viền năm tà,
Rằng tôi lý ới viền năm tà,
Rằng tôi lới ới viền năm tà.
Ai đem tính tang tình rằng
Cho anh chàng mặc,
Xem hội cái đêm hôm rầm...
Rằng tôi lý ới a tháng giêng,
Rằng tôi lới ới a tháng giêng...

Những bài bỏ tiếng đệm, tiếng láy và tiếng đưa hơi.

Trót lời hẹn với nước non,
Kíp xe bối chỉ cho tròn bối tơ.
Quay tơ phải giữ bối tơ,.
Quay dăm ba bối đợi chờ bấy lâu.
Chơi cho trứng chọi đá tan,
Trăm hồ nghìn hải phá tàn rừng xanh.
Người như huê nở trên cành,
Em như con bướm lượn vành trên hoa.
Bây giờ anh lấy người ta,

Như dao cắt ruột em ra làm mười!

*

Anh như cây gỗ xoan đào,
Em như câu đối dán vào nên chăng?
Em như cây kiểng trên chùa,
Anh như con bướm đậu nhờ nên chăng?

*

Người về tôi đứng tôi trông,
Ước gì tôi được khăn hồng trao tay.
Ước gì người ở dưới này,
Tôi về trên ấy như cây có cành,
Xuân sang bước xuống vườn chanh,
Thấy hoa muốn hái, sợ cành có gai,
Trèo lên trái núi Thiên - thai[1]
Thấy đôi chim phượng ăn xoài biển đông.

*

Bây giờ tôi mới gặp tình,
Khác gì Kim Trọng thanh minh gặp Kiều.
Tiện đây tôi hỏi một điều:
Đài gương soi đến dấu bèo cho nhau?
Từ khi ăn một miếng trầu,
Miệng ăn môi đỏ, dạ sầu tương tư.
Vì người tôi phải viết thư,
Nhờ con chim nhạn đưa thư cho người.
Thư rằng: em chửa có ai.
Trên nghiên dưới mực giữa cài chữ sen.

---

(1) Núi Thiên - thai giáp làng Đông - cao thuộc huyện Gia - bình (nay là Gia - lương) tỉnh Bắc - ninh.

*

Tôi là con trai tỉnh Bắc
Lên trên sông Cầu.
Tôi đi buôn chỉ ngồi đầu hàng kim.
Lênh đênh chỉ nổi kim chìm,
Chỉ thời rơi mất, kim nay mập mờ!
Người ơi, với lấy tôi nhờ,
Những công lênh ấy bao giờ tôi quên.

*

Xuống đầm ngắt lá sen xanh,
Thấy chim loan phượng đỗ cành xoan dâu.
Người ơi, trở lại xơi trầu,
Ham nơi phú quí bỏ nhau sao đành!

*

Nên chăng kẻo luống công trình,
Không nên, uổng những công mình công tôi.
Mấy mưa biếng để lá vàng,
Yêu ai nên mệt, nhớ ai nên sầu!
Bây giờ kết ngãi Châu Trần,
Xuân ai cũng có một lần mà thôi.
Xa xôi xích lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần chăng tơ!
Ví dù người có lòng chờ,
Những công lênh ấy bao giờ dám quên.
Yêu nhau giữ lấy lời nguyền,
Xin đừng xẻ ván bán thuyền làm hai.
Yêu nhau đóng cửa không cài...

*

Hôm nay sum họp trúc mai,
Tình chung một khắc, nghĩa dài trăm năm.

*

Khen ai khéo nuôi con gà vàng,
Để đêm nó gáy cho nàng dậy khuya.
Ai lên chợ Thái buôn chè,
Để tôi buôn ấm ngồi kề một bên.
Chè ngon nấu với ấm bền,
Chè ngon được nước, ấm bền được lâu.
Chim khôn đỗ ngọn thấu dầu,
Khi vui nó đậu, khi sầu nó bay.
Tình thâm mong trả nghĩa dày,
Non kia có chắc cội này cho chăng?
Ngày xưa tôi dặn người rằng:
Đâu hơn người lấy, đâu bằng đợi tôi.
Đã đành có chốn thì thôi,
Đèo bòng chi mãi, tội trời ai mang?
Nghe lời người nói thâm can,
Tình càng thảm thiết dạ càng ngẩn ngơ.
Công tôi đi đợi về chờ,
Sao người ăn nói lững lờ như không!

*

Rượu sen càng nhấp càng say,
Càng yêu vì nết, càng say vì tình.
Đầy vơi chúc một chén quỳnh,
Vì duyên, duyên uống, vì tình, tình say.
Chúc chén này xin cạn chén này,
Vui tình, vui nghĩa, từ rày vui đi.
Xét tấm tình si,
Thiệt thân mà chả ích chi đến người.
Lả lơi bên nói bên cười,
Bên mời cố cựu, bên mời tình nhân.

Cùng nhau xích lại cho gần,
Làm thân con nhện mấy lần vương tơ.
Đi ngần, về ngơ...

*

Ra đường gặp khách cung mây,
Chẳng dây nào rối bằng dây tơ vò.
Thầy mẹ người vụng liệu vụng lo,
Đôi mươi mười tám chẳng cho lấy chồng.
Thầy mẹ người tham việc tiếc công!

*

Hôm nay lan huệ sánh bầy,
Đào đông ướm hỏi liễu tây một lời.
Lạ lùng ướm hỏi nhau chơi,
Nữa mai cá nước chim trời xa nhau!

*

Rủ nhau đi gánh nước thuyền,
Đứt quang vỡ sải nước liền ra sông.
Nhất chờ, nhị đợi, tam mong,
Tứ thương, ngũ nhớ, lục mong, thất bát cửu chờ!
Mặc trời đã xế về nam,
Trách ông Tơ hồng cùng bà Nguyệt lão
đa đoan nửa chừng!
Cây muốn lặng, gió chẳng muốn dừng.

*

Tay cầm dao mác,
Tay vác nắm nan,
Lên chùa thanh vắng, tôi đan cái lờ.
Hỡi người ăn mít bỏ xơ,
Ăn cá bỏ lờ, có nhớ tôi chăng?

*

Bồ câu bay thấp liệng cao,
Bay qua cửa phủ, bay vào trong dinh.
Ngọn đèn khêu gợi tâm tình,
Khêu lên cho tỏ, ta mình với nhau.
Nhìn nhau chả dám nhìn lâu,
Nhìn qua cho bõ cơn sầu chia ly.

*

Em đi khắp bốn phương trời,
Chẳng đâu lịch sự bằng người ở đây.
Gặp người má đỏ hây hây,
Răng đen rưng rức, tóc mây rườm rà.
Hôm qua em bận việc nhà,
Lòng em bối rối, tưởng là quan họ mong.
Đương trưa nghe vẳng chuông đồng,
Thấy con nhạn trắng lượn vòng đưa thư.
Thương ai, hết đứng lại chờ...

*

Con dao be bé sắc thay,
Chuôi sừng bít bạc về tay ai cầm.
Lòng tôi yêu vụng nhớ thầm,
Trách ông Nguyệt lão xe nhầm duyên ai!
Duyên tôi còn thắm chưa phai.
Hay là người đã nghe ai dỗ dành?

*

Nhất quế, nhị lan;
Nhất xinh, nhất lịch, khôn ngoan đủ trăm chiều...
Ai chả nâng niu,
Người khôn ai chả nâng niu,

Hoa thơm ai chả chắt chiu trên cành...
Cho hay là thói hữu tình,
Vì hoa nên phải lánh mình tìm hoa,
Cho trọn một bề...

*

Người đi em dặn người rằng:
Đâu hơn người lấy, đâu bằng đợi chúng em đây.
Người như tấm vóc đại hồng,
Em như chỉ tuyến, thêu rồng nên chăng?
Cầu tre ai bắc gập ghềnh,
Quan họ đi khéo, lấm mình ai thương!
Lấm mình có chúng em nâng...

*

Chim khôn đỗ ngọn thầu dầu,
Người vui có chốn, em sầu có nơi.
Đã đành có chốn thì thôi,
Đa mang chi nữa, tội trời ai mang?
Song rằng sớm biết tuổi vàng,
Lòng càng thảm thiết
Tưởng người đi gió về mưa xót thầm.
Những nguyền đôi chữ đồng tâm...

*

Thuyền thúng là thuyền thúng ơi,
Có ai về trong quan họ cho tôi về nhờ.
Tay tôi chèo đò sang tới bãi Dương - khê,
Thuyền xuôi như chấp cánh, gió đưa đằng nguồn.
Tay tôi chèo đò chở khách rong chơi...

*

Tiếc thay bụi quế non vời,
Những lời người nói biết đời nào quên.

Bao giờ lở núi Tản - viên,
Cạn sông Tô - lịch chẳng quên nghĩa người.
Nghĩa người em để trên cơi,
Nắp vàng đậy lại, để nơi em nằm.
Mỗi ngày sáu bảy lần thăm...

*

Bực mình lên tận Thiên cung,
Đem ông Nguyệt lão xuống hỏi thăm vài lời.
Nỡ lòng trêu ghẹo chi tôi,
Lênh đênh bèo nổi mây trôi một thì.
Biết người biết mặt nhau chi,
Để đêm em tưởng, ngày thì em mơ.
Bắc - ninh cho đến Phủ - từ,
Qua cầu sông Nhị, ngẩn ngơ tìm người.
Tìm người chẳng biết mấy nơi.
Tìm ba mươi sáu phố, thấy người ở đây.

4. HÁT GIẶM NGHỆ- TĨNH.

Ở Nghệ - tĩnh có một loại hát rất hấp dẫn là hát giặm. Tiếng giặm có nghĩa là ghép vào, điền vào, đan vào một chỗ thiếu. Nó có nghĩa như "giặm một vài cái nan vào một cái rổ rách" như đồng bào miền Bắc thường nói. Lối hát giặm có thể xuất hiện ở Nghệ - tĩnh cách đây ba bốn trăm năm, nguồn gốc nó ra sao, hiện nay chúng tôi chưa tìm được tài liệu chính xác.

Về nội dung, nhiều bài hát giặm rất tình tứ và cũng có một số bài có tính chất chống giai cấp phong kiến. Về hình thức, phần nhiều các bài hát giặm đều gồm những câu năm chữ và cước vận, tức vần ở cuối câu: cứ hai câu cuối mỗi đoạn lại láy lại một ý, điệp cả về ý lẫn lời, như:

Tôi lấy chân khỏa lại,
Tôi lấy bàn khỏa lại...

Hay:

Thấy những lời kêu trách,
Nghe những lời kêu trách.

Như vậy, một bài có mười hay mười hai đoạn thì cũng có thể có tới mười hay mười hai câu điệp như thế, đọc thì thấy vướng, nhưng hát lên, có một ảnh hưởng khác là ý của câu hát được nổi lên.

Hát giặm cũng có hai ba lối trình diễn: có lối nam nữ đối đáp; có lối vài ba người hát kể lên một giai thoại hay một việc mới xảy ra trong miền mà nhân dân cho là có hại đến phong hóa; lại có lối

kể một sự tích gì có tình tiết, nội dung và hình thức đều được trau chuốt[1]

Hát giặm Nghệ - tĩnh không phải hoàn toàn do nhân dân sáng tác, cũng có bài do những người nho sĩ sáng tác, nhưng cũng đã được nhân dân ưa thích và phổ biến rộng rãi. Những bài của các nho sĩ thường có nhiều thành ngữ bằng chữ Hán và cũng hay dùng điển tích rút ra ở sử sách Trung Quốc.

Trai: .....

Tiết thanh nhàn thong thả,
Muốn thăm hỏi vài câu.
Cuốc thánh thót kêu sầu,
Gió phảng phất mùa thâu,
Nhớ trong sách đã lâu:
Chuyện: "Tư- mã phượng cầu"
Thương thì mũi tìm trâu
Trâu đâu tìm chạc mũi?

Gái:

Trời mở rộng phong quang,
Giã ơn trời mở rộng phong quang.
Em đánh tiếng thưa sang,
Đêm tàn canh vò võ.
Tay em cầm con bấc đỏ,
Mong bỏ đĩa dầu đầy,
Mời bạn ở lại đây.
Ròng rã tay bắt tay.
Đôi ta đã giở lời rày.
Tình đó với nghĩa đây.

(1) Xem mục Vè, có những bài hát giặm mà người ta gọi là "Hát giặm vè".

Giống như đọi nác [1] đầy,
Bưng nhẩn nhẩn [2] trên tay.
Không khuya sơ một hột,
Gió nỏ[3] triềng một hột,
Công đôi ta thề thốt,
Kể đã mấy niên rồi.
Lòng đã quyết lứa đôi,
Ngãi đã quyết thề bồi.
Nhất ngôn nói hẳn lời,
Đừng bốn chốn, ba nơi,
Đừng trăng gió chào mời.
Trăng nhiều trăng rạng rỡ.
Trăng nhiều đèn rạng rỡ.

Gái:

Em đã có chồng rồi,
Em đã có lứa rồi,
Vung úp đã vừa nồi,
Đũa ghép đã thành đôi.
Bạn đừng có ỡm ờ với tôi!
Tôi lấy chân khỏa lại,
Tôi lấy bàn khỏa lại.

Trai:

Têm một quả trầu không,
Bỏ vô hộp con rồng.
Đi băng nội băng đồng,
Qua năm bảy khúc sông,

---

(1) Nước,
(2) Nhẩn nhẩn là cho chắc và cân.
(3) Nỏ là chẳng, không

Qua chín mười đỗi đông,
Nghe tin em đã có chồng,
Anh quăng lắc vô bụi.
Bạn gạt tùa vô bụi.

*

Anh thương em một tháng hai kỳ,
Dồn đi tính lại, cũng như mười ngày.
Năm rộn mà chầy,
Có hai mươi bốn miện [1]
Xuân qua rồi hè đến,
Thu đã muộn, đông rồi.
Nhớ bạn cũ chưa nguôi,
Sang lập xuân, vũ thủy.

Đêm em nằm em nghĩ:
Nghĩ kinh trập, xuân phân,
Lòng tưởng sự ái ân,
Sang thanh minh, cốc vũ.
Đêm em nằm nỏ ngủ,
Nhớ bạn mãi thường thường.
Tiết lập hạ nhớ thương,
Bước sang tuần tiểu mãn.

Trông ra ngoài chán chán.
Tiết mang hiện lại gần.
Người đập đất, gánh phân.
Để mùa màng gặp hái.

(1) Miện là kỳ.

Anh thương em mãi mãi,
Sang hạ chí tiết hè,
Em nghe tiếng sầu ve,
Em buồn trong gia sự,
Bạn buồn thầm gia sự.

Tiết tiểu thử, đại thử,
Trời nắng sốt lắm thay!
Ra ngồi tựa cội cây,
Anh với em than thở...
Bạn với mình than thở.
Tiết lập thu, xử thử,
Ai diều sáo mặc ai,
Vàng lác đá giếng tây,
Ta thương người bạn cộ [1]
Nhớ mãi người bạn cộ.

Vừa đến tiết bạch lộ,
Bầy chim trắng bay sang.
Cây heo hắt lá vàng,
Sang thu phân hàn lộ.
Đêm em nằm, em chộ [2]
Tiết sương giáng lại kề.
Trông bạn cũ ta về,
Sang lập đông giá rét.

Tiết tiểu tuyết, đại tuyết,
Trời giá rét lắm thay!

---

(1) Bạn cộ: bạn cũ
(2) Chộ: thấy

Sang đông chí, cấy cày,
Dạ bồi hồi nhớ bạn.

Tiết tiểu hàn chưa dạn,
Đã bước sang đại hàn.
Dạ tưởng nhớ người ngoan,
Vừa năm cùng, tháng tận;
Vừa cuối mùa cuối tận.

Phận lại ngồi trách phận,
Phận nỏ dám trách phận!
Anh thương em từ tháng giêng đến tháng chạp [1]

(1) Trích ở quyển Hát giặm Nghệ Tĩnh đã nói trên

5. HÁT VÍ NGHỆ - TĨNH.

Hát ví Nghệ - tĩnh là những loại dân ca xuất hiện trong nghề nông và nghề thủ công. Có nhiều điệu hát ví, như hát phường vải, hát phường cấy, hát đò đưa, hát phường buôn,v.v... Trong những điệu hát này, hát phường vải và hát phường cấy có tổ chức và phổ biến hơn cả.

HÁT PHƯỜNG VẢI.

Ở nước ta có nhiều vùng dệt vải và nơi nào cũng đều có hát, nhưng không phải ở đâu hát cũng có tổ chức. Thường thường người ta nhớ câu nào hát câu ấy cho vui. Riêng ở Nghệ - tĩnh, hát phường vải đi vào lề lối, có tổ chức và có một phong cách riêng. Có một số xã ở Thạch - hà, Kỳ - anh thuộc Hà - tĩnh và một số xã ở Thanh - chương, Anh - sơn thuộc Nghệ - an hay hát phường vải, nhưng hát thịnh hành nhất là ở Nam - đàn. Trong lối hát phường vải, có hát đối hát đáp giữa thanh niên nam nữ. Thời xưa đã có những người tài hoa và hay chữ có tiếng, như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu đã tham gia các buổi hát phường vải.

Những câu hát phường vải là những câu biểu lộ tâm tình của hai bên trai gái, hoặc là những ước mơ về yêu đương, hoặc là những lời oán trách kẻ chia rẽ tình duyên, và bao giờ cũng lạc quan, tin tưởng. Hát phường vải gồm có bốn giai đoạn, giai đoạn thứ nhất là hát dạo, hát mừng, hát chào và hát hỏi; giai đoạn thứ hai là hát đố và hát đối; giai đoạn thứ ba là hát mời và hát xe kết; giai đoạn thứ tư là hát tiễn.

GIAI ĐOẠN 1

Hát dạo.

Bấy lâu thức nhắp mơ màng,
Bên rèm tiếng gió, đầu giường bóng trăng.

*

Bấy lâu nghe hết tiếng nàng,
Bên anh nức tiếng đồn vang đã lừng.
Nghe tin anh cũng vội mừng,
Vậy nên chẳng quản suối rừng anh sang.

*

Bấy lâu anh mắc chi nhà,
Để em dệt gấm thêu hoa thêm sầu.

*

Đồn rằng cá uốn thân vây,
Đồn em hay hát, hát hay anh tìm.

*

Chốn này vui vẻ tưng bừng,
Hạc nghe tiếng phượng xa chừng tới nơi.

*

Đêm khuya trời lạnh, sương im,
Tai nghe tiếng nhạc chàng Kim tới gần.

*

Dừng xa, khoan kéo, ơi phường!
Hình như có khách viễn phương tới nhà.

*

Đi qua, nghe tiếng em reo,
Nghe xa em kéo, muốn đeo em về.

*

Đi ngang trước cửa nàng Kiều,
Dừng chân đứng lại, dặt dìu đôi câu.

*

Đi ngang thấy búp hoa đào,
Muốn vào mà bẻ, sợ bờ rào lắm gai.

*

Đồn đây là chốn Đào- nguyên,
Trăng thanh gió mát, cắm thuyền dạo chơi.

*

Lạ lùng anh mới tới đây,
Thấy hoa liền hái, biết cây ai trồng.

*

Đến đây vàng cũng như son,
Ai ai thời cũng như con một nhà,

Hát mừng, hát chào.

Khi máy mắt, khi nhện sa,
Khi chuột rích trong nhà,
Khi khách kêu ngoài ngõ,
Tay em đưa go đủng đỉnh,
Tay em chìa khóa động đào,
Bước năm lần cửa, ra chào bạn quen.

*

Mừng rằng bạn đến chơi nhà,
Cam lòng thục nữ gọi là trao tay.

Hát hỏi.

Em có chồng rồi, em nói rằng chưa,
Tội riêng em đó, nỏ lừa được anh!

*

Em chưa có chồng, em mới đến đây,
Chồng rồi, chiếu trải màn vây ở nhà.

GIAI ĐOẠN II

Hát đố và hát đối.

Anh về chẻ lạt bó tro,
Rán sành ra mỡ, em cho làm chồng.

*

Em về đục núi lòn qua,
Vắt cổ chày ra nước, thì ta làm chồng.

*

Trai thanh xuân ngồi hàng thuốc bắc,
Gái đông sàng cảm bệnh lầu tây.
Hai ta tình nặng nghĩa dày,
Đối ra đáp được, lúc này tính sao?

*

- Đến đây hỏi khách tương phùng,
Chim chi một cánh bay cùng nước non?
- Tương phùng nhấn với tương tri,
Lá buồm một cánh bay đi khắp trời.

*

- Lá gì không nhánh không ngành?
Lá gì chỉ có tay mình trao tay?
- Lá thư không nhánh không ngành,
Lá thư chỉ có tay mình trao tay.

*

- Nghe tin anh học có tài,
Cha thầy Mạnh - tử là ai rứa chàng?
- Thầy Mạnh, cụ Mạnh sinh ra.
Đù mẹ con hát, tổ cha thằng bày!

*

- Người Kim - mã cưỡi con ngựa vàng,
Đất Phù - long[1] rồng nổi thì chàng đối chi?
- Người Thanh - thủy gặp khách nước trong.
Hoành - sơn ngang núi, đã thỏa lòng em chưa?

*

- Nghe anh bôn tẩu bấy lâu,
Nghệ An có mấy chiếc cầu hỡi anh?
-Nghệ An có ba mươi sáu chiếc cầu,
Phồn hoa đi lại bốn cầu mà thôi:
Cầu danh, cầu lợi, cầu tài,
Cầu cho đây đó làm hai giao hòa.

*

- Nhớ em nhất nhật một ngày,
Đêm tơ tưởng dạ, lòng rày nhớ trông.
- Chờ em nửa tháng ni rồi,
Ôm đờn bán nguyệt, dựa ngồi cung trăng.

*

- Nghe tin anh giỏi, anh tài,
Đào tiên một cõi Thiên - thai ai trồng?
- Thiên - thai là của nàng Kiều,
Riêng chàng Kim Trọng sớm chiều vào ra.

---

(1) Vùng chợ Vực ở Hưng - nguyên

GIAI ĐOẠN III

Hát mời.

Chén ngà sánh giọng quỳnh tương,
Mời chàng nho sĩ văn chương bước vào.

*

Chè ngon, nước chát, xin mời,
Nước non, non nước, nghĩa người chớ quên!

*

Mời chàng mãi mãi không vào,
Bán mua chi đó, làm cao rứa chàng?

*

Khách tri âm đã tới sân hòe,
Mời ngồi chiếu phượng mà nghe thiếp đàn.

Hát xe kết.

Đôi ta bắt bén nhau rồi,
Ai vo chẳng sạch, ai nhồi chẳng đi.

*

Đêm khuya cưởi[1] xuống dần dần,
Sao hôm xích lại cho gần sao mai.

*

Thương em vô giá quá chừng,
Trèo truông quên mệt, ngậm gừng quên cay.

*

Đôi ta như cúc với khuy,
Như kim với chỉ, may đi cho rồi.

(1) Cưởi là sương

*

Tay cầm nhành quế mà than,
Tuổi xuân xanh không gặp bạn, buổi hoa tàn gặp nhau!

*

Trăng lên khỏi núi trăng nghiêng,
Chờ cho biển cạn, lèn nghiêng cũng chờ.

*

Nhớ chàng, sáng đứng trông xuôi,
Trưa ra ngó ngược, tối ngồi trông ra.

*

Vì ai cho bướm nguôi hoa,
Cho tằm nguôi kén, cho ta nguôi mình.

*

Thân em như cây thầu đâu,
Ngoài tươi, trong héo, giữa sầu tương tư.

*

Trăm năm ai chớ quên ai,
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim.

*

Thép mài thì thép nên kim,
Chỉ thêu lâu nên gấm, duyên có tìm duyên mô!

GIAI ĐOẠN IV.

Hát tiễn.

Ra về nhớ lắm, em ơi!
Nhớ xa em kéo, nhớ lời em than.

*

Yêu nhau chưa ráo mồ hôi,
Chưa tan buổi chợ, đã rời nhau ra.

*

Ra về, lòng lại dặn lòng,
Chanh chua chớ phụ, ngọt bòng chớ ham.

*

Chưa đi, anh đã vội về,
Đã đi đừng vội, vội về đừng đi.

*

Chàng về thì thiếp xin đưa,
Lạy trời hãy nắng, đừng mưa trơn đường.

*

Ra về, gửi bốn câu thơ,
Câu thương, câu nhớ, câu chờ, câu mong.

*

Rau má là lá lan dây,
Đã trót dan díu, ở đây đừng về.
Rau má là lá lan thề,
Đã trót dan díu, đừng về ở đây.

*

Phường ôi, đốt đuốc cho nhờ,
Kẻo mà đứt chỉ, mối rờ không ra!

*

Em ra về rồi, đừng nhắc em liền,
Kẻo em sầu não, em quên việc mần.

*

Trách con gà gáy vô tình,
Chưa vui sum họp, đã đành chia phôi...[1]

---

(1) Trong số những câu hát phường vải trên đây, có nhiều câu do ông Ninh Viết Giao sưu tập.

HÁT PHƯỜNG CẤY

Xưa kia, ở Nghệ - tĩnh làng nào cũng có lối hát này. Cứ mùa cấy đến, nhà nào tụ tập được nhiều cô thợ cấy tươi giòn và hát hay là tin đồn khắp xóm, khắp làng; rồi tối đến, thanh niên kéo đến hát. Nội dung những câu hát phần nhiều là về tình yêu nam nữ. Lề lối hát cũng tương tự hát phường vải: thoạt đầu là hát chào, đến hát thăm, rồi đến hát tiễn.

Hát chào.

Bên nam cất tiếng hát:

Nhân đêm thong thả mát trời,
Nghe tin bướm nhắn, vội dời gót qua.
Đến đây mừng cảnh, mừng hoa,
Trước mừng hai cố[1], sau ra mừng phường,

Nữ:

Ở nhà mới bước chân ra,
Vừa trầm ô giáng cội, cho ta hay trầm.

Nam:

Ở nhà con khách mách tương liên [2],
Con nhện sa trước mặt, đi ra tự nhiên gặp nàng.

Nữ:

Vừa ra, vừa gặp anh đây,
Một là duyên kỳ ngộ, hai trời xây đất vần.

Nam:

Vừa ra, vừa gặp người giòn,
Cũng bằng hoa nở hội bóng tròn tốt tươi.

---

(1) Hai cố đây là hai vợ chồng chủ nhà.
(2) Tương liên, đây có nghĩa là liên hồi.

Hát thăm.

Nam:

Đến đây lạ bến, lạ rào [1],
Hỏi con chim hồng nhạn ở phương nào lại đây?
Kẻo mai nhớ núi chim về,
Ai nhớ chim muốn hỏi, biết thư đề ra sao?

Nữ:

Em đây là con chim phượng,
Chị em đó là con chim nga,
Từ Bằng - sơn bay lại, bướm gặp hoa là tình.
Hỏi anh quí tính, phương danh,
Mai ra đường gặp bạn, khỏi mang tiếng vô tình làm ngơ.

Nam:

Trăng lên có chiếc sao châu,
Hỏi thăm đào liễu đã ăn trầu ai chưa?

Nữ:

Mận hỏi thì đào xin thưa:
Vườn hồng có lối, nhưng chưa ai vào.

Nam:

Đến đây quen ít, lạ nhiều,
Ai tư điền, tư thổ, xin tiêu lên kẻo lầm [2].
Tri âm chưa tỏ tri âm,
Muốn cho bên quạt, bên trâm sánh bày [3].

Nữ:

Ngọc lành ngồi đợi giá cao,
Vàng mười ngồi đợi tước lục tào ban ra [4].

---

(1) Rào là sông nhỏ, nước cạn, có thể lội qua

(2) Nghĩa là: Có ai hò hẹn riêng gì với nhau về tình duyên rồi, thì cũng nói ra cho khỏi lầm.

(3) Theo điển tích ở Truyện Kiều của Nguyễn Du: bên trâm, bên quạt làm tin.

(4) Vàng mười đang đợi chứng chỉ chính thức. Lục tào đây có nghĩa như lục bộ thượng thư.

Mượn người làm mối hai ta,
Mai thành công chi mỹ, ta đến nhà trả ân.

Nam:

Đã chắc chi chăng, đã hẳn rứa chăng?
Để anh về đong nếp cái, gạo ba trăng đợi chờ.

Nữ:

Em xin anh một thúng nếp dừ [1],
Một con lợn cũi, gánh đòn tư cho chừng chàng.

Nam:

Cha mẹ em đòi răng nấy, anh cũng đi.
Sau về đồng công, trự nợ, chớ vân vi đến chàng.

Nữ:

Lễ vấn danh, anh coi lấy đó mà đi,
Kẻo sau về đồng công, trự nợ, tội thì nhọc ta.

Hát kết.

Nữ:

Anh về thưa với mẹ cha,
Trồng dâu cho tốt, tháng ba nuôi tằm.

Nam:

Em về thưa với thung huyên,
Chốn này ta đã thành duyên nhau rồi.

Hát tiễn.

Nam:

Ra về răng được mà về?
Bức thư ai gửi, lời thề ai trao?

Nữ:

Ra về răng đứt, răng đành?
Ra về bỏ múi tơ mành ai quây?

---

(1) Nếp dẻo.

Nam:

Ra về lòng lại dặn lòng,
Cam chua chớ phụ, ngọt bòng chớ ham.

Nữ:

Vì cam nên quít đèo bòng,
Vì anh cần mẫn, nên lòng em mơ.

Nam:

Ra về bẻ lá cắm đây,
Đến mai ta nhớ chốn này ta qua,

Nữ:

Trăng khuya soi bóng anh đi,
Thấy chân anh bước, ruột em thì quặn đau!

(Những câu hát và lời chú thích đều trích ở quyển Hát ví Nghệ - tĩnh của Nguyễn Chung Anh- Nhà xuất bản Văn - Sử - địa- 1958).

HÁT ĐÒ ĐƯA

Hát đò đưa là một điệu hát ví trong khi chèo đò. Khi hát một mình, người ta gọi là "hát buông"; khi có hai thuyền đi song song hay khi có thuyền trước thuyền sau cùng đi, trai thuyền nọ hát đối đáp với gái thuyền kia thì người ta gọi là "hát cuộc". Người hát thường thường là người chèo đò, cũng có khi là khách đi thuyền. Nội dung những câu hát đò đưa cũng về tình duyên, nhưng luôn luôn liên hệ đến cuộc sống bềnh bồng trên sông nước.

Cau khô ăn với hạt hèo [1],
Lấy chồng đò dọc, ráo chèo, hết ăn [2].

(1) *Hạt hèo* là hạt ở cây hèo, ăn hơi chan chát; thân cây này làm gậy tốt lắm.
(2) *Ráo chèo* là mái chèo khô không dùng đến; ý nói không có việc làm.

*

Một trăm ông lái thanh nhàn,
Không thương trai bạn cơ hàn nắng mưa.

*

Một sông hồ dễ mấy cầu,
Một mình em hồ dễ ăn trầu mấy ai?

*

Nước lên lấp xấp bờ đình,
Một trăm nuộc chạc,[1] em chung tình nuộc mô?

*

Nước lên lấp xấp bờ biển [2],
Người ta sang cả, em cắm thuyền đợi ai?

*

Sông dài thì lắm đò ngang,
Anh nhiều nhân ngãi, em mang oán thù.

*

Từ ngày nhổ nọc lui thuyền,
Sông bao nhiêu khúc, dạ em phiền bấy nhiêu.

*

Nước lên lấp xấp cầu dày,
Anh quen em mới được một ngày thuyền lui.

*

Một trăm chiếc nốc [3] chèo xuôi,
Không có chiếc mô chèo ngược, để ta gửi lời viếng thăm.

---

(1) Nuộc chạc là mối dây.
(2) Bờ biển là bãi bên sông.
(3) Nốc là thuyền.

*

Nước ngược anh bỏ sào xuôi,
Khúc sông bỏ vắng, có người sầu riêng.

*

Từ vạn Sót đến vạn Cài,
Từ Trúc, Trổ, Hồ, Trai,
Từ Phù - long, Xuân - liệu [1]
Anh chỉ thấy một ngài[2] như em.

*

Nước chảy cho đá trôi nghiêng,
Anh vui chung thiên hạ, em sầu riêng một mình.

*

Công anh lên thác xuống ghềnh.
Vô Trang, ra Hội [3], không thành thất gia.

(trích ở quyển Hát ví Nghệ - tĩnh của Nguyễn Chung Anh).

---

(1) Vạn Sót là Cửa Sót ở Thạch - hà; vạn Cài là đò Cài ở Can - lộc; Trúc là chợ Trúc ở Hương - khê; Trổ là chợ Trổ ở Đức - thọ; Hồ là Yên - hồ; Trai là đò Trai ở Đức - thọ; Phù -long là vùng chợ Vực ở Hưng - nguyên; Xuân - liệu ở Nam - đàn. Thuyền xuôi ngược thường hay ghé vào những nơi này.
(2) *Một ngài* là một người
(3) Trang là vùng Cửa Sót (Hà - Tĩnh); Hội là vùng Cửu - Hội Nghệ - An.

6. HÁT DÂN CHÀI

Những câu hát của dân chài cũng biểu lộ, như những câu hát ở nông thôn nói chung, sự quan hệ của con người với thiên nhiên, với xã hội. Nó thường biểu lộ tình yêu thắm thiết của nam nữ và những nhận định, những kinh nghiệm đã rút được trong khi đi nghề.

Đặc điểm của những bài hát dân chài là dù biểu lộ tư tưởng tình cảm gì, nội dung bài hát bao giờ cũng phản ánh một vài khía cạnh của lao động sản xuất trong nghề mình.

Thương thay chút nỗi anh kheo [1],
Buồm bè chả có, kéo neo suốt ngày [2]
Người đời tưởng thế là hay,
Chưa vô khỏi nước, gang tay đo liền [3].

*

Ngồi buồn chặt thép uốn câu,
Chặt cần, xe chỉ, buộc phao, mắc mồi.
Trải chiếu ra ngồi bờ sông bến mát,
Anh ngồi trên bến, cát trắng như bông;
Anh mang xuống sông, buồm rung gió thổi,

(1) Kheo đây là đi cà kheo trên bãi biển ngập nước.
(2) Kéo neo suốt ngày là làm việc suốt ngày không nghỉ.
(3) Gang tay đo liền, một nét đặc biệt về nghề kheo là ruốc vào kheo nằm trong một túi dài. Khi lên bờ, người mua ruốc chỉ việc đo cái túi ruốc bằng gang tay mà trả tiền.

Kẻ lặn người lội, kẻ chắn người đăng.
Nước đục băng lăng, phao chìm cần động,
Giật lên mau chóng, kẻo cá nhả mồi.
Mình lấy được ta, bõ công ao ước,
Ta lấy được mình, khỏi ước không ao.

*

Mẹ ơi, con chẳng lấy chồng xóm câu,
Cái tay thì thối, cái đầu thì hôi.
Chiều chiều cắp rổ mua mồi,
Mua thì không được lại ngồi mà lo.
Chạy lên cho đến làng Đò[1],
Người xẻo không có, người mò cũng không.
Chạy về cho đến làng Đông [2],
Con ngồi con khóc, chồng trông ở nhà.

*

Mẹ ơi, đừng gả chồng xa,
Tuy rằng kẻ bể, đất ta cũng màu.
Đi về, con cá, lá rau,
Mua gạo chợ Vực, mua trầu chợ Đông[3],
Lấy ai cũng lấy một chồng,
Kiếm ăn ngày tháng, no lòng thì hơn.

*

Nàng đứng ở đó làm chi,
Nàng về kẻ bể mà đi kéo rùng.

---

(1)(2) Làng Đò, làng Đông đều thuộc miền duyên hải, huyện Hoằng hoá, tỉnh Thanh hoá.
(3) Chợ Vực, chợ Đông đều thuộc huyện Hoằng - hoá, tỉnh Thanh - hoá

Nhà tôi nghề giã, nghề sông,
Lặng thì tôm cá đầy trong, đầy ngoài.
Cá trắng cho chí cá khoai,
Còn như cá lẹp, cá mai cũng nhiều.
Quí hồ nàng có lòng yêu,
Cái đường đi lại còn nhiều khi ta.
Nàng về thưa với ông bà,
Có cho nàng lấy chồng xa hay đừng?

*

Khoe khoang có một phần rừng,
Rừng đi chín bữa về không cả mười.
Nói ra sợ chúng bạn cười,
Về nhà vợ chửi ra người trời bêu.

*

Tay chiêu ăn cả vàng rừng [1]
Dây lưng củ mật, gõ không mặt nào.
Dường [2] thì sợi thấp, sợi cao,
Bè thì sủng lỗ, thợ nào dám lên.

*

Cái cáy chả mấy trăm đồng,
Dầm sương, dãi nắng, má hồng nàng phai.
Nàng đi lắm thì vú nàng sa quai,
Chẳng thà đan lưới, chắp gai anh cùng.
Nhà anh gần biển, gần sông,
Canh chan, dấm húp, chiều lòng ăn chơi.

---

(1) Ý nói một mình có cả một bộ rùng đánh cá.
(2) Dây mép của lưới rùng

*

Trời cao, cao bấy không xa,
Đất kia rộng vậy, thế mà dày sâu.
Bể xa, thiên địa mù mù,
Biết muôn cửa lạch, biết mô sông cùng.
Nước đầy ngoài biển nước lại vô sông,
Ngoài biển nhá trẹn[1], trong đồng kiệt khô.
Nước thủy triều, nước đi mô?
Lúc lên, lên khắp, lúc khô, khô rồi.
Trăm khúc sông, khúc lở, khúc bồi,
Khúc lở thành vực, khúc bồi thành non.
Ngòi sông lớn, ngọn sông con,
Nước ở ngoài biển, nước tuôn vô đồng.
Trăm năm kể hết sông cùng,
Lý ngư còn đợi bên sông hững hờ.

*

Lắng nghe nàng nói cũng màu,
Tháng chạp rùng kéo cá rầu, lành canh.
Bẹ dày cho chí thu lanh,
Cá lẹp, tôm sắt lại dành hố đao [2].
Hố rồng, hố hột [3] nhiều sao,
Đất thì anh bán, rẻ vào thùng khoang.
Bõng nay gặp được cô nàng,
Con nhà thảo thuận trong làng xưa nay.
Chưa ai kết ngãi xướng tùy,
Hay là bác mẹ nay thì cấm ngăn?

---

(1) Nước cả, nước lớn.
(2), (3) tên một thứ cá.

Hay là ông Nguyệt dùng dằng,
Mà xe anh lại chơi trăng trước nhà?
Nàng về thưa với ông bà,
Để anh kiếm lễ lên nhà vấn danh.

*

Lắng nghe nàng nói cũng xinh,
Một chạp gõ lại giao đanh cá mòi.
Ai ơi, đứng lại mà coi,
Thợ chèo, bạn ngoáy ngoài khơi cũng tình,
Khen thay chút nỗi cô mình,
Thuyền kia mỏng lái, lênh đênh giữa vời.
Thợ tài, bạn mạnh, mình ơi!
Thương em là gái nắng nôi dãi dầu.

*

Em về kẻ bể với anh,
Chấp gai đan lưới cho thanh con người.
Đất kẻ bể là đất ăn chơi,
Không giàu cũng khá, ở trên đời bóng đá chân chim.
Chưa vợ, anh mới đi tìm,
Ra đường lại gặp được em chưa chồng.
Em chưa chồng đã đành một lẽ,
Anh chưa vợ từ bé đến nay.
Tình cờ ta gặp nhau đây.
Bên đông thì bể, bên tây thì cồn.
Bên trên thì có núi Trường [1],
Bên ngoài hòn Nẹ, cô nường nghĩ sao?

*

(1) Tức núi Kẻ - hường hay núi Sấm - sơn

Em là con gái nữ nhi,
Sợi gai, mắt lưới, chẳng bì cùng ai.
Đôi bên bác mẹ thì già,
Kiếm tí rùng rách để mà kéo tôm.
Giêng, hai, ti tí giông nồm[1];
Rùng đi ra bể, lại ồn lẩm đoan [2]
Tháng ba anh xuống lưới quàng,
Cá xủ, cá xác, cá han, cá thiền.
Tháng tư anh mới xuống kheo,
Êm rung lặng gió, ruốc kheo vào bờ.
Đôi ta kết chỉ xe tơ,
Ruốc ràm người đánh đổ bờ chan chan.
Tháng năm te chạy hết ngàn,
Cá trà [3] cũng lắm khơi đàng vào ra.
Tháng sáu gõ đánh cá hoa,
Cá bẹ, cá trắng cùng là thu lanh.
Tháng bảy là tháng hiền lành,
Lưới khoai [4] đánh những lành canh, cá thè.
Tháng tám nùng nục tôm he,
Lưới dở [5] ra xuống Mả Nghè [6] cũng đông.
Tháng chín là tháng giã sung [7],
Bằng chặng, láo mắt cùng là láo tây [8].

---

(1) Một hiện tượng thiên nhiên ngoài biển báo hiệu gió nồm sắp thổi.
(2) Tên một thứ cá.
(3) Còn gọi là cá chim
(4) Lưới mắt nhỏ
(5) Lưới mắt vừa
(6) Tên một cái vụng ở gần Sầm - sơn
(7) Tên dụng cụ đánh cá, như: lưới, giã, rùng. . .
(8) Tên các thứ cá.

Hồng hoa, cá ruối thiếu gì,
Kể giống cá quý, kể chi cá chuồn.
Tháng mười anh mới kể luôn,
Câu bè người đánh những tuồng cá dưa.
Quí hồ phận đẹp duyên ưa,
Kìa như tôm sắt gặp dưa tháng mười.
Tháng một là tháng không vừa,
Rủ nhau mua cá câu dưa để dành.
Tháng chạp văng kéo lùng quanh,
Cá cồi, cá lụ để dành tháng giêng.

7. CA HUẾ

Ca Huế là những điệu hát chúng ta đã có từ lâu; nó có thể xuất hiện vào những năm đầu thời Lý sau khi ta tiếp xúc với Chiêm - thành và sau khi có một số cung nữ Chiêm - thành biết hát biết múa bị đưa về Việt Nam. Các nghệ nhân Việt Nam đương thời đã Việt hóa một số điệu Chiêm - thành, xây dựng nên khúc "Chiêm - thành âm", giọng bi thương ai oán. Mặt khác, ca Huế lại chịu ảnh hưởng từ khúc Trung Quốc. Tuy chịu ảnh hưởng các điệu ca hát nước ngoài như vậy, lại xuất hiện đầu tiên ở cung đình, nhưng một khi được phổ biến rộng rãi trong dân gian, nó có ngay những phong cách riêng biệt, rất trữ tình và được nhân dân Bình- Trị- Thiên (nhất là Thừa - thiên) hay ca hát. Những điệu Bắc thì vui vẻ, đầm ấm; còn những điệu Nam thì sầu cảm bi thương. Đó là những điệu hát có thể cung cấp cho nghệ thuật sân khấu những mặt biểu diễn tình cảm phong phú.

Cổ bản.

Duyên thắm duyên càng đượm, vì giống đa tình.
Thêm nhiều ngày, mặn nồng càng xinh;
Bực khuynh thành thực là tài danh.
Song duyên kia đừng phụ, nào trách chi mình.
Chỉ non thề nguyện cùng trời xanh,
Lòng dặn lòng cho đành,
Nỗi kết minh (kết minh).

Thư nhạn đưa tin (đưa tin) tháng ngày,
Nguồn ân ái dám đâu vơi đầy;
Thương càng bận, làm bận lòng đây,
Vấn vương tình tự vì đây.
Tơ hồng khéo xe, thực là may!
Trăng rọi thềm hoa,
Lầu ngọc sáng lòa.
Hương thơm ngát nhà,
Khắp gần xa
Tiếng đàn hòa ca,
Ngâm vịnh mấy chén quỳnh,
Say sưa cùng mình.
Sánh tày vai
Nhân ngãi (nhân ngãi) lâu dài,
Thực là vui, dám nào phai.
Tâm đầu ý hợp, như rứa mấy người.
Ngọc vô hà, Biện Hòa mời hay.
Một ngày tương tri tình si, ấy là ai.
Muôn vàn không ngại, mua ngay tiếng cười,
Gọi mười người như mười.
Anh hùng có đâu, có là đâu.
Thôi thôi đừng, thôi đừng năn nỉ, suy nghĩ thêm sầu.
Mặc ai đầu,
Lại hầu thương yêu,
Mặn nồng bao nhiêu.
Đường còn lâu
Chút tình sâu,
Vui lòng ưng ý, danh lị chi cầu!

Kim tiền.

Xa xôi gửi lời thăm,
Lúc nhắn nhe đôi bạn sắt cầm,
Mong kết nghĩa đồng tâm

Với người tri âm.
Thương nhau hoài, nhớ nhau mãi,
Thương nhau hoài, ai chớ phụ tình ai.
Duyên vì trúc mai,
Trúc mai hòa hợp, cùng bạn lâu dài.
Đặng dài lâu dài.
Thương thì xin đó đừng phai (thương thì xin đó đừng phai)
Ấy ai tình tự, dạ tạc (tạc dạ) chớ phai.
Chớ phai, hỡi người tình tự..!

Tứ đại cảnh.
Cơn phong trần, tay khí võ, nay mới tỏ(mới tỏ) tài tình.
Thôi thôi thực gặp buổi (danh giương danh).
Ngắm trời xanh,
Mở hội hoàn doanh,
Bày cuộc đua ganh.
Xui nên chuyện
Vang châu huyện,
Lắm chuyện kỳ thay!
Ai là kẻ hào kiệt (tay) ra tay?
Nay mừng thay!
Cờ mở gió bay,
Trống động trời lay,
Trông ra dạng
Nguy nga trạng,
Chức trọng quyền cao,
Nghiêng trời bể lừng lẫy (bao) xiết bao!
Xưa phỉ nguyền rày ước mai ao.
Ngày khát đêm khao.
(Người) người đâu tung hoành thế?
Mới hay, biết tay anh hùng.

Luống những mong
Lượng bể bao dong.
Phận liễu đoái trông,
Lòng lòng mong,
Ân tình thắm, có xong,
Có xong chăng là?
Mưa sa, chùm hoa sân ngọc rườm rạp
(rườm rạp xuân) thêm xuân.
Tư quân mấy phân chung tình.
Xin xét đến có từng ấy chuyện,
Xin ghi tạc có từng ấy câu.

Lưu thủy.

Kể từ ngày (từ ngày) gặp nhau,
Trao lời hẹn cho vẹn vàng thau.
Dây tơ mành xe chặt lấy nhau;
Xe không đặng, đem tình thương nhớ,
Cảm thương người ngẫm nghĩ ba thu.
Xa cách nhau đêm nằm vẫn thấy:
Thấy là thấy (là thấy) chiêm bao,
Biết bao lại vấn vương bên mình.
Mình giật mình (giật mình) đòi cơn.
Biết bao lại quan sơn một đường,
Tình (tình) thương, tơ vương mọi đường,
Xin cho trọn (cho trọn) cương thường.
Ai đơn bạc thì mặc lòng ai,
Xin cùng bạn (cùng bạn) trúc mai
Trăm năm lâu dài.

Hành vân.

Một đôi lời (một đôi lời),
Nhắn bạn tình ơi!

Thề non nước, giao ước kết đôi,
Trăm năm tạc dạ.
Dầu xa cách, song tình thương chớ phụ thì thôi.
Niềm trọn niềm, xin đừng sao nhãng,
Trời kia định nợ ba sanh,
Đẹp duyên lành,
Trọn niềm phu phụ, bậc tài danh (tài danh).
Dầu tiên có tại non Bồng.
Kết mối tơ hồng,
Ấy thời trông (thời trông).
Nghĩa sắt cầm,
Hòa hợp trăm năm.
Bởi vì xa cách, nhắn nhe cùng bạn tri âm.

Hành vân sang Nam ai.

Nghiệp phong trần,
Kến mặt tài nhân.
Sầu ôm gối, gối chiếc đêm xuân,
Chăn đơn sương lạnh, ngùi thương bóng đôi mình,
Đêm tâm sự cùng ai.
Trông ngọn đèn canh tàn hiu hắt,
Người trong mộng, niềm nguyện mong.
Giục xui lòng rõ ràng đôi lứa,
Phụng thành song (thành song).
Mừng tạo hóa chắp mối tơ hồng,
Tỉnh giấc cô phòng, dậy thành không (thành không)
Sự sắt cầm, chiêm bao thành không.
Cô phòng u uất, ấy ai là bạn tri âm!
Tri âm cách nẻo phương trời!
Ai người nhủ hộ,
Gió đông chạnh niềm tây, đưa gửi mấy câu!

Ai say ngủ một mình đâu?
Trong giấc nồng chăng hử tìm nhau?
Xa mấy dặm ngàn dâu.
Nghe nhạn (sầu) thêm sầu.
Song thưa gió thoảng bên màn,
Ôm đàn tưởng vọng,
Bóng trăng lại kề hiên.
Luống những đón tin,
Thôi nói chi mơ màng,
Tiếng thần phong nhắc lại trời đông;
Cái oanh, cái oanh vàng mi đậu trêu ai?
Nhắn chi đặng đôi lời,
Tương tư trọng,
Chè nhường khan giọng.
Ai hết nỗi sầu manh,
Muốn đưa mình lên hỏi trời xanh,
Sao ông Nguyệt lão mần thinh?
Năm canh mối tình!

Nam ai.

Khuyên ai gắn bó báo đền công trình thầy mẹ.
Ơn nặng nhường sông, nghĩa chất non cao.
Ơn cúc dục cù lao,
Sinh thành lo sợ xiết bao,
Lo cơm bữa nhường nao,
Ẵm bồng (vào) ra vào.
Nâng niu bú mớm đêm ngày xem tày vàng ngọc,
Hay chạy hay đi, lúc nắng lúc mưa.
Từ xưa đến giờ,
Lúc hãy còn thơ,
Đến bây giờ,

Chịu nhuốc nhơ,
Biết bao nhiêu mà.
Trông năm trọn ngày qua,
Da mồi tóc bạc mây xa.
Khuyên trong cõi người ta,
Thảo ngay mơi là.

Nam thương.

Tay mang khăn gói, băng ngàn, vô hàng tìm bạn,
Nguyên đồng học ngày xưa, cách trở mấy năm;
Nay nhớ bạn tri âm.
Băng ngàn bất quản sơn lâm.
Nay nhớ nghĩa tình thâm,
Xui trong dạ (thầm) thương thầm.
Non cao suối hiểm, không nài (không nài) khó nhọc;
Trông cho gặp thai huynh, kẻo trong dạ tư lang.
Trăng kia xế tàn
Núi hàn san,
Khôn thở than;
Nhớ bạn vàng,
Khó nỗi hỏi han,
Nên chi tôi băng ngàn,
Nay băng ngàn cũng vì nhớ bạn,
Nay anh gửi thư ra,
Thân hành bất quản đường xa,
Xui trong dạ tôi bôn ba,
Phút đâu tới nhà...

Nam bình.

Ôi! tan hợp xiết bao, tháng ngày đợi chờ non nước.
Ngàn dặm chơi vơi,

Mấy lời, nào dễ sai lời.
Ai ơi! chớ đem dạ đổi dời,
(Ưng tình ưa ý) ý ưng tình thêm càng ưa ý.
Thiệt là đặng mấy người,
Lại sai lời.
Tương tri cho đá vàng, thêm lại yêu vì,
Nhớ khi cuộc rượu câu thi,
Thêm càng thương tiếc, phong lưu ai bì.
Nặng vì tình, tình đôi ta, duyên trao nợ, rằng ai.
Buộc lại người xinh,
Lời hẹn ba sinh,
Vấn vương tơ tình.

8. HÒ HUẾ

Hò Huế là một loại dân ca hết sức tình tứ và du dương. Thời xưa ai đã từng đi trên bờ sông Hương ban đêm đều nghe thấy. Có điệu "hò mái nhì" và điệu "hò mái đẩy". Hò mái nhì tức hò nhịp hai, hò ăn nhịp với mái chèo trong khi con đò trôi thong thả trên dòng sông Hương. Còn hò mái đẩy thì nhịp điệu mạnh hơn, thường hò trên những con thuyền mà người ta chèo nhanh tay, chủ yếu là đẩy nước cho mạnh, không cần có nhịp. Hò Huế là một loại dân ca do nhân dân sáng tác và trong đó cũng có phần đóng góp của văn nghệ sĩ. Hai lối sáng tác đã có ảnh hưởng qua lại, nó sửa chữa cho nhau, làm cho câu hò thanh thoát, không cầu kỳ, phù hợp với tâm sự của khách đi đò, đồng thời biểu hiện được cảnh tình trên dòng sông Hương.

*

Thuyền từ Đông - ba, thuyền qua Đập - đá, thuyền về
về Vĩ - dạ, thẳng ngã ba Sinh.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh, giọng hò xa vọng,
nhấn tình nước non.

*

Thiên sanh nhơn, hà nhơn vô lộc?
Địa sanh thảo, hà thảo vô căn?
Một mình em ngồi dựa lòng thuyền, dưới nước
trên trăng, biết cùng ai trao duyên gởi phận cho bằng thế gian!

*

Chim xa bầy, thương cây chớ cội,
Người xa người tội lắm, người ôi!
Nỏ thà không biết thì thôi, biết nhau rồi mỗi đứa
một nơi răng đành!

*

Trước bến Phú- văn - lâu, ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm,
ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông.
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Đưa câu mái đẩy chạnh lòng nước non...

*

Một vũng nước trong, mười dòng nước đục,
một trăm người tục, chưa được một người thanh.
Biết ai tâm sự như mình?
Mua tơ thêu lấy tượng Bình nguyên quân.

*

Con chuồn chuồn nhởn nhơ trên mặt nước,
tiếng ve ve vang động cả phương trời.
Con còng còng [1] dại lắm, ai ơi!
cong lưng xe cát, sóng dồi lại tan.

*

Tiền tài như phấn thổ,
Nghĩa trọng tựa thiên kim.
Le le mấy thuở chết chìm,
Người ân nhân ở bạc, thôi cũng nỏ kiếm tìm làm chi!

*

(1) Con còng còng tức con dã tràng.

Thôi thôi từ tạ biển vàng!
Cá lui về sông vịnh, chim ngược ngàn kiếm đôi.
Ở bên Đông - ba ngó qua Diệu - đế,
Nghe thầy kinh kệ cúng lễ giao thừa.
Na mô chi phật mai xưa,
Tây phương tĩnh độ, phật đưa Tây về.

*

Sen xa hồ, sen khô hồ cạn,
Lựu xa đào, lựu ngả đào nghiêng.
Vàng cầm trên tay rớt xuống không phiền,
Phiền người bội nghĩa, biết mấy niên cho hết sầu!

*

Con chim phượng hoàng bay ngang biển Bắc.
Con cá ngư ông mong nước ngoài khơi.
Gặp nhau đây xin phân tỏ một đôi lời,
Kẻo mai kia con cá về sông vịnh,
Con chim nọ đổi dời non Nam.

*

Hồ Tĩnh - tâm giàu sen bạch diệp,
Đất Hương - cần ngọt quít, thơm cam.
Ai về cầu ngói Thanh - toàn [1]
Đợi đây về với một đoàn cho vui.

*

Thái- bình- dương gió thổi,
Chiếc thuyền em trôi nổi khác thể cánh bèo.
Ý làm sao anh không ra giúp chống đỡ chèo,

(1) Cầu ngói Thanh - toàn ở Thừa - thiên làm năm 1776, có mái như mái nhà.

Anh hùng sao lại nằm queo trong thuyền? [1]
Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,
Nước chảy ngược, con cá vược lội ngang [2]
Thuyền em xuống bến Thuận - an,
Thuyền anh lai trẩy lên ngàn, anh ơi! [3]

*

Trúc xa mai thì hoài lứa trúc,
Anh hỏi mai rằng đã có nơi mô nương tựa hay chưa?
Có nơi mô nương tựa khi nắng khi mưa,
Hay còn ôm duyên đi sớm về trưa một mình?

*

Nước trong xanh bên thành con én trắng,
Thẳng cánh bay, muôn dặm xa xăm.
Anh đi mô không bóng không tăm,
Năm canh em đợi ruột tằm héo hon.

*

Núi Ngự - bình mơ màng trăng gió,
Niềm tâm sự ai thấu rõ cho mình.
Đoái nhìn sông Hương nước chảy thanh thanh,
Sông bao nhiêu nước, dạ em sầu tình bấy nhiêu.

*

---

(1) Tương truyền câu này kêu gọi hưởng ứng phong trào Duy Tân (1916).
(2) Cá buôi và cá vược là hai loại cá.
(3) Hai câu sau, còn có người hò:

Hẩm hiu thiếp chẳng gặp chàng,
Thôi thì coi nhau như Lưu Bình,
Dương Lễ cho trọn vẹn cả hai đàng đó anh.

Cánh chuồn chuồn nhởn nhơ trên mặt nước,
Tiếng ve ve vang dậy cả phương trời.
Con còng còng dại lắm, ai ơi!
Còng lưng xe cát, sóng dồi lại tan.

*

Sóng sầm sịch ì ầm ngoài biển Bắc,
Hạt mưa tình rỉ rắc chốn hàng hiên.
Muốn làm lơ đi mà ngủ cho yên,
Sợ mưa già nước ngập, biết dựa con thuyền vào đâu?[1]

(1) Bài này có người hò:

Sóng dồn dập lưng chừng ngoài biển Bắc,
Mưa ố rào rỉ rắc chốn hàng hiên.
Lỡ làng câu chuyện tình duyên,
Khuyên ai chớ có ưu phiền tội thân.

9. DÂN CA MIỀN NAM TRUNG - BỘ

Dân ca miền Nam Trung- bộ rất phong phú: có những điệu hò (hò khoan, hò chèo thuyền, hò giựt chì, hò ba lý, hò kéo vải...) điệu lý (như những bài lý con sáo, lý cây chanh, lý qua trường, lý năm canh, lý hoài xuân...) điệu hát (như hát đố, hát đối, hát ru...) và đặc biệt là hát bài chòi. Nội dung những bài dân ca miền Nam Trung-bộ cũng như nội dung ca dao, dân ca Việt Nam nói chung, đều rất tình tứ, ca ngợi chính nghĩa, đề cao lao động, đả kích thói hư tật xấu, đả kích giai cấp bóc lột; tóm lại, có tính chiến đấu rất cao.

Ở đây, chúng tôi trích một ít bài có tính chất tiêu biểu, phạm vi quyển sách không cho phép tuyển nhiều hơn.

Hò khoan (Quảng Nam).

Biết nhau làm chi cho thiếp thương chàng nhớ,
Hay như hồi xưa kia, thiếp chớ chàng đừng.
Đặt mình xuống chiếu, chiếu chẳng dính lưng,
Bưng bát cơm để xuống, cứ tưởng trông chừng ai theo.

*

Ở bên ni Hàn, ngó qua bên tê Hà Thân,
Thấy nước xanh xanh như tầu lá.
Ở bên tê Hà Thân, ngó qua bên ni Hàn,
Thấy phố xá nghênh ngang.
Kể từ ngày Tây lại đất Hàn.
Đào sông Câu Nhí, đắp đàng Bông Miêu.

Dặn lòng em, ai dỗ đừng xiêu,
Gắng công nuôi phụ mẫu, sớm chiều có qua.

Hò chèo thuyền.

Sông tôi chẳng có bóng thuyền,
Mong gì hứng gió những miền biển khơi.
Tủi lòng sông lắm, thuyền ơi!
Đừng chê thôn nhỏ, ham nơi phố phường.

*

Bên lương bên giáo, bên đạo cũng như bên ta,
Vô đây ta kết nghĩa giao hòa.
Phải duyên phải kiếp, áo chúa Bà ta mặc chung.

Hò giã gạo.

Ai trắng như bông, lòng tôi không chuộng,
Người nọ đen giòn, làm ruộng tôi thương.
Biết rằng dạ có vấn vương,
Để tôi cậy mối tìm đường sang chơi.

Cầu Ô - thước trăm năm giữ vẹn,
Sông Ngân -hà giữ trọn đừng phai.
Sợ em ham chốn tiền tài,
Dứt đường nhân ngãi lâu dài bỏ anh!

Xay lúa lấy gạo ăn mai,
Bữa qua em đi cấy, bữa mai anh đi cày.
Thợ cấy bạn với thợ cày,
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm.

Hò kéo vải.

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang,
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.

Bóng trăng ngã lộn bóng tre,
Chàng ơi, đứng lại mà nghe em thề!
Vườn đào, vườn lựu, vườn lê.
Con ong kia bắt nhụy, con bướm kia ra ngoài.
Chàng về nghĩ lại mà coi,
Tâm tình em ở, gương soi nào bằng?

Lý cây chanh

Chừng nào muối ngọt chanh thanh,
Em đây mới lãng quên anh đi lấy chồng.
Trên trăng dưới nước, anh ước một lời,
Dầu trăng mờ nước cạn, anh cũng không rời phu em.

Lý năm canh (1)

Canh một thơ thẩn ra vào,
Chờ trăng (ôi tình) mà trăng xế.
Chờ hoa (í) bông hoa tàn...
Trống canh hai, thắp ngọn (í) loan đèn loan,
Chờ người (ối tình) mà quân tử,
Thở than (í) than đôi lời...
Trống canh ba, đang nói, cười đang cười,
Còn hai (ôi tình) canh nữa (a í a),
Mỗi người (là) người mỗi phương.
Trống canh tư chép nguyền thề nguyền,
Khứ lai (ôi tình) mà minh bạch,
Cho tuyền là tuyền thủy chung,
Trống canh năm (í a) cờ phất trống rung,
.... Qua gá tiếng cùng em,
Em bậu chớ có nghe ai, em bậu chớ có nghe ai...

(1) Bài này để nguyên *tiếng đệm* và *điệp khúc*.

Hát.

- Ngó lên dừa ngã ba cây,
Thấy em khôn khéo muốn gầy nghĩa nhơn.
Nghĩa nhơn ba gánh tràn trề,
Gánh từ Phù - mỹ gánh về Bồng - sơn [1]
Em ngồi em kể công ơn,
Bạc vàng nặng ít, nghĩa nhơn nặng nhiều.

*

- Thiếp như cam quít bưởi bòng,
Ngoài tuy cay đắng, trong lòng ngọt ngay.
- Qua như chùm gởi đáp nhờ,
Đóng nhành mai liễu đặng nhờ chút hơi.

*

- Thân em như thể hoa hường,
Anh xem cho có ý, kẻo mắc đường chông gai.
- Thân anh như thể giọt sương,
Đêm đông tươi mát cho hoa hường tốt tươi.

Hát đố đáp.

Gái:

Khăn xéo vắt vai, quần hai ống ướt,
Học gì chàng mà bước vô thi?
Tiền năm quan ngũ quán mất đi;
Trai nam nhân đối đặng, gái em thì theo không.

Trai:

Khăn xéo vắt vai, quần hai ống khổ,
Thừa văn cỏ võ, mới vô trường này.
Tiền năm quan ngũ quán còn đây,
Trai anh đối đặng giữa chốn này, em tính sao?

*

(1) Phù - mỹ và Bồng - sơn thuộc Bình - định

Gái

Em gặp người nhu, em hỏi người nhu:
Sao tiền sanh mi, mi đoản,
Hậu sanh tu, tu trường?

Trai:

Tưởng là kinh sử thứ gì!
Chớ hỏi qua những chuyện tu mi cũng thường.
Nhân sinh mao phát đoản trường,
Đối cùng trời đất tất đương kỳ tài.
Lông nheo lại với lông mày,
Để cho bụi bậm ở ngoài khỏi vô.
Chỗ nào lông nhỏ lông to,
Chỗ nào dài vắn, chỗ mô có chừng...
Tóc râu lại với lông chân,
Ấy là đủ huyết nhân thân của người.
Việc tu mi, anh đã nói rồi,
Anh hỏi em một chút: đất cách trời bao xa?
Cái sao kia mọc lâu, xem sao cũng nhỏ:
Còn mặt trăng kia mới ló, mặt trăng kềnh?
Cây động đình kia sao non dưới già trên ?
Em mà đối đặng cũng nên bạn bầu...

Hát huê tình

Đi đâu đi đó một mình,
Đứng đây, ta hỏi nữ trinh thế nào?
Thương ta, ta mới bước vào,
Phụng loan kết cánh hòa giao ân tình.
- Nghe lời chú nói thất kinh,
Bông sen tàn, ai cắm lục bình bát xưa!
Con cóc mà mang guốc ai ưa!
Đĩa đeo chân hạc sao cho vừa chú mong.

Chú đừng mong, đừng tưởng, đừng hòng.
Đây ta có xấu cũng con dòng lương gia,
Thà vô duyên ta ở vậy đến già,
Tội tình gì ưng chú, chúng bạn đà cười chê.
Dốt sao dốt nát trăm bề,
Một năm chí tối, cứ giữ nghề ở trai?
- Em đừng khoe sắc, khoe tài;
Tốt xinh chi đó, dám chê bai trai cày.
Sử kinh ta nắm trong tay,
Tỷ như ông vua Thuấn lên cày Lịch san...

Hát bài chòi.

Hát bài chòi cũng như lý là những loại dân ca đã được đưa lên sân khấu trong nhiều kịch bản, được nhân dân miền Nam Trung – bộ rất thích.

Thời xưa bài chòi[1] là một thứ bài mà nhân dân miền Nam Trung- bộ dùng để vui chơi trong dịp tết. Cũng gần giống như đánh tổ tôm điếm ngoài Bắc hồi trước Cách mạng, đồng bào ở Quảng - nam, Quảng - ngãi cũng ngồi trên chòi để đánh bài (mỗi rạp có chín chòi: một chòi giữa và tám chòi khác). Người hiệu, mỗi khi rút một con bài ở ống, liền hát lên một câu thai, để mọi người chơi bài trên chòi tự đoán lấy.

Thí dụ câu thai:

Một hai họ nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người?

Hai người cộng lại là bốn chân, tức con bài tứ cẳng. Về sau những người hiệu rủ nhau đến các chợ, đến các ngả đường, không

(1) Bài chòi ban đầu chỉ là một hình thức giải trí. Một cỗ bài gồm có 30 cây, mỗi cây có tên riêng (như Nhứt trò, Nhì nghèo, Tam quăng, Tứ cẳng,Ngũ trợt Lục trạng v.v...)

dựng chòi nữa, mà trải chiếu trên hè đường, hát những câu thai dài và được quần chúng nhân dân rất hoan nghênh. Những nghệ nhân ấy dần dần lập thành những gánh nhỏ, đi hát khắp thành thị và nông thôn. Đến khi hát tuồng thịnh hành thì điệu hát bài chòi được sử dụng để diễn các sự tích trên sân khấu.

Đi đâu mang sách đi hoài,
Cử nhơn chẳng thấy, tú tài cũng không.
(Nhứt trò)

Còn duyên làm cách làm kiêu,
Hết duyên bí thúi, bầu thiu, ai thèm!
(Nhì bi)

Vợ đôi, chồng một, ra gì!
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên.
(Ba bụng)

Một hai họ nói rằng không,
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.
(Tứ cẳng)

Lòng thương chị bán thịt heo,
Hai vai gánh nặng, còn đèo móc cân.
(Tứ móc)

Tới đây giã gạo ăn chè,
Ai mà không giã, ngồi hè trợt ăn.
(Ngũ trợt)

Chú giỏi sao chú chẳng đi thi?
Cứ ăn ở xó bếp lại ngủ khì chuồng trâu.
Chú ơi! tôi chẳng ưng đâu,
Trạng không xứng trạng, có hầu cũng uổng công.
(Lục trạng)

Vè Quảng.

Ở Nam Trung- bộ, Vè là một loại dân ca rất phổ biến ở Quảng -nam có lối nói Vè, kể những câu thơ về một sự tích, về một việc gì thường xảy ra, có ngụ ý khuyên răn. Thơ đây là truyện dài bằng thơ như truyện Quí Ngọc, Lâm Sanh, Xuân Nương, những truyện có tính chất chống đối sự áp bức của chế độ phong kiến, hoặc *Vè Chàng Lía* kể sự tích người nông dân có tinh thần bất khuất và quả cảm đã chống lại giai cấp phong kiến thống trị và đã hi sinh anh dũng.

Sau đây là một đoạn vè mở đầu truyện Quí Ngọc:

Có người ở phủ Bình - hoa,
Nàng mười hai tuổi lên là Thoại - nương.
Mẹ cha sớm định tao khương,
Chồng thời Quí Ngọc theo đường sử kinh.
Ở nhà giữ tấm lòng trinh,
Nuôi mẹ trọn hiếu trọn tình thảo ngay.
Đêm thời đấm bóp chân tay,
Để cho mẹ ngủ mê say đêm trường.
Nàng bèn ngồi ghé thành giường,
Chiêm bao mộng mị phi thường lạ thay.
Chập chờn cơn tỉnh, cơn say,
Thấy rồng đánh dạ, chân tay bàng hoàng.
Thoại- nương nước mắt chứa chan,
Sợ chồng, sợ mẹ, chẳng an tấc lòng.
Tan sương, trời mới hửng đông,
Mụ bà xem thấy trong lòng khả nghi:
- Con này sắc mặt dị kỳ,
Đem lòng đổi dạ, vậy thì với ai?
Cho nên mày đã mang thai,
Lấy ai mày phải cung khai rõ ràng...

. . . . . .

(Tiếp theo truyện: Thoại – nương bị mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà. Thoại- nương đi lang thang vào rừng, rồi sau sinh con và được thần hổ cõng cả hai mẹ con về hang nuôi nấng. Một hôm thần hổ xuống núi, đến phủ Bình - hoa tìm mụ mẹ chồng ác nghiệt và xé xác mụ. Cũng chính ngày hôm ấy là ngày Quí Ngọc đỗ trạng về vinh quy. Sau đó, thần hổ đưa Thoại- nương và con nàng về đoàn tụ với Quí Ngọc).

10. DÂN CA NAM- BỘ

Dân ca Nam - bộ gồm những điệu: *Lý, hò, hát,* và *nói*. Các điệu *lý, hò, hát* đều dựa vào ca dao, còn điệu nói là điệu kể truyện, như "Nói thơ Bạch Viên Tôn Các", "nói thơ Lục Vân Tiên"... Những bài dân ca Nam -bộ thường ngắn, nhưng hát lên thành khúc được là nhờ ở những câu láy đi láy lại khá nhiều. Từ ngày hát cải lương phát triển ở Nam -bộ, những điệu lý như lý hành vân, lý giao duyên mới được đưa lên sân khấu. Lý Nam - bộ có điểm giống hát Quan họ Bắc - ninh là khi cần thiết thì lời nhường chỗ hẳn cho tiếng nhạc. Thí dụ "Lý bông lựu", có những câu như sau:

...Đố nàng bóng mấy bông đa...

...Xự xang xự xự xang xê xang xê cống hồ....

Điệu hò cũng gần giống các điệu hò ở các miền Trung và Bắc: một người xướng và một số người khác hò theo. Còn hát Nam - bộ là những điệu hát hò khoan hát đối, hát ru em, hát giã gạo.v.v... người ta hát trong khi lao động và cả những lúc nghỉ ngơi.

Lý, hò và *hát* đều nói lên mối tình yêu đương thắm thiết của nam nữ thanh niên; tính chất trữ tình của nó khá rõ rệt. Riêng có điệu nói Nam - bộ là một điệu kể truyện xưa, nội dung nặng về chủ nghĩa nhân đạo.

Lý cây chanh.

Xăm xăm bước tới,

Chanh cây tình, chanh lăm tình le ơi!

Muốn bẻ sợi nhành gai chông tình gai lăm tình
le ơi muốn bẻ sợi.
Nhành gai chông tình gai...

Bắc kim thang.

Bắc kim thang cà lan bí rợ,
Cột bên kèo, là kèo bên cột.
Chú bán dâu qua cầu mà xé,
Chú bán ếch ở lại làm chi?
Con le- le đánh trống thổi kèn:
Con bìm bịp thổi tò ti le tí le!

Lý cái phăng [1].

Chú kia vác phăng cái đi đâu?
Chú kia vác phăng cái đi đâu?
Phăng mua, phăng mướn ơ ơ phăng nhà tôi cái
mà của tôi, bớ nàng ôi.
Bớ nàng ôi! Có chồng chưa? Giúp tình thương...

Hò Bến Tre.

Hòa (ơ) hò (ơ) hớ hơ lưới võng khôi khôi mù
sương qua chẳng lọt,
Trai nam nhân anh đây không ham lời ngon
tiếng ngọt mà em gạt gẫm trai hiền.
Hơ (ơ hơ). Hòa ơ hơ ô hớ hơ...
Trai nam nhân anh đây không thấy em nhiều bạc
nhiều tiền mà anh ham ơ ơ ơ .

(1) Một thứ dao lưỡi dài, dùng để phát những cỏ cao ở cánh đồng.

Hò đối Mỹ - tho.

Ơ ơ ơ con cá đối nằm trên cối đá,
Con chim đa đa đậu nhánh lá đa.
Ơ ơ ơ ơ chồng gần sao em không lậy mà đi lậy chồng ơ xa...
Ơ ơ ơ ơ mai sau mẹ yếu cha già,
Bát cơm trách cá ơ ơ, cái chén trà ai ơ dưng ơ.

Hát đối Gò - công.

Ở cây mà đa (hỏi) làm sao ở kìa?
Làm vầy vàng bạn ơi,
Cây đa Bình - đông, cây đa Bình- tây, cây đa xóm
Củi, cây đa chợ Đuổi.
Năm bảy cây đa tàn,
Trát quan trên gửi giấy xuống làng:
Cấm điếm, cấm đàng, cấm tùng tam tựu ngũ.
Cấm đủ phu thê, cấm không cho trai dựa gái kề,
Để cho người cũ, ờ để cho người cũ trở về với duyên xưa,
đó bớ mà em!

Hát giã gạo[1].

Bước vô (đôi mốt) cối gạo (mốt một hai) đổ đầy (hai đôi hài) hò chơi (đôi hai ba) đôi cối (ba đôi bà) sao gá gầy (đôi ba tư) lương duyên (bốn đôi bồn) đũa tre (đôi bốn năm). Nó đỏ (năm đôi nằm) cũng nhờ ơn (đôi năm sáu). Tôi với mình (sáu đôi sàu) mới gặp (đôi sáu bảy) cũng nhờ ơn (bảy đôi bày) Phật Trời (đôi bảy tám) ở chi (tám đôi tàm) cách biển (đôi tám chín) xa trời (đôi chín mười) bớ nghĩa ơi (có tôi đây). Mấy mươi rồi, một mươi rồi. Hò khoan đôi một hò khoan...

(1) Theo nhịp giã gạo, một người đếm, một người hát.

Hát hò khoan.

A là khoan ố khoan a,
Ô rô tía, bạc hà cũng tía... (á là phàn a)
Ngọn lang giâm, ngọn mía cũng giâm (á là phàn a)
Anh thấy em tốt mã anh lầm (á là phàn a).
Bây giờ anh rõ lại (á là phàn a),
Vàng cầm là anh cũng buông (là khoan hò khoan).

Hát ru em.

Gió mùa thu mẹ ru con ngủ,
Đêm năm canh chầy mẹ thức đủ vừa năm.
Gió mùa hè, ai dè bạc phận,
Chớ mấy con trăng này thời vận đảo điên.

*

Khoan buông áo em ra,
Để em đi bán, kẻo hoa em tàn.
- Hoa tàn mặc kệ hoa tàn,
Mấy thuở gặp nàng, nàng biểu buông ra.

*

Đêm nằm tơ tưởng tưởng tơ,
Chiêm bao thấy bậu, dậy rờ chiếu không.

*

Đường trường nước chảy như reo,
Thương em chẳng nệ mái chèo ngược xuôi.

11. VÈ

Vè là một loại dân ca rất phổ biến ở Bắc -bộ và Trung -bộ. Như tên của nó, vè là một lối kể "vần vè" về một việc gì, một chuyện gì, cho nên thể vè là một thể tự sự. Khi muốn kể các thứ cây, các thứ quả, một giai thoại hay một việc gì mới xảy ra có hại đến phong hóa, nhân dân hay làm vè. Khi trong làng có một việc mà quần chúng nhân dân cho là xấu, người ta thấy ngay bài vè dán ở cửa đình và thấy trẻ con hát. Đó là một thứ "thanh nghị", một dư luận xác đáng của nhân dân, được tác giả vô danh biểu hiện bằng những câu vần vè, làm cho những kẻ " có tật phải giật mình" và phải lo sửa chữa. Ở Hà - nội xưa kia cũng có những bài vè được truyền tụng, như "Vè cô Lạng", "Vè cô Ngh...", chỉ trích mấy gia đình phong kiến quan liêu sống xa hoa dàn điếm, con gái ra vẻ "con nhà gia thế" nhưng đã "có chồng mà lại chơi hoang...".

Thể vè thường là thể bốn chữ, một loại thể rất cũ, có khi tám chữ (phân ra thì cũng là bốn chữ) và có khi là thể lục bát hay song thất; tóm lại, toàn là hình thức văn học dân tộc thí dụ:

Vè vẻ vè ve,
Đặt vè con ở,
Khó ăn khó ở,
Nó bỏ nó về,
- Mày ở với tao,
Việc gì mà ngại!
Có con trâu cái,

Tao bán đi rồi.
Về thì về!
Tao thuê đứa khác...
Chúa thuê chẳng được,
Lại đến dỗ dành:
Cơm nguội đầy nồi,
Cắt cỏ, ăn no...

Vè trái cây.

Nghe vẻ nghe ve, nghe vè trái câu,
Dây ở trên mây là trái đậu rồng.
Có vợ có chồng là trái đu đủ.
Chặt ra nhiều mủ là trái mít ướt [1]
Hình tựa gà xước [2], vốn thiệt trái thơm [3]

Cái đầu chơm bơm, thiệt là bắp nấu.
Hình thù xấu xấu, trái cà dái dê,
Ngứa mà gãi mê là trái mắt mèo.
Khoanh tay lo nghèo là trái bần ổi,
Sông sâu chẳng lội là trái mãng cầu [4].
Chẳng thấy nàng đâu, thật là trái cách.
Trong ruột ọc ạch, vốn thiệt dừa Xiêm,
Hễ chín thâm kim, chuối già, chuối sứ.
Tùng tam tụ tứ là trái dưa gang.
Vốn ở miền man là trái bí rợ [5].

(1) *Mít ướt* là mít mật.
(2) *Gà xước*: gà cánh tiên.
(3) *Trái thơm*: trái dứa
(4) *Mãng cầu*: quả na.
(5) *Bí rợ*: bí ngô.

Mẹ sai đi chợ, vốn thiệt trái dâu,
Ở những ao sâu là trái bông súng.
Chẳng nên lễ cúng, vốn thiệt trái sung.
Nhỏ mà cay lung, thiệt là ớt hiểm.
Đánh túc cầu liễm, vốn thiệt trái me.
Nắng mà chẳng che, là trái rau mát.
Rủ nhau chà xát, vốn thiệt trái chanh.
Nhỏ mà làm anh, trái đào lộn hột.
Ăn mà chẳng lột, vốn thiệt trái tiên.
Thổi nghe ú liêu là trái cóc kèn.
Rủ nhau đi rèn là trái đậu rựa.
Đua nhau chọn lựa là trái dành dành.
Cam ngọt, cam sành, chuối già, chuối sứ.
Nhưng chi lịch sự bằng táo với hồng,
Những gái chưa chồng muốn ăn mua lấy.

Vè con cá.

No lòng phỉ dạ là con cá cơm,
Không ướp mà thơm là con cá ngát.
Liệng bay thấm thoát là con cá chim,
Hụt cẳng chết chìm là con cá đuối.
Lớn năm, nhiều tuổi là cá bạc đầu,
Đủ chữ xướng câu là con cá đối.
Nở mai, tàn tối là cá vá hai,
Trắng muốt bẹo da là cá út thịt,
Dài lưng hẹp kích là cá lòng tong.
Ẩm yếu hình dong là con cá nhái,
Thiệt như lời vái là con cá linh...

Vè đánh bạc.

Nghe vẻ nghe ve, nghe vè bài tới,
Cơm chưa kịp bới, trầu chưa kịp têm...
Tôi đánh một đêm, thua ba tiền rưỡi,

Về nhà chồng chưởi, thằng móc thằng quăn,
Đánh sao không ăn, mà thua lắm bấy?
Tôi lấy tiền cấy, cho đủ mười ngày.
Bảy thưa bảy dày, cùng là ngạt kéo.
Chị em khéo léo, dễ mượn dễ vay,
Thân tôi ngày rày, dầm sương dãi nắng.
Chị em có mắng, tôi cũng ngồi đây,
Nó là tuồng dày, nó cũng a dua.
Ăn thì tôi dùa [1], thua thì tôi chạy.

Vè chúc thọ Tự - đức năm mươi tuổi [2]

Mượn ai về nhắn với ông vua,
Mới năm mươi tuổi đã toan đua cố Bành.
Đâu phải lũ trẻ ranh,
Mà lo chết non, chết yểu?
Mà sợ chết già, chết yểu?

Xưa Càn Long và bọ (bố) Thiệu
Đã tích đức cao dày,
Sinh ra vua ta nay,
Sống cai nhai rứa mãi.
Sống cài nhài rứa mãi.

Mẹ vua đau năm ngoái,
Năm ni đã lành rồi,
Sinh ra vua hiếm hoi,
Cũng da mồi, tóc bạc.
Đã da mồi tóc bạc.
Vua yên vì trị nước,

(1) Dùa là vơ
(2) Một bài vè làm theo điệu hát giặm Nghệ - tĩnh

Tuổi một lâu một dài,
Già càng dẻo càng dai,
Chưa có con, lại có,
Chi... ra rồi lại có.

Có bà hoàng hậu Võ [1]
Khéo sửa túi nâng khăn,
Khéo thuốc uống, cơm ăn,
Nên vua ta béo bạo,
Nên vua ngài béo bạo.

Ngài no cơm ấm áo,
Ngài không ốm, không đau,
Núi Bình - lĩnh còn cao,
Sông Hương- thủy còn sâu,
Chúc vua ta muôn tuổi.

Một chúc vua gặp hội,
Ngồi yên trị một bề.
Rồi sáu tỉnh đem về [2].
Nguyên hoàn nguyên như trước,
Nguyên lại hoàn như trước...

Hai chúc vua dẹp được,
Từ Gia - định, Bắc - kỳ,
Ai giặc giã mọi khi,
Đều kinh vua một phép,
Sợ uy ngài một phép...

---

(1) Vợ Tự Đức là con Võ Xuân Cẩn
(2) Theo hoà ước ký ở Sài gòn giữa Triều đình Việt Nam và Pháp, Triều đình nhượng đứt cho Pháp sáu tỉnh ở Nam - kỳ, còn Pháp trả lại những tỉnh thành chúng đã chiếm được ở Bắc - kỳ

Ba chúc vua đánh dẹp,
Tây lại trở về Tây.
Rồi làng cụ, làng thầy,
Thôi nhà chung đi cả.
Thôi đạo đường đi cả [1].

Bốn chúc vua lắm của,
Trong nội chí ngoài đồng,
Không bạc lạc hoàng sùng,
Thuế đồng niên không thiếu.
Thuế nạp trường không thiếu.

Năm chúc vua linh bạo,
Từ tỉnh Bắc, tỉnh Đoài,
Hàng ức vạn con người,
Không anh mô trốn tránh,
Nỏ bác nào trốn tránh.

Sáu chúc vua, học chánh,
Phường tai thánh, mắt hiền.
Phường chữ nghĩa bút nghiên,
Đi khoa mô cũng đỗ,
Đi khoa nào cũng đỗ.

Bảy chúc vua lục Bộ,
Quan trong chí quan ngoài.
Ông mô cũng hẳn hoi,
Không ông mô hư hốt,
Nỏ cụ nào hư hốt [2].

---

(1) Đạo đường tức nhà thờ đạo. Hồi ấy có giám mục Ngô Gia Hậu ở Nghệ -an làm nhiều việc có hại đến quyền lợi của nhân dân.
(2) Chỉ bọn quan lại tham ô.

Tám chúc vua nhà tốt,
Chạm đầu phượng đuôi ly,
Không mối mọt ăn chi.
Không gian mô thốt nát [1],
Nỏ chiếc nào thốt nát.

Chín chúc vua bảnh bát,
Có mụ nhất, mụ nhì.
Cưới thêm một đôi dì,
Không o mô cãi cưỡng,
Nỏ dì nào cãi cưỡng.

Có chín điều sung sướng.
Xin chúc hộ vua tôi,
Ăn no, đánh ngã nồi,
Cho dân yên một phận,
Cho dân nhờ một phận.

Xin vua đừng có giận,
Trò dân dại dân ngu,
Gửi lời về chúc thọ thiên thu... [2].

Vè đi ở.

Tóc quăn chải lược đồi mồi,
Chải đứng chải ngồi, quăn hãy hoàn quăn.
Nên thì tớ ở tớ ăn,
Không nên tớ giã đầu quăn tớ về!

---

(1) Thốt nát nghĩa là giột nát

(2) Bài vè này do Đậu Bá Ngung (Cẩm - xuyên, Hà - tĩnh sáng tác , phổ biến ở vùng Nghệ - tĩnh.

Tháng năm công việc ê hề,
Thằng ở ra về, chủ nhà cưỡi trâu.
Giã ơn chúng bạn chăn trâu,
Tớ về đồng bãi, hái dâu chăn tằm.
Tớ ở chưa được nửa năm,
Chủ nhà mắng tớ, tớ nằm không yên.
Tớ ở thì tớ lấy tiền,
Làm chi thiểu não, làm phiền tớ thay!
Chửa sáng, dắt trâu đi cày,
Dọn bờ cuốc góc, nửa ngày chưa tha:
"Bờ lớn con hãy cuốc ra,
Bờ bé đắp lại cho bà, con ơi!"
Việc làm khắp chốn cùng nơi,
Giục đi cắt cỏ, vai tôi đã mòn!
Đi thì lội suối trèo non,
Cắt được gánh cỏ, đã mòn đôi vai!
Về nhà xay đỗ, cạo khoai,
Xay thóc giã gạo, canh hai chưa nằm.
Gà kia mày gáy chiêu đăm,
Để chủ tao nằm, tao ngủ chút nao!
"Bờ chuôm cho chí bờ ao,
Mướn được thằng ở, nhẹ nào, con ơi!"
Chúa ăn, rồi chúa lại ngồi,
Bắt thằng con ở dọn nồi, dọn niêu.
Ngày trước còn khí yêu yêu,
Về sau chửi mắng, ra chiều tốn cơm.
Trước kia còn để cho đơm,
Sau thì giật lấy: "Tao đơm cho mày!"
Tôi đơm một đũa thì đầy,

Chúa đơm ba đũa chẳng đầy xung quanh [1]
Thằng ở câu được con cá mè ranh,
Nạc chúa ăn hết, để dành xương cho.
Chúa gái là chúa hay lo,
Đêm nằm cắt việc ra cho mà làm.
Chúa gái là chúa ăn tham,
Đồng quà, tấm bánh đút nơm trong buồng.
Ăn rồi chết nứt chết trương!
Chẳng nhớ thằng ở, chẳng thương con đòi,
Ba năm cho được cái khố lụa chồi [2]
Đầu bằng chiếc đũa, cái đuôi thằn lằn,
Ra đường chẳng dám ở trần,
Thấy chúng thấy bạn, hổ thân hổ đời!
Mẹ tôi sinh một mình tôi,
Tôi ở nhà người, chịu đắng chịu cay.
Đắng cay thì mặc đắng cay,
Tôi ở năm ngoái, năm nay tôi về.
Giã ơn cái rổ, cái sề,
Tao chẳng ở nữa, tao về nhà tao.

---

(1) Có bản không có đoạn trên, chỉ có những câu này trở xuống:
Chó gầy hổ mặt người nuôi,
Tôi gầy hổ mặt chúa tôi chăng là.
Chúa tôi mang tiếng chúa nhà;
Mượn được con ở khéo là đành hanh;
Rạng ngày đi vớt bèo, được con cá mè ranh;
Chúa ăn hết nạc, để dành xương cho...

(2) Có bản chép:
Mua cho một vận khố sối.
Bề ngang chiếc đũa, bề dài nửa phân.
Đi đâu chẳng dám cởi trần
Trông thấy chúng bạn, cực thân thay là.
Ai về nhắn nhủ mẹ cha,
Mua khố, mua áo, ta ra ta về.

Giã ơn cái cọc cầu ao,
Nửa đêm gà gáy, có tao có mày! [1]

Vè đi lính.

Làng trạch [2] đi lính, anh ôi!
Đêm nằm nghĩ lại, khúc nôi đoạn trường.
Sáng dạy ra thưa làng,
Lính anh đi không được.

Việc quan làng nước,
Làng đã đặt lên cho.
Phải cúi đầu mà lo,
Phải cúi đầu mà gánh.

Vác gươm đi đánh,
Đánh giữa ngàn xanh.
Giặc giã xung quanh,
Giừ [3], đã đen chưa chú!

. . . . . .

Hàng quyền hàng đội,
Gánh gạo kêu van.
Đi trước cửa quan,
Người dừng chân đứng lại.
Các quan nghĩ lại,
Mà thương lấy dân.
Tiếng đồn Phú -xuân

---

(1) Có bản chép:
Giã ơn con trâu kéo cày,
Tao không ở nữa, ai chăn mày, trâu ơi!
(2) *Trạch*: chọn
(3) *Giừ*: bây giờ

Rày kém cơm, kém gạo.
. . . . . .
Giữ mặt mũi khó khăn,
Thương chồng con lính tráng.
Trông cho mau tháng,
Rồi trông cho mau ngày.
Trông cho anh về đây,
Để cho em xáp mặt [1]

Trông cho đến mùa gặt,
Rồi trông lại mùa thu,
Trông cho con đắt mũi tru [2],
Khóc cha hời, mẹ hỡi!
Khóc cha hời, mẹ hỡi!
(Hát giặm vè Nghệ Tĩnh)

Vè chồng chung.

Chồng chung khó lắm ai ơi!
Ai bước chân vô đó,
Không ăn ngồi được mô!
Quyền bán với quyền mua,
Thời là em không có.
Đâm gạo với xay ló [3],
Thời em đã có phần,
Đập đất với khiêng phân,
Đâm xay, rồi nấu nướng.
. . . . . .

(1) Xáp mặt: gặp mặt
(2) Tru: trâu
(3) Ló là lúa

Gẫm như bọn người ở,
Chỉ sáu tháng thời thôi [1],
Cái thân em ở đời,
Hỏi làm sao chịu được?
Chồng sai đi múc nước,
Vợ bảo lấy que tăm.
Trải chiếu toan đi nằm,
Đọi đĩ hai chưa rửa.
Có ba bốn thúng lúa,
Chị chồng đầu chân xay.
Cám em bắc lên đây,
Cơn (cây) rau riu [2] chưa xắt,
Ngọn rau riu chưa xắt.
Em làm công việc vặt,
Vừa đến tối canh ba,
Em vừa ngả mình ra,
Con chim kia vừa kêu,
Con gà rừng vừa gáy.
Chồng em đánh thức dậy,
Biểu nấu cơm đi cày;
Gạo em chưa đâm xay,
Đã soạn gánh gồng cho bà đi chợ.
Một tháng sáu phiên chợ,
Bà cho đi một phiên,
Bà trao cho một tiền,
Bà truyền cho đủ giống,
Bà lại truyền đủ giống;
Mua mười đồng thì trứng,

(1) Ở nông thôn, ở làm mùa thường là sáu tháng.
(2) Rau riu là thứ rau cho lợn ăn.

Lại mua mười đồng trầu;
Mua mười tám đồng cau,
Hai mươi đồng thì mỡ.
Lựa còn một chữ,
Tráo lại [1] hàng vôi,
Mua đoạn, bán rồi,
Vừa hầu tan buổi chợ.
Về đến đầu ngõ,
Con đòi: "Bánh mẹ mô?"
- Chồng riêng tê tồ [2]
Chồng chung, mẹ nỏ dám mua!

(Hát giặm vè Nghệ - tĩnh)

Vè làm lẽ.

Mẹ em ham nơi chức trọng quyền cao,
Em ghé thân vào làm mọn [3] như con cá vào giỏ giam.
Công chuyện người làm,
Khó chiều em ăn ở,
Cơm một ngày ba bữa,
Em không kịp ngồi đòn,
Ghé cái đọi bên lon,
Ăn trái cà ba miếng;
Ăn ba trái cà một miếng.

Tiết mùa thu sang lạnh,
Tiết mùa hạ nắng nồng,
Em không được nằm chung,

(1) Tráo lại là đi trở lại.
(2) Tê tồ: kia mới được.
(3) Làm mọn: làm lẽ.

Chút hơi ai nặng nhẹ;
Chút hơi chồng nặng nhẹ.

Công em sinh đẻ,
Cũng chín tháng mười ngày.
Giá như đứa sẩy tay,
Khi đang còn thơ ấu;
Lúc hãy còn thơ ấu.

Từ dần chí dậu,
Không kịp đứng, kịp ngồi;
Đập đất vãi chưa rồi,
Khoai tháng tư cỏ mọc;
Lúa đội cồn cỏ mọc.

Một mình em với cuốc,
Ra dầu dãi ngoài đồng,
Trời sấm chớp mưa dông,
Kêu dì hai đổ tượng[1],
Gọi dì hai đổ tượng.

Thầy mẹ em lại tưởng,
Tưởng bạc nén với tiền chum.
Đưa thịt lại cho hùm,
Không bằng đày vô đó;
Nỏ [2] bằng đày vô đó.

(1) Đổ tượng: đổ phân.
(2) Nỏ là chẳng.

Kẻ có con có của,
Không biết nghĩ, biết suy;
Đưa bạc, đổ lộn chì,
Cho thế gian đồn lại;
Cho miệng đời đồn lại.

Kẻ gần nói em dại,
Kẻ ngái [1] nói em lầm.
Em như đứa giả câm,
Em nhắc môi mủm mỉm;
Em cười ruồi mủm mỉm.

Con voi to sức nghỉn [2],
Còn ẩn bóng chưa ra,
Nghĩ như thân đàn bà,
Nắng đến trưa phải chịu;
Nắng cháy sườn phải chịu!

Mẹ em không khéo,
Nỏ biết một đôi điều,
Cảnh chồng ít vợ nhiều,
Sao mà không hay nghĩ!
Của tối mày, không nghĩ.

Em ăn mâm nan tráng sĩ [3];
Nằm giường ngọc: chân xay;
Kê gối phượng: mỏ chày;

(1) Ngái là xa.
(2) Sức nghỉn: hơi sức.
(3) Lấy sàng làm mâm.

Đắp chăn loan: mền rách!
Đêm em nằm em trách:
Được chồng riêng tê tồ![1]
Chồng chung khổ lắm, mẹ ôi!
(Hát giặm vè Nghệ - tĩnh)

Vè gái góa.

Phận mẹ dòng lệch gối nghiêng chăn,
Đêm đông trường, cưởi [2] lạnh, biết than rằng cùng ai?

Trách con gái nữ hài,
Gái hồng nhan bạc phận,
Gái mẹ dòng bạc phận,

Em đi đò mấy bận,
Qua truông ải mấy lần,
Truông chưa qua khỏi đò,
Dạ hãy đương trắc trở,
Dạ đương còn trắc trở.

Dịp cầu Ngân đã lỡ,
Ván bắc nỏ nhằm chiều;
Ván sửa lại cũng xiêu.
Mắc lấy đinh khó tháo;
Mũ đinh cầu khó tháo.

Vợ chồng là đạo,
Tưởng đầu gối tay kề,

(1) Tê tồ: kia.
(2) Cưởi là xương, móc.

Chàng vui thú vườn huê,
Thiếp phòng loan lạnh lẽo;
Bỏ loan phòng lạnh lẽo.

Thương đôi cây đào liễu,
Đoàn măng sữa nậy[1] lên.
Đào biết đàng đi men,
Liễu biết đàng đứng dậy.
Đào thơ thì lại nậy.

Liễu yếu, liễu lại khôn.
Nụ hoa quế[2] trên cơn [3],
Đương đợi chờ sương cưởi
Nỏ thà đứt đi thì nối,
Vô sự tiểu thần tiên.
Liền nỏ xong phận liền.
Đứt không đành phận đứt.
Cây trên rừng ai bứt,
Quả đào liễu ai vo.
Duyên em rối như vò,
Nhủ em tươi răng được?
Nhủ em giòn răng được?

Ao bèo khi cạn nước,
Tiếc con cá nằm khô,
Biết chờ đợi khi mô,
Để cho trời vân vũ!

---

(1) Nậy: lớn.
(2) Hoa quế chỉ con trai.
3) Cơn là cây.

Hoa tàn lá rũ,
Mặt mũi em âu sầu...
Ôi! lấy chồng như cưởi bá ngành dâu! [1]
(hát giặm vè Nghệ - tĩnh)

Vè nghĩa quân Bang Ninh [2] hạ thành Hà - tĩnh.

Cầu Ngu, Trung - lễ xưa nay[3]
Thay trời đổi nước, có anh tài nổi lên
Chộ Mường về Cẩm - xuyên [4],
Ba tháng rày ngơ ngẩn.

Dân ta cầu khẩn,
Được năm bảy mùa liền.
Văn thân đà nổi lên,
Tây nhập thành tỉnh Nghệ.

Đầu mưu xuất kế,
Ai ai cũng như ai,
Nam Bắc với Đông Đoài,
Văn thân đồng một bụng.
Nhà giàu năm bảy thúng,
Bá hộ đôi ba nghìn.
Kéo vô số tiền quyên
Lên đại đồn khởi mộ.

---

(1) Cưởi bá ngành dâu là tấm gửi bám cành dâu
(2) Tức Lê Ninh, được Hàm Nghi phong làm bang biện quân vụ; ông quê ở Trung-Lễ, xã Cổ -Ngu, thuộc Đức -Thọ (Hà - Tĩnh), ông đã đem quân phối hợp với quân Phan Đình Phùng, đánh Pháp nhiều trận.
(3) Cầu Ngu cũng gọi là Cổ ngu; một làng thuộc huyện Đức - Thọ (Hà - Tĩnh)
(4) Đây có lẽ là đội quân Mường của Phan Đình Phùng.

Giừ [1] ông Bang xuất của[2];
Mộ hai vệ Trường, Yên [3];
Đặt một ông tác tiền,
Khen anh tài võ nghệ,
Rành anh tài võ nghệ.

Kéo về làng Trung - lễ,
Phu ứng chực địa đầu.
Thợ rèn, rèn được bấy nhiêu lâu.
Chưa đủ đồ khí giái [4],
Ai ai mà nỏ (chả) hãi,
Lên trường tập mà coi.
Thiếu lính thời đòi.
Thiếu lương thời lĩnh.

Phu ở ngoài bất tính,
Chỉ tính được một nghìn.
Đường núi Dẻ kéo lên [5],
Đóng Mỹ - xuyên một nửa [6],
Đóng Đồng - hòa một nửa [7]

Đầu canh năm sắp sửa,
Cơm nước đã vừa rồi.
Nghe trống giục ba hồi.
Quan truyền cho các đội;
Quan lại truyền các đội.

---

(1) Giừ là bây giờ.
(2) Bang Ninh xuất của vào việc Cần vương.
(3) Yên - trường và Yên - dũng, hai xã thuộc huyện Hưng - nguyên (Nghệ - an)
(4) Hồi đầu, Phan Đình Phùng chiêu mộ hết thợ rèn Trung - lang và Văn - tràng vào rừng đúc khí giới.
(5) (6) (7) ở phía tây Đức - thọ

Mỹ - xuyên có đội Thoại,
Hữu - chế có đội Xuyên;
Cứ đường đất kéo lên,
Lên đội Chanh, đội Trạch [1]
. . . . . .
Kéo qua xã Hằng - nga,
Kéo vô huyện Thạch - hà.
Qua tổng Trung, tổng Đậu,
Trong ba ngày cho thấu,
Tờ dán khắp cửa thành.
Các hàng quán xung quanh,
Đều chưa ai biết cả,
Chưa người nào biết cả.
Nghe ba tiếng: "Dạ... há",
Quân rả khắp đường quan,
Ông Bố đã khôn ngoan [2].
Đề binh lên chưa kịp,
Lên thượng thành chưa kịp.

Tứ phía thành bọc nhíp,
Quân đã lọt vào trong,
Quân lính đã một lòng,
Cờ Cần Vương đỏ chói...

Nghe ba tiếng ống gọi,
Quan lớn xuống tận nơi,
Ba ngựa với hai voi,
Ngọn cờ bay phấp phới;
Bay ngọn cờ phấp phới.
Quan truyền cho các đội,

(1) Nguyễn Thoại, Hoàng Bá Xuyên, Nguyễn Trạch.
(2) Tức Lê Đại.

Cứ yến ẩm ba ngày,
Ai chơi nhởi mặc ai,
Lương tiền ta cứ lĩnh.

Đặt một quan giữ tỉnh,
Để hai chữ bình yên.
Còn quan lớn trẩy lên,
Lên nhà vua bái mạng.
Lên sơn phòng bái mạng.

Vàng vua thưởng mười lạng,
Rồi quan trở về nhà,
Phá Thọ - ninh cho ra,
Quân Thọ - ninh cũng chịu,
Quân Thọ - tường cũng chịu.
Quân quan Đình thì yếu,
Phó bảng Hạnh bất tề[1].
Đạo mới viện Tây về,
Quân quan Bang mới chạy;
Quân quan Đình mới chạy.

Từ Yên - hồ sắp lại,
Từ Thịnh - quả, Trường - xuân [2]
Họ đốt mãi đến Tuần [3].
Khắp chợ Cầu, kẻ Hạ [4].

Quân Thọ - ninh sang phá,
Của lấy hết, nhà thiêu,
Vơ vét hết đã nhiều.

---

(1) Tức Đinh nguyên Phan Đình Phùng, Phó bảng võ Nguyễn Hạnh
(2) Mấy nơi này đều thuộc huyện Đức - thọ
(3) Gần Linh - cảm
(4) Đều thuộc Đức - thọ.

Vô thôn Trung [1] mới phá,
Lên đại đồn mới phá.

Gẫm như trong thiên hạ,
Thiếu chi kẻ anh tài.
Không phải mình ta đây,
Xin dân đừng thán oán.
Dân sự đừng thán oán.

Chợ không người buôn bán,
Giừ đại lộ không thông hành.
Từ Hà - nội về Kinh,
Coi chiều như buồn bã;
Mọi nơi đều buồn bã.

Ra giêng hai thong thả,
Quan lớn ngồi hiệp nghị binh quy.
Có phá được đạo đi.
Quan thanh nhàn mát mẻ,
Dân thanh nhàn mát mẻ.

Tây kéo lên tỉnh Nghệ,
Tây bỏ tỉnh Tây lui;
Nước Nam ta thái hồi.
Vua ta lên bình trị,
Quan anh hùng bình trị.

Đường quan sơn thiên lý,
Đường biển rộng núi cao.
Dân rày ước mai ao,
Được bốn mùa kế tiếp...

. . . . . .

(hát giặm vè Nghệ - tĩnh)

(1) Cũng thuộc Đức - thọ

Vè "sai đạo".

Lẳng lặng mà nghe:
Cái vè "sai đạo" [1],
Danh vi trấp bảo [2].
Vụ dĩ an dân.
Khâm sai đại thần,
Kéo vô Đà - nẵng.
Tướng, quân đều sẵn;
Tán lý, tán tương,
Chú Bang, chú Thương,
Chú Đề, chú Lãnh [3].
Quân ròng tướng mạnh,
Các đạo các cơ,
Đánh trống mở cờ,
Kéo vô tỉnh cũ.
Phân quân vừa đủ,
Phái vãng thượng du [4];
Thác - cá, Rập - cu [5]
Đôi đường tấn tiễu.
Nhất thời phương liệu,

---

(1) *Sai đạo* là đạo binh có khâm sai cầm đầu. Bài này xuất hiện ở Quảng - nam năm 1886, vào lúc nổi lên cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Hiệu đứng đầu. Triều đình nhà Nguyễn phái khâm sai Nguyễn Thân hợp với quân Pháp đi đánh dẹp.

(2) "Trấp loạn bảo dân", nghĩa là dẹp loạn bảo vệ nhân dân, chữ mà bọn phong kiến câu kết với thực dân đã dùng.

(3) Tán lý, Tán tương, Bang biện, Thương biện, Đề đốc, Lãnh binh, bọn quan thuộc dưới quyền khâm sai.

(4) Tỉnh cũ là tỉnh thành Quảng - nam. Sau khi chiếm được tỉnh thành, mới bỏ lên đóng ở làng Trung - phước, thuộc huyện Quế - sơn, nên gọi là thượng du.

(5) *Thác cá* là tên một khúc sông, Rập - cu là tên một cái đèo. Từ miền dưới lên Trung - phước, đường thuỷ qua Thác - cá, còn đường bộ qua đèo Rập - cu.

Văn miếu đồn binh [1]:
Ai thấy cũng kinh,
Gọi khâm sai giỏi.
Kêu dân tới hỏi,
Rằng: "Nghĩa đã tan!
Hạnh hoặc tương an,
Thị vi thạnh sự" [2].
Sau lên Phong - thử [3]
Quân nghĩa tứ vi;
May chẳng hề chi,
Nhờ ba thằng Pháp.
Thâu quân yển[4] giáp,
Trở lại La- thành [5].
Từ ấy thất kinh,
Vừa làm vừa sợ.
Tướng chi tướng dở,
Vị luyện quân tình,
Chẳng có Tây binh,
E không khỏi chết.
Chước chi cũng hết,
Năm ngoái năm ni [6],
Làm chẳng ra chi,
Lại thêm ăn bậy.
Lũ quân đi lấy,

---

(1) Đạo quân của Nguyễn Thân đóng ở Văn miếu làng La - qua
(2) Một câu trong tờ của khâm sai gửi về triều đình nhà Nguyễn. Đại ý : gọi dân đến hỏi thì nói là nghĩa quân đã tan, được yên cùng nhau là tốt.
(3) Tên một làng ở Quảng - nam
(4) Yển là nghỉ
(5) Tỉnh thành Quảng - nam đóng ở La - qua
(6) Năm 1885 và 1886

Các tướng về chia.
Thôi đã tràn đìa,
Cái chi cũng xách.
Cái quần đã rách,
Cái áo đã xơ,
Cũng giành mà quơ,
Huống chi cái khá.
Kẻ thì đào mả,
Kẻ lại phá nhà,
Những chó, những gà,
Những heo, những vịt.
Bắt mà ăn thịt,
Lại bán lấy tiền,
Đem về Thừa - thiên,
Ngãi, Bình, Quảng - trị
Thậm vi khả bỉ [1]
Quân lệnh khâm sai!
Thiên hạ ai ai,
Chớ tin mà mắc.
Thác từ đánh giặc.
Hại ngã bình dân,
Thiên địa quỉ thần,
Nguyện kỳ chiếu giám [2].
Nói càng thêm thảm,
Chẳng biết làm sao,
Hiệu lệnh đường nào,
Quân gia đến thế?

(1) Rất đáng khinh.
(2) Mong soi xét cho.

Hà mưu hà kế?
Hà lự hà tư?
Viện những đồ hư
Để đi ăn giật!
Bợm nào đắc lực,
Tấn trật thăng quan,
Lớn bé một đoàn
Vô sở bất chí [1]!
Nhân dân dị nghị,
Hồ lạc chi tùng [2],
Sự thế nhật cùng [3]
Quảng - nam ở lỗ [4]
Trời làm chi khổ,
Thất đảo bát điên,
Nói lắm cũng phiền,
Như tư như dĩ [5]!

Vè con dao.

Nhà anh bất phú, bất bần [6]
Có con dao đoản [7] hộ thân tháng ngày.
Con dao anh rày,
Dài vừa năm tấc.
Khi mài đã sắc.
Phá lở rú rừng hoang;
Cũng biện đủ cỗ cho làng,
Cũng no ngày đủ tháng.
Đèn có khêu mới rạng,

---

(1) Không cái gì không làm.
(2) Cáo cầy cùng một bụi, cùng tuồng kẻ cướp hại dân.
(3), (4)Đến lúc cùng thì dân Quảng - nam chỉ còn cách chui xuống lỗ.
(5) Như thế mà thôi!
(6) *Bất phú, bất bần*: không giàu cũng không nghèo.
(7) *Dao đoản:* Dao ngắn.

Ngọc bất trác, bất thành [1],
Gẫm như con dao anh,
Nội trần gian không ai có,
Nội dưới trời không ai có.

Từ khi quan triều thất thủ,
Từ khi Tây, tả lăng loàn,
Dân tan tác lầm than,
Người cầm lòng sao đặng[2].

Giữ cùng dân đã khổ,
Phải giữ dao làm ăn.
Quan tổng đốc đại thần,
Khiếm gì súng với giáo [3]

Sự bất quí hồ đạo [4]
Trị thiên hạ tu tề.
Để con dao tôi ra về,
Cùng vợ con đề huề,
Cũng cửa nhà no ấm.

Con dao tung hoành một trận,
Cũng đủ ngày tháng ngao du,
Cũng nỏ thiếu chi thuốc, trù [5],
Nước chè xanh thơm ngát,
Nước chè tàu thơm ngát.

---

(1) Ngọc bất trác bất thành: Ngọc không mài, không thành đồ dùng.
(2) Quân xâm lược Pháp và bọn đội lốt tôn giáo phản quốc làm hại nhân dân thì còn ai yên lòng được.
(3) Tây nó cấm nhân dân có vũ khí, còn quan ta thì thiếu gì súng, giáo mà còn đòi thu hồi dao của nhân dân.
(4) Trị dân thì phải lấy đạo đức làm gốc.
(5) Cũng chẳng thiếu gì thuốc và trầu.

Con dao anh quay một lát,
Bằng rạ phát tối ngày [1].
Than hai bồ đã đầy,
Còn trong lò đang ứa [2].

Kẻ đeo rìu, đeo rựa,
Thua dao anh cũng liền liền.
Than anh bán năm tiền,
Than rạ rìu bán bốn rưỡi [3].

Đám ma cho đến đám cưới,
Đến cả đám lợp nhà,
Cũng mượn con dao ta,
Chẳng sót nhà nào mà kể.

Không cho thì ra tệ,
Nói: cái bụng hẹp hòi.
Cầm lấy con dao rồi,
Chỉ gật đầu, gật cổ.

Khen con dao chưa từng chộ [4].
Hỏi: con dao anh rèn
Độ bao nhiêu tiền?
- Con dao tôi rèn
Gia Long trị vì khai sáng [5]
Sắt tây năm lạng,

---

(1) *Rạ*: dao rựa.
(2) Người đốn củi đốt than nhờ có con dao, nên đã có nhiều than vô kể (ứa: nhiều vô kể).
(3) Dưới triều Nguyễn, một quan có 10 tiền, một tiền là 10 đồng. Đây nói: "Bốn rưỡi" là bốn tiền rưỡi (45 đồng).
(4) Chộ: thấy
(5) Ý nói rèn từ lâu lắm.

Bạc mươi nén tiền công.
Con dao tôi sắc vô cùng,
Đánh trăm cây cũng ngã;
Chặt ngàn cành cũng ngã.

Cho nên thiên hạ,
Đều rèn theo kiểu dao này.
Trước dùng việc hằng ngày,
Sau vệ quốc, bình Tây [1],
Chặt quân thù như chém chuối.

(Hát giặm vè Nghệ - tĩnh)

(1) Giữ nước, đánh giặc Pháp

12. HÁT RU EM

Loại dân ca này phổ biến khắp trong nước, mỗi miền hát một cách khác nhau, nhưng có chung một phong thái là đều ngân nga, êm dịu. Nội dung những bài hát ru em rất phong phú: có thể là những cảnh vật xinh xinh, những ý nghĩa thơ ngây phù hợp với tuổi nhỏ; nó cũng có thể là những tình cảm thắm thiết của người phụ nữ biểu lộ trong bài ca, phù hợp với tâm tình người hát; nó cũng có thể là những tư tưởng đả kích giai cấp phong kiến. Hát ru em đều là những bài ca dao sẵn có, người hát tự thêm những tiếng đệm, tiếng láy và tiếng đưa hơi, tùy theo từng điệu hát ru em của mỗi miền. Hát ru em thường là lục bát thông thường hay lục bát biến thể.

Cái ngủ mày ngủ cho lâu,
Mẹ mày đi cấy ruộng sâu chưa về.
Bắt được mười tám, mười chín con trê[1].
Cầm cổ lôi về cho cái ngủ ăn.
Cái ngủ ăn chẳng hết, để dành đến tết mồng ba:
Mèo già ăn trộm, mèo ốm phải đòn,
Mèo con phải vạ, con quạ đứt đuôi;
Con ruồi đứt cánh, đòn gánh có mấu;
Củ ấu có sừng, bánh chưng có lá;

(1) Có bản chép: Bắt được lũ cá rô, trê.

Con cá có vây, ông thầy có sách;
Đào ngạch có dao, thợ rào có búa;
Xay lúa có giàng, việc làng có mõ;
Cắt cỏ có liềm, câu liêm có lưỡi;
Cây bưởi có hoa, cây cà có trái;
Con gái có chồng, đàn ông có vợ;
Kẻ chợ có vua, trên chùa có bụt;
Cái bút có ngòi, con voi có quản...

*

Em tôi buồn ngủ buồn nghê,
Buồn ăn cơm nếp cháo kê, thịt gà;
Buồn ăn bánh đúc, bánh đa,
Củ từ, khoai nướng cùng là cháo kê.

*

Em tôi buồn ngủ buồn nghê,
Con tằm đã chín, con dê đã mùi.
Con tằm đã chín, để lại mà nuôi,
Con dê đã mùi, làm thịt em ăn.

*

Bồng bồng mẹ bế con sang,
Đò dọc quan cấm, đò ngang không chèo,
Muốn sang thì bắc cầu kiều,
Muốn con hay chữ, thì yêu lấy thầy.

*

Bồng bồng mà nấu canh tôm,
Ăn vào mát ruột, đến hôm lại bồng.
Bồng bồng mà nấu canh khoai,
Ăn vào mát ruột đến mai lại bồng.

*

Bồng bồng nẩy lộc ra hoa,
Một đàn vợ lính trẩy ra thăm chồng.
Trẩy ra có gánh có gồng,
Trẩy ra thăm chồng, bảy bị còn ba.
- Nào ai nhắn nhủ mi ra?
Mi ngồi mi kể con cà, con kê!
Muốn sống muốn tốt thì đưa nhau về;
Việc quan anh chịu một bề cho xong!

*

Ru em , em thét cho muồi,
Cho mẹ đi chợ mua vôi têm trầu.
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu,
Mua cau Nam - phổ, mua trầu chợ Dinh.

*

Ru hơi, ru hỡi, ru hời...
Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông,
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng, con ơi!

*

Ru hơi, ru hỡi, ru hời...
Làm trai đứng ở trên đời,
Sao cho xứng đáng giống nòi nhà ta.
Ghé vai gánh vác sơn hà,
Sao cho tỏ mặt mới là trượng phu.

*

Ru em, em ngủ cho rồi,
Chị ra buông cửi, chị ngồi quay tơ.

Năm nay tơ kén được mùa,
Chị xin thầy mẹ mua cho mấy đồng.

*

Ru em, em hãy nín đi,
Kẻo mà mẹ đánh em thì em đau.
Em đau, chị cũng buồn rầu.
Bé mồm bé miệng, kêu đâu bây giờ!

*

Ru bồng, ru bổng, ru bông;
Mẹ ru con ngủ, mẹ dông lên làng.
Giật vay mớ gạo, mớ lang,
Ít nhiều qua bữa, quấy quang qua ngày.
Sinh con gặp phải buổi nay,
Bao giờ mở mắt, mở mày con ơi!

*

Cô Thỉ, cô Thi,
Cô đang đương thì, cô kẹo với ai?
Cô tú kẽo kẹt cô cai,
Vợ chồng thuyền chài kẽo kẹt dưới sông.
Mâm cốm kẹo với mâm hồng,
Bát bịt, mâm đồng kẽo kẹt một nơi.
Mâm thịt kẹo với mâm xôi,
Thịt bùi, xôi dẻo kẹo nơi bà già.
Cùi dừa kẹo với bánh đa,
Cái đĩa thịt gà kẹo với lá chanh.
Nồi cơm kẹo với nồi canh,
Quả bí trên cành kẹo với tôm he.
Bánh rán kẹo với nước chè,
Cô kia cò kè kẹo với ai đây?

Bà cốt kẹo với ông thầy,
Con chim loan phượng kẹo cây ngô đồng.

*

Sáu giờ còn ở Kinh đô,
Chín giờ, xe lửa đã vô cửa Hàn;
Mười giờ bước xuống xà- lan.
Bóp bụng mà chịu, nát gan trăm bề.
Bước lên tầu, tầu thổi xúp- lê,
Khoát khăn kéo lại, bảo em về nuôi con.
Đầu hè có buồng chuối non non,
Để dành xáo ghế cho con ăn lần.
Khoai từ, khoai choái, khoai nần,
Còn một vạt bắp trước sân chưa già,
Với hũ sắn lát trong nhà,
Để dành xáo ghế cho qua tháng ngày...
Bố em ơi!
Ráng mà nuôi con chim chuyền cho biết liệng biết bay,
Mai sau anh có thác, hắn giữ cái ngày tiên linh [1].

(1) Bài hát hát ru em ở Quảng Nam nói về người nông dân Việt Nam bị mộ đi lính sang Pháp hồi chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914- 1918).

13. HÁT VUI CHƠI

Loại dân ca này không chỉ chỉ riêng trẻ em hát mà những khi trông coi con em mình, người lớn hát trước, rồi trẻ em hát theo; hay có khi ru trẻ ngủ, người mẹ hay người chị cũng dùng để hát, tuy những bài trong mục này không hẳn là những bài hát ru em. Nhiều bài hát chỉ có ý nghĩa là dạy cho con trẻ biết về các thứ cây, các giống vật, các nghề, v,v...; nói tóm lại, nó giống như những bài học thường thức, nhưng lại vần vè và nội dung thường vui, phần nhiều ngộ nghĩnh, làm cho trẻ em thích thú, muốn nghe.

Trong số những bài hát vui chơi, cũng có những bài biểu hiện tư tưởng của nhân dân chống đối giai cấp thống trị, phản ánh đời sống cơ cực của nhân dân, hoặc tố cáo những thói áp bức, bóc lột của bọn cường hào, địa chủ.

Loại hát này có nhiều điệu mà điệu nào cũng nhịp nhàng, vui tươi.

Con công hay múa
Nó múa làm sao?
- Nó rụt cổ vào
Nó xòe cánh ra
Nó đỗ cành đa
Nó kêu ríu rít
Nó đỗ cành mít
Nó kêu: vịt chè!
Nó đỗ cành tre

Nó kêu: bè muống!
Nó đỗ dưới ruộng,
Nó kêu tầm vông
Con công hay múa....

*

Con vỏi con voi
Cái vòi đi trước
Hai chân trước đi trước
Hai chân sau đi sau
Còn cái đuôi đi sau rốt,
Tôi xin kể nốt
Cái chuyện con voi:
Con vỏi con voi...

*

Giung giăng giung giẻ
Dắt trẻ đi chơi
Đến cửa nhà trời
Lạy cậu lạy mợ
Cho cháu về quê
Cho dê đi học
Cho cóc ở nhà
Cho gà bới bếp
Ngồi xệp xuống đây!

*

Thả đỉa ba ba...
Chớ bắt đàn bà,
Phải tội đàn ông,
Cơm trắng như bông,
Gạo tiền như nước.

Đổ mắm đổ muối,
Đổ chuối hạt tiêu,
Đổ niêu nước chè,
Đổ phải nhà nào,
Nhà ấy phải chịu!

*

Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Cái ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật.
Phật ngồi phật khóc
Con cóc nhảy ra
Con gà ú ụ
Nhà mụ thổi xôi
Nhà tôi nấu chè
Tay xòe chân rụt!

*

Đầu quạ quá giang,
Sang sông, về đò...
Cò nhảy gãy cây,
Mây leo, bèo trôi...
Ổi xanh, hành bóc,
Róc vỏ, đỏ lòng...
Tôm cong đít vịt,
Sang cành nẻ,
Bẻ cành xanh,
Vét bàn thiên hạ...

*

Con chim sáo sậu,
Ăn cơm nhà cậu,

Uống nước nhà cô,
Đánh vỡ bát ngô,
Bà cô phải đền.

*

Lác đác mưa ngâu,
Sình sịch mưa ngâu,
Lá ngâu rụng xuống.
Bông lau phất cờ,
Nước trong xanh lạnh ngắt như tờ,
Một đàn cá lớn nhấp nhô đầu ghềnh,
Kìa ai đứng ở đầu ghềnh?...

*

Cái sáo mặc áo em tao,
Làm tổ cây cà, làm nhà cây chanh,
Đọc canh bờ giếng,
Môi miệng tiếng kèn.
Hỡi cô trồng sen!
Cho anh hái lá.
Hỡi cô trồng bưởi!
Cho chàng hái hoa...
Một cụm cà là ba cụm lý.
Con nhà ông lý mặc áo tía tô.
Con nhà thằng Ngô mặc áo lang khách.
Hai con chim khách, đánh nhau trên cây,
Hai cái bánh dày, đánh nhau mâm cỗ,
Hai hạt đỗ đánh nổ nồi rang,
Hai con kiến càng đánh nhau lọ mật,
Hai hòn đất đánh vật bờ ao...
Mày tát chuôm tao, tao tát chuôm mày;
Mày đẩy rổ cá, tao đẩy rổ tôm;

Mày đi chợ cầu Nôm, tao đi chợ cầu Dền
Mày bán cửa đền, tao bán cửa vua;
Mày làm mắm chua, tao làm mắm thính;
Mày con ông chánh, tao con ông xã;
Mày là cái ả, tao là cái hai;
Mày đội bồ đài, tao đội nón méo;
Mày cầm cái kéo, tao cầm con dao;
Mày làm sao, tao làm vậy.
Mày đi buôn cậy, tao đi buôn hồng;
Mày đi lấy chồng, tao đi lấy vợ;
Mày lên kẻ chợ, tao về nhà quê...

*

Bồ cu bồ các,
Tha rác lên cây...
Gió đánh lung lay
Là vua Cao- tổ.
Những người mặt rỗ
Là chú Tiêu Hà.
Tính toán chẳng ra
Là ngươi Tào Tháo.
Đánh bạc cố áo
Là anh Trần Bình.
Hồ khoan, hồ uẩy,
Hồ khoan, hồ uẩy...

Ăn đã vậy, múa gậy làm sao?
Chân thấp chân cao, mau mau cho chóng.
Năng khiếp năng dũng, hữu khuất hữu thân.
Cao- tổ thời nhân, Hạng- vương thời bạo.
Nhân hiền tại mạo, trắng gạo ngon cơm.
Hồ khoan, hồ uẩy,
Hồ khoan, hồ uẩy...

*

Một mụ già, mười ba mụ trẻ.
Nặn tai, nặn mắt;
Vẽ mặt, vẽ mày;
Dạy khóc, dạy cười;
Dạy ăn, dạy bú;
Dạy lẫy, dạy bò;
Giữ thóp đầu cho trẻ.
Cùng mụ ăn cữ,
Bà nào khôn khéo dạy con trẻ sởn sơ sởn sạc,
Bà nào vụng dại, xuống biển ăn tôm he, cá mực.

*

Tình tính tang, tang tình tang...
Súng vác vai, hỏa mai tọng nạp.
Gươm tốt trần, giáo cắp, mộc mang.
Tang tình tang,
Giương cung mà bắn con cò,
Con cốc nó lội, con cò nó bay...
Tang tình tang, tang tình tang...

*

Tháng năm đau máu,
Tháng sáu đau chân,
Tháng tám ngồi dưng.
Ăn cơm giả bữa.
Cơm ăn cơm dỡ,
Mẹ ngỡ đi đâu,
Tắm táp gội đầu,
Đi xem voi ỉa.

*

Thằng Cuộc ngồi gốc cây đa,
Để trâu ăn lúa gọi cha ời ời.
Cha còn cắt cỏ trên trời,
Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.
Ông thời cầm bút cầm nghiên,
Ông thời cầm tiền [1] đi chuộc lá đa.

*

Vừa mưa vừa nắng,
Cái cắng đánh nhau...
Bồ câu ra chữa,
Chốc nữa lại tạnh.
Trời mưa, quả dưa vẹo vọ.
Con ốc nằm co,
Con tôm đánh đáo,
Con cò kiếm ăn.

*

Ông giẳng ông giăng,
Xuống chơi với tôi.
Có bầu có bạn,
Có ván cơm xôi,
Có nồi cơm nếp,
Có nệp bánh chưng,
Có lưng hũ rượu...
Có khiếu đánh đu,
Thằng cu vỗ chài,
Bắt trai bỏ giỏ.
Cái đỏ ẵm em,
Đi xem đánh cá.

(1) Có bản chép: "Thằng cuội cầm tiền"

Có rá vo gạo.
Có gáo múc nước,
Có lược chải đầu,
Có trâu cày ruộng,
Có muống thả ao,
Ông sao trên trời....

*

Súc sắc súc sẻ...
Nhà nào còn đèn còn lửa?
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào!
Bước lên giường cao, thấy đôi rồng ấp.
Bước xuống giường thấp, thấy đôi rồng chầu.
Bước ra đằng sau, thấy nhà ngói lợp.
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm,
Ông sống một trăm, thêm năm tuổi lẻ.
Vợ ông sinh đẻ, những con tốt lành,
Những con như tranh, những con như đối.

*

Châu chấu đuổi cái chích chòe,
Cỏ dày đồng nội cắn què mõm trâu.

*

Con bò đậu đỉnh cây tre,
Con chim chích chòe, kéo cày khu khư.
Hòn đá ninh mật cho nhừ,
Khoai lang củ từ thì bắc cầu ao.
Trời làm một trận mưa rào,
Một đàn cào cào đuổi đàn cá rô.
Thóc giống đuổi chuột trong bồ,
Đòng đong cân cấn đuổi cò ngoài ao.

*

Bao giờ cho đến tháng ba,
Ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng.
Hùm nằm cho lợn liếm lông,
Một chục quả hồng nuốt lão tám mươi.
Nắm xôi nuốt trẻ lên mười,
Con gà, be rượu nuốt người lao đao.
Lươn nằm cho trúm bò vào,
Một đàn cào cào đuổi đàn cá rô [1],
Lúa mạ nhảy lên ăn bò,
Cỏ năng, cỏ lác rình mò bắt trâu.
Gà con đuổi bắt diều hâu,
Chim di đuổi đánh vỡ đầu bồ nông.

*

Tùng, tùng, đánh ba tiếng trống....
Sắp quân cho chỉnh:
Phượng hoàng thống lĩnh,
Bạch hạc hiệp đồng,
Tả chi thì công,
Hữu chi thì sếu.
Giang cao ngất nghểu,
Đi trước tiên phong;
Cả mỏ bồ nông,
Đi sau tiếp hậu.
Sáo đen, sáo sậu,
Ran giục đôi bên;

---

(1) Sau câu này, có nơi hát tiếp:
"Thóc giống đuổi chuột trong bồ,
Đòng đong cân cấn đuổi cò ngoài ao".
Bài ở một trang sau cũng có vài câu giống bài này, tuỳ theo nơi hát.

Chú quạ thông tin,
Đóng dả ba quân,
Đội lương đi trước
Một đàn vịt nước,
Chú két, chú le,
Sắm sửa thuyền bè,
Cho bọn trẩy thủy.
Chim chích chim di,
Bé mọn biết gì,
Ở nhà coi sóc.
Chú cò, chú cốc,
Coi sóc các làng;
Chèo bẻo nỏ nang,
Bầu cho làm huyện.
Đêm hôm đi tuần,
Phó cho chú vạc;
Chú ngỗng nghếch ngác,
Như thể đàn bà,
Chú vịt, chú gà,
Nhắc võng ông già,
Trèo lên núi triều,
Giặc thấy đã nhiều,
Chạy như cun cút...

*

Bước sang tháng sáu giá chân,
Tháng một nằm trần, bức đổ mồ hôi.
Con chuột kéo cày lồi lồi,
Con trâu bốc gạo vào ngồi trong cong,
Vườn ruộng thì thả rau rong,
Ao sâu giữa đồng, vãi cải lấy ngồng làm dưa

Một đàn con bò đi tắm đến trưa,
Một đàn con vịt đi bừa ruộng nương.
Voi kia nằm ở gầm giường,
Cóc đi đánh giặc bốn phương nhọc nhằn.
Chuồn chuồn thấy cám liền ăn,
Lợn kia thấy cám nhọc nhằn bay qua.
Trời mưa cho mối bắt gà,
Đòng đong, cân cấn đuổi cò xôn xao.
Lươn nằm cho trúm bò vào,
Một đàn cào cào đuổi đàn cá rô.
Thóc giống đuổi chuột trong bồ,
Một trăm lá mạ đuổi vồ con trâu.
Chim chích cắn cổ diều hâu,
Gà con tha quạ biết đâu mà tìm!
Bong bóng thì chìm, gỗ lim thì nổi,
Đào ao bằng chổi, quét nhà bằng mai,
Hòn đá dẻo dai, hòn xôi rắn chắc.
Gan lợn thì đắng, bồ hòn thì bùi,
Hương hoa thì hôi, nhất thơm thì cứt.
Đàn ông to vú, đàn bà rậm râu,
Hay sủa thì trâu, hay cày thì chó...

*

Con gà cục tác lá chanh,
Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi,
Mẹ ơi, đi chợ mua tôi đồng riềng.

*

Cóc chết bỏ nhái mồ côi.
Chẫu ngồi, chẫu khóc: chàng ơi là chàng!
Ễnh ương đánh lệnh đã vang.
Tiền đâu mà trả cho làng, ngóe ơi!

*

Cái kiến mày đậu cành đào,
Leo phải cành cộc, leo vào leo ra.
Cái kiến mày đậu cành đa,
Leo phải cành cộc, leo ra leo vào.

*

Con kiến mày ở trong nhà,
Tao đóng cửa lại, mày ra đằng nào?
Con cá mày ở dưới ao,
Tao tát nước vào, mày chạy đằng mô?

*

Cái Bống đi chợ cầu Canh.
Cái Tôm đi trước, củ Hành đi sau.
Con Cua lạch đạch theo hầu,
Cái chày rơi xuống vỡ đầu con Cua.

*

Cá Bống còn ở trong hang,
Cái rau tập tàng còn ở ruộng dâu.
Ta về ta sắm cần câu,
Câu lấy cá Bống nấu rau tập tàng.

*

Con quạ nó ăn tầm bậy tầm bạ nó chết,
Con diều xúc nếp làm chay,
Tu hú đánh trống bảy ngày,
Con bịp nó dậy nó bày mâm ra.
Con cuốc nó khóc u oa,
Mẹ nó đi chợ đàng xa chưa về.

*

Con chim chích chòe,
Nó đậu cành chanh.
Tôi ném hòn sành,
Nó quay lông lốc...
Tôi làm một chốc,
Được ba mâm đầy.
Ông thầy ăn một,
Bà cốt ăn hai,
Cái thủ cái tai,
Tôi đem biếu chúa,
Chúa hỏi: chim gì?
Con chim chích chòe....

*

Chị Xuân đi chợ mùa hè,
Mua cá thu về, chợ hãy còn đông,
Anh Hươu đi chợ Đồng - nai,
Bước qua bến Nghé, ngồi nhai thịt bò.

*

Vịt chê lúa lép không ăn,
Chuột [1] chê nhà trống ra nằm bụi tre.

*

Con mèo xán bể [2] nồi rang,
Con chó chạy lại mà mang lấy đòn.

*

(1) Có bản chép: Chó.
(2) *Xán bể* là đánh vỡ.

Gập ghềnh nước chảy qua đèo,
Ngựa xô xuống biển, thuyền trèo lên non.

*

Đàn ai khéo gẩy tính tinh,
Một đàn con cá lặn ghềnh nó nghe...
Con cá nó lội so le,
Một đàn con cá lớn nó đè con cá con.

*

Lạy trời cho chúa tôi giàu,
Cho tôi hút mỡ, ăn dầu quanh năm.
Lạy trời cho chúa tôi hoang,
Cho tôi mắc võng nghênh ngang giữa nhà.

*

Tò vò mà nuôi con nhện,
Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi.
Tò vò ngồi khóc tỉ ti,
Nhện ơi! nhện hỡi ! mày đi đằng nào?

*

Ai đem con sáo sang sông,
Để cho con sáo sổ lồng sáo bay.
Ai đem con kéc vô vườn,
Để cho con kéc ăn buồng chuối tiêu?

V
TỤC NGỮ CA DAO CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI

Những ca dao của các đồng bào Thái (Tây - bắc), Tày (Đông - bắc), Mường và Mèo (Tây - bắc), chúng tôi lựa chọn vào mục này đều là những câu dịch hoặc của Tô Hoài hoặc của Nguyễn Văn An, do các ông đã sưu tập được của đồng bào miền núi. Những câu dịch của Tô Hoài thì sát nghĩa nhưng không vần vè, còn những câu dịch của Nguyễn Văn An thì tuy có vần vè nhưng cốt cho thoát nghĩa.

Cũng như tục ngữ ca dao của chúng ta ở miền xuôi, nội dung những tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi đã biểu hiện lòng căm thù sâu sắc đối với phong kiến và đế quốc; ngoài ra những tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi còn biểu hiện lòng yêu lao động, còn nói về kinh nghiệm sản xuất, về tình yêu quê hương đất nước.

Những câu như:

Con dân cầm đòn càn,
Con quan được cưỡi ngựa.
Con tạo (1) biết chữ làm quan,
Con dân biết chữ cầm đòn càn ăn xin.

Cũng không khác gì những câu của chúng ta ở miền xuôi:

Con quan thì lại làm quan,
Con nhà kẻ khó đốt than tối ngày.

Hay:

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa...

---

(1) Tạo hay phìa tạo là người cai trị một địa phương ở miền núi.

Đối với đế quốc, trong tục ngữ ca dao của chúng ta ở miền xuôi đã có những tiếng phản kháng của giai cấp công nhân Việt Nam từ trước cách mạng, còn tục ngữ ca dao của đồng bào miền núi khi nói đến thực dân Pháp đều là những bài biểu lộ tư tưởng chống xâm lược, chống sự cướp phá, càn quét của quân đội thực dân Pháp trong thời kháng chiến vừa qua ở các miền Tây - bắc và Đông - bắc.

Đối với giặc Pháp, nhân dân miền núi cũng căm thù sôi sục như nhân dân miền xuôi. Trong khi quân đội thực dân Pháp còn chiếm đóng ở Tây - bắc, binh sĩ Thái thường hát một bài cho cụ Hom nghe ở vùng Mường - muối thuộc Luân - châu. Bài ca ấy có đoạn như sau:

Em kêu trời cổ khan,
Chết không biết lúc nào!
Vợ chồng, bố mẹ chết cũng không biết!
Anh vừa thổi chín nồi cơm, súng giặc bắn chết!
Em ở nhà chỉ khóc...
Anh em ta ở với nhau cho tốt, để cùng bắn chúng nó.

Ở vùng tạm chiếm trong lòng địch, sống chết không còn biết lúc nào; người thiếu phụ thương cảm về chồng chị bị giặc giết, chị khóc than, nhưng chị không tiêu cực, chị nghĩ cần phải đoàn kết với nhau hơn nữa, để tiêu diệt kẻ thù chung. Tư tưởng đoàn kết của đồng bào miền núi còn biểu hiện ở nhiều câu như:

- Nhiều chống càng tốt, nhiều cột càng bền.
- Nhiều người thì sống, mống người thì chết.
- Hợp nhau người nể nang,
Lìa tan người khinh thị.

Trong thời kháng chiến vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên đất nước Việt Nam yêu quí, nhân dân thấm nhuần ý nghĩa đoàn kết đấu tranh, và cũng nhờ sự giáo dục cao quí ấy, quân dân ta đã nhất trí thi đua giết giặc cứu nước.

Đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, đồng bào Mường đã nói lên lòng kính mến và lòng tin tưởng không bờ bến như sau:

Đất nước ta có Cụ Hồ,
Cụ Hồ thương dân đất mường ta, sông bể không bằng!

"Đất nước ta có Cụ Hồ", đất nước ta đẹp và mênh mông bát ngát: "Chóng mòi thăm thẳm ngàn trùng...". Bởi vậy, nhân dân Mường đã quyết tâm đuổi hết bọn giặc xâm lăng, để tha hồ được vùng vẫy tự do như con chim trong rừng thẳm:

Tham gì chùm hoa cà nở trong nắng sớm!
Anh cứ yên tâm đuổi hết giặc đi,
Cho chim rừng tha hồ bay lên bay xuống...

Đã có lòng tin tưởng ở lãnh tụ, đã có lòng yêu đất nước như thế, nào:

Con trai đi cứu đất đầy hết ngọn sông cái,
Con gái đi cứu mường đầy hết đồi núi...

Tình yêu nam nữ do đó càng thêm thắm thiết. Khi những người trai gái ấy đã cùng chung một lòng yêu nước thiết tha, thì họ hứa hẹn cùng nhau:

Dây chỉ xe với tơ vàng,
Trăm năm ta quyết được...

Nước có yên, nhà mới yên, có hòa bình độc lập tự do, mới có hạnh phúc, mà hạnh phúc của hết thảy chúng ta đều xây dựng trên nền kinh tế mới ngày một phát triển. Ở những người nam nữ thanh niên miền núi, tình yêu của họ cũng gắn liền với sản xuất hàng ngày, nó nảy nở trong những khi cùng lao động, cùng lo lắng về những công việc như nhau, cùng phấn khởi trong những việc mà họ đã chung sức. Hãy nghe đồng bào Tày hát những câu này:

Đến mùa làm cho nhiều rẫy,
Em đưa trâu đến giúp công.
Làm nên gạo ta thì ăn chung,
Được bao nhiêu gánh, ta cùng chia đôi.

Cũng như đồng bào miền đồng bằng, đồng bào miền núi đều nhận thấy lao động là vinh quang. Tục ngữ Thái có câu:

Lười biếng chẳng ai thiết,
Siêng việc ai cũng chào mời.

Nhờ yêu lao động, nhờ có ý thức sửa đổi lề lối làm việc, cải tiến kỹ thuật canh tác mà nhân dân lao động miền núi cũng như nhân dân miền đồng bằng, đã có nhiều kinh nghiệm về sản xuất. Như đồng bào Thái có câu:

Làm nương chớ sợ hoài,
Đắp phai chớ e thiệt.

Đồng bào Tày có câu:

Mười sào ruộng ven hà,
Chớ tưởng là no đủ.

Và những câu:

Ruộng chờ mạ,
Ruộng kỹ càng tốt.
Mạ chờ ruộng, mạ muộn,
Chẳng được hạt nào.

Trải chín năm kháng chiến anh dũng và gian khổ, toàn thể nhân dân ta, ở miền núi cũng như miền đồng bằng, đều nhận thấy rõ đất nước có được giải phóng, hòa bình có được lập lại, mọi người mới được sung sướng làm ăn, phát triển nông nghiệp và công thương nghiệp, kiến thiết đất nước yêu quý. Đồng bào Mèo đã nhận rõ điểm ấy, và trong thời kháng chiến vừa qua, họ đã có câu hát:

Một lòng đánh Tây cho chết hết...
Ta mới sung sướng làm ruộng, làm nương.
Ở yên mà mua, mà bán...

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, toàn dân ta đã đoàn kết đấu tranh, hậu phương thi đua sản xuất, bộ đội thi đua giết giặc, hết thảy mọi người đã cùng nhau góp lòng, góp sức, đưa kháng chiến đến hoàn toàn thắng lợi.

1. TỤC NGỮ CA DAO THÁI

Lười biếng chẳng ai thiết,
Siêng việc ai cũng chào mời.
(Chạn sáu báu mặc,
Sắc sáu báu bứa).

*

Làm nương chớ sợ hoài,
Đắp phai chớ e thiệt,
(Dệt nương báu sia lai,
Dệt phai báu sịa lạ).

*

Ngồi dưng ăn hoang,
Mỏ vàng cũng cạn.
Học thầy học bạn,
Vô vạn phong lưu.
(Khiếng kha kin bó cắm cọ hảnh,
Ép học hẩu chập mạnh hứ chẳng kin đứn).

*

Hạt thóc ở dưới đất,
Miếng ăn là vật trên rừng.
Ai khéo ra công khai thác thành ruộng,
Ai khéo xây dựng lập thành xóm làng,
Ai chẳng hay làm, cả đời khốn khó.

(Lắm khẩu dù nẳng đin,
Cắm kin dù nẳng pá.
Phau chang chốc pên ná,
Phau chang cha pên bản,
Phau khí chạn tếnh chưa củng chau).

*

Quê người đầy thóc gạo, chớ vội cầm đòn gánh đến chơi;
Bản mường ta dù đầy cỏ hoang, hãy cầm dao đi phát.
(Mướng xấu mí bung khẩu san nhá khẩm cán pay lửa.
Bản mướng chẩu hựa coi tý thang au)

*

Bạc đeo đầy mình,
Không bằng thông minh sáng suốt,
(Ngấn pó pá báu to pha nha cuông boọng).

*

Làm người trông rộng nghe xa,
Biết luật biết lý mới là người tinh,
Rõ đường phải trái phân minh.
(Dệt cốn dú đảy hung mung hụ lắc,
Hụ chắc hịt chắc khoóng,
Hụ chắc đi chắc hại).

*

Làm người mà được khôn ngoan,
Cũng nhờ học tập mọi đàng mọi hay.
Nghề gì có ích trong tay,
Mai sau rồi cũng có ngày ích to.
(Dệt cốn đảy sắc mắn,
Ép học ép tứ các khu các vịa.
Chẩu hụ an đau báu dản sia lạ,
Há mí chớ giống họt).

*

Vàng mười xếp chật kho,
Chẳng biết liệu lo cũng bằng vàng rỉ.
Đèn đồng cũ kỹ, sớm tối trên tay.
Có ngày bóng lộn.
(Cắm lanh vậy náu kho lại nứm;
Báu trang sư hiên tọn cọ sẩu mốc sia.
Ăn nưng lén toóng tảy bến, cứn chậu, căm;
Mứ khắm lỉn trang tọn nhẳng máy leng tóng).

*

Làm người ở cho ngay,
Học nên hay, phải chăm, chớ nhác.
Dẫu rằng thông hoạt,
Chẳng học cũng hư đời.
Tài trí bằng trời,
Chẳng học cũng là phần khổ.
(Dệt cốn hảư chau sư,
Ép săng hứ chứ chăm nhá chạn,
Cốn đi hụ lắc, báu sắc báu, mắn cọ sia đới,
Cốn chạ v lông báu, ép báu hiến sướng khong của sia lạ).

*

Chớ oán lúc mưa dầm, nắng gắt,
Làm việc mật, chớ nói thật cùng ai:
Chốn dông dài, chớ nói lời xuyên tạc,
Việc người bàn bạc, chớ trộm lóng nghe.
(Phạ phơn đét nhá chệ,
Dệt vịa đăm bế hế pên nho vậu.
Bón mớn thốn lại quám nhá nhụ,
Pươn sứ ta nho lặc thóm phẳng).

*

Chớ eo xèo cơm đãi khách,
Chốn dơ dếch, chớ lại qua;
Chớ lê la nói mách;
Chớ nói dối ăn gian;
Chớ đi tắt về ngang,
Có ngày mất sạch cửa nhà.
(Nhá khẩu liệng cốn,
Bón mốn thôn siêu sà. Nhà pá đẩy quám lại.
Nhá kín gian va bẻo. Nhá ắt cỏ pay má.
Pá lăm mo mết hếnh sia lạ).

*

Mười chưa cầm, không bằng năm nắm vững.
(Sip pay nả báu to hả má mứ).

*

Gần nồi thì đen, gần đèn thì sáng,
(Sáu mỏ đăm, chăm tiến hung).

*

Nhiều chống càng tốt, nhiều cột càng bền.
(Lai cặm bau, lai sau mắn).

*

Nhiều người thì sống, mống người thì chết.
(Nọi cốn tai, lai cốn hánh).

*

Hợp nhau người nể nang,
Lìa tan người khinh thị.
(Hốm căn tan lu dạc, pạc căn tan lu kén).

*

Lắm mồm thắng rái cá,

Già mồm thắng hùm beo.
(Lai sốp pẹ nạc, lai pạc pẹ sưa).

*

Ở lẻ loi toi mạng,
Có phường bạn mới nên hay.
Vào hội này hội khác.
Phòng khi biến khi thường.
(Nhá tóm tỏ há dú,
Mí mú púng chẳng nổi.
Khẩu cuông hội lom pươn chẳng đi,
Phóng chớ đi chớ hại).

*

Con dân cầm đòn càn,
Con quan được cưỡi ngựa.
(Lụ dên khắm cán,
Lụ quan khí mạ).

*

Con tạo [1] biết chữ làm quan,
Con dân biết chữ cầm đòn càn ăn xin.
(Lụ tạo hụ sư pên quan,
Lụ dên hụ san khắm cán so khẩu).

*

Ghẹo ma được ngủ âm phủ,
Ghẹo phìa tạo được ngủ gông, ngủ cùm.
(Khắc phi sang nón hiêu,
Yếu phìa tạo nón côm nón ca).

---

(1) Phìa tạo là người cai trị một địa phương, chế độ phìa tạo là một chế độ thổ ty phong kiến miền núi, cai trị dân bằng cả thần quyền và tộc quyền.

*

Đất nước ta: trông về phương Tây tối tăm.
Nhớ đến quê hương ta ăn ở,
Anh em ơi! Bây giờ chúng ta ở với người ngoài không tốt.
Chúng ta ở lại, có ruộng nương làm ăn.
Nhưng mà chúng ta đừng quên,
Chúng ta phải nghĩ thế nào,
Đánh lấy lại đất nước của chúng ta [1].
(Mướng bản háu, lim mơ táng phỏng Tây on khọn.
Ngắm họt nậm din háu kin dú,
Pi noọng ơi! Khay nay mở háu dú cắp tan báu đi.
Háu dú nị dệt hay ná kin,
Há va háu nhá lứm, háu dú nị dệt hay ná kin.
Há vạ háu nhá lứm, háu chi dệt sứ đau;
Háu tặp đảy bản mướng Nam háu).

*

Chúng ta phải nghĩ đến Tổ quốc chúng ta.
Bây giờ còn trẻ phải cố đi học,
Cho cha mẹ ta có mặt mũi.
Sao lại chịu để phí đời mình cho dốt nát?
Việc gì tốt thì ta cứ làm,
Ta phải trau dồi cho gái cũng bằng trai.
Và phải làm thế nào cho có tiếng tăm.
(Háu đảy ngắm họt bản mướng háu,
Chớ nị nhẳng nọi cố ép cò ma,
Hảư ải ý háu đảy mí nả ta.
Săng chẳng he dú nham chố cún bảư chạ.

---

(1) Bài ca này, nhân dân xã Mường Khoài (Tuần - giáo) hay hát; xuất hiện vào thời Pháp- Nhật (1945).

Khay bản mướng má họt chớ háu sáng sum,
Sứ đau chí đi háu cố dệt au,
Khay nị háu ép lắc văn hảư nhính co pé trái.
Háu dệt sứ đau mắn mí tiếng tăm).

*

Bài sau đây dịch nguyên văn, không giữ được bản chữ Thái:
Gọi vía về nhà không có cơm, khốn khổ lắm!
Tây nó hiếp mà ăn.
Tôi cũng dầm mưa gió canh gác.
Anh đừng khóc, anh làm được việc này.
Tây hiếp về ăn,
Trâu lợn bị giết.
Rượu gạo, đứa nào đẹp.
Đàn bà con gái, Tây nó thấy,
Nó hiếp, nó làm hại.
Anh và em, bố mẹ, đắng cay trong lòng!
Tiền nong nó không bỏ cho!
Sớm tối, cơm nhịn bữa.
Chết hết giống người!
Làm nhà cay đắng,
Em cũng kêu trời, ngày thì cổ khan.
Hai ta không biết chết hay còn!
Không biết việc nhịn cơm,
Chết không biết lúc nào!
Chồng vợ, bố mẹ, chết không biết.
Làm cơm chín, rồi đạn súng bắn...
Lúc chết, em ở nhà chỉ khóc.
Anh em với nhau trông coi cho tốt,
Để cùng bắn chúng nó.
Tôi cũng về nhà, đừng cười.

Vào trong rừng núi cao làm lán.
Làm binh lính cùng Tây, vợ con rất khổ đấy!
Bọn anh đừng có dại,
Đừng có dại mà làm cái lối sau đấy! (1)

Tóm tắt đại ý bài trên:

Về nhà, không cơm ăn, khốn khổ lắm!
Trâu lợn, rượu gạo, đàn bà con gái đẹp.
Tây nó cướp, nó hiếp, nó làm hại.
Tiền nong nó cũng không bỏ.
Anh em, bố mẹ đắng cay trong lòng!
Sớm tối, đều nhịn ăn,
Em kêu trời cổ khan,
Chết không biết lúc nào!
Vợ chồng, bố mẹ chết cũng không biết!
Anh vừa thổi chín nồi cơm, súng giặc bắn chết!
Em ở nhà chỉ khóc...
Anh em ta ở với nhau cho tốt, để cùng bắn chúng nó.
Vào rừng núi cao mà làm lán;
Đừng đi lính cho Tây, vợ con rất khổ đấy!
Các anh đừng có dại mà đi lính cho Tây!

(1) Bài này, trong khi quân Pháp còn chiếm đóng ở Tây - bắc, binh sĩ Thái thường hát cho cụ Hom nghe ở vùng Mường - muối (Luân- châu).

2. TỤC NGỮ CA DAO TÀY

Ruộng anh cấy thóc dâu, thóc tám;
Trong năm nay vô hạn được mùa.
Gặt xong sớm, rồi đưa vào bịch.
Hạt thóc khô chẳng khác gì vàng.
(Nà pi thư khẩu lài khẩu yết,
Khuốp pi mền tẻ thóc đảy mùa;
Tháng mùa té tan thua khẩu dảo.
Mặt khẩu te đảy hảo như kim).

*

Chồng mắng thì vợ nhịn lời,
Vợ giận chồng lại lả lơi làm lành.
Đoạn thôi bắc nồi nấu canh,
Hai là nấu nướng ngon lành cùng ăn.
Ăn xong lại cùng nhau làm việc,
Thế mới là cái nết vợ chồng.
(Phua đá, là nhịn cằm thắc ý;
Mìa đá, phua cọi nghị hất đây;
Thôi đoạn khỏi âu vầy khẩu tó,
Thêm soong là tẳng mỏ hung hoang.
Kin thôi là nghị tàng hất việc,
Chẳng chư cạ mì nết phua mè).

*

Ruộng cao khó làm ăn,
Ruộng lần thì vất vả.
(Nà cọn khỏ hất kin,
Nà lìn thì vất vả).

*

Mười sào ruộng ven hà,
Chớ tưởng là no đủ.
(Thíp pung nà phẳng ta,
Bấu đáy tai va lăng lợi).

*

Làm rẫy mong mưa xuống,
Làm ruộng ước râm trời.
(Nẳm rẫy mong phôn mà,
Nẳm nà mong đét ơn).

*

Đến mùa làm cho nhiều rẫy,
Em đưa trân đến giúp công.
Làm nên gạo ta cùng ăn chung,
Được bao nhiêu gánh ta cùng chia đôi.
(Tháng mùa là hất rẫy hau lai.
Sle noọng au vài mừa hẩư.
Pền khẩu cỏi păn soong,
Dảy háp păn cần cơn cũng rứ).

*

Ruộng chờ mạ,
Ruộng kỹ, càng tốt.
Mạ chờ ruộng, mạ muộn,
Chẳng được hạt nào.
(Nà thả chả là đây,
Chả thả nà bấu hay đảy khẩu).

*

Nuôi vịt, vịt đẻ trứng ra.
Có công nuôi gà, gà gáy cho nghe;
Nuôi lợn, tiền bạc thi nhau về.
(Liệng pất đảy kin sáy,
Liệng cáy đảy tiểng khăn,
Liệng mu đảy ngần chèn têm tẩy).

*

Nuôi vịt, được trứng ăn,
Nuôi gà năng lót ổ;
Ổ lên, ổ xuống, ổ trông, ổ nở,
Như đàn chim sẻ, như đàn chim di.
(Liệng pất đảy kin sáy,
Liệng cáy đảy lằng lồng,
Pằng khửn lằng lồng, lằng tông lằng cóc.
Bẳng phung nộc chooc, bằng chooc nộc sây).

*

Cánh ruộng to, chớ cho rậm cỏ,
Ngày cùng đêm, nước đổ cho đều.
Giữ mực nước chớ cao hơn lúa,
Nếp cùng tẻ thừa mứa thóc ăn.
(Nà cải bẩu hảư rộc nhã vằng,
Lằng lằng nậm poẻn cáu,
Nậm bấu thuổm mấu thuổm co.
Nua thêm chăm bấu thiếu).

*

Mười đứa con nhà khó,
Chẳng bằng một thằng nhỏ nhà sang.
(Síp tô lục hườn,
Nọi bấu tầy pò khỏi hườn luông).

*

Vịt nhỏ bạn vịt nhỏ la đà,
Chớ cho những chú vịt già làm thân;
Vịt già tranh mất hết phần,
Vịt con chẳng có gì ăn vào lòng!
Pết eng bạn pết eng rể rễ,
Bấu hảư pết ké mà soen,
Pết ké cheng mèng eng pây thuổn,
Pết eng là bấu muốn kin răng).

3. CA DAO MƯỜNG

Sau đây chúng tôi trích đăng một số câu hát của đồng bào Mường Tây - bắc, do nhà văn Tô Hoài sưu tập được và dịch ra tiếng Việt:

Chóng mòi thăm thẳm ngàn trùng,
Anh đi để đứa con bồng ai mang [1]?

*

Thân em như con từ qui [2]
Đêm thì họp bạn, ngày thì đi đâu!

*

Con chim báng, tiếng nó hót thánh tha thánh thót,
Hót gọi đàn, tiếng kêu mãi trong đêm thu,
Nó gọi rằng: cuối trăng già đến mồng trăng non,
Trông ra cửa sổ đầu giường, sao lòng nghe thương!
Trông ra cửa sổ đầu vách, sao lòng nghe thương !
Thương vì đất với mường chưa yên...
. . . . . .

(1) Đốc- mòi (huyện Kỳ Sơn, Hoà Bình); nhân dân Mường ở Hoà - bình rất đông, muốn tìm đất trồng trọt, họ đi ngược dòng sông Đà lên phía Bắc, ven sông và theo suối vào các cánh đồng.
(2) giống chim ban ngày biển biệt đi kiếm ăn: đêm đến con đực, con cái ở hai đầu rừng lên tiếng gọi nhau

Phải năm đất nước loạn lạc, núi lở sông cạn.
Cuối đồng mường ta, giặc Tây ác đóng...
Ngọn nước mường ta đầy giặc ngụy đóng.
Khổ hại như thế này!

*

Phải coi bây giờ,
Con trai đi cứu đất đầy hết ngọn sông cái,
Con gái đi cứu mường, đầy hết đồi núi.
Thân ta ngồi trông sao cho yên?

*

Tham gì chùm hoa cà nở trong nắng sớm!
Anh cứ yên tâm đuổi hết giặc ấy đi,
Cho chim rừng tha hồ bay lên bay xuống...

*

Cửa nhà hãy tạm xếp,
Đường trai, đường gái tạm giữ lại.
Đừng ăn cây yên, ở cây yên, (1)
Góc sông, ngọn nguồn, ta ra đi giết hết giặc ấy,
Để đón lấy một ngày vui ảng. (2)

*

Bố anh ở trên nhà,
Mẹ anh ở trên nhà,
Anh chẳng còn phải lo.
Chừng ban sớm, chẳng lo em đi đánh còn ngoài ruộng;

---

(1) Tiếng Mường: "Ăn cây khớm, ở cây khí" có nghĩa là dựa dẫm, cầu an nhút nhát.
(2) Nhà người Mường thường có một cái sân nhỏ ở đầu sàn gác; về tháng bảy, con gái ra ngồi kéo sợi và con trai đến đàn hát vui chơi; sân ấy (sàn ảng) tượng trưng sự đầm ấm của gia đình.

Chừng ban chiều, không lo em đi chơi trai gái bên nào.
Giường khung cửi còn chờ anh,
Đò sang sông còn chờ anh về chèo giúp.

*

Đất nước ta có Cụ Hồ,
Cụ Hồ thương dân đất mường ta, sông bể không bằng.
Qua nghìn hoạn nạn, mới được ngày nay.

*

Anh em trong xóm trong làng, cùng nhau,
Đuổi hết trăm cái khốn, nghìn cái lo.
Chẳng để cho giặc Tây ăn hại.
Chị em chạy ra rừng, Tây khỏi hiếp,
Người trốn đi, Tây khỏi giết.
Dây chỉ xe với tơ vàng,
Trăm năm ta quyết được.

*

Họ [1] cách cửa xa nhà, dầm mưa dãi nắng.
Khát uống nước lạnh, đói ăn măng mun, măng giang.
Đêm nằm dãi sương, muỗi đốt,
Khổ không nói, đói không kêu;
Cùng nhau ở rừng xanh, quần áo rách.
Nhiều bạn chết, bỏ bạn trong mường, bỏ con thơ, vợ yêu,
Bỏ mẹ già trên nhà.
Chỉ vì một lòng thương đất, thương mường ta.
Những ai không cầm súng đánh giặc,
Hãy giúp vải, giúp bông, giúp tiền, giúp cơm, giúp lúa.

---

(1) Chỉ vào cán bộ, du kích, giao thông.

Anh em ruột thịt ta ở trong rừng!
Những ai không có của thì có lời thăm hỏi...

*

Bây giờ đất sắp yên,
Thuyền sắp trở lại.
Tôi là phụ nữ đất Việt Nam
Tha hồ ăn sung ở sướng.
Dưới sàn tha hồ nuôi gà, nuôi lợn...

4. CA DAO MÈO

Cái tết này ăn hết rồi...
Bọn chúng nó có ruộng,
Bọn chúng nó thắp đèn.
Người Mèo không có ruộng,
Người Mèo không còn Tết nào ăn!
Cái Tết này ăn hết rồi...
Bọn chúng nó có ruộng,
Bọn chúng nó đi buôn.
Người Mèo không có ruộng,
Tết này xong,
Người Mèo đi phát nương mới có ăn.

*

Người không phải người,
Ma không phải ma.
Hai con mắt trắng đơ đơ,
Hôi như con dê,
Không lúc nào biết xấu hổ;
Hiếp đàn bà,
Ăn của dân nhiều lắm [1].

*

(1) Bài này chỉ vào giặc Pháp.

Thằng Tây bụng không tốt,
Chính phủ còn chưa đến cứu nhân dân ta,
Bây giờ chính phủ đã đến,
Chính phủ bảo tất cả nhân dân ta:
Một lòng đi đánh Tây cho chúng chết hết.
Đàn bà lòng tốt, đàn ông mới đi.
Đàn bà nhanh nhẹn, đàn ông mới đi.

*

Một lòng đánh Tây cho chết hết...
Ta mới sung sướng làm ruộng, làm nương,
Ở yên mà mua, mà bán...

*

Tay em biết cầm kim khâu áo.
Anh yêu em,
Em yêu anh...
Em không có lòng thì thôi!
Có lòng thì về, ta ở với nhau một đêm...
Tay em biết xe sợi chỉ đen,
Em không có lòng thì thôi!
Có lòng thì về, ta ở với nhau một ngày...
Bố mẹ anh như cái vườn hoang,
Muốn lấy em về mà đồng tiền không có.
Bố mẹ anh như cái vườn rào cây nứa,
Anh muốn lấy em, bố mẹ không có tiền cho.

5. DÂN CA VÂN KIỀU [1]

Khi gan mật đã ưng nhau,
Bởi cho nhau ăn miếng cơm trong tớp [2]
Khi lòng dạ đã thương,
Cởi áo đưa cho nhau mặc.
Vì sao ta chưa thấy mặt nhau ?
Suối to ta cũng lội,
Mưa lớn ta cũng tìm,
Dù lội lầy, ướt át, mưa tuôn;
Lòng đã ưng, ruột gan mình cũng muốn,
Ta tìm nhau cho thoả nỗi lòng.

Dù nằm trên cát ướt,
Dù ngã dưới cát lầy:
Phải tới gặp được nhau,
Phải nhìn cho tường mặt.
Dù Kinh dù Thượng đâu có gì khác,
Dù Thượng dù Kinh cũng chỉ một nhà.
Nhà ta xa, bản ta xa,
Ta chung một mặt trời.

---

(1). Tình ca của dân tộc Vân Kiều gọi là O – oát. Nam nữ thanh niên hát để tỏ tình với nhau, hát có đệm kèn pi (kèn bằng ống sậy).
(2). Giỏ đựng cơm.

Nhà ta xa, bản ta xa,
Ta chung một mặt trăng.
Ta kéo làng ta đi ở một vùng.
Ta kéo nhà ta đi ở một chòm.
Đừng cho rú cách xa rừng.
Đừng cho lại xa dòng nước lớn.
Thượng và Kinh ta ưa gặp lại,
Cùng nhau một dạ một lòng,
Rủ nhau, dựng nhà, nhà đã dựng xong,
Rủ nhau làm rẫy, rẫy lên xanh tốt.

Nhà cách nhà muốn cho gần lại,
Bản cách nhau ta muốn nối liền.
Khe chảy xa muốn nối lại cửa này,
Trâu khác bãi, muốn ăn cùng một bãi.
Cây khác rừng muốn cho hợp lại.
Cây khác đèo muốn cho mọc một rừng xanh.

Trai:

Khi đi đường xa,
Gặp em đây hay lời hay lẽ,
Hỏi em làm vợ, em có ưng không?

Gái:

Em xa chàng,
Như vàng xa lửa,
Quả tim em rắn thành hòn đá.
Giọt máu em thành giọt sương.
Chừ đây gặp gỡ bên đường.
Mật gan em quyện lấy chàng, chàng ơi!

Trai:

Trước chào sau thăm,
Một bên chữ nghĩa văn chương.

Vua quan cũng lắm, bạc vàng cũng đông.
Một bên dốt nát tay không.
Hỏi em như vậy, em ưng ngả nào ?

Gái:

Trông thấp rồi lại trông cao,
Đất kia tuy rộng, biển nào có thua.
Dù bên có mấy đời vua,
Dù bên ba họ rách xơ em cũng tìm.
Không sum họp, nhà to cũng dột,
Có sum họp, nhà nhỏ cũng lành.

(Trúc Cương sưu tầm và phỏng dịch).

6. DÂN CA Ê ĐÊ

Anh đến từ nơi xa
Anh mang theo chi mơ - linh [1] từ nhà,
Chim mơ - lang [2] từ buôn;
Anh nghĩ rằng em là con gái chưa tơ vương,
Anh con trai xinh trong trắng,
Đẹp cánh tay, thuận nói thuận cười.
Bắp vế muốn vắt ngang bắp đùi đặt chéo,
Môi miệng muốn đến ăn miếng thuốc lá trầu,
Thang úp muốn lật ngửa [3]
Tâm cửa muốn đóng mở,
Em là con gái xinh ít miệng [4]
Vòng muốn đến làm quen, hạt cườm muốn ướm,
Áo quần cũng muốn mặc
Em đừng nên nũng nịu,
Em chớ có làm eo,
Em chớ lắc đầu như thế !
Anh con trai không đẹp chuyện chít khăn, đóng khố.
Không xứng nói cười được với em sao?

---

(1). Mơ linh: một loại chim to, lông đen, phía dưới cánh trắng.
(2). Mơ lang: một loại chim to, lông màu nâu.
(3). Lật thang để bước lên sàn, mở cửa để vào.
(4). ít miệng: thuỳ mị, kín đáo.

Vướng dây để anh theo đi cắt,
Vướng gốc đi chặt,
Vướng cây đa nhà trời để anh cùng đi gỗ,
Vướng cây cọ để anh theo đi chẻ,
Vướng cây cau để anh cắt làm đôi.
Tốt hơn là em nói ở đây,
Ta đi một hàng, ta chạy một đường,
Tê giác và voi đi đến nơi hò hẹn.

(Nhật Lai sưu tầm, Trúc Cương dịch)

Bởi đuổi chim kén nên gãy cây đinh pi [1]
Bởi đuổi chim cu nên gãy cây đinh kơ bia [2]
Anh với em lìa xa nhau đó,
Bởi cây đinh buốt [3] lìa cây đinh pi người Mơ Nông.
Em nghe tiếng đinh pi xao xuyến buồn thương.
Nghe lời đinh buốt khóc,
Khi em đi đường rẫy nương tai nghe lòng nhớ...
Em ngủ đêm qua, em chiêm bao nghe tiếng đinh năm. [4]
Em ngủ đêm nay, chiêm bao thấy điệu kèn ki pá [5].
Nếu trời làm anh với em lìa nhau đó,
Giống như ngựa đứt cương,
- Đàn ông với đàn bà chẳng lìa bỏ được nhau !
Em ngủ đêm nay em chiêm bao thấy,

---

(1). Đinh – pi: sáo bầu một ống.
(2). Đinh kơ bia: sáo dọc một ống.
(3). Một loại nhạc cụ gồm hai ống nứa, dùng hai tay đập gần miệng ống để phát thành tiếng.
(4). Một loại kèn bè làm bằng nhiều ống trúc ghép lại, gắn liền với một trái bầu khô bằng nhựa.
(5). Kèn ki pá: một loại kèn làm bằng sừng trâu, tiếng nghe trầm và rợn.

Cột với rui một gốc,
Suốt với rui một ngọn nối đầu nhau.
Em chẳng nhớ ai đâu,
Anh với em làm rẫy trong rừng rậm phía tây làng.
Ơ pơ rã [1] yêu thương, tay anh cầm ống đinh pi !
Nếu anh cầm kèn ki pá,
Nếu anh đeo thêm nữa, miếng vỏ lá trầu...
Càng như thế đó hỡi anh,
Em không yên lòng đâu mà ăn uống !
(Y Yung sưu tầm, Vĩnh Phân, Trúc Cương dịch)
Gặp nhau khóc trên non em đứt lòng vì nhớ,
Anh nói cũng không chán,
Nói cười cũng không chán,
Anh ở trong rừng chỉ khóc,
Cũng hai ba lần nước mắt mũi rơi,
Chim chóc chỉ khóc vì thương,
Chim mơ linh hát vì nhớ cây sáo trúc,
Anh thấy em hớn hở chỉ vì lòng anh vui,
Giống như khi em nhớ đến anh,
Anh nghe em chỉ ngồi khóc,
Anh chẳng có chuyện trò,
Em cất tiếng cười cũng không ra tiếng.
Nghe con chim tê đó chỉ vì thương,
Nghe cây sáo trúc đó chỉ vì nhớ,
Nghe tiếng em gái ngây thơ, nhỏ bé,
Khiến anh ngồi tưởng nhớ khôn nguôi.
(Nhật Lai sưu tầm, Trúc Cương dịch).

(1). Pơ rã: tiếng gọi thân yêu.

V I. KẾT LUẬN

1. TỤC NGỮ, CA DAO, DÂN CA VỚI VIỆC XÂY DỰNG NGÔN NGỮ VÀ VĂN HỌC DÂN TỘC

Tại Hội nghị cán bộ văn hóa ngày 30/10/1958, Hồ Chủ Tịch đã nói: "Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo. Nhưng quần chúng không phải chỉ sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội. Quần chúng còn là những người sáng tác nữa...

Những câu tục ngữ, những câu vè, ca dao rất hay là những sáng tác của quần chúng. Các sáng tác ấy rất hay mà lại ngắn, chứ không "tràng giang đại hải", dây cà ra dây muống... Các cán bộ văn hóa cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý... [1].

Trong kho tàng văn học Việt Nam, tục ngữ, ca dao và dân ca là những viên ngọc quý nhất. Nó quý ở chỗ trong quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ xưa đến nay, luôn luôn nó giữ vai trò quan trọng trong việc hình thành và phát triển tiếng nói của dân tộc, phản ánh sinh hoạt của nhân dân, biểu hiện những nhận xét, những ý nghĩ của nhân dân trong công cuộc đấu tranh thiên nhiên, đấu tranh xã hội, xây dựng đất nước.

---

(1). Bàn về văn hóa và văn nghệ – tr. 105

Về xây dựng ngôn ngữ dân tộc, tục ngữ, ca dao, và dân ca đã đóng vai trò quan trọng là vì ngay từ thời chưa có chữ viết, nhân dân lao động đã ca hát, rồi bài ca được truyền khẩu từ nơi này đến nơi nọ, từ thời này qua thời khác; do đó mà được phổ biến, được duy trì, đi đến chỗ thống nhất. Dưới hình thức ca hát, tiếng nói ngày một trau dồi, từ một số tiếng nói chỉ vào những cái hữu hình, cụ thể, tiếng nói đã được phát triển mãi lên, để đủ diễn tả cả những cái tế nhị, trừu tượng. Trong tục ngữ, ca dao và dân ca Việt Nam, chúng ta đã thấy câu hai chữ một, bốn chữ một, phản ánh những cái thiển cận, lời cũng phác thực, rồi trên bước phát triển của văn học, chúng ta đã có những bài mà nhạc điệu rất phong phú, chữ dùng rất tế nhị, biểu hiện những tư tưởng sâu sắc, những tình cảm thầm kín của con người.

Cũng như trong văn học nói chung, trong văn học dân gian, giữa nội dung và hình thức có sự tương quan mật thiết. Trong quá trình phát triển của xuất hiện, tư tưởng và tình cảm của con người ngày một dồi dào, đòi hỏi những tiếng trừu tượng, để biểu hiện tâm tình, ý nghĩ, và đòi hỏi cả những nhạc điệu ăn nhịp với cõi lòng dào dạt của mình.

Trong văn học dân tộc, văn học dân gian là thứ văn học ra đời sớm nhất. Cũng như người ông, người cha trong gia đình, văn học truyền miệng có rất nhiều kinh nghiệm để phổ biến cho con cháu, cho những thứ văn học ra đời sau trên những bước trưởng thành. Cho nên những thơ văn quốc âm thành văn có tính chất dân tộc nhất, có truyền thống dân tộc nhất đều đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của tục ngữ, ca dao và dân ca.

Điều đặc biệt mà chúng ta nhận thấy là nhân dân ta rất hay ví von, ca hát. Làm được bài ca, bài thơ, dù là bình thường cũng là một việc khó, nhưng đối với nhân dân ta thì nhiều người có thể ứng khẩu thành lời ca. Lẽ tự nhiên, những câu ca dao hay nhất mà nhân dân ta thường ca hát là do một vài người xướng lên, rồi được tập thể xây

dựng, đời nọ qua đời kia, lại được sửa chữa, thêm thắt, nhưng ứng khẩu ngay được những câu vần vè thanh thoát là nhờ âm thanh, nhạc điệu của tiếng Việt rất phong phú. Âm thanh tiếng ta phong phú là do tiếng nói của ta nhiều thanh kép: tiếng nào là thanh bằng thì vẫn được giữ y nguyên, còn tiếng nào thanh trắc thì tiếng đối là thanh bằng. Thí dụ: xanh xanh, vàng vàng, đo đỏ, tim tím. Lại có những tiếng ghép, như: lảng vảng, xao xác, nỉ non, lẳng lơ, bì bõm, lập cập, thiu thiu, thủ thỉ và những tiếng: chập chà chập chờn, khúc kha khúc khích, lôi thôi lếch thếch,.v.v... đều là những tiếng không những đẹp về âm thanh mà còn giàu cả về ý nghĩa và hình tượng. Tục ngữ dân ca của ta có nhiều tiếng như vậy, nên Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Trần Tế Xương và nhiều nhà thơ khác đã học tập được những cái tế nhị về ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật của văn học dân gian.

Tục ngữ, ca dao và dân ca của ta có những câu bốn chữ, sáu chữ, bảy chữ, tám chữ, hay có những câu dài hơn, đều rất phong phú về cách gieo vần, nên nó đã làm "khuôn vàng thước ngọc" cho nhiều thi nhân trong sáng tác. Về hình thức, tục ngữ, ca dao và dân ca Việt Nam có những đặc tính như thế; còn về nội dung, so với toàn thể văn học của ta, những loại hình dân gian này đã phản ánh nhiều hơn cả tình hình sản xuất, tình hình sinh hoạt của nhân dân lao động Việt Nam, nói lên nhiều hơn cả những đặc tính của dân tộc, như chịu đựng gian khổ, bền bỉ và dũng cảm trong chiến đấu, yêu lao động, yêu tự do, có tình thần bất khuất, có những mối tình đằm thắm, lành mạnh giữa nam nữ, những mối tình thắm thiết đối với nhà, với nước.

Nếu ví bài ca trường thiên của ta như một toà nhà lộng lẫy thì những câu tục ngữ, ca dao là những nền móng của toà nhà ấy. Muốn nghiên cứu một điệu hát cổ, một điệu hát riêng biệt của một nghề, của một phương, chúng ta không thể nào không hiểu thấu đáo tục ngữ ca dao của ta mà lại có thể nghiên cứu thấu đáo những điệu hát kia được. Vì, hát quan họ, hát trống quân, ca lý, hát xẩm, hát chèo đò, hát phường vải, hát ru em... đều được xây dựng với những ngôn

ngữ, hình tượng nghệ thuật của ca dao, với những nội dung tư tưởng và tình cảm biểu hiện trong ca dao.

Lý giao duyên mà muốn xây dựng được với những lời ca óng chuốt, với những tình ý mặn nồng, lành mạnh, mà không dựa vào những ca dao nói về tình yêu nam nữ thì không sao nói lên được tính tình của đại đa số thanh niên nam nữ Việt Nam, của những người lao động và sản xuất hăng say nhất. Những lời của một vai hề trong một vở chèo mà không dựa vào những câu tục ngữ, ca dao có tính chất đả kích thói hư tật xấu của xã hội xưa, đả kích giai cấp bóc lột, thì những cau trào lộng, châm biếm sẽ nông cạn và lạc lõng. Cho nên dù là nghiên cứu vốn cũ dân tộc, hay muốn xây dựng những tác phẩm nghệ thuật có tính dân tộc và tính nhân dân, chúng ta bắt buộc phải hiểu biết một phần nào về tục ngữ, ca dao và dân ca.

Từ Cách mạng Tháng Tám đến nay, văn học dân gian ngày một phát triển mạnh mẽ, mà trong đó nhiều nhất là ca dao và các điệu dân ca. Lẽ tự nhiên trong số những bài mới, có nhiều bài so với những bài cũ, kém cả về nội dung lẫn hình thức, nhưng rồi với thời gian, nó sẽ bị đào thải và sẽ chỉ còn lại những bài mới có tính dân tộc và tính nhân dân, phản ánh thực tế Việt Nam một cách trung thực và biết sử dụng những phần ưu tú nhất của ngôn ngữ dân tộc. Những tục ngữ, ca dao và dân ca truyền thống của ta, trong đời sống của chúng, cũng đã theo quy luật ấy.

2. PHÁT HUY NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG CỦA CA DAO XƯA TRONG SÁNG TÁC MỚI

Về ca dao cũng như về văn học nói chung, nội dung là hồn của tác phẩm, còn hình thức nghệ thuật là da, là thịt của tác phẩm. Nội dung lành mạnh của một bài ca dao đòi hỏi nghệ thuật cũng phải cao đẹp tương xứng thì bài ca dao mới được coi là bài hay.

Bây giờ chúng ta thấy nhiều ca dao mới đều kể sự việc, cuối cùng tác giả kết thúc bằng một vài cảm nghĩ của mình hoặc về sản xuất, hoặc về chiến đấu. Lẽ tự nhiên bây giờ đời sống của nhân dân Việt Nam đã khác xưa; ý nghĩ tình cảm của nội dung cũng đã khác thì nghệ thuật biểu hiện về mặt văn học không thể nào lại như xưa được. Nhưng cái khác xưa ấy, theo tôi nghĩ, phải vừa là kết tinh của bốn nghìn năm văn hoá văn nghệ dân tộc, vừa là cái mới được sáng tạo dưới chế độ mới, thì mới đáng là cao đẹp trong thời đại chúng ta.

Nội dung chủ yếu của ca dao Việt Nam là trữ tình. Trong cuộc tiếp xúc với thiên nhiên, trong đời sống gia đình và xã hội, trong công cuộc bảo vệ đất nước chống ngoại xâm, nhân dân Việt Nam đã dùng ca dao, một loại thơ riêng biệt, để thể hiện ý kiến, tư tưởng và tình cảm của mình. Thật vậy, nếu muốn hiểu biết tình cảm tư tưởng của nhân dân Việt Nam xem thấm thiết, sâu sắc đến mức độ nào, rung động nhiều hơn cả về những khía cạnh nào của cuộc đời thì không thể nào không đọc ca dao Việt Nam.

Văn học là sự biểu hiện bằng hình tượng. Sáng tác ca dao mà ít dùng hình tượng thì không sao tránh khỏi khô khan.

Ca dao trữ tình của ta đầy hình tượng rất đẹp; nói về tình yêu sôi nổi, mặn nồng:

Đôi ta như lửa mới nhen,
Như trăng mới mọc, như đèn mới khêu.

Mong chờ cũng độc đáo, thiết tha:

Rượu nằm trong nhạo chờ nem,
Anh nằm phòng vắng chờ em một mình.

Về tình nghĩa vợ chồng thì dằm thắm, tự hào:

Đôi ta làm tấm hoa nhài,
Chồng đây vợ đấy kém ai trên đời...

Cho đến lao động sản xuất, ca dao xưa cũng sử dụng những hình tượng rất dân tộc, vừa chống mê tín, vừa trào lộng:

Lập thu mới cấy lúa mùa,
Khác nào hương khói lên chùa cầu con!

Và về kinh nghiệm cấy cày, cũng kết hợp được với quan hệ nam nữ:

Mạ úa, cấy lúa chóng xanh,
Nạ dòng mắn đẻ, sao anh hững hờ ?

Khi đả kích giai cấp phong kiến thống trị, ca dao xưa nêu lên những sự việc độc đáo và điển hình. Ví dụ:

Tậu voi chung với đức ông,
Vừa phải đánh cồng, vừa phải hót phân.

Đây là một việc cụ thể với những nhân vật cụ thể thời phong kiến, được đưa lên thành hình ảnh vừa có tính cụ thể vừa có tính khái quát. Nó khái quát ở như cái điều mà ai cũng nhận thấy là đúng: nghèo khó mà chung đụng với giàu sang thì kẻ giàu sang bao giờ cũng tranh mất phần hơn, còn người nghèo phải chịu phần thiệt.

Cách đây gần hai trăm năm, Nguyễn Huệ đem quân từ Nam ra Bắc đánh giặc ngoại xâm, khi đại quân qua Thanh Hoá, nhân dân đã sáng tác những câu ca dao sinh động và gợi cảm:

Thùng thùng trống đánh quân sang,
Chợ Già trước mặt, quán Nam bên đàng,
Qua Chiêng thì rẽ về Giàng,
Qua quán Đông Thổ về làng Đinh Hương.
Anh đi theo chúa Tây Sơn,
Em về cày cuốc mà thương mẹ già...

Chỉ hai câu cuối đủ nói lên nhiệm vụ người chồng và người vợ trong tình hình nước có nạn ngoại xâm, còn những câu miêu tả cái cảnh tưng bừng nhộn nhịp trong khi đại quân Nguyễn Huệ đi qua và sự hưởng ứng của nhân dân, người người đều đi tòng quân giết giặc.

Trong kháng chiến chống Pháp, lòng yêu nước và căm thù giặc ngoại xâm của nhân dân ta được phát huy, người phụ nữ thấy chồng mình được là "lính Cụ Hồ" thì rất tự hào, cam đoan một lòng chung

thuỷ đợi chờ với mớ tóc xanh và tấm lòng son. Hãy đọc mấy câu ca dao của Dương Tử Giang:

Anh đi gìn giữ nước non,
Tóc xanh em đợi, lòng son em chờ.
Anh ra đi lính Cụ Hồ,
Con sông, con hói, con đò đưa anh.

Không những em tiễn đưa anh với tấm lòng đằm thắm của người vợ, mà con sông, con hói, con đò cũng đưa anh với tất cả tình sông nước.

Đây nữa là một nữ du kích đưa bộ đội qua sông, được Bàng Sĩ Nguyên miêu tả trong mấy câu ca dao thắm tình quân dân:

Còn đò trong bãi nằm dài,
Em là du kích đợi hoài các anh.
Quân về mình biếc lá xanh,
Ngậm tăm lựa bóng trăng thanh xuống đò.

Trong thơ có hoạ thì bài ca dao trên đây rõ ràng là như vẽ.

Mấy bài ca dao trên đây (ca dao thời phong kiến và ca dao thời kháng chiến chống Pháp), không những nội dung lành mạnh, mà hình thức nghệ thuật đều mang tính truyền thống của ca dao xưa: các lối tự sự, so sánh, đối đáp đều xen nhau.

Phát huy truyền thống nghệ thuật của ca dao xưa là phát huy nghệ thuật tốt đẹp nhất phù hợp với tư tưởng tình cảm của con người Việt Nam mới, chứ không phải bất kỳ cái áo xưa nào ngày nay chúng ta cũng cứ để nguyên mà mặc được. ở đây đòi hỏi trí sáng tạo của người sáng tác. Xưa kia, ngoại cảnh, ngoại vật là cây đa, bến nước, bờ giếng, sân đình, ngõ trúc, dặm liễu, bụi tre, con cò, cày cuốc, gầu giai, gầu sòng... tóm lại tất cả một nông thôn Việt Nam thời phong kiến với những thứ do nền kinh tế nông nghiệp cũ đẻ ra. Bây giờ, chiến thắng đã về ta, đất nước đã thống nhất, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội từ Bắc vào Nam đã đem lại không biết bao nhiêu là cái mới, nên hình tượng nghệ thuật của ca dao không thể

đóng khuôn mẫu như xưa được, cho nên trên cơ sở những vốn cũ tốt đẹp, ta phải xây dựng những cái mới như thế nào, những cái phù hợp với cuộc sống mới, lại vừa giữ được tính chất Việt Nam.

Người ta nhận thấy hiện nay trong sáng tác ca dao, tác giả thường dễ dàng với mình quá, đã ít sử dụng biện pháp nghệ thuật truyền thống, lại cũng chưa sáng tạo được những biện pháp mới để thay thế, cho nên nhiều bài tuy nội dung tốt, nhưng không có sức hấp dẫn, không truyền cảm được cho người đọc, chưa làm cho người ta phải nhớ lấy mà ngâm nga.

Tuy vậy, cũng có một số bài đáng chú ý. Đề cao việc sản xuất, gây cho nhân dân niềm tự hào về thành quả lao động, như thu hoạch bông chẳng hạn, Ngô Văn Phú đã sáng tác những câu ca dao như sau:

Trên trời mây trắng như bông,
Ở giữa cánh đồng, bông trắng như mây.
Mấy cô má đỏ hây hây,
Đội bông như thể đội mây về làng.

Màu sắc đẹp như tranh vẽ. Những cô gái hái bông có khác nào những nàng tiên đội một vật gì quý về động của mình. ở đây, văn học có thể phục vụ nghệ thuật múa được. Chúng ta đã thấy biểu diễn điệu múa "hái chè bắt bướm", thì với hình tượng rất đẹp trên đây của bài ca dao, tôi thiết nghĩ các nghệ sĩ của ta cũng có thể xây dựng được điệu múa "hái bông".

Trong thời gian nhân dân cả nước ta quyết tâm đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, giữ gìn đất nước thân yêu thì thiên nhiên hình như cũng thông cảm với người: núi thì như bốc lửa ngùn ngụt, đầm thì như nổi sóng cuồn cuộn để hợp sức với người tiêu diệt quân giặc. Lấy câu ca dao xưa làm mào đầu cũng có thể coi như câu hứng – bài ca dao sau đây của Lộc Niên ở Miền Nam không những nói lên được thiên nhiên hùng vĩ của ta, mà còn gây cho người đọc lòng yêu quê hương đất nước và lòng căm thù những quân cướp nước và bán nước:

"Lẻ loi như cụm núi Sầm,
Thản nhiên như mặt nước đầm Ô Loan [1]
Từ ngày giặc Mỹ kéo sang,
Núi Sầm lửa dậy, Ô Loan sóng trào.
Quê mình tay súng tay dao,
Đầm sâu làm huyệt, núi cao làm mồ.
Vùi thây Mỹ ngụy côn đồ,
Chôn mưu thâm độc, diệt trò gian ngoan.
Chừng nào Mỹ bại, ngụy tan,
Núi Sầm tươi mát, Ô Loan êm đềm...

Trong khi giặc Mỹ thua đậm hết trận này đến trận khác, quân ngụy mất tinh thần, có hàng vạn lính cộng hoà đã trở về với nhân dân.

Ca dao xưa có câu về nội dung bị ảnh hưởng tư tưởng phong kiến:

Chim khôn đậu nóc nhà quan,
Trai khôn tìm vợ, gái ngoan tìm chồng.

Thì nay, với nội dung mới ở miền Nam đã xuất hiện những câu ca dao ngụy vận làm theo truyền thống nghệ thuật của ca dao xưa, như câu ca dao sau đây:

Chim khôn chưa bắn đã bay,
Người khôn sớm thấy đường ngay trở về.

Xưa có câu đố về cái máng nước:

Một lòng vì nước vì nhà,
Người mà chẳng biết, trời đà biết cho.

Nước ở đây có hai nghĩa: nước là nước mưa, và nước là Tổ Quốc. Câu ca dao sau đây cũng sử dụng hai nghĩa: nước sông và Tổ

(1). Ca dao xưa

quốc, để kêu gọi ngụy binh:

Nước nguồn rồi đổ về sông,
Anh còn nhớ nước, nước không phụ tình.

Mấy bài ca dao chống Mỹ cứu nước tôi trích dẫn trên đây là những bài ca đã tiếp thu truyền thống tốt đẹp về nghệ thuật của ca dao xưa, còn tuyệt đại đa số ca dao chống Mỹ cứu nước đều dùng lối tự sự, kể sự việc một cách chân chất. Nội dung mỗi bài ca dao là một mẩu chuyện được ghi lại. Nhiều tác giả đã cố gắng xây dựng cho câu chuyện có tình tiết, có màu mè. Những câu chuyện dí dỏm, trào lộng, ngẫu nhiên, bất ngờ trong cuộc sống sản xuất và chiến đấu đều được sử dụng triệt để. Thí dụ bài ca dao của Phạm Viết Tân sau đây đưa ra một câu chuyện có tình tiết dí dỏm, kế thừa truyền thống của ca dao và cả truyện cổ dân gian:

Sáng nay cày vỡ đồng bông,
Vợ làm đội trưởng điều chồng theo trâu.
Anh liền nheo mắt gật đầu:
"Lệnh bà đội trưởng, tôi dâu lơ là!"
Đêm về diễn tập tuần tra,
Chồng trung đội trưởng, vợ là đội viên.
Nhìn chồng, vợ mới cười duyên:
"Thưa ông trung đội, đội viên sẵn sàng!".
Giải lao dưới gốc cây bàng,
Canh khuya, trăng toả ánh vàng lung linh.
Nhỏ to chồng khẽ tâm tình,
"Gớm! Đùa một tý mà mình nhớ dai!"

Trong cuộc thi ca dao năm 1961 của báo Văn học, có bài ca dao của Nguyễn Minh Thế được giải thưởng:

Anh về công tác xã nhà,
Hỏi ông chủ tịch bây giờ là ai ?
Hỏi em, em chỉ mỉm cười...
- Việc cần phải gặp, em ơi, chớ đùa !

Ửng hồng đôi má em thưa
- "Ông" chủ tịch xã bây giờ... là em!"

Bài ca dao theo lối tự sự và lối đối đáp trên đây quả là hay. Hai câu cuối bất ngờ và duyên dáng.

Trên ba mươi năm nay, thơ có rất nhiều chuyển biến. Ca dao là một loại thơ riêng biệt của nhân dân, tất nhiên cũng phải có sự đổi thay. Nhưng đổi thay gì đi nữa thì phong cách của nó – tức nội dung và hình thức nghệ thuật – vẫn phải kế thừa một phần nào truyền thống dân gian. Ca dao mới của ta bây giờ chỉ chú trọng về nội dung, còn về ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật thì ít người chú ý. Phát huy truyền thống tốt đẹp của ca dao xưa là tiếp thu những khía cạnh tốt nhất trong nội dung tư tưởng và tình của của ca dao xưa và những nét, những điểm đẹp nhất của nghệ thuật cấu tạo ca dao xưa, phù hợp với cuộc sống sản xuất và xây dựng thời nay. Trong một tác phẩm văn học, nội dung và hình thức nghệ thuật gắn bó mật thiết với nhau. Chúng ta cương quyết chống chủ nghĩa hình thức tư sản, chống chủ nghĩa nghệ thuật vị nghệ thuật, nhưng chúng ta không coi thường nghệ thuật, vì nghệ thuật có đảm bảo mới phục vụ nội dung được tốt. Ca dao chống Mỹ cứu nước có nội dung tương đối tốt, nhưng rất nhiều bài còn nghèo về nghệ thuật. Muốn phản ánh tốt hiện thực Việt Nam vô cùng phong phú, người làm ca dao cần luôn quan sát những hiện thực của cuộc sống, tìm tòi cho thấy phương hướng phát huy nghệ thuật truyền thống của ca dao xưa trong sáng tác ca dao mới.

Vũ Ngọc Phan

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 5

I. TỤC NGỮ CA DAO DÂN CA VIỆT NAM 11

A- Có thể tìm xem tục ngữ ca dao dân ca của ta xuất hiện vào những thời kỳ nhất định nào không? 13

B- Những "ca dao lịch sử" thực chất nó như thế nào? 16

C- Thế nào là tục ngữ, ca dao và dân ca?

-Khái niệm về tục ngữ, thành ngữ, ca dao và dân ca.. 27

1. Nội dung và hình thức của tục ngữ và cao dao 27
2. Cao dao và dân ca 29

D- Nội dung và hình thức của tục ngữ và ca dao 33

1. Nội dung của tục ngữ 33
2. Hình thức của tục ngữ 34
3. Nội dung của ca dao 38
   a. Tình yêu của nhân dân Việt Nam trong ca dao. 38
   b. Ý thức lao động và sản xuất của nhân dân Việt Nam trong ca dao và dân ca. 42
   c. Tính chất nhân đạo chủ nghĩa của ca dao và dân ca 44
4. Hình thức nghệ thuật của ca dao 45
5. Mấy thể cổ điển của ca dao 50

Đ- Một đặc điểm trong nhận thức của nhân dân Việt Nam về cuộc đời. Đời người với đời con cò và con bống. 59

E- Về trụ, con người và xã hội 67
G- Những cái giàu đẹp của đất nước. Những cái đặc biệt của từng miền 114
H- Ảnh hưởng qua lại giữa tục ngữ, ca dao và văn học thành văn. 134
I- Những hạn chế về mặt tư tưởng của người nông dân biểu hiện trong tục ngữ, ca dao 143

II. QUAN HỆ THIÊN NHIÊN 149
1. Thời tiết và lao động sản xuất 159
2. Kinh nghiệm sản xuất và chăn nuôi 169

III. QUAN HỆ XÃ HỘI 179
1. Tình yêu nam nữ 181
2. Hôn nhân và gia đình 252
-Hôn nhân 256
-Vợ, chồng 286
a. Tình cảnh người phụ nữ lấy phải chồng không ra gì. 286
b. Cảnh lấy chồng nghèo 292
c. Cảnh lấy phải vợ không ra gì 294
d. Về tình nghĩa vợ chồng và tình yêu của phụ nữ đối với chồng. 297
đ. Những câu ca dao có tính chất trào lộng về chuyện vợ chồng 305
-Chế độ đa thê và cảnh goá bụa 309
-Cha mẹ, con cái và họ hàng 319
-Mẹ chồng, nàng dâu 331
3. Đối với giai cấp phong kiến 336
a. Nỗi khổ cực của nông dân 345
b. Cách sống nhàn hạ, xa hoa và tội ác của địa chủ 356

c. Những mâu thuẫn trong sinh hoạt giữa nông dân và địa chủ 359
d. Những nhận định của nhân dân về bọn quan nha 362
đ. Những nhận định của nhân dân về nội chiến 367
4. Đối với thực dân đế quốc xâm lược và những kẻ làm tay sai. 373
a. Về thời Cầu vương 376
b. Cảnh khổ cực của nhân dân trong thời Pháp thuộc 381
c. Cảnh khổ cực của nhân dân trong thời Pháp- Nhật thuộc 385
5. Ca dao kháng chiến chống Pháp 387
a. Chiến đấu, lập công 391
b. Quân dân đối với Hồ Chủ tịch 394
c . Tình quân dân 397
d. Phát triển và bảo vệ sản xuất phục vụ 400
đ. Thuế nông nghiệp 407
e. Giao vận 410
g. Bình dân học vụ 411

IV. DÂN CA 413
1. Hát trống quân 420
2. Hát xẩm 432
3. Hát quan họ Bắc Ninh 439
4. Hát giặm Nghệ Tĩnh 450
5. Hát ví Nghệ Tĩnh 456
6. Hát dân chài 470
7. Ca Huế 477
8. Hò Huế 485
9. Dân ca miền Nam Trung bộ 490
10. Dân ca Nam bộ 499
11. Vè 503

12. hát ru em 532
13. Hát vui chơi 537

V. TỤC NGỮ CA DAO CỦA ĐỒNG BÀO MIỀN NÚI 551
1. Tục ngữ ca dao Thái 557
2. Tục ngữ ca dao Tày 565
3. Ca dao Mường 569
4. Ca dao Mèo 573
5. Dân ca vân Kiều 575
6. Dân ca Ê đê 578

VI. KẾT LUẬN
1. Tục ngữ, ca dao, dân ca với việc xây dựng ngôn ngữ và văn học dân tộc 581
2. Phát huy nghệ thuật truyền thống của ca dao xưa trong sáng tác mới 584

TỤC NGỮ CA DAO
DÂN CA VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN VĂN CỪ
Biên tập: ANH VŨ
Trình bày: QUỐC ANH
Sửa bản in: MINH HƯƠNG

In 700 cuốn khổ 14.5 x 20.5. Tại XN in Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. Giấy phép xuất bản số: 55/54 của Cục xuất bản cấp ngày 17/01/2005
In xong và nộp lưu chiểu Quý II/2005.

TỤC NGỮ CA DAO, DÂN CA VIỆT NAM

GIÁ: 65